

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Pháp Sư Thích Từ Thông

---o0o---

MỤC LỤC

TẬP 01

Lời nói đầu

Chương thứ 1

- Đề kinh
- Nhơn duyên và thời điểm Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm

Chương thứ 2

- Tâm là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn và cũng là căn bản của luân chuyển sanh tử
- Ông A Nan cho rằng tâm ở trong thân
- Ông A Nan cho rằng tâm ở ngoài thân
- Ông A Nan cho rằng tâm núp sau con mắt
- Ông A Nan cho rằng nhắm mắt thấy tối là tâm ở trong thân
- Ông A Nan cho rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó
- Ông A Nan cho rằng tâm ở chạng giữa
- Ông A Nan cho rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu cả

- Luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa giới tai bay. Bồ Đề Niết Bàn không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng.
- Lại gạn hỏi cái tâm
- Tâm thì phải có thể tánh, không thể tánh không phải là tâm
- Cái tánh thấy của mắt chỉ là hiện lượng
- Gạn hỏi nghĩa khác trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng diệt sanh. Ví dụ chủ và hư không để khai thị bản thể chơn tâm thường trú

Chương thứ 3

- Trong thân thể vô thường sanh diệt còn có cái thường bất sanh bất diệt
- Rằng ngược xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan, một ý thức chấp mắc
- Lựa bỏ tâm vương víu cảnh duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về
- Vật là đối tượng phân biệt của tâm. Tâm biểu hiện qua tánh thấy là chủ thể phân biệt vật
- Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối chỉ do tiền trần ngăn ngại mà thôi
- Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh bồ đề nhiệm màu sáng suốt
 - Không có cái nào là tánh thấy
 - Tất cả cái nào cũng là tánh thấy
- Bồ Tát Văn Thù cầu Phật thương xót... Phật dạy: Tánh thấy không thể đặt vấn đề: "là" hay "không là".

- Tánh thấy rời tất cả tướng, nhưng nó không ngoài tất cả Pháp. Giáo lý như duyên vẫn chưa là đệ nhất nghĩa. Thuyết tự nhiên là một nhận thức sai lầm chơn lý vũ trụ.
- Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình.
- Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và không hòa hợp
- Bốn khoa bảy đại vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng
- Năm ấm là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng:
 - Sắc ấm
 - Thọ ấm
 - Tưởng ấm
 - Hành ấm
 - Thức ấm
- Sáu nhập là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng:
 - Nhãn nhập
 - Nhĩ nhập
 - Tỷ nhập
 - Thiệt nhập
 - Thân nhập
 - Ý nhập
- Mười hai xứ là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.
 - Sắc và kiến
 - Thanh và thính
 - Hương và khứu

Vị và thường
Xúc và thân
Pháp và ý

Chương thứ 3 (tiếp)

- Mười tám giới là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.

Nhãn thức giới
Nhĩ thức giới
Tỷ thức giới
Thiệt thức giới
Thân thức giới
Ý thức giới

- Bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.

Địa đại hoàn nguyên
Thủy đại hoàn nguyên
Hỏa đại hoàn nguyên
Phong đại hoàn nguyên
Không đại hoàn nguyên
Kiến đại hoàn nguyên
Thức đại hoàn nguyên

- Ông A Nan và đại chúng tán dương Phật, phát nguyện và trình Phật những điều tâm đắc của mình.

TẬP 02

Thay lời tựa

Chương thứ 4

Phật thuyết minh tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau; nhằm khai thị chân lý: Sắc, không, không sắc

- Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý
- Khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất
- Phật dạy rõ về ba tướng tương tục: Thế giới chúng sanh và nghiệp lực

-

hế giới tương tục

-

húng sanh tương tục

-

ghiệp quả tương tục

Tóm kết: Giác không sanh mê, thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại

- Giác không sanh mê
- Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau

Khiển trách chúng sanh bội giác hiệp trần và khai thị phương pháp bội trần hiệp giác

- Bội giác hiệp trần
- Bội trần hiệp giác

Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả tướng là tất cả pháp

- Như Lai tàng rời tất cả tướng
- Như Lai tàng là tất cả pháp

T

C

N

- Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp không có vấn đề là hay không là trong Như Lai tàng bản thể chơn như màu nhiệm.

Mê vọng không có nguyên nhân hết mê là Bồ Đề (giác)
Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết nhân duyên và tự nhiên.

Phật chỉ hai nghĩa quyết định.

- Ông A Nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn tu giải thoát.

Nghĩa quyết định thứ nhất

- Sự tác dụng của sắc tâm vô thị
- Khai thị về năm thứ ô trược
- Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chứng

Nghĩa quyết định thứ hai

- Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở gút
- Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất
- Sắc, không tác dụng lẫn nhau, phản ánh ra căn trần thành năng sở
- Vọng năng sanh sở làm hạn chế tánh giác minh.
- Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt

Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét tánh nghe của nhĩ căn là thường trú

- Ông A Nan nghi ngờ kiến văn giác tri không có tự thể
- Khai thị tánh nghe của nhĩ căn là thường trú

Chương thứ 5

Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là nhân tố của Niết bàn hiện tại.

- Ông A Nan lại hỏi vấn đề mở gút
- Khai thị chân lý vốn không hai và Phật Phật đạo đồng
- Căn trần cùng một gốc. Cột mở không hai nguồn Phật tóm lược ý thú của những đoạn kinh trên qua bài văn trùng tụng

Một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút. Mở hết sáu gút một cũng không còn.

- Nguyên do của một sáu dị đồng
- Cột gút có thứ lớp thì mở phải có trước sau

Quả vị có thấp cao, giải thoát giống nhau không khác mấy. Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng viên thông.

Phật hỏi đại chúng về nhân duyên ngộ đạo, và dữ kiện chứng đắc viên thông.

1. Do thanh trần được viên thông
2. Do sắc trần được viên thông
3. Do hương trần được viên thông
4. Do vị trần được viên thông
5. Do xúc trần được viên thông
6. Do pháp trần được viên thông
7. Do nhãn căn được viên thông
8. Do tỷ căn được viên thông
9. Do thiệt căn được viên thông
10. Do thân căn được viên thông

11. Do ý căn được viên thông
12. Do nhãn thức được viên thông
13. Do nhĩ thức được viên thông
14. Do tỷ thức được viên thông
15. Do thiệt thức được viên thông
16. Do thân thức được viên thông
17. Do ý thức được viên thông
18. Do hỏa đại được viên thông
19. Do địa đại được viên thông
20. Do thủy đại được viên thông
21. Do phong đại được viên thông
22. Do không đại được viên thông
23. Do thức đại được viên thông
24. Do kiến đại được viên thông

Chương thứ 6

Do nhĩ căn được viên thông

Bồ Tát Quán Thế Âm trần thuật pháp tu chứng của mình

- Do từ tâm Bồ Tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thân
- Do bi tâm Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu 14 đức vô úy
- Quán Thế Âm có 4 đức nhiệm màu không thể nghĩ bàn

Phật bảo Văn thù so sánh chọn căn ưu việt nhất

- So sánh sự ưu khuyết của sáu trần, năm căn, sáu thức và bảy đại

- hực điểm của sáu trần N
 - hực điểm của năm căn N
 - hực điểm của sáu thức N
 - hực điểm của bảy đại N
 - ự ưu việt của nhĩ căn S
- Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức
tánh ưu việt của nhĩ căn
- Phật khai thị về ba môn vô lậu học và bốn điều cơ bản
xuất trần**
- Ba môn vô lậu học**
Bốn điều cơ bản xuất trần
- oạn tâm dâm dục Đ
 - rừ tâm sát sanh T
 - ứt tâm thâu đạo D
 - ỏ tâm vọng ngữ B

TẬP 03
Lời nói đầu

Chương thứ 7

1. Phật khai thị về hiệu năng của Mật giáo
2. Phật tuyên nói Thủ Lăng Nghiêm tâm chú
3. Sự lợi ích của Thủ Lăng Nghiêm chú với mọi giai tầng xã hội
4. Hỏi về cấp bậc và địa vị trên đường tu chứng
5. Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp về thế giới và chúng sanh trước khi giải đáp vấn đề địa vị trên đường tu chứng.

Chương thứ 8

1. Phật dạy ba món tiệm thứ
2. Các địa vị trong tiến trình tu chứng
3. Kinh Thủ Lăng Nghiêm có nhiều tên gọi
4. Những mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật dạy bày.
5. Do những tập nhân bất thiện tự chiêu cảm các ác quả khổ đau.
6. Sáu thứ khổ báo là kết quả của bất thiện nghiệp phát xuất từ lục căn và lục thức của con người.
7. Nói về các dư báo sau khi ra khỏi địa ngục
8. Mười thứ Tiên do tu Di nhân kết thành Di quả
9. Trời Dục giới

Chương thứ 9

1. Trời Sắc giới
2. Trời Vô Sắc giới
3. Bốn loài A Tu La

4. Tu hành chỉ là một phương tiện để diệt vong qui nhờn
5. Trên bước đường tu phải cảnh giác các hiện tượng khuấy nhiễu của ma.
6. Những hiện tượng thuộc phạm vi Sắc ấm
7. Những hiện tượng thuộc phạm vi Thọ ấm
8. Những hiện tượng thuộc phạm vi Tưởng ấm

Chương thứ 10

1. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Hành ấm
2. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Thức ấm
3. Phần lưu thông

Phụ lục

QUẢ VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN của Như Lai chỉ là kết quả của quá trình đấu tranh với dục vọng và chiến thắng hoàn toàn bọn giặc cướp phiền não vô minh.

1. Muốn hiểu Niết Bàn trước hết cần điều chỉnh những quan niệm ngộ nhận về Niết bàn.
2. Hiểu đúng nghĩa Niết bàn mới tìm thấy và biết được Niết bàn.
3. Niết bàn không phải là một cảnh giới dành để cho một hạng người.

--- o0o ---

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NHẤT

TỔNG KHỞI

Đề kinh

Nhơn duyên và thời điểm Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm

--- o0o ---

ĐỀ KINH

Thủ Lăng Nghiêm, Trung Hoa dịch: Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố. Đó là tên một đại Thiên định. Hành giả thành tựu được thứ Đại Thiên định này sẽ có sức trí tuệ giác ngộ Cứu Cánh, một nghị lực Kiên Cố đối với hiện tượng vạn hữu, với Nhất Thiết Sự trên cõi đời này.

Đề kinh này nói đầy đủ thì có 19 chữ: Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Nhon, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Thủ Lăng Nghiêm là tên gọi tắt qua cái từ trọng tâm 19 chữ của đề kinh.

Đề kinh này gồm cả Nhơn, Pháp và Dụ. Đại Phật Đảnh là dụ. Như Lai Mật Nhân là nhơn, Thủ Lăng Nghiêm là Pháp vậy.

Định Thủ Lăng Nghiêm rất sâu nhiệm, dùng tâm phan duyên thường tình mà nhận thức, thì khó mà thể nhận được định

này. Ví như đem nhục nhãn nhìn Phật đánh không sao thấy được trọn vẹn.

Tất cả Như Lai trong mười phương có Bồ Đề Niết Bàn đều do thành tựu đại định Thủ Lăng Nghiêm. Định Thủ Lăng Nghiêm là cái nhân kín nhiệm của tất cả Như Lai, cho nên gọi là Như Lai mật nhân. Nói một cách khác: Thành tựu định này đồng nghĩa với thể nhập Phật tri kiến, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm.

Tu chứng định Thủ Lăng Nghiêm là tu chứng liễu nghĩa khác với kinh điển dạy tu chứng bất liễu nghĩa của Nhị thừa. Tu chứng ở đây là tu chứng đến Bảo sở, không như sự tu chứng tạm nghỉ ở Hóa thành.

Thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm cũng tức là thành tựu vạn hạnh của chư Bồ Tát. Nói ngược lại: Bồ Tát thể hiện lục độ vạn hạnh được viên mãn là khi Bồ Tát đã có định Thủ Lăng Nghiêm.

Đối tượng cứu cánh của Kinh Thủ Lăng Nghiêm là: *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh*.

Công dụng của Thủ Lăng Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao để trở về *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh* ấy.

Mục đích cứu cánh của Thủ Lăng Nghiêm là giải thoát giác ngộ đưa con người từ phàm phu đến địa vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hiểu rõ ý nghĩa của 19 chữ đề kinh là đã nắm được cái tôn chỉ then chốt của toàn bộ kinh rồi vậy.

[^]

--- o0o ---

NHƠN DUYÊN VÀ THỜI ĐIỂM PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Tạng kinh và công trình kiệt tập tạng kinh là do ông A-Nan thực hiện. A-Nan là một thị giả tận tụy luôn luôn thân cận tùy tùng Phật, cho nên được nghe tất cả kinh Phật nói trong mọi thời gian. Ông có thiên tư xuất chúng, được Phật khen là đệ nhất đa văn, ông cũng có một ký ức vượt người thường, ghi nhớ trọn vẹn lời Phật không quên sót. Bốn chữ: *Tôi Nghe Như Vậy* ở đầu mỗi bộ kinh là lời của ông A-Nan ghi theo di chúc của Phật, nhằm xác minh sự trần thuật của mình, rằng kinh này là chính ông nghe Phật nói, chứ không phải ông tự ý đặt ra.

Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm tại tịnh xá Kỳ Hoàn, trong thành Thất La Phiệt. Chúng tỳ kheo thường tùy tùng Phật có 1.250 người đều là bậc vô lậu đại A-La-Hán. Đứng đầu trong chúng có các ông Đại Trí Xá Lợi Phật, Đại Mục Kiền Liên, Đại Câu Si La, Phú Lô Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề và ông Ưu Ba Ly. Ngoài ra còn có hàng Bích Chi Phật, Vô Học và những hàng sơ tâm đồng đến chỗ Phật rất đông.

Bảy giờ vào những ngày mãn hạ và tự tứ của chúng tăng, vì vậy Bồ Tát trong mười phương cũng đến cầu Phật giải quyết những mối tâm nghi trên đường tu tập. Đứng đầu số chúng Bồ Tát là Bồ Tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.

Nhằm kết duyên với chúng sanh, làm phước điền cho tín thí, trong những ngày này Phật và đại chúng phải chia từng nhóm đi chúng trai ở các nhà thí chủ thỉnh mời. Duy có ông A-Nan đã được mời riêng, đi xa chưa về nên không kịp dự vào hàng tăng chúng.

Trên đường về một mình không có thượng tọa cùng đi, ông A-Nan thứ lớp khát thực đúng phép hóa trai, lòng những mong được một đàn việt cúng dường, không luận giàu nghèo hèn, địa vị giai cấp mà chỉ nhằm làm ruộng phước cho họ gieo hạt Bồ Đề, trồng cây Chánh giác ở tương lai. Ông không muốn rơi vào ý niệm cực đoan mà ông Đại Ca Diếp và ông Tu Bồ Đề từng bị Phật quở: Là Sa môn mà tâm không bình đẳng, còn phân biệt... Xả phú thủ bần...

Một bất trắc xảy đến không ngờ, khi ông A-Nan đi qua nhà nàng Ma-Đăng-Già, một cô gái làng chơi. Ma-Đăng-Già dùng tà chú Tiên Phạm Thiên của đạo Saticala bắt ông vào phòng riêng dụng ý lăng lợ, diễn trò má dựa vai kề, nâng niu âu yếm, làm cho ông A-Nan gần mất giới thể.

Phật biết ông A-Nan đang mắc nạn Ma-Đăng-Già đến hồi nguy cấp. Khác với mọi lần thọ trai xong ở Hoàng Cung của vua Ba Tư Nặc, Phật liền trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Sự kiện lạ

thường này làm cho vua, quan, trưởng giả và cư sĩ rất đông cùng theo Phật về tịnh xá, hy vọng được Phật dạy cho những pháp yếu mới lạ nào chăng !

Bấy giờ tướng vô kiến đánh của Phật, phát ra một vàng sáng rực rỡ không gian trong ánh sáng báu có đức Hóa Phật ngự tòa sen báu nghìn cánh, tuyên nói thần chú Thủ Lăng Nghiêm.

"Án A Na Lê. Tỳ Xá Đề. Bệ Ra Bạt Xà Ra Đà Rị. Bàn Đà Bàn Đà Nễ. Bạt Xà Ra, Bàn Ni Phấn, Hồ Hồng Độ Lô Ung Phấn, Tóa Bà Ha".

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù đem chú đó diệt trừ tà chú của Ma-Đăng-Già. Đồng thời Bồ Tát Văn Thù cũng đưa ông A-Nan và nàng Ma-Đăng-Già cùng về tịnh xá chỗ Phật ở.

... Ông A-Nan khóc lóc, trách mình: Từ vô thỉ đến nay, chỉ khuyên lo học rộng nhớ nhiều, mà đạo lực không tự cứu được mình, trong cơn vô minh bất giác... Ông tha thiết cầu xin Phật dạy cho ông pháp Chỉ, Quán và Thiền Na là những phương tiện đầu tiên mà các Như Lai tu hành thành tựu Bồ Đề, Niết Bàn của mười phương chư Phật.

Bấy giờ cùng có hằng hà sa Bồ Tát, Bích Chi, Vô Học và Đại A La Hớn, những người hữu học, đều ngồi chỗ của mình cùng yên lặng nghe lời Phật dạy.

TRỰC CHỈ

Phát tâm tu hành tìm đường giải thoát giác ngộ, văn tu tu là điều rất cần, nhưng chỉ nếu có đa văn, là một học giả thì không đủ đảm bảo an toàn khi vô minh phiền não xâm phạm.

Tà pháp tuy có nguy hiểm, nhưng rồi sẽ bị diệt vong. Chánh sẽ thắng tà. Ánh sáng sẽ quét sạch bóng tối.

*Tiên Phạm Thiên là tà chủ của đạo Saticala, diệt trừ tà huyễn, **Như Lai** dùng **Hóa Phật** của Vô thượng Chánh Biến Tri Giác nói chú Thủ Lăng Nghiêm để diệt trừ. Đây là ý nghĩa: "Dĩ huyễn Tu huyễn" "Tri huyễn tức ly" ở kinh Viên Giác, Phật dạy đồng với ý ở đoạn kinh này.*

*Ma Đăng Già biểu trưng nhiều dục vọng, nặng luyến ái đam mê. Đại Trí Văn Thù biểu trưng vô phân biệt trí, thứ trí nhìn hiện tượng vạn pháp bằng cái tướng **Như Thị** của chính nó. Đại Trí Văn Thù đem chú Thủ Lăng Nghiêm hóa giải chú Tiên Phạm Thiên của Ma Đăng Già, có nghĩa là: Tình cảm đen tối thì hãy đem lý trí rực sáng mà rọi vào. Sáng đến thì tối phải đi.*

*Ông A-Nan gần mất **giới thể**, nói lên hiện tượng bất giác vô minh chợt đến bất ngờ rất là nguy hiểm. Đại Trí Văn Thù đem chú đến hóa giải được an toàn cho ông A-Nan, điều đó có nghĩa là: Trí huệ sáng đến thì vô minh tan đi. Giác sanh thì mê diệt.*

Phật Thích Ca bất động, ngồi nơi tịnh xá Kỳ Hoàn cùng đại chúng, chờ sự chiến thắng ma quân mà không sử dụng sức lực và một thứ khí giới nào. Qua sự kiện đó, người Phật tử phải học: Muốn phá yêu thuật, đánh đuổi ma quân diệt giặc vô minh, phải sử dụng trí lực mà không dùng thể lực, phải vận dụng tâm thanh tịnh mà không thể dùng sức lực của bắp thịt chân tay để đối phó trong trường hợp này.

Do lẽ đó, nội dung kinh Thủ Lăng Nghiêm rất quan trọng ở sự nhận thức:

Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh sẵn có trong tất cả mọi người.

*Đọc học kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không lý giải, không nhận thức được vấn đề **Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh**, cũng tức là không biết được đại định Thủ Lăng Nghiêm là gì !*

Tụng kinh giả minh Phật chi lý: Học kinh cốt tìm hiểu trong đó Phật dạy những gì. Phật tử chúng ta hãy ý thức mà lưu tâm.

[^]

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NHẤT

TÔNG KHỞI

Đề kinh

Nhơn duyên và thời điểm Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm

--- o0o ---

ĐỀ KINH

Thủ Lăng Nghiêm, Trung Hoa dịch: Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố. Đó là tên một đại Thiên định. Hành giả thành tựu được thứ Đại Thiên định này sẽ có sức trí tuệ giác ngộ Cứu Cánh, một nghị lực Kiên Cố đối với hiện tượng vạn hữu, với Nhất Thiết Sự trên cõi đời này.

Đề kinh này nói đầy đủ thì có 19 chữ: Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Nhon, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Thủ Lăng Nghiêm là tên gọi tắt qua cái từ trọng tâm 19 chữ của đề kinh.

Đề kinh này gồm cả Nhơn, Pháp và Dự. Đại Phật Đảnh là dự. Như Lai Mật Nhân là nhơn, Thủ Lăng Nghiêm là Pháp vậy.

Định Thủ Lăng Nghiêm rất sâu nhiệm, dùng tâm phan duyên thường tình mà nhận thức, thì khó mà thể nhận được định

này. Ví như đem nhục nhãn nhìn Phật đánh không sao thấy được trọn vẹn.

Tất cả Như Lai trong mười phương có Bồ Đề Niết Bàn đều do thành tựu đại định Thủ Lăng Nghiêm. Định Thủ Lăng Nghiêm là cái nhân kín nhiệm của tất cả Như Lai, cho nên gọi là Như Lai mật nhân. Nói một cách khác: Thành tựu định này đồng nghĩa với thể nhập Phật tri kiến, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm.

Tu chứng định Thủ Lăng Nghiêm là tu chứng liễu nghĩa khác với kinh điển dạy tu chứng bất liễu nghĩa của Nhị thừa. Tu chứng ở đây là tu chứng đến Bảo sở, không như sự tu chứng tạm nghỉ ở Hóa thành.

Thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm cũng tức là thành tựu vạn hạnh của chư Bồ Tát. Nói ngược lại: Bồ Tát thể hiện lục độ vạn hạnh được viên mãn là khi Bồ Tát đã có định Thủ Lăng Nghiêm.

Đối tượng cứu cánh của Kinh Thủ Lăng Nghiêm là: *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh*.

Công dụng của Thủ Lăng Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao để trở về *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh* ấy.

Mục đích cứu cánh của Thủ Lăng Nghiêm là giải thoát giác ngộ đưa con người từ phàm phu đến địa vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hiểu rõ ý nghĩa của 19 chữ đề kinh là đã nắm được cái tôn chỉ then chốt của toàn bộ kinh rồi vậy.

[^]

--- o0o ---

NHƠN DUYÊN VÀ THỜI ĐIỂM PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Tạng kinh và công trình kiệt tập tạng kinh là do ông A-Nan thực hiện. A-Nan là một thị giả tận tụy luôn luôn thân cận tùy tùng Phật, cho nên được nghe tất cả kinh Phật nói trong mọi thời gian. Ông có thiên tư xuất chúng, được Phật khen là đệ nhất đa văn, ông cũng có một ký ức vượt người thường, ghi nhớ trọn vẹn lời Phật không quên sót. Bốn chữ: *Tôi Nghe Như Vậy* ở đầu mỗi bộ kinh là lời của ông A-Nan ghi theo di chúc của Phật, nhằm xác minh sự trần thuật của mình, rằng kinh này là chính ông nghe Phật nói, chứ không phải ông tự ý đặt ra.

Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm tại tịnh xá Kỳ Hoàn, trong thành Thất La Phiệt. Chúng tỳ kheo thường tùy tùng Phật có 1.250 người đều là bậc vô lậu đại A-La-Hán. Đứng đầu trong chúng có các ông Đại Trí Xá Lợi Phật, Đại Mục Kiền Liên, Đại Câu Si La, Phú Lô Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề và ông Ưu Ba Ly. Ngoài ra còn có hàng Bích Chi Phật, Vô Học và những hàng sơ tâm đồng đến chỗ Phật rất đông.

Bảy giờ vào những ngày mãn hạ và tự tứ của chúng tăng, vì vậy Bồ Tát trong mười phương cũng đến cầu Phật giải quyết những mối tâm nghi trên đường tu tập. Đứng đầu số chúng Bồ Tát là Bồ Tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.

Nhằm kết duyên với chúng sanh, làm phước điền cho tín thí, trong những ngày này Phật và đại chúng phải chia từng nhóm đi chúng trai ở các nhà thí chủ thỉnh mời. Duy có ông A-Nan đã được mời riêng, đi xa chưa về nên không kịp dự vào hàng tăng chúng.

Trên đường về một mình không có thượng tọa cùng đi, ông A-Nan thứ lớp khát thực đúng phép hóa trai, lòng những mong được một đàn việt cúng dường, không luận giàu nghèo hèn, địa vị giai cấp mà chỉ nhằm làm ruộng phước cho họ gieo hạt Bồ Đề, trồng cây Chánh giác ở tương lai. Ông không muốn rơi vào ý niệm cực đoan mà ông Đại Ca Diếp và ông Tu Bồ Đề từng bị Phật quở: Là Sa môn mà tâm không bình đẳng, còn phân biệt... Xả phú thủ bần...

Một bất trắc xảy đến không ngờ, khi ông A-Nan đi qua nhà nàng Ma-Đăng-Già, một cô gái làng chơi. Ma-Đăng-Già dùng tà chú Tiên Phạm Thiên của đạo Saticala bắt ông vào phòng riêng dụng ý lăng lợ, diễn trò má dựa vai kề, nâng niu âu yếm, làm cho ông A-Nan gần mất giới thể.

Phật biết ông A-Nan đang mắc nạn Ma-Đăng-Già đến hồi nguy cấp. Khác với mọi lần thọ trai xong ở Hoàng Cung của vua Ba Tư Nặc, Phật liền trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Sự kiện lạ

thường này làm cho vua, quan, trưởng giả và cư sĩ rất đông cùng theo Phật về tịnh xá, hy vọng được Phật dạy cho những pháp yếu mới lạ nào chăng !

Bấy giờ tướng vô kiến đánh của Phật, phát ra một vàng sáng rực rỡ không gian trong ánh sáng báu có đức Hóa Phật ngự tòa sen báu nghìn cánh, tuyên nói thần chú Thủ Lăng Nghiêm.

"Án A Na Lê. Tỳ Xá Đề. Bệ Ra Bạt Xà Ra Đà Rị. Bàn Đà Bàn Đà Nễ. Bạt Xà Ra, Bàn Ni Phấn, Hồ Hồng Độ Rô Ung Phấn, Tóa Bà Ha".

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù đem chú đó diệt trừ tà chú của Ma-Đăng-Già. Đồng thời Bồ Tát Văn Thù cũng đưa ông A-Nan và nàng Ma-Đăng-Già cùng về tịnh xá chỗ Phật ở.

... Ông A-Nan khóc lóc, trách mình: Từ vô thủy đến nay, chỉ khuyên lo học rộng nhớ nhiều, mà đạo lực không tự cứu được mình, trong cơn vô minh bất giác... Ông tha thiết cầu xin Phật dạy cho ông pháp Chỉ, Quán và Thiền Na là những phương tiện đầu tiên mà các Như Lai tu hành thành tựu Bồ Đề, Niết Bàn của mười phương chư Phật.

Bấy giờ cùng có hằng hà sa Bồ Tát, Bích Chi, Vô Học và Đại A La Hớn, những người hữu học, đều ngồi chỗ của mình cùng yên lặng nghe lời Phật dạy.

--- o0o ---

TRỰC CHỈ

Phát tâm tu hành tìm đường giải thoát giác ngộ, văn tu tu là điều rất cần, nhưng chỉ nếu có đa văn, là một học giả thì không đủ đảm bảo an toàn khi vô minh phiền não xâm phạm.

Tà pháp tuy có nguy hiểm, nhưng rồi sẽ bị diệt vong. Chánh sẽ thắng tà. Ánh sáng sẽ quét sạch bóng tối.

*Tiên Phạm Thiên là tà chủ của đạo Saticala, diệt trừ tà huyễn, **Như Lai** dùng **Hóa Phật** của Vô thượng Chánh Biến Tri Giác nói chú Thủ Lăng Nghiêm để diệt trừ. Đây là ý nghĩa: "Dĩ huyễn Tu huyễn" "Tri huyễn tức ly" ở kinh Viên Giác, Phật dạy đồng với ý ở đoạn kinh này.*

*Ma Đăng Già biểu trưng nhiều dục vọng, nặng luyến ái đam mê. Đại Trí Văn Thù biểu trưng vô phân biệt trí, thứ trí nhìn hiện tượng vạn pháp bằng cái tướng **Như Thị** của chính nó. Đại Trí Văn Thù đem chú Thủ Lăng Nghiêm hóa giải chú Tiên Phạm Thiên của Ma Đăng Già, có nghĩa là: Tình cảm đen tối thì hãy đem lý trí rực sáng mà rọi vào. Sáng đến thì tối phải đi.*

*Ông A-Nan gần mất **giới thể**, nói lên hiện tượng bất giác vô minh chợt đến bất ngờ rất là nguy hiểm. Đại Trí Văn Thù đem chú đến hóa giải được an toàn cho ông A-Nan, điều đó có nghĩa là: Trí huệ sáng đến thì vô minh tan đi. Giác sanh thì mê diệt.*

Phật Thích Ca bất động, ngồi nơi tịnh xá Kỳ Hoàn cùng đại chúng, chờ sự chiến thắng ma quân mà không sử dụng sức lực và một thứ khí giới nào. Qua sự kiện đó, người Phật tử phải học: Muốn phá yêu thuật, đánh đuổi ma quân diệt giặc vô minh, phải sử dụng trí lực mà không dùng thể lực, phải vận dụng tâm thanh tịnh mà không thể dùng sức lực của bắp thịt chân tay để đối phó trong trường hợp này.

Do lẽ đó, nội dung kinh Thủ Lăng Nghiêm rất quan trọng ở sự nhận thức:

Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh sẵn có trong tất cả mọi người.

*Đọc học kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không lý giải, không nhận thức được vấn đề **Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh**, cũng tức là không biết được đại định Thủ Lăng Nghiêm là gì !*

Tụng kinh giả minh Phật chi lý: Học kinh cốt tìm hiểu trong đó Phật dạy những gì. Phật tử chúng ta hãy ý thức mà lưu tâm.

[^]

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NHẤT

TÔNG KHỞI

Đề kinh

Nhơn duyên và thời điểm Phật nói kinh Thủ Lăng
Nghiem

--- o0o ---

ĐỀ KINH

Thủ Lăng Nghiem, Trung Hoa dịch: Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố. Đó là tên một đại Thiên định. Hành giả thành tựu được thứ Đại Thiên định này sẽ có sức trí tuệ giác ngộ Cứu Cánh, một nghị lực Kiên Cố đối với hiện tượng vạn hữu, với Nhất Thiết Sự trên cõi đời này.

Đề kinh này nói đầy đủ thì có 19 chữ: Đại Phật Đảnh, Như Lai Mật Như, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiem.

Thủ Lăng Nghiem là tên gọi tắt qua cái từ trọng tâm 19 chữ của đề kinh.

Đề kinh này gồm cả Như, Pháp và Dự. Đại Phật Đảnh là dự. Như Lai Mật Nhân là như, Thủ Lăng Nghiem là Pháp vậy.

Định Thủ Lăng Nghiem rất sâu nhiệm, dùng tâm phan duyên thường tình mà nhận thức, thì khó mà thể nhận được định

này. Ví như đem nhục nhãn nhìn Phật đánh không sao thấy được trọn vẹn.

Tất cả Như Lai trong mười phương có Bồ Đề Niết Bàn đều do thành tựu đại định Thủ Lăng Nghiêm. Định Thủ Lăng Nghiêm là cái nhân kín nhiệm của tất cả Như Lai, cho nên gọi là Như Lai mật nhân. Nói một cách khác: Thành tựu định này đồng nghĩa với thể nhập Phật tri kiến, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm.

Tu chứng định Thủ Lăng Nghiêm là tu chứng liễu nghĩa khác với kinh điển dạy tu chứng bất liễu nghĩa của Nhị thừa. Tu chứng ở đây là tu chứng đến Bảo sở, không như sự tu chứng tạm nghỉ ở Hóa thành.

Thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm cũng tức là thành tựu vạn hạnh của chư Bồ Tát. Nói ngược lại: Bồ Tát thể hiện lục độ vạn hạnh được viên mãn là khi Bồ Tát đã có định Thủ Lăng Nghiêm.

Đối tượng cứu cánh của Kinh Thủ Lăng Nghiêm là: *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh*.

Công dụng của Thủ Lăng Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao để trở về *Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh* ấy.

Mục đích cứu cánh của Thủ Lăng Nghiêm là giải thoát giác ngộ đưa con người từ phàm phu đến địa vị Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hiểu rõ ý nghĩa của 19 chữ đề kinh là đã nắm được cái tôn chỉ then chốt của toàn bộ kinh rồi vậy.

[^]

--- o0o ---

NHƠN DUYÊN VÀ THỜI ĐIỂM PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Tạng kinh và công trình kiệt tập tạng kinh là do ông A-Nan thực hiện. A-Nan là một thị giả tận tụy luôn luôn thân cận tùy tùng Phật, cho nên được nghe tất cả kinh Phật nói trong mọi thời gian. Ông có thiên tư xuất chúng, được Phật khen là đệ nhất đa văn, ông cũng có một ký ức vượt người thường, ghi nhớ trọn vẹn lời Phật không quên sót. Bốn chữ: *Tôi Nghe Như Vậy* ở đầu mỗi bộ kinh là lời của ông A-Nan ghi theo di chúc của Phật, nhằm xác minh sự trần thuật của mình, rằng kinh này là chính ông nghe Phật nói, chứ không phải ông tự ý đặt ra.

Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm tại tịnh xá Kỳ Hoàn, trong thành Thất La Phiệt. Chúng tỳ kheo thường tùy tùng Phật có 1.250 người đều là bậc vô lậu đại A-La-Hán. Đứng đầu trong chúng có các ông Đại Trí Xá Lợi Phật, Đại Mục Kiền Liên, Đại Câu Si La, Phú Lô Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề và ông Ưu Ba Ly. Ngoài ra còn có hàng Bích Chi Phật, Vô Học và những hàng sơ tâm đồng đến chỗ Phật rất đông.

Bảy giờ vào những ngày mãn hạ và tự tứ của chúng tăng, vì vậy Bồ Tát trong mười phương cũng đến cầu Phật giải quyết những mối tâm nghi trên đường tu tập. Đứng đầu số chúng Bồ Tát là Bồ Tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.

Nhằm kết duyên với chúng sanh, làm phước điền cho tín thí, trong những ngày này Phật và đại chúng phải chia từng nhóm đi chúng trai ở các nhà thí chủ thỉnh mời. Duy có ông A-Nan đã được mời riêng, đi xa chưa về nên không kịp dự vào hàng tăng chúng.

Trên đường về một mình không có thượng tọa cùng đi, ông A-Nan thứ lớp khát thực đúng phép hóa trai, lòng những mong được một đàn việt cúng dường, không luận giàu nghèo hèn, địa vị giai cấp mà chỉ nhằm làm ruộng phước cho họ gieo hạt Bồ Đề, trồng cây Chánh giác ở tương lai. Ông không muốn rơi vào ý niệm cực đoan mà ông Đại Ca Diếp và ông Tu Bồ Đề từng bị Phật quở: Là Sa môn mà tâm không bình đẳng, còn phân biệt... Xả phú thủ bần...

Một bất trắc xảy đến không ngờ, khi ông A-Nan đi qua nhà nàng Ma-Đăng-Già, một cô gái làng chơi. Ma-Đăng-Già dùng tà chú Tiên Phạm Thiên của đạo Saticala bắt ông vào phòng riêng dụng ý lăng lợ, diễn trò má dựa vai kề, nâng niu âu yếm, làm cho ông A-Nan gần mất giới thể.

Phật biết ông A-Nan đang mắc nạn Ma-Đăng-Già đến hồi nguy cấp. Khác với mọi lần thọ trai xong ở Hoàng Cung của vua Ba Tư Nặc, Phật liền trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Sự kiện lạ

thường này làm cho vua, quan, trưởng giả và cư sĩ rất đông cùng theo Phật về tịnh xá, hy vọng được Phật dạy cho những pháp yếu mới lạ nào chăng !

Bấy giờ tướng vô kiến đánh của Phật, phát ra một vầng sáng rực rỡ không gian trong ánh sáng báu có đức Hóa Phật ngự tòa sen báu nghìn cánh, tuyên nói thần chú Thủ Lăng Nghiêm.

"Án A Na Lê. Tỳ Xá Đề. Bệ Ra Bạt Xà Ra Đà Rị. Bàn Đà Bàn Đà Nễ. Bạt Xà Ra, Bàn Ni Phấn, Hồ Hồng Độ Lô Ung Phấn, Tóa Bà Ha".

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù đem chú đó diệt trừ tà chú của Ma-Đăng-Già. Đồng thời Bồ Tát Văn Thù cũng đưa ông A-Nan và nàng Ma-Đăng-Già cùng về tịnh xá chỗ Phật ở.

... Ông A-Nan khóc lóc, trách mình: Từ vô thỉ đến nay, chỉ khuyên lo học rộng nhớ nhiều, mà đạo lực không tự cứu được mình, trong cơn vô minh bất giác... Ông tha thiết cầu xin Phật dạy cho ông pháp Chỉ, Quán và Thiền Na là những phương tiện đầu tiên mà các Như Lai tu hành thành tựu Bồ Đề, Niết Bàn của mười phương chư Phật.

Bấy giờ cùng có hằng hà sa Bồ Tát, Bích Chi, Vô Học và Đại A La Hớn, những người hữu học, đều ngồi chỗ của mình cùng yên lặng nghe lời Phật dạy.

--- o0o ---

TRỰC CHỈ

Phát tâm tu hành tìm đường giải thoát giác ngộ, văn tu tu là điều rất cần, nhưng chỉ nếu có đa văn, là một học giả thì không đủ đảm bảo an toàn khi vô minh phiền não xâm phạm.

Tà pháp tuy có nguy hiểm, nhưng rồi sẽ bị diệt vong. Chánh sẽ thắng tà. Ánh sáng sẽ quét sạch bóng tối.

*Tiên Phạm Thiên là tà chủ của đạo Saticala, diệt trừ tà huyễn, **Như Lai** dùng **Hóa Phật** của Vô thượng Chánh Biến Tri Giác nói chú Thủ Lăng Nghiêm để diệt trừ. Đây là ý nghĩa: "Dĩ huyễn Tu huyễn" "Tri huyễn tức ly" ở kinh Viên Giác, Phật dạy đồng với ý ở đoạn kinh này.*

*Ma Đăng Già biểu trưng nhiều dục vọng, nặng luyến ái đam mê. Đại Trí Văn Thù biểu trưng vô phân biệt trí, thứ trí nhìn hiện tượng vạn pháp bằng cái tướng **Như Thị** của chính nó. Đại Trí Văn Thù đem chú Thủ Lăng Nghiêm hóa giải chú Tiên Phạm Thiên của Ma Đăng Già, có nghĩa là: Tình cảm đen tối thì hãy đem lý trí rực sáng mà rọi vào. Sáng đến thì tối phải đi.*

*Ông A-Nan gần mất **giới thể**, nói lên hiện tượng bất giác vô minh chợt đến bất ngờ rất là nguy hiểm. Đại Trí Văn Thù đem chú đến hóa giải được an toàn cho ông A-Nan, điều đó có nghĩa là: Trí huệ sáng đến thì vô minh tan đi. Giác sanh thì mê diệt.*

Phật Thích Ca bất động, ngồi nơi tịnh xá Kỳ Hoàn cùng đại chúng, chờ sự chiến thắng ma quân mà không sử dụng sức lực và một thứ khí giới nào. Qua sự kiện đó, người Phật tử phải học: Muốn phá yêu thuật, đánh đuổi ma quân diệt giặc vô minh, phải sử dụng trí lực mà không dùng thể lực, phải vận dụng tâm thanh tịnh mà không thể dùng sức lực của bắp thịt chân tay để đối phó trong trường hợp này.

Do lẽ đó, nội dung kinh Thủ Lăng Nghiêm rất quan trọng ở sự nhận thức:

Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh sẵn có trong tất cả mọi người.

*Đọc học kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không lý giải, không nhận thức được vấn đề **Chơn Tâm Thường Trú, Thể Tánh Tịnh Minh**, cũng tức là không biết được đại định Thủ Lăng Nghiêm là gì !*

Tụng kinh giả minh Phật chi lý: Học kinh cốt tìm hiểu trong đó Phật dạy những gì. Phật tử chúng ta hãy ý thức mà lưu tâm.

[^]

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ HAI

GẶN HỎI CÁI TÂM

- Tâm là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn và cũng là căn bản của luân chuyển sanh tử
- Ông A Nan cho rằng tâm ở trong thân
- Ông A Nan cho rằng tâm ở ngoài thân
- Ông A Nan cho rằng tâm núp sau con mắt
- Ông A Nan cho rằng nhắm mắt thấy tối là tâm ở trong thân
- Ông A Nan cho rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó
- Ông A Nan cho rằng tâm ở chặng giữa
- Ông A Nan cho rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu cả
- Luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay. Bồ Đề Niết Bàn không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng.
- Lại gạn hỏi cái tâm
- Tâm thì phải có thể tánh, không thể tánh không phải là tâm
- Cái tánh thấy của mắt chỉ là hiện lượng
- Gạn hỏi nghĩa khác trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng diệt sanh. Ví dụ chủ và hư không để khai thị bản thể chơn tâm thường trú

TÂM LÀ CĂN BẢN CỦA BỒ ĐỀ NIẾT BÀN VÀ CŨNG LÀ CĂN BẢN CỦA LUÂN CHUYỂN SANH TỬ (^)

Khi gạn hỏi cái tâm, lần đầu tiên ông A-Nan thưa với Phật: Rằng tâm là sự hiểu biết của ông, là cái sanh ra sự ưa thích và ham muốn ở trong ông. Như khi mắt ông nhìn thấy 32 tướng tốt của Phật và từ đó ông phát tâm xuất gia theo Phật tu hành mong được xuất ly sanh tử...

Nhằm để mở mang cho sự nghị luận, khai thị thâm nghĩa Thủ Lăng Nghiêm, đức Phật bảo:

- A-Nan ! Ông nên biết, hết thảy chúng sanh vô thỉ đến nay sống chết tương tục đều do không biết CHƠN TÂM THƯỜNG TRÚ, THỂ TÁNH TỊNH MINH, hàng ngày chỉ dùng các vọng tưởng; mà vọng tưởng thì không chơn, vì vậy nên mới có luân hồi.

- A-Nan ! Như lời ông nói: Do tâm và con mắt mà có sự ưa muốn, nhưng nếu không biết tâm và con mắt ở đâu thì không thể hàng phục trần lao, ví như ông vua một nước bị giặc xâm lăng phát binh đánh dẹp, thì binh ấy cần phải biết giặc ở chỗ nào mới mong dẹp được. Hiện nay ông còn mắc phải luân hồi là lỗi tại tâm và con mắt của ông. Vậy ông hãy chín chắn tìm xem tâm và con mắt của ông hiện ở chỗ nào ?

*

* *

TRỰC CHỈ

Trước khi chỉ dạy phương pháp tu CHỈ, QUÁN và THIÊN NA, theo lời thưa thỉnh của ông A-Nan, đức Phật gạn hỏi về cái tâm. Gạn hỏi ông A-Nan, được xem như gạn hỏi tất cả những ai có lòng sùng tín đức Phật, học tu theo nền giáo lý Phật. Bởi vì mọi người sùng tín đạo Phật đều tôn trọng cái tâm, mặc dù chưa được hiểu kỹ về nó. Người ta ngưỡng vọng đặt trọn niềm tin ở tâm: Rằng "tội phúc do tâm; vui khổ do tâm" Niết Bàn địa ngục do tâm... Đến như những người chưa biết đạo Phật là gì, người ta vẫn quan niệm: Lương tâm, lương tri là căn bản đạo đức của con người, nó không thể không có trong cuộc sống của xã hội loài người.

Đối với nền giáo lý Phật, tâm là vấn đề then chốt.

Kinh tâm địa quán nói:

"Trong tam giới, tâm là chủ
 Người hay quán tâm sẽ có giải thoát
 Người không quán tâm chắc chắn trầm luân
 Tâm chúng sanh cũng như đại địa
 Ngũ cốc ngũ quả từ đại địa sanh
 Tứ Thánh lục phàm đều do tâm sanh
 Cho nên gọi tâm là "tâm địa"."

Kinh Hoa Nghiêm nói:

"Nếu ai muốn rõ biết
 Ba đời mười phương Phật
 Nên quán tánh pháp giới
 Tất cả do tâm tạo

Tâm như chàng họa sĩ
 Vẽ hết thủy ngũ âm
 Tất cả pháp thế gian
 Không pháp nào không tạo
 Tâm và Phật cũng thế
 Phật, chúng sanh cũng vậy
 Tâm, Phật và chúng sanh
 Tên thì ba mà thể thì một."

Thực vậy, tâm là một vấn đề không đơn giản. Không như cái hiểu thông thường của nhiều người quan niệm. Nếu không phải đệ tử Phật dùi mài trong giáo lý, thiền quán để tư duy thì người ta khó có thể hiểu được thế nào là:

- *hân tâm*
- *Vọng tâm*
- *Tích tập tâm*
- *Tập khởi tâm*
- *Duyên lự tâm*
- *Tích tụ tinh yếu tâm*
- *Nhục đoàn tâm*
- *Tâm Vương*
- *Tâm Sở...*

C

Cho nên muốn hiểu được tâm, cần có quá trình học Phật và dụng công tu tập tư duy. Tâm là căn bản của Bồ Đề, Niết Bàn nếu khéo vận dụng sống theo con đường chánh pháp; trái lại tâm là nguồn gốc của luân hồi sanh tử; nếu "đánh

mất" hoặc không phát hiện được cái chơn tâm thường trú sẵn có của mình.

Đạo Phật, cũng như nền giáo lý Phật, xem trọng, rất trọng giá trị của tâm trong nghĩa tâm tánh của con người. Muốn sử dụng tốt cái tâm đó cần phải dụng công tu tập giới, định, tuệ để thân chứng. Nói đến sự tu tập phải đúng chánh pháp, không khéo ý những mong vẻ cợt, nhưng kết quả lại là con chó vện khăng khiu ! Bởi vì người ta rất dễ làm tâm... Sự thấy nghe hiểu biết, sự ưa muốn, sự ghét thương... Những tác dụng tâm lý đó, nó không rời tâm, nhưng nó không phải chơn tâm, nó là vọng tưởng, là cái bóng dáng còn sót lại của tiền trần, của "ngũ câu ý thức" (là pháp trần vậy).

*Người khéo biết tu tập sẽ có được chân tâm thường trú hiện ở cõi đời này. Phật chỉ là một người, nhưng có khác với nhiều người ở chỗ: Phật sống bằng chơn tâm thường trú ấy. Thế cho nên biết rằng: Chân tâm thường trú không phải là cái gì xa rời thực tế. Nó là cái dữ kiện căn bản đem lại sự giải thoát giác ngộ cho con người khi người có biết sử dụng đến, phát hiện ra **Chơn Tâm Thường Trú Của Mình**.*

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG TÂM Ở TRONG THÂN(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Không riêng gì tôi mà tất cả mọi người trên thế gian đều cho cái tâm hiểu biết ở trong thân, còn con mắt thì ở trên mặt.

Phật bảo: A-Nan ! Ông nói rằng tâm hiểu biết ở trong thân là không có lý. A-Nan ! Nay tôi hỏi ông: Phỏng có chúng sanh nào ngồi trong giảng đường này mà không thấy không biết Như Lai và đại chúng mà lại thấy biết mọi vật bên ngoài giảng đường không ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể có sự việc như thế được. Nếu ngồi trong giảng đường, trước hết phải thấy biết trong giảng đường, rồi sau nhìn ra cửa mới thấy biết cảnh vật bên ngoài.

- Thật vậy, A-Nan ! Ở trong giảng đường, trước hết phải thấy bên trong, nhìn ra cửa mới thấy biết hoa lá vườn rừng, sự vật bên ngoài. Nhưng theo lời ông nói: Cái tâm hiểu biết ở trong thân thì lẽ ra khi người bị bệnh thổ huyết, cái tâm phải biết gốc bệnh xuất huyết do tỳ, phế hay viêm loét dạ dày. Nay, A-Nan ! Mọi người trên thế gian không một ai biết được gốc bệnh của mình như vậy.

A-Nan ! Người ngồi trong giảng đường mà không thấy biết Như Lai và đại chúng, lại thấy biết mọi việc bên ngoài đã là vô lý thì cái tâm hiểu biết ở trong thân mà không hiểu biết thương tật của tâm tạng tỳ phế thận, lại biết rõ hết trần cảnh bên ngoài, hai sự kiện này đều vô lý như nhau !

Thế cho nên ông nói *Tâm Ở Trong Thân* là không đúng lý.

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG TÂM Ở NGOÀI THÂN(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Vừa nghe lời Phật dạy, tôi nghĩ ra rằng: Tâm tôi thiệt ở ngoài thân. Bởi vì tất cả mọi người không ai thấy biết bên trong thân, ví như ngọn đèn để ở ngoài phòng thì chỉ sáng bên ngoài mà không thể sáng bên trong phòng được. Bạch Thế Tôn ! Nghĩa này thật quá rõ ràng chắc không còn lầm nữa !

Phật bảo: A-Nan ! Vừa rồi tôi và đại chúng cùng đi khất thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Vậy ông hãy xem trong các hàng tỳ kheo, khi một người ăn, các người khác có no không ?

- Bạch Thế Tôn ! Không. Dù các tỳ kheo là A La Hón, nhưng thân thể khác nhau, không thể người này ăn mà người khác no được.

- Cũng vậy, A-Nan ! Nếu cái tâm hiểu biết của ông ở ngoài thân thì thân và tâm riêng cách, tất không dính líu gì nhau. Vậy cái gì tâm biết thì thân không thể biết, cái gì thân biết thì tâm không thể biết. Thế mà, này A-Nan ! Khi tôi đưa tay tôi lên cho ông xem, mắt ông vừa thấy thì tâm ông liền biết. Thân tâm biết cùng một lúc với nhau, thì sao lại bảo là tâm ở ngoài thân cho được.

Vậy nên biết rằng: Ông nói tâm hiểu biết ở ngoài thân, hẳn là không phải vậy.

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG TÂM NÚP SAU CON MẮT(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy: Vì không biết trong, cho nên tâm không phải ở trong thân. Vì thân tâm cùng biết nên không phải tâm ở ngoài thân. Nay tôi suy nghĩ: Cái tâm hiểu biết đã không biết bên trong mà lại nhận biết rõ sự vật bên ngoài, vậy là nó núp sau con mắt, ví như người lấy chén thủy tinh úp vào hai con mắt, con mắt dù có vật úp vào, nhưng không làm ngăn ngại sự thấy. Và vì tâm núp sau con mắt nên khi mắt thấy thì tâm liền phân biệt. Sở dĩ tâm không biết tạng phủ trong thân, vì nó không ở trong thân; nhưng tâm lại nhận biết cảnh vật bên ngoài, vì nó ở trên cái mắt.

Phật bảo: A-Nan ! Ông nên nhớ rằng: Con mắt núp sau chén thủy tinh như lời ông nói, thì khi ông trông thấy núi sông cảnh vật, đồng thời cũng trông thấy chén thủy tinh. Nếu tâm núp sau con mắt, thì khi nhận thấy núi sông cảnh vật lúc đó cũng phải nhận thấy con mắt. Nay, A-Nan ! Thực tế không phải vậy, khi ông nhận biết núi sông cảnh vật, tâm ông không nhận biết được con mắt của ông.

Do đó, biết rằng: Ông nói cái tâm núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén thủy tinh là không hợp lý.

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG NHẮM MẮT THẤY TÔI LÀ TÂM THẤY TRONG THÂN(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Giờ đây tôi suy nghĩ thế này: Thân thể con người trong có ngũ tạng lục phủ, ngoài có thất khiếu cửu huyết. Tạng phủ có tánh che ngăn nên tối, khiếu huyết có tánh rỗng không nên sáng. Nay tôi xin thưa với Phật rằng: Nhắm mắt thấy tôi, tôi gọi là tâm thấy biết bên trong thân; mở mắt thấy sáng, gọi là tâm thấy biết bên ngoài.

Phật bảo: A-Nan ! Đã gọi là thấy thì cái bị thấy phải "đôi" ở trước mắt. Không "đôi" trước mắt thì cái nghĩa thấy không còn.

Nếu cái tôi đã đôi trước mắt mà cứ cho là thấy biết trong thân, vậy khi ở trong một phòng tối, không có ánh sáng, bây giờ cái gì có ở trong phòng tối ấy đều là tạng phủ của ông cả hay sao ?

Vả lại khi nhắm mắt thấy tôi, ông cho là thấy bên trong thân, vậy khi mở mắt thấy sáng, sao ông không thấy cái mặt ?

Đã không thấy mặt thì không thể nói con mắt đối vào trong mà thấy. Còn như thấy được mặt thì cái tâm và con mắt ắt đã lơ lửng giữa hư không rồi, còn tương quan gì đến ông nữa ?

Vậy nên biết rằng: Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân, chỉ là một ngụy thuyết không thành lập được.

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG SỰ SUY NGHĨ HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ TÂM LIỀN CÓ Ở CHỖ ĐÓ(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi thường nghe Phật dạy tứ chúng: Rằng tâm sanh nên các pháp sanh, các pháp sanh nên tâm sanh. Nay tôi suy nghĩ thì sự suy nghĩ đó là tâm của tôi. Nó hợp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó, nó không ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa.

Phật bảo: A-Nan ! Ông cho sự suy nghĩ là tâm, sự suy nghĩ hợp chỗ nào, tâm liền ở chỗ đó. Nay tôi hỏi ông: Cái tâm có suy nghĩ hòa hợp sanh ra, vậy nó có tự thể hay không ? Nếu nó không tự thể thì không thể hợp được với cái gì. Cũng như giới thứ 19 và trần thứ 7 thì làm gì có chuyện hợp nhau ? Bảo rằng nó có tự thể, vậy ông thử thí nghiệm: Lấy tay gãi vai, rồi để ý xem cái tâm "biết đã ngứa", nó từ trong thân ông ra hay từ bên ngoài chạy vào ? Nếu từ trong thân ra thì nó phải biết ngũ tạng lục phủ trong thân ông, nếu từ ngoài vào thì trước hết nó phải thấy biết cái mặt.

Vả lại, tự thể ấy là một hay là nhiều ? Nó khắp thân hay chẳng khắp thân ?

Nếu tự thể có một, khi lấy tay gãi một chỗ, lẽ ra khắp mình đều đã ngứa. Nếu biết đã ngứa khắp mình thì lại không còn biết gãi chỗ nào ! Còn như nhiều tự thể thì hóa ra của nhiều người, còn biết tự thể nào là thể của ông ?

Bảo rằng tự thể khắp mình thì không còn biết được chỗ gãi...

Bảo rằng không khắp mình, tại sao khi đầu chạm xà nhà, dưới chân đạp đỉnh lại cùng một lúc biết đau ?

Do vậy, bảo rằng: Sự suy nghĩ hợp chỗ nào, tâm ở chỗ đó là không có lý.

*

* *

ÔNG A-NAN CHO RẰNG TÂM Ở CHẶNG GIỮA(^)

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi nhớ lại có lần nghe Phật dạy Bồ Tát Văn Thù về nghĩa thật tướng: Rằng tâm không ở trong cũng không ở ngoài. Nay tôi suy nghĩ: Nếu tâm ở trong thân sao lại không biết bên trong, tâm nếu ở ngoài thân sao thân tâm đồng biết. Tâm không biết bên trong nên không thể nói trong thân. Thân và tâm đồng biết nên không thể nói tâm ở ngoài thân. Do lẽ đó, tôi phát minh rằng: Tâm ở chặng giữa.

Phật bảo: A-Nan ! Ông nói chặng giữa, thật khó mà nêu một chặng giữa nhất định. Giữa thân hay giữa cảnh ? Nếu giữa thân thì đồng như tâm ở trong thân. Bảo rằng: giữa cảnh thì làm sao nêu cái giữa ra được ? Ví như có người lấy một cành cây cắm nêu làm một chỗ giữa, nhưng giữa thế nào được ? Nếu người đứng ở phương Đông thì thấy cây nêu ở phía Tây; đứng ở phương Nam lại thấy cây nêu thuộc về hướng Bắc. Cái giữa đã lẫn lộn như thế, thì cái tâm ở chặng giữa rắc rối bời rời thì làm thế nào nhận biết được sự vật cho chính xác ?

Ông A-Nan thưa: Tôi nói chặng giữa là giữa nhãn căn và sắc trần, nhãn thức sanh ra ở chặng giữa ấy.

Phật bảo: Nếu tâm ông ở giữa nhãn căn và sắc trần, vậy cái tâm giữa ấy có gồm cả hai hay không gồm cả hai ? Nếu gồm cả hai thì vật và tâm xen lộn lẫn nhau, còn biết cái gì là tâm cái gì là vật ? Và đã lộn lạo với nhau thì không có cái giữa. Còn như không gồm cả hai bên thì là một. Đã là một bên thì cái chặng giữa ông định đặt nó vào đâu ?

Vì vậy, biết rằng: Ông nói tâm ở chặng giữa là một điều không hợp lý.

*

* *

**ÔNG A-NAN CHO RẰNG TÂM LÀ CÁI KHÔNG
DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU CẢ(^)**

Ông A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi nhớ trước đây có lần Phật chuyển pháp luân cùng bốn đại đệ tử: Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất, khi đó Phật dạy: Cái tâm tánh hiểu biết nó không ở trong, không ở ngoài, không có chặng giữa và không chỗ trụ, tất cả không dính dáng.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi lấy cái không dính dáng ấy gọi là tâm có được không ?

Phật bảo: A-Nan ! Ông nói cái tâm hiểu biết của ông không dính dáng, vậy tôi hỏi ông: Biển cả, đất liền, núi rừng, hoa, cỏ... nói chung mọi sự vật hiện tượng trên thế gian mà ông cho là không dính dáng, chúng có hay là không có ? Nếu chúng là không, thì ông khởi đề cập: Rằng dính dáng hay không dính dáng. Bởi vì có ai dính với chuyện lông rùa sừng thỏ bao giờ ! Nếu đã có cái "không dính dáng" thì không thể nói sự vật hiện tượng là không. Đã không phải không thì có tướng. Đã có tướng thì có dính dáng, làm sao không dính dáng được ?

Vậy nên biết rằng: Ông nói cái không dính dáng là tâm, lại càng không hợp lý.

*

* *

TRỰC CHỈ

Cho rằng tâm ở trong thân, đó là sự hiểu biết thông thường mọi người cùng hiểu giản đơn như vậy. Cho rằng tâm ở ngoài thân là một ý nghĩ táo bạo lạ thường chẳng mất ai đồng tình, còn có thể bị cho là ngờ nghệch ! Cho rằng tâm núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén thủy tinh... Rằng tâm bị tạng phủ che thì tối, khiếu huyết mở thì sáng... thực chất là chủ trương tâm ở trong thân bằng hình thức lý luận khác. Bảo rằng cái suy nghĩ là tâm, thực chất là trở lại chấp: Tâm ở ngoài thân vậy. Rằng tâm ở chạng giữa điều này nói lên sự bí lối, chạy càng !... Bảo rằng: Tâm là cái không dính dáng, càng chứng tỏ lý cùng trí kiệt, chỉ hy vọng chút ánh sáng mơ màng ở cuối đường hầm lý giải.

Ông A Nan được Phật khen là đa văn đệ nhất, vậy mà qua bảy chỗ gạn hỏi cái tâm, lý đã cùng, trí đã kiệt, vẫn chưa xác định được tâm là cái gì và hiện ở đâu. Là đệ tử Phật, ai nghe mà chẳng bản khoãn soát lại tâm mình, ai mà chẳng quạt tim mọc óc.

Thật vậy, thuyền đi thì thấy bờ chạy, mây bay người ta thấy trăng xê dịch, mắt giật nhìn mặt nước thấy rung rinh. Thuyền chưa đậu, mây chưa tan, mắt chưa hết giật mà muốn cho bờ đừng chạy, trăng đừng xê dịch, mặt nước đừng rung rinh, hãy còn không thể được, huống hồ đem cái ý thức sanh diệt vọng tưởng, bóng dáng tiền trần mà suy lường thường trú chơn tâm, thì làm sao hội nhập được ư ?

Ông A Nan luận tâm sai lầm là phải, vì ông chưa tu học Xa ma tha... cho nên nông nổi, vướng vào tà thuật của Ma

Đặng Già. Còn Phật tử chúng ta, không chuyên cần học hỏi giáo lý, chẳng dụng ý tinh tấn tư duy mà thích luận đàm, nầy tâm, kia vật, đây vọng, đó chơn của vấn đề vật tâm, thì phỏng có nói... bậy đi nữa, tưởng cũng nên tha thứ, không có gì đáng trách !

Cái kho tàng bí mật ! Thường trú chơn tâm, đức Phật chưa vội mở cửa ở đây, cho nên ông A Nan chưa sao hiểu được, mà phải nhiều lần tha thiết cầu xin Phật chỉ dạy sau này. Bởi lẽ, một kiến thức về kỹ thuật khoa học, trong môi trường sinh hoạt vật chất thế gian, muốn hiểu nó phải có quá trình học hỏi, tư duy chuyên môn nghiên cứu. Ở đây ngoài điều kiện văn tự ra, còn đòi hỏi nhiều ở vấn đề thể nghiệm, tu tập, thực hành, trong lãnh vực tu chứng của đạo Phật nữa.

Cái tâm mà ông A Nan thưa trình lên Phật qua bảy chỗ; đó mới chỉ thuộc phạm vi ý thức mà thôi. Đối với bát thức tâm vương, với thường trú chân tâm, còn phải tiến lên những bước khá dài mới có cơ may gặp gỡ !

*

* *

**LUÂN HỎI SANH TỬ KHÔNG PHẢI LÀ HIỆN
TƯỢNG HỌA GỖI TAI BAY. BỔ ĐỀ NIẾT BÀN
KHÔNG PHẢI CẢNH GIỚI SIÊU NHIÊN DO ĐẮNG
SIÊU NHÂN NÀO BAN TẶNG(^)**

Phật bảo: A Nan ! Rằng tất cả chúng sanh vô thí đến nay, điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên gắn bó với nhau như chùm nho chen chúc trái. Những người tu hành không thành vô thượng Bồ Đề mà lại thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương hoặc Thanh Văn, Duyên Giác đều do không biết hai thứ căn bản cho nên tu tập sai lầm, chẳng khác nào nấu cát mong được thành cơm, dù trải qua nhiều kiếp như vi trần, rốt cuộc vẫn không kết quả.

Những gì là hai thứ căn bản ?

Một, là căn bản sanh tử vô thí. Như ông hiện nay và tất cả chúng sanh cũng thế, hằng ngày sử dụng cái tâm phan duyên mà làm cho là tự tánh của chính mình.

Hai, là căn bản Bồ Đề, Niết Bản vô thí. Như ông hiện nay, cái tánh thanh tịnh bản minh vốn có, nó nhậm vận tùy duyên, nhưng ông và tất cả chúng sanh lại bỏ sót mất đi, cho nên tuy cả ngày sống ở trong tánh thanh tịnh bản minh mà không hay không biết. Đành oan uổng lặn lội trong lục đạo chuyển luân !

*

* *

LẠI GẶP HỎI CÁI TÂM(^)

Phật bảo: A Nan ! Ông muốn biết đường tu Xa ma tha để ra khỏi sống chết, ông hãy trả lời tôi.

Phật liền đưa cánh tay co năm ngón bảo A Nan rằng: Ông có thấy gì không?

Ông A Nan thưa: Tôi thấy Như Lai đưa cánh tay và co ngón tay lại thành cái nắm tay, nó phản ánh tác động vào tâm và con mắt của tôi. Tôi và đại chúng đều do con mắt mà thấy.

Phật bảo: A Nan ! Ông trả lời với tôi: Rằng: Như Lai co ngón tay làm thành nắm tay, phản ánh tác động vào tâm và con mắt của ông. Con mắt của ông thì thấy việc đó tất nhiên. Còn ông lấy cái gì làm tâm để nhận biết cái nắm tay tôi ?

- Bạch Thế Tôn: Như Lai gạn hỏi tâm tôi, tôi dùng tâm suy nghĩ để trả lời Phật, thì rõ là cái suy nghĩ ấy là tâm tôi vậy.

*

* *

TÂM THÌ PHẢI CÓ THỂ TÁNH, KHÔNG THỂ TÁNH KHÔNG PHẢI LÀ TÂM(^)

Phật bảo: Sai rồi ! A Nan ! Cái suy nghĩ ấy không phải là tâm của ông.

Trong dáng vẻ kinh ngạc, ông A Nan đứng dậy chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Cái suy nghĩ ấy không phải tâm tôi thì gọi nó là cái gì ?

Phật bảo: Đó là cái tướng tượng hư vọng của tiền trần. Chính cái đó làm mê làm chân tánh của ông. Từ vô thi đến nay, ông nhận tên giặc ấy làm con, bỏ mất tâm tánh bản lai thường trú, nên phải chịu luân hồi.

Ông A Nan thưa: Tôi là em của Phật, vì tâm yêu thương Phật nên mới xuất gia. Tôi cúng dường chư Phật mười phương, phụng sự thiện tri thức, phát tâm đại dũng mãnh, làm tất cả pháp sự khó làm, đều dùng cái tâm ấy. Giả sử có hủy báng Phật pháp, đoạn diệt thiện căn, bất tin tam bảo cũng đều dùng đến cái tâm ấy. Nay Phật phát minh cái suy nghĩ đó không phải là tâm, thì tôi thành ra không có tâm, như gỗ, như đất. Bởi vì, ngoài cái suy nghĩ nhận biết ấy ra, tôi không còn có gì nữa ! Sao Như Lai lại bảo cái đó không phải là tâm ? Tôi kinh sợ quá ! Và cả đại chúng này không ai là không hoang mang dao động ! Xin Phật rủ lòng từ chỉ dạy cho chúng tôi những điều chưa liễu ngộ ?

Bấy giờ Thế Tôn rời sư tử tòa, xoa đầu ông A Nan và bảo:

- Nay A Nan ! Như Lai thường nói: Các pháp sanh ra duy tâm biến hiện. Tâm là cái thể của tất cả thế giới vi trần, của mọi nguyên nhân và kết quả...

A Nan ! Tất cả hiện tượng có trong thế giới, lớn như biển cả, núi cao, nhỏ như lá cây ngọn cỏ... gạn xét căn nguyên đều có thể tánh. Cả đến hư không cũng còn có tên và dáng mạo; huống chi cái tâm sáng suốt nhiệm màu thanh tịnh, thể tánh của sự vật mà tự mình không có thể tánh sao ?

Nếu ông quả quyết cho cái tính hay biết, cái suy nghĩ phân biệt là tâm của ông thì cái tâm ấy rời sắc, thanh, hương, vị, xúc ra, nó phải còn tính độc lập riêng của nó tồn tại. Hiện giờ ông đang nghe tôi nói pháp, đó là nhân tiếng mà có phân biệt. Nếu không tiếng thì sự phân biệt của ông không còn. Giả sử diệt hết cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết, chỉ nắm giữ cái u nhàn lặng lẽ bên trong, thì đó cũng là sự phân biệt bóng dáng pháp trần mà thôi.

A Nan ! Chẳng phải tôi bảo ông phủ nhận cái tính tư duy phân biệt ấy không phải là tâm, nhưng ông phải chín chắn suy nghĩ: Rời tiền trần mà vẫn có cái biết, thì đó mới thật là tâm của ông. Còn nếu tính biết rời tiền trần không còn tự thể, thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần. Tiền trần không phải thường còn, khi thay đổi diệt mất đi rồi, thì cái tâm nương tiền trần ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ. Thế thì pháp thân của ông cũng thành đoạn diệt, còn gì mà tu chứng vô sanh pháp nhẫn !

*

* *

TRỰC CHỈ

Chúng sanh mà gọi là chúng sanh, sự thật họ không phải là chúng sanh, Như Lai gọi chúng sanh vậy thôi. Khi mê thì gọi chúng sanh, hết mê thì mọi người đều là Phật. Mê thì vô minh hiển, Phật chất ẩn. Giác thì Phật chất hiển vô minh ẩn và tự hóa giải diệt vong.

Căn bản Bồ Đề, Niết Bàn từ vô thỉ chúng sanh nào cũng sẵn có. Thế mà chúng sanh mãi luân hồi trong sanh tử khổ đau. Sự thật, luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay mà là do sự vô minh bất giác của con người chiêu cảm lấy, thông qua những bất thiện nghiệp của thân khẩu ý của con người. Bồ Đề, Niết Bàn không phải cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng, mà nó sẽ hiện hữu khi con người phải giữ sạch hành động bất giác vô minh sai trái ấy. Con người hoàn toàn có khả năng cải tạo những tư tưởng hành động của mình. Muốn được vậy phải tu học Thủ Lăng Nghiêm tam muội để tạo điều kiện cho chân tâm thường trú sẵn có hiện ra.

Căn bản Bồ Đề, Niết Bàn cũng như căn bản luân hồi sanh tử, vốn không phải là cảnh giới khổ vui cố định do ai đó tạo ra, để khi sử dụng uy quyền, tùy hứng thưởng cho chúng sanh nào trông thấy dễ thương và phạt những chúng sanh nào nhìn qua mà lòng mình không hợp nhãn.

Nền giáo lý trác tuyệt thượng thừa đã phát hiện:

... "Thật tánh vô minh là Phật tánh
 Ảo hóa thân này tức pháp thân
 Pháp thân nhận rõ không vương chấp
 Phật tánh chơn thường lộ bản nguyên
 Ngũ uẩn mây thừa chi để dạ
 Bọt bèo tam độc bận lòng chi..."

(Vô minh thật tánh tức Phật tánh
 Áo hóa không thân tức pháp thân
 Pháp thân giác liễu vô nhất vật
 Bản nguyên tự tánh thiên chơn Phật
 Ngũ uẩn phù hư không khứ lai
 Tam độc Thủy bào hư xuất một...)

HUYỀN GIÁC THIỀN SƯ.

Thông thường người ta quan niệm: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm cơ quan vật chất ấy hợp lại thành một con người. Con người vật chất ấy được gọi là thân. Còn cái tác dụng tư duy phân biệt, không rờ mó nắm bắt được, người ta gọi nó là tâm, cũng có trường hợp gọi là ý thức. Ông A Nan đại diện cho Phật tử chúng ta, đóng vai trò một người có quan niệm nhận thức thông thường đó, để cùng Phật luận bàn tìm hiểu cái tâm. Nhưng sự tranh luận giữa Phật và ông A Nan ở đây, không phải nhằm để xác định các dạng nhận thức tư duy ấy là tâm hay là ý thức. Bởi vì tâm hay ý thức, với giáo lý đạo Phật, không có gì cần phải tranh luận. Mỗi khi thuyết pháp Phật đề cập vấn đề tâm, ý, bàn bạc ở các kinh là một việc thông thường. Đức Phật há chẳng răn dạy đệ tử mình hãy đề cao cảnh giác, Tâm viên ý mã, đó sao ?

Vấn đề Phật muốn dạy ông A Nan và Phật tử chúng ta là: Hãy phát hiện chơn tâm thường trú sẵn có của mình. Nó là căn bản Bồ Đề Niết Bàn đó. Không phát hiện được chơn tâm thường trú, dù có lý luận: Rằng nó là cái này, nó là cái kia, nó ở trong thân, nó ở ngoài thân hoặc ở chặng giữa... đều

không đem lại lợi ích gì. Giả sử có nói đúng thực đi nữa, cái đó cũng vẫn là căn nguyên của tai họa, là động cơ của mọi phiền não: Tham, sân, si, mạn... cái hiện tượng tư duy mà ta gọi là tâm hay ý ấy vốn là vọng tưởng. Mà vọng tưởng thì không chơn. Nó là vang bóng của tiền trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Rời tiền trần, cái gọi là tâm hay ý thức ấy sẽ tan biến mất theo. Cho nên trọng tâm tranh luận giữa Phật và ông A Nan không phải ở chỗ tìm kiếm cái tâm qua hình dáng: lớn, nhỏ, rộng, hẹp, dài, ngắn, vuông, tròn... cũng không phải cần thấy cái tâm qua màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, lục hay sô-cô-la... mà tranh luận để phát hiện cái trong sáng, cái thanh tịnh, cái giải thoát an lành, cái giác ngộ bất động, cái tự tại như như vốn có ở trong mọi con người. Những cái đó, dù con người đang bị phiền não vô minh che phủ, mà bản chất tiềm tàng cố hữu của nó ở trong tâm thể mọi người thì vô thử vô chung không lúc nào gián đoạn.

Do vậy, Phật nói rõ với ông A Nan rằng: Không phải tôi bảo ông phủ nhận cái tánh thấy nghe nhận thức không phải là tâm; nhưng ông hãy chín chắn nghĩ suy, làm thế nào rời cái vọng tưởng đến đi, ông phải còn một cái: cái không vọng tưởng đến đi. Cái đó nó ở luôn với ông, nó ở trong ông, nó thật là của ông đấy. Còn muốn gọi nó là tâm hay là ý thức, không quan trọng, việc đó tùy người và hội sau sẽ còn phân giải...

*

* *

CÁI TÁNH THẤY CỦA MẮT CHỈ LÀ HIỆN TƯỢNG(^)

Ông A Nan và đại chúng chưa nhận rõ thế nào là chơn tâm thường trú, lòng còn bồi rối ngân ngơ.

Phật bảo: A Nan ! Trong thế gian những người tu học tuy đã được chín thứ thiên định, nhưng không diệt hết được mê lầm chỉ thành A La Hối đều do làm chấp cái vọng tưởng tử sanh là chơn thật. Thế nên, ông nay tuy học rộng nghe nhiều mà không thành chánh quả.

Ông A Nan khóc lóc bạch Phật: Từ khi tôi phát tâm theo Phật xuất gia, thường ý lại lòng thương của Phật, tự nghĩ rằng rồi đây Như Lai sẽ ban cho tam muội, chia sót đạo quả cho. Giờ đây mới biết: Thân tâm không ai có thể thay thế cho ai. Từ lâu tôi đã bỏ mất bản tâm của tôi rồi. Thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo. Như đứa con hoang cùng khổ, bỏ cha bỏ nhà ra đi. Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật pháp nhiều mà không tu hành, thì chẳng khác gì người không nghe, như nói ăn mà không ăn rốt cuộc không thể nào no được.

Kính Bạch Thế Tôn ! Chúng tôi hiện nay còn bị hai chương buộc ràng, do vì không biết tâm tánh vắng lặng thường nhiên, xin Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng rách rưới, phát minh cho cái tâm nhiệm màu, sáng suốt và khai mở con mắt đạo cho chúng tôi !

Bấy giờ đức Như Lai từ tướng cát tường hải vân trước ngực phóng ra ánh sáng rực rỡ soi khắp thế giới chư Phật mười phương và chiếu khắp đánh các Như Lai trong hằng sa cõi nước, rồi xoay về chiếu đến đánh ông A Nan và đại chúng.

Phật bảo: A Nan ! Trước ông trả lời: rằng ông thấy cái nắm tay của tôi, vậy cái nắm tay do đâu mà có ? Và ông lấy cái gì để thấy ?

Bạch Thế Tôn ! Cái nắm tay có là do bàn tay Phật có các ngón tay lại. Tôi thấy nắm tay của Phật là do con mắt của tôi.

Phật bảo: Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay. Nếu không có con mắt (mắt bị đui) thì không có cái thấy. Hai sự việc đó có giống nhau chăng ?

Bạch Thế Tôn ! Đúng vậy. Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay; nếu không có con mắt thì không có cái thấy.

Phật bảo A Nan ! Ông nói như vậy là không đúng. Không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay, chứ không có con mắt (đui) không phải hoàn toàn không thấy. Ông thử hỏi những người đui xem họ có thấy gì không ? Chắc hẳn họ sẽ trả lời với ông: Rằng họ thấy tối đen trước mắt. Lấy nghĩa đó mà suy nghĩ tiền trần tự tối, chứ cái tánh thấy nào có hao kém gì ?

Bạch Thế Tôn ! Những người đui trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi rằng thấy ?

Phật bảo: Dù thấy tối đen cũng vẫn là thấy còn thấy sáng hay thấy tối là do tiền trần sáng tối, tánh thấy vẫn y nhiên. Nếu vì tối mà cho là không thấy, vậy thì khi người ta ngồi trong nhà tối không thấy gì hết, chỉ thấy trước mắt tối đen, bỗng nhiên được đèn sáng thấy rõ các vật, chẳng lẽ ông bảo đó là cái đèn thấy hay sao ? Vậy nên suy biết: đèn làm tỏ rõ các vật, nhưng thấy như vậy là mắt chứ không phải đèn. Mắt làm tỏ các sắc, nhưng thấy là tâm, chứ không phải là mắt.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Ai ăn nấy no, ai ngủ nấy khỏe, thì sự tu hành, ai tu nấy chứng, không ai tu thể giúp đỡ cho ai được. Có giúp đỡ chẳng chỉ làm tăng thượng duyên, mà nhân duyên phải là tự lực của chính mình. Đó là sự thật hiển nhiên, người trí không ai có thể phủ nhận. Vì đó là chân lý. Chân lý đó, nói lên cái chân lý **Nhân quả** của thế gian và xuất thế gian. Nó bao trùm xuyên suốt hết nền giáo lý Phật. Ông A Nan nói lên lần này là lần thứ hai, sau khi ông thoát nạn trở về: Rằng sự tu hành không thể ỷ lại tha nhân, dù tha nhân đó là Như Lai Thế Tôn Vô thượng. Càng không thể có sự ân sủng, ban cho hay tặng thưởng trong tiến trình tiến lên đạo quả giải thoát giác ngộ. Nếu ai đó làm cái việc tặng thưởng, ban cho là tự trái với chân lý, mâu thuẫn với quy luật nhân quả khách*

quan của vũ trụ vạn hữu, người trí không tin có việc đó xảy ra.

Học Phật cốt ở thực hành. Học không hành chẳng khác nào nói ăn mà không ăn, thì không thể no được.

Ánh sáng là biểu trưng cho trí tuệ. Ánh sáng soi khắp hằng sa cõi nước Phật và chiếu khắp đánh chư Như Lai trong cõi nước mười phương; sau đó, xoay về chiếu lên đánh ông A Nan và đại chúng. Sự kiện này, nói lên ý nghĩa: Dùng trí huệ giác mà nhìn vũ trụ vạn hữu, thì vũ trụ vạn hữu trở thành thế giới đại đồng, thành nhất chân pháp giới. Trí tuệ giác xóa bỏ hết ranh giới, cõi nước đất đai ngăn cách bởi ý thức hệ vô minh: Tham, sân, si, mạn... Phật và hằng hà sa chư Phật trong mười phương, cùng chung thọ dụng một ánh sáng báu rực rỡ, lung linh màu sắc, trong đó có ông A Nan và đại chúng cũng có phần thụ hưởng của phần mình, trong bầu thế giới đại đồng, nhất chân huy hoàng ấy. Qua bài học thậm thâm đó, Phật tử chúng ta hãy tự cảnh tỉnh lòng mình:

*Thân tại hải trung hựu mịch thủy
Nhật hành lãnh thượng mạc tâm sơn...*

Ánh sáng mặt trời lúc nào cũng có, chỉ vì mù trong bụng mẹ nên không thường thức được cảnh trúc biếc, mai vàng, thông xanh, mây bạc, thường xuyên phô diễn dưới ánh sáng của gầm trời.

Vấn đề nắm tay và cái thấy; cái thấy là mắt hay là tâm, làm cho người đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, không thể không

phân vân, kiểm tra lập trường nhận thức của mình. Ông A Nan mệnh danh là con người đa văn đệ nhất, thế mà còn lúng túng chưa ngã ngũ được bằng nhận thức của mình huống hồ Phật tử chúng ta chẳng mấy tí đa văn, giải quyết sự kiện ấy còn khó khăn vạn bội. Phật tử đừng xem thường vấn đề thấy, nghe, ngửi, nếm... và vấn đề tâm vật trong đời sống hằng ngày.

Bảo rằng con mắt thấy thì sai lầm, vì thiên cận. Bảo rằng không phải con mắt thấy, càng ngớ ngẩn ngô nghê. Bảo rằng tâm thấy, thì đó là phương tiện của Như Lai chứ chưa hẳn vậy. Bởi vì: "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc". Vậy thì tâm thấy là cái tâm nào ?

Nói rằng tâm thấy, là ý Phật muốn dạy cho ông A Nan biết về "ngũ câu ý thức" về hiện tượng, tỷ lượng và phi lượng của bất thức tâm vương, nói theo thuật ngữ của duy thức học. Tiền ngũ thức, nhãn thức là một, tiếp xúc với ngũ trần, chỉ thông qua hiện lượng. Hiện lượng là sự lượng biết còn trong đệ nhất sát na nghĩa là chưa qua tư duy phân biệt. Sự tiếp thu tiền cảnh của tiền ngũ thức, giống như sự tiếp thu hình ảnh và âm thanh của chiếc máy quay phim màu. Hình ảnh, màu sắc và âm thanh có đủ, nhưng cuộn phim, chiếc máy, thì bình đẳng tiếp thu không mấy may phân biệt. Vậy mà ông A Nan cho rằng mắt thấy thì làm sao không bị Phật quở rầy ! Mắt, chỉ tiếp thu làm tỏ rõ các vật sắc, mà thấy biết là phải có ý thức tâm vương cộng vào.

Nghiã là: Nhãn thức cộng với ý thức tâm vương thành nhãn câu ý thức. Đủ ngàn ấy điều kiện mới thành cái thấy biết của mắt. Vì vậy Như lai nói: Mắt không phải thấy mà thấy là do tâm. Tâm ở đây, chỉ cho tâm vương ý thức vậy.

Do đó, ta thấy rõ: Cái thấy của mắt, chỉ là hiện lượng thôi, cho nên chưa đầy đủ yếu tố để gọi là mắt thấy. Vì vậy:

Nói mắt thấy đã sai

Nói không phải mắt thấy càng sai

Nói tâm thấy, chỉ là Như Lai phương tiện !

Mà phải nói: cái thấy của mắt chỉ là hiện lượng !

*

* *

GẠM HỎI NGHĨA KHÁCH TRẦN NHẢM CHỈ RÕ HIỆN TƯỢNG VỌNG TƯỚNG DIỆT SANH.

VÍ DỤ CHỦ VÀ HƯ KHÔNG ĐỂ KHAI THỊ BẢN THỂ CHƠN TÂM THƯỜNG TRÚ(^)

Bấy giờ đức Thế Tôn giơ cánh tay mềm mại lên, bảo ông A Nan và đại chúng: Sau khi thành đạo, lần đầu tiên ở Lộc Giả Uyển, tôi có dạy cho nhóm ông A Nhã Kiều Trần Như rằng tất cả chúng sanh không thành Vô thượng Bồ Đề và A La Hớn, do vì phiền não khách trần làm mê hoặc. Thuở đó, bọn ông do đâu mà tỏ ngộ, hiện nay được thành chánh quả ?

Ông Kiều Trần Như đứng dậy thưa: Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã già ở trong đại chúng, tôi được cái tên Giải, là do thưở đó tôi tỏ ngộ được ý nghĩa hai chữ khách trần. Khách là người đi đường, khi cần, họ vào quán trọ thuê phòng hoặc ở, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong xếp hành lý lên đường, không ở luôn được, còn người chủ thì ở vĩnh viễn không phải đi đâu nữa. Từ suy nghĩ đó, tôi hiểu ra rằng: Khách có đến, đi; còn chủ thì ở luôn không đi đâu hết.

Về nghĩa chữ trần, thì vào lúc mặt trời mới lên, ánh sáng xuyên vào các kẽ hở, lỗ thủng của mái nhà, nhìn theo làn ánh sáng trong khoảng hư không yên lặng ấy, tôi thấy vô số bụi trần li ti loạn động, cuộn cuộn tuôn bay. Do đó tôi nhận ra được nghĩa chữ trần: Trần thì lay động, còn hư không thì yên lặng tuyệt nhiên !

Phật bảo: Đúng vậy.

Đoạn, Phật đưa tay lên, co năm ngón tay lại rồi mở ra và hỏi:

- A Nan ! Ông thấy gì ?

- Tôi thấy bàn tay Phật, nắm lại rồi mở ra. A Nan đáp.

- Ông thấy tay tôi có nắm có mở hay cái thấy của ông có nắm có mở ?

- Thưa ! Tay Phật có nắm có mở, chứ cái thấy của tôi làm sao có nắm mở được !

- Cái gì động ? Cái gì tĩnh ? Phật hỏi.

- Thừa ! Bàn tay của Phật không yên, chứ cái thấy của tôi còn không có tĩnh thì làm chi có động !

Phật bảo: đúng vậy.

Bấy giờ Phật dùng tay phát ra một luồng ánh sáng, chiếu qua phía bên phải của ông A Nan. Ông A Nan quay nhìn qua bên phải. Phật lại phát qua phía trái, ông A Nan quay đầu nhìn qua phía trái.

Phật bảo: A Nan ! Hôm nay vì sao đầu ông động lay qua lại như thế ?

- Bạch Thế Tôn ! Tôi vì thấy hào quang của Phật phóng ra bên phải và bên trái của tôi. Đầu tôi lay động bởi ngó theo hào quang của Phật.

- Đầu ông lay động quay bên phải bên trái. Vậy cái đầu ông động mà cái thấy của ông có động chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Đầu tôi tự lay động, chứ cái thấy còn không biết nó ở chỗ nào, thì lấy gì mà lay động !

Phật bảo: Đúng vậy.

Bấy giờ, Phật bảo ông A Nan và đại chúng: Rằng mọi người ai cũng có thể nhận biết: Không ở luôn là khách, chủ thì vĩnh viễn không đi đâu. Bụi trần thì lay động còn hư không yên lặng tuyệt nhiên. Có nắm có mở là tay, cái thấy thì không có nắm mở. Quay qua quay lại là đầu, tánh thấy thì không hề xoay chuyển.

Vậy mà, các ông hiện nay lấy cái động làm thân, cái động làm tâm, lấy cái động làm cảnh, bỏ mất đi tâm tánh chơn thường, bất động, yên lặng nó thường ở luôn với mình. Hằng ngày làm những việc trái ngược, nhận vật làm thân, nhận vọng tưởng làm tâm, xoay vần trong đó, tự nhận lấy sự trôi lăn trong sáu nẻo !

*

* *

TRỰC CHỈ

Đọc đến đoạn kinh này, người đệ tử Phật có tư duy tu tập, thiền định ít nhiều, có thể bừng tỉnh ngộ: Rằng thường trú chơn tâm không phải ở đâu xa xôi cách trở, cần phải tìm kiếm hay cầu khẩn van xin mới có. Tìm thường trú chơn tâm cũng không cần ở ngay chánh điện của ngôi chùa đồ sộ nguy nga có tượng Phật to, có đại hồng chung lớn. Tìm chơn tâm thường trú cũng không cần đóng cửa trong một buồng phòng kín và ngồi thờ thần với đôi mắt lim dim. Thường trú chơn tâm muốn tìm nó chỉ cần có chất liệu thiền tư. Thiền tư hay thiền định với nghĩa tư duy quán chiếu. Người đệ tử nào muốn đi trên đường Bồ Đề, Niết Bàn chỉ cần tu tập tư duy quán chiếu thân tâm, cảnh giới quanh cuộc sống hằng ngày của bản thân mình. Đức Phật đã dạy quá rõ ràng. Rằng cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc, cái biết, nói chung là những tác dụng nhận thức của sáu giác quan, Phật bảo chúng không phải chơn tâm, nhưng chúng cũng không rời

ngoài chơn tâm mà có. Biết sử dụng, trong vọng tâm ta tìm thấy chơn tâm thường trú. Không biết sử dụng chỉ có toàn vọng tưởng, bóng dáng của tiền trần; cũng như nước thanh bình thanh trị thì mọi người công dân trong nước là tôi hiền con thảo. Khi thượng bất chánh thì... cũng những công dân ấy trở thành tôi loạn con giặc. Tiền trần luôn luôn thay đổi lúc có lúc không, thì sự hồi tưởng lại cái tướng của tiền trần cũng lúc sanh lúc diệt. Vì vậy, Phật gọi sự hồi tưởng bóng dáng tiền trần vào trong ký ức phân biệt chỉ là vọng tâm, là những phiền não khách trần. Vì là khách cho nên không ở được luôn. Vì là trần nên không có phút giây yên lặng. Phật dạy cho người đệ tử phương pháp tu học để sống với sự an lành, yên lặng, như hư không và quay về với vai trò người chủ, không đi đâu nữa. Vì ngoài người khách đến đi, còn có chủ không đi, ở lại. Trong sự loạn động cuộn cuộn tuôn bay của trần, còn có hư không yên lặng không hề lay chuyển. Trước sự nắm mở duỗi co qua nắm tay của Phật, còn có cái không duỗi co nắm mở đó là cái thấy của ông A Nan. Thế thì, sự nhận thức của sáu giác quan, luôn luôn thay đổi từng sát na, từng phút từng giờ, nhưng ngoài sự thay đổi luôn luôn ấy, con người còn một cái. Cái đó là gì ?... Là chơn tâm thường trú.

Theo lời Phật dạy thì chơn tâm thường trú có thể biểu hiện ở mọi con người, khi trí tuệ con người có khả năng nhận thức được vọng tâm. Nhận được vọng tâm cũng nhận thức được gì là vô minh phiền não khách trần để rồi hóa giải chúng đến độ hoàn toàn sạch bóng.

Sự bác bỏ của Phật đối với ông A Nan về vấn đề tâm thấy hay mắt thấy, sự thật chẳng có gì quan trọng giữa hai thầy trò. Nhằm mục đích giáo dục chúng sanh, Phật bày ra cuộc vấn đáp cho lý cùng trí tận vậy thôi. Giải quyết vấn đề đó, khó khăn gì đối với người đệ tử tinh tấn, đa văn như ông A Nan ấy !

Cái gì thấy ? Mắt có thấy được không ? Thấy cách nào ? Cần bao nhiêu điều kiện để thấy ? Sao gọi là tâm thấy ? Tâm thấy cách sao ? Tâm ở đâu ? ... Bao nhiêu câu hỏi đó, ông A Nan đem pháp tướng học ra giải quyết, dễ như người ta thò tay vô túi mà lấy... tiền tiêu, chẳng có gì khó khăn cả.

--- o0o ---

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ BA

- Trong thân thể vô thường sanh diệt còn có cái thường bất sanh bất diệt
- Rằng ngược xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan, một ý thức chấp mắc
- Lựa bỏ tâm vương víu cảnh duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về
- Vật là đối tượng phân biệt của tâm. Tâm biểu hiện qua tánh thấy là chủ thể phân biệt vật
- Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối chỉ do tiền trần

ngăn ngại mà thôi

- **Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh bồ đề nhiệm màu sáng suốt**
 - **Không có cái nào là tánh thấy**
 - **Tất cả cái nào cũng là tánh thấy**
- **Bồ Tát Văn Thù cầu Phật thương xót... Phật dạy: Tánh thấy không thể đặt vấn đề: "là" hay "không là".**
- **Tánh thấy rời tất cả tướng, nhưng nó không ngoài tất cả Pháp. Giáo lý như duyên vẫn chưa là đệ nhất nghĩa. Thuyết tự nhiên là một nhận thức sai lầm chơn lý vũ trụ.**
- **Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình.**
- **Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và không hòa hợp**
- **Bốn khoa bảy đại vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng**
- **Năm ấm là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng:**
 - Sắc ấm**
 - Thọ ấm**
 - Tướng ấm**
 - Hành ấm**
 - Thức ấm**
- **Sáu nhập là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng:**
 - Nhãn nhập**

Nhĩ nhập
 Tỷ nhập
 Thiệt nhập
 Thân nhập
 Ý nhập

- Mười hai xứ là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.

Sắc và kiến
 Thanh và thính
 Hương và khứu
 Vị và thường
 Xúc và thân
 Pháp và ý

1. TRONG THÂN THỂ VÔ THƯỜNG SANH DIỆT CÒN CÓ CÁI THƯỜNG, BẤT SANH BẤT DIỆT (^)

Ông A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình vô thỉ đến nay bỏ mất bốn tâm, lầm nhận sự phân biệt bóng dáng tiền trần làm tâm. Ngày nay được Phật khai ngộ, như em bé mất sữa bỗng được gặp mẹ hiền, đồng chấp tay lễ Phật, cầu xin chỉ cho chỗ chân vọng thực hư, ở nơi thân tâm hiện tiền phát minh hai tánh: sanh diệt và không sanh diệt.

Bấy giờ vua Ba Tư Nặc đứng dậy thưa:

- Bạch Thế Tôn: Khi chưa được gặp Phật, tôi nghe bọn Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi Tử nói rằng: Thân này chết rồi là mất hẳn, gọi đó là Niết Bàn. Nay tuy được gặp Phật, nghe pháp, nhưng tôi vẫn còn hồ nghi, xin Thế Tôn chỉ dạy, làm thế nào để được nơi thân tâm này cái gì không sanh diệt ?

Phật bảo: Này Đại Vương ! Như Đại Vương đã biết: Cái thân vô thường, vận động, sanh diệt chuyển biến theo năm tháng của thời gian, không có một giây phút, một sát na dừng trụ. Từ thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành, độ thanh xuân nào rồi cũng đến lúc da mồi tóc bạc... mà Đại Vương biết chắc là nó sẽ tiêu mà hoại diệt. Thưa Đại Vương ! Đó là chân lý của cuộc đời; hữu tình vô tình cùng chung một định luật sanh diệt, diệt sanh của vạn pháp hiện tượng.

Nhưng này ! Thưa Đại Vương ! Như Đại Vương vừa nói: Lúc 3 tuổi cùng mẹ đi cúng lễ thần Kỳ Bà Thiên, đó là lần đầu tiên Đại Vương thấy nước sông Hằng, rồi năm 13 tuổi cho đến nay Đại Vương 62 tuổi mà "cái thấy" của Đại Vương thấy nước sông Hằng vẫn y nguyên không sai khác !

Thưa Đại Vương ! Dựa trên khái niệm thời gian tương đối mà đánh giá tuổi tác con người. Hiện nay mặt Đại Vương tuy nhăn, nhưng tánh thấy của Đại Vương không nhăn; tóc Đại Vương bạc, mà cái thấy của Đại Vương không bạc. Cái có bị nhăn, bị bạc là những cái có sanh diệt, đổi thay. Cái không nhăn, không bạc, không bị chi phối bởi luật vô thường thì làm chi có thay đổi ! Có đổi thay thì có hoại diệt, không thay đổi, đồng nghĩa với bất diệt, bất sanh. Đại Vương còn

sợ gì cái thuyết "đoạn kiến" của bọn Mạt Già Lê, bảo rằng: "Thân này chết là mất hẳn"?

Nhà vua nghe lời Phật, nhận biết về sau khi bỏ thân này không phải mất hẳn. Vua và đại chúng hớn hờ vui mừng, được cái chưa từng có.

*

* *

TRỰC CHỈ

Đọc đoạn kinh trên, tôi chợt liên tưởng đến câu thơ của Tố Như tiên sinh, một thi hào Việt Nam, thế kỷ 18 viết:

"... Rằng: những đấng tài hoa
Thác là thể phách, còn là tinh anh".

Cái "Tinh anh" mà Tố Như tiên sinh nói, ta có thể hiểu cái từ: "Linh tri", "Giác Linh", "Linh hồn" hay "Thần thức" tuyệt đại đa số loài người trên mặt đất đều tin tưởng, rằng sau khi con người chết, còn "một cái" trong những từ đó. Nhưng "cái đó" sẽ ở đâu và sẽ đi về đâu, điều đó tùy tập quán tín ngưỡng và tôn giáo mà người đó tôn thờ.

Ở đoạn kinh này, cái "tinh anh" không mất của con người sau khi chết, người đệ tử Phật có thể hiểu đó là: "Bản thể chơn như của hiện tượng vạn hữu", cũng gọi là "Như Lai Tàng" và ta sẽ thấy đức Phật dạy rõ ở những đoạn kinh sau: Bởi vì theo giáo lý Phật không có một hiện tượng sanh diệt

nào rời ngoài bản thể chơn như của nó; cũng như không có một bản thể chơn như nào không biểu hiện qua hiện tượng vạn hữu. Những đợt sóng sanh diệt, sanh trên mặt nước phẳng lặng vốn dĩ bất sanh. Nếu sóng lặng đi rồi, mặt nước phẳng lặng như tờ hãy còn nguyên đó.

Phật khai thị cho vua Ba Tư Nặc và đại chúng: Sắc thân là một hiện tượng, một dạng vật lý cho nên bị chi phối bởi định luật vô thường sanh diệt của vạn pháp hiện tượng hữu vi. Trong cái vô thường còn có cái thường, đó là cái tánh thấy, tánh thấy cũng là một hiện tượng, nhưng là hiện tượng của một dạng tâm lý của bản thể chơn như, cho nên sự sanh diệt của hiện tượng tâm lý chỉ là sự tùy duyên biểu hiện của bản thể. Do vậy, thân già nhưng tánh thấy không già; tóc bạc mà tánh thấy không bạc... Cái có già có bạc có đổi thay rồi sẽ hoại diệt mất đi. Bản thể chân thường thì không chịu sự chi phối của hiện tượng vật lý hữu vi sanh diệt...

"Xuân đến trăm hoa nở
 Xuân đi trăm hoa rụng
 Sự vật đổi thay trông trước mắt
 Già nua biểu hiện mái tóc nâu
 Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
 Trước sân, xuân nọ cành mai hãy còn"

(Xuân đáo bách hoa khai
 Xuân khứ bách hoa lạc
 Sự trục nhãn tiền quá
 Lão tùng đầu thượng lai

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai)

MÃN GIÁC THIÊN SƯ

Mai nở mai rụng là hiện tượng sinh diệt của hoa mai trong một thời kỳ 5 đến 7 ngày. Còn cây mai trước sân của đêm xuân hôm ấy, sẽ tiếp nối trưởng thành để rồi xuân tới và xuân tới nữa cứ lại trở hoa mai...

*

* *

2. RẰNG NGƯỢC RẰNG XUÔI CHỈ LÀ SỰ ÁP ĐẶT CHỦ QUAN, MỘT Ý THỨC CHẤP MẮC !(^)

Ông A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, chắp tay quỳ gối và thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Nếu tánh thấy thật không sanh diệt, có sao Thế Tôn lại gọi bọn chúng tôi là bỏ mất chơn tánh làm việc trái ngược ? Xin Phật mở lòng thương xót rửa sạch trần cấu cho chúng tôi !

Bấy giờ Phật duỗi cánh tay hướng xuống đất bảo ông A Nan rằng:

- Ông thấy tay tôi như thế này là xuôi hay ngược ?

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Mọi người thế gian cho như vậy là ngược, còn tôi thì không biết thế nào là ngược, thế nào là xuôi.

Nếu người thế gian cho như vậy là ngược thì họ gọi thế nào là xuôi ?

- Như Lai đưa cánh tay hướng lên trên không thì gọi là xuôi.

Bấy giờ Phật đưa cánh tay lên và bảo ông A Nan: Cái trái ngược của các ông là ở chỗ đó chỉ một việc thay đổi lẫn nhau, vậy mà người thế gian gán cho cái thấy một ý niệm *Ngược, Xuôi* ! A Nan ! Thân ông và thân Như Lai chẳng khác gì nhau, nhưng thân Như Lai là pháp thân thanh tịnh chánh biến tri giác, còn ông thì gọi là người làm việc trái ngược bỏ mất chân tánh. Vậy ông hãy chín chắn nghĩ suy tìm xem sự trái ngược của thân ông và thân Phật khác ở chỗ nào ?

Ông A Nan và đại chúng chăm chăm ngó Phật mắt không lay động chẳng biết thân tâm trái ngược do ở nơi đâu ?

Đức Phật khởi lòng thương xót, phát tiếng hải triều, bảo khắp đại chúng: Các thiện nam tử ! Tôi thường nói: Sắc, tâm và tâm Sở pháp đều duy tâm hiện. Thân tâm các ông chỉ là vật ở trong chân tâm minh diệu. Tại sao các ông bỏ mất đi cái chân tâm minh diệu quý báu mà nhận lấy cái mê trong ngộ ?

A Nan ! Do mê muội nhận thấy không. Cái không phải không, nhận cho là sắc. Sắc có xen tướng thì nhận đó là thân. Cảnh sắc bên ngoài phản ánh tư tưởng bên trong rồi cho cái tác dụng nghĩ ngợi lằng xằng là tâm tánh. Một phen làm cho đó là tâm thì quyết định cũng làm cho "tâm ở trong thân". Do đó, không thể hiểu được rằng: Sắc, tâm, núi, sông, đất liền cho đến cả hư không đều là những vật trong Chân Tâm Minh Diệu. Thật chẳng khác trăm ngàn biển lớn sạch trong chỉ nhận một cái bọt nước rồi cho đó là nước của toàn thể đại dương. Bọn các ông là kẻ mê trong những người mê, chỉ một cánh tay tôi mà nẩy sanh quan *niệm Ngược xuôi*, tranh biện. Như Lai gọi các ông là những người đáng thương xót.

*

* *

TRỰC CHỈ

Duy thức luận nói:

"Danh sư hồ vi khách
Kỳ tánh ưng tâm tư"

Đứng bên mặt chơn tể, vạn pháp vốn không có tuổi tên. Đặt ra tên tuổi là do biến kế chấp của ý thức con người. Bên mặt tục đế, xã hội loài người không thể không đặt tên sự vật để khái niệm để nhận thức và xưng gọi. Đặt cho sự vật vạn pháp một danh ngôn để xưng gọi mà con người sống phù hợp theo tánh hiện thực khách quan của nó, thì cũng chẳng

có gì tội lỗi đáng trách. Trái lại, đó còn là một yêu cầu tự nhiên của quá trình tiến hóa, cho cuộc sống loài người. Tai hại của danh ngôn là do sanh lòng chấp mắc. Chỉ một cánh tay Phật duỗi xuống mà sanh khởi ý niệm ngược xuôi. Mầm mống tranh chấp thị phi dựa trên cơ sở "biến kế" ấy phát sanh. Cái cánh tay hiện thực, thì mọi người đánh mất cái vai trò Như Thị khách quan của nó. Lấy một cánh tay Phật làm ước lệ, để chỉ rõ cho đại chúng cái tánh chất tai hại của "biến kế danh ngôn". Do "biến kế sở chấp", con người không nhận thức đúng tự tánh "y tha khởi" của sự vật hiện tượng. Vì vậy, con người không sao biết được tánh "thẳng nghĩa" "chơn như" và tánh "thường như viên thành thật" của hiện tượng vạn pháp.

*Cùng là thân, mà thân Phật gọi là pháp thân thanh tịnh Chánh biến tri giác. Bởi vì Như Lai làm chủ bản thân, làm chủ vạn pháp, làm chủ tâm tánh mình. Như Lai nhìn hiện tượng vạn pháp với cái **Tri kiến Vô kiến**. Vì vậy, Như lai là bậc **Pháp Vương**. Ông A Nan và tất cả chúng sanh nhận thức vạn pháp theo **Tri Kiến Lập Tri** cho nên Phật gọi là những người làm việc trái ngược bỏ mất chơn tánh.*

"Sắc, tâm và tâm Sở pháp đều duy tâm hiện". Chữ tâm phải được hiểu là đệ bát thức Alaya. Chỉ có đệ bát Alaya mới đủ tiêu chuẩn là "Chân tâm minh diệu".

Duy thức luận nói:

"Tính duy vô phú, ngũ biến hành

.....

Hạo hạo tam tàng bất khả cùng
 Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong
 Thọ huân trì chủng căn thân khí..."

*Nếu cho rằng tâm ở trong thân, chẳng khác nhận một cái bong bóng nước cho là nước của toàn thể đại dương. Nên biết rằng sắc, thân, núi, sông, đất liền... cho đến cả hư không, đều là những vật trong **Chân Tâm Minh Diệu** ấy !*

*

* *

3. LỰA BỎ TÂM VƯƠNG VÍU CẢNH DUYÊN ĐỂ CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG CHỖ TRẢ VỀ(^)

Ông A Nan nghe lời dạy bảo thâm thiết của Phật, sung sướng rơi nước mắt, vòng tay mà bạch Phật rằng: Tôi nghe diệu âm của Phật, dù nhận rõ chân tâm minh diệu vốn là tâm địa thường trú viên mãn, nhưng chỉ nhận trên pháp âm Phật nói. Tôi đang dùng tâm vương víu cảnh duyên thỏa mãn lòng ái mộ Phật. Tôi cũng chỉ nhận thức được một cách mơ hồ chưa dám nhận đó là tâm địa vốn có của mình. Mong Phật thương xót dùng viên âm dạy bảo, nhổ gốc nghi ngờ cho tôi được về với đường vô thượng giác.

Phật bảo: Bọn ông còn lấy tâm vương víu cảnh duyên mà nghe pháp, thì pháp đó cũng chỉ là pháp tướng vương víu

tạm thời, chưa phải nhận được pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ trăng, người trí nương ngón tay để tìm thấy trăng, nhưng nếu cho ngón tay là trăng, thì không bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất luôn cả ngón tay nữa; vì ngón tay mà đã tưởng là trăng, thì cũng không biết thế nào là sáng, thế nào là tối ! Nay ông lấy sự phân biệt pháp âm của tôi mà cho là tâm, thì lúc không có pháp âm, lẽ ra ông phải còn phân biệt. Ví như người ngủ trọ, hết ngủ thì đi, còn chủ quán trọ thì vĩnh viễn ở luôn không đi đâu nữa. Cũng vậy, nếu thật là tâm của ông thì không đi đâu, tại sao rời âm thanh thuyết pháp của tôi, cái phân biệt của ông không còn ? Sự phân biệt về âm thanh đã vậy. Sự phân biệt sắc, hương, vị, xúc, cho đến các phi sắc phi không của pháp trần cũng vậy. Rời đối tượng phân biệt ra cái phân biệt của ông phải thường còn, thì đó mới thật là tâm tánh của ông. Trái lại, hễ đối tượng không có, phân biệt cũng không còn, thế là tâm tánh của ông có chỗ trả về, như khách đến rồi đi, không còn là địa vị chủ nhân ông thường trú.

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu tâm tánh tôi có chỗ trả về, vậy cái chơn tâm minh diệu Như Lai nói, vì sao lại không có chỗ trả về ? Xin Phật thương xót vì chúng tôi dạy bảo.

Phật bảo: A Nan ! Cái thấy mà ông thấy tôi, dù không phải là chân tâm minh diệu, nhưng nó là tánh thấy trong sáng chưa nhuốm trần lao. Nó như vành trăng thứ hai chứ không đến

nổi như bóng trắng đáy nước. Ông hãy chín chắn lòng nghe, nay tôi chỉ cho ông cái nghĩa không chỗ trả về.

A Nan ! Đại giảng đường này mở rộng, phương đông mặt trời lên thấy sáng suốt. Đêm ba mươi không trăng mây mù, thấy tối đen. Chỗ có cửa mở thấy thông thương. Chỗ có tường thấy ngăn bít. Chỗ có phân biệt được thấy cảnh sắc. Chỗ trống trơn thấy hư không. Chỗ bụi cát tung lên thấy mịt mù. Chỗ mưa tạnh mây tan thấy quang đãng.

A Nan ! Ông đã thấy các tướng biến hóa như vậy, nay tôi trả các tướng ấy về chỗ bản nhơn của nó. A Nan ! Cái sáng trả về cho mặt trời, vì không mặt trời thì không sáng; bản nhơn cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả về cho mặt trời. Tối đen trả về cho đêm ba mươi. Thông thương trả về cho cửa. Ngăn bít trả về cho tường. Cảnh sắc trả về cho phân biệt. Hư không trả về cho khoảng trống. Mịt mù trả về cho cát bụi. Quang đãng trả về cho mưa tạnh mây tan. Sự vật thế gian tuy nhiều, nhưng không ngoài các thứ đó. Còn cái thấy mà ông thấy tám thứ đó, ông định trả nó về đâu ? Nếu ông trả về cho sáng thì lúc không có sáng lẽ ra ông không thấy được tối. Nhưng trước mắt ông, sáng và tối có sai khác mà cái thấy của ông thì không sai khác. Cái có chỗ trả về hẳn nhiên không phải là ông. Còn cái thấy không thể trả về đâu, nếu không phải ông thì là ai len vô đó ?

Vậy nên biết rằng: Tâm ông vốn nhiệm mầu, thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê mờ bỏ mất gốc, nhận chịu luân hồi

thường bị chìm đắm trong biển sanh tử. Thế nên Như Lai gọi các ông là những người đáng thương xót !

*

* *

TRỰC CHỈ

Nghe mà sanh lòng hoan hỷ, sung sướng rơi nước mắt là thành tựu bước đầu: "âm hưởng nhân" của người đệ tử Phật. Sanh lòng ái mộ, nhận rõ chân tâm minh diệu qua pháp âm Phật, nhưng chỉ nhận một cách mơ hồ đầy là hiện tượng "nhu thuận nhân" được phát sanh. Chưa dám nhận chân tâm diệu minh là tâm địa vốn có của mình, vì ông A Nan bấy giờ chưa thể nhập "vô sanh pháp nhẫn".

Nghe pháp mà chỉ nghe bằng tâm vương víu pháp âm, dù là pháp âm Phật, thì cũng chưa lắng nghe được pháp tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp vốn có ở lòng mình. Phải tự uống trà mới biết hương vị của trà ngon. Chỉ nghe nói trà ngon thì mới biết hương và vị trà không đời nào hiểu đúng. Nương ngón tay để nhìn trắng, chứ ngón tay không bao giờ là trắng được.

Dùng tâm phân biệt tiếp nhận pháp âm Phật, tâm đó không thể là chơn tâm được, vì nếu pháp âm không còn nữa thì cái tánh "thường trú" cũng đã mất theo. Chả lẽ ông A Nan lúc bấy giờ đã trở thành người gỗ đá vô tri vô giác ! Đối với sắc, hương, vị, xúc cũng vậy. Tiền trần lúc có lúc không,

nhưng cái tâm thanh tịnh "vô phân biệt" của con người không vì tiền trần mà theo sanh theo diệt. Phát hiện được cái tâm thanh tịnh "vô phân biệt" vốn có của mình, Phật gọi đó là "chơn tâm thường trú". Cái đó không có chỗ trả về.

Thế gian, hiện tượng tuy nhiều, nhưng tóm thu, không ngoài tám tướng: Sáng, tối, thông, bí, sắc, không, trong, đục. Tám tướng đều có thể trả về chỗ sở nhơn phát sanh ra nó. Nhưng tánh thấy của ông A Nan nhận thấy tám tướng kia, không thể trả về đâu. Rõ ràng cái tánh thấy ấy là của ông A Nan chớ chẳng phải của ai khác. Tiền trần đối tượng có đến có đi, có sanh có diệt, như người "khách" cho nên ví "khách trần". Nhận thức chủ thể thường xuyên hiện hữu, như "chủ" cho nên gọi: "chơn tâm thường trú".

Dù vậy, sự thường trú của tánh thấy chỉ là hiện tượng biểu hiện của chơn tâm, chớ chưa phải chơn tâm, nên ví vành trăng thứ hai, chưa phải mặt trăng thật. Nói cách khác đó là chân tâm, bên mặt hiện tượng tùy duyên. Chừng nào nhận thức và thể nhập Bản Thể bất biến của chơn tâm mới gọi là người thấy được mặt trăng thật.

Ô hô ! Pháp hải u huyền trần tâm nan hội ! Chơn tâm hạo đảnh như nguyệt lâm thủy diện, bát khai thủy diện, nguyệt hoàn thâm !

*

* *

4. VẬT LÀ ĐỐI TƯỢNG PHÂN BIỆT CỦA TÂM. TÂM BIỂU HIỆN QUA TÁNH THẤY LÀ CHỦ THỂ PHÂN BIỆT VẬT(^)

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn: Tuy tôi biết tánh thấy không thể trả về, nhưng làm sao biết được đó là chơn tánh của tôi ?

Phật bảo: A Nan ! Ông chưa được quả vô lậu, nhờ thần lực Phật mà thấy được cõi Sơ thiên: trong khi, ông A Na Luật thì thấy cõi Diêm phù đề như quả quýt để trên bàn tay. Bồ Tát thấy cùng tột các quốc độ thanh tịnh của mười phương chư Phật. Còn chúng sanh thì thấy chẳng được xa hơn gang tấc.

A Nan ! Tôi cùng ông xem cung điện Tứ Thiên Vương, chẳng giữa các hiện tượng đất liền biển cả và hư không, tuy có nhiều hình sắc khác nhau, sáng tối không đồng, nhưng không cái gì không phải tiền trần đối tượng phân biệt. Những thứ mà ông thấy, ông hãy lựa xem cái gì là chủ thể, cái nào là đối tượng phân biệt của ông ?

A Nan ! Cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng... cho đến thất kim sơn, xem xét khắp cùng, dù có thấp cao lớn nhỏ và màu sắc không đồng nhưng cũng đều là vật chớ chẳng phải ông. Lặn xem mây kéo, chim bay, gió động, bụi tung, cây, rừng, sông, núi, cỏ, hoa, súc vật... cho đến con người đều là vật chớ chẳng phải ông.

A Nan ! Các vật gần xa đó, tuy khác nhau, nhưng đều do tánh thấy thanh tịnh (hiện lượng, đệ nhất sát na) của ông.

Các vật loại kia có sai khác mà tánh thấy của ông thì không sai khác. Tánh thấy sáng suốt nhiệm màu đó, rõ là chủ thể phân biệt của chính ông, chứ còn ai nữa ! Nếu tánh thấy là vật, thì ông đã thấy cái thấy của tôi. Nhưng sự thật thì không như vậy. Điều đó chứng minh rằng: tánh thấy không phải vật, mà là chủ thể phân biệt của chính ông. Sự thể quá rõ ràng, sao ông còn nghi ngờ cái chơn tánh của ông ? Chơn tánh của ông, ông không tự nhận, vương chấp pháp âm của tôi mà cầu thực chứng thì làm sao có được ?

*

* *

TRỰC CHỈ

Tánh thấy tức là nhãn thức. Nhãn thức là một trong tám thức tâm vương. Tánh thấy thanh tịnh, sáng suốt nhiệm màu, vì tiếp thu trần cảnh, nó chỉ thu nhận "tánh cảnh" và "hiện lượng" cho nên tự tánh của cái thấy vốn không có tội lỗi gì. Nó là hiện tượng biểu hiện của chơn tâm, nó gần với bản chất thanh tịnh của chơn tâm hơn các hiện tượng khác, nên ví nó như vành trăng thứ hai do mắt nhắm mà thấy, chứ nó không hư ảo, đảo điên như bóng trăng in đáy nước.

Nếu một tánh thấy để đơn cử công dụng phát thức của một căn. Kỳ thật tánh cảnh hiện lượng là đặc tánh chung của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, năm thức trước. Năm thức trước hoạt động trong một bối cảnh "tùy duyên". Chỉ có ý thức đối với sự hoạt động của con người, tương đối nó thường trú túc

trực hơn năm thức trước. Nó chỉ không hiện hữu ở năm trường hợp: Vô tướng thiên, vô tướng định, diệt tận định, ngủ không chiêm bao và chết ngất.

*Sáu thức tác động vào sáu căn, biểu hiện ra thành sự nhận thức của con người. Đối tượng nhận thức của năm thức trước là "tánh cảnh" nghĩa là những sự vật có bản chất cụ thể, rờ, mó, cầm, nắm được, gọi đó là **VẬT**. Chủ thể nhận thức thì biểu hiện thông qua sáu giác quan (lục căn), nhưng vì không bản chất chỉ có tác dụng thì gọi đó là **TÂM**. **TÂM** và **VẬT** đều là "hiện tượng" biểu hiện phát xuất từ **Thể tánh tịnh minh, Như Lai Tàng bản thể**:*

Không gian cộng thời gian là bản thể Như Lai tàng vậy.

*

* *

5. TÁNH THẤY KHÔNG LỚN NHỎ ĐÚT NÓI CHỈ DO TIỀN TRẦN NGĂN NGẠI MÀ THÔI(^)

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu tánh thấy là tôi, không phải ai khác, khi Như Lai và tôi xem cùng điện Tứ Thiên Vương, mặt trời, mặt trăng cùng lúc thấy khắp cõi Ta bà, khi trở về tịnh xá chỉ thấy khu đất già làm, đến trai đường chỉ còn thấy giới hạn của một căn phòng.

Thưa Thế Tôn ! Tánh thấy vốn khắp cùng một cõi, mà nay ở trong nhà chỉ thấy một gian phòng. Vậy tánh thấy lớn rút lại

thành nhỏ hay do tường nhà ngăn chặn làm cho đứt đoạn ?
 Điều đó, tôi chưa hiểu, xin Phật từ bi chỉ dạy !

Phật bảo: A Nan ! Tất cả các hiện tượng xa gần lớn nhỏ trong ngoài của thế gian đều thuộc tiền trần, ông không nên nói tánh thấy có giãn ra hay rút lại. Tánh thấy vốn khắp trùm phổ biến ví như hư không. Đặt cái đồ vuông thì dung tích hư không vuông, để cái vật tròn thì dung lượng khoảng hư không tròn. Nếu muốn hư không, không vuông, không tròn, chỉ cần bỏ đi những cái đồ khí mảnh ấy mà không cần có ý nghĩa phải loại bỏ tướng vuông tròn của hư không. Như lời ông hỏi: Khi vào phòng cái thấy bị rút lại, hay bị vách nhà ngăn đứt ? Nghĩa đó không đúng. Nếu vào phòng nhỏ, cái thấy bị rút lại, vậy khi trông xa phải kéo giãn ra ? Nếu vào nhà bị vách cắt đứt, khi xoi một lỗ nhìn ra cái thấy phải có dấu nối ?

A Nan ! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay làm mình là vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn đầy sáng suốt, ngồi ở một chỗ mà đầu mày không hàm chứa mười phương quốc độ.

*

* *

TRỰC CHỈ

"Tánh kiến giác minh, Giác tinh minh kiến, thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện". Đó là ý tứ của một đoạn kinh sau, Đức Phật dạy về ý nghĩa công dụng của thất đại. Rằng tánh thấy vốn là "giác minh" nó là cái "tinh kiến", nghĩa là tánh thấy không trải qua "tỷ lượng" và "phi lượng" sai lầm, mà luôn luôn ở trong phạm vi "hiện lượng". Nó thanh tịnh bản nhiên, nó khắp cùng pháp giới, đáp ứng yêu cầu tâm tưởng chúng sanh, theo nghiệp của mỗi loài mà biểu hiện. Ví như hư không, tùy đồ vật: Cốc, ly, chum, chóa mà biểu hiện theo hình thể vuông tròn sâu cạn mà thể tánh hư không thanh tịnh bản nhiên, khắp đầy thế giới, không hạn cuộc trong một hình thức khuôn khổ nào.

Chúng sanh dứt sạch mê lầm **Ngã Pháp**, phản chiếu hồi quang, xoay về Thể tánh tinh minh, thể nhập Như Lai Tàng vốn có, chuyển vật, làm chủ lấy mình, bấy giờ chợt thấy rằng: Vật tâm bất nhị, chúng sanh Phật không hai. Một là tất cả, tất cả là một. Ngay nơi chỗ ngồi, mỗi đầu mày lông hàm chứa cõi nước mười phương chư Phật.

*

* *

6. TÁNH THẤY VÀ VẬT BỊ THẤY VỐN LÀ TÂM TÁNH BỔ ĐỀ NHIỆM MÀU SÁNG SUỐT(^)

K

hông có cái nào là tánh thấy.(^)

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu tánh thấy là tâm tánh nhiệm màu của tôi, hiện ở trước mắt tôi, thì thân tâm tôi là vật gì, mà thân tâm có phân biệt, tánh thấy kia thì không phân biệt được thân tôi ?

Phật bảo: A Nan ! Ông nói tánh thấy ở trước mắt ông không đúng. Nay tôi cùng ông ngồi trong rừng Kỳ Đà, trông khắp suối rừng điện đường, trên thì mặt trời mặt trăng, trước có sông Hằng. Ông hãy đưa tay chỉ trong các tướng kia: Chỗ rậm là rừng, phát ra ánh sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, mênh mông băng lãng là hư không, đến cả cỏ cây mảy mún, lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có hình thì không cái gì không chỉ ra được. Ông bảo rằng tánh thấy hiện ở trước mắt ông, vậy ông hãy chỉ chính xác, gì là tánh thấy ?

A Nan ! Ông nên suy nghĩ: Nếu hư không là tánh thấy, thì còn cái gì là hư không ? Nếu vật là tánh thấy, còn cái gì là vật ? Ông hãy chín chắn lựa chọn trong muôn vàn hiện tượng, tách tánh thấy nhiệm màu thanh tịnh ấy ra và chỉ cho tôi xem cụ thể rõ ràng, như các vật mà không làm lộn ?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Nay tôi ở giảng đường, trông xa đến sông Hằng... nhìn cao đến mặt trời, mặt trăng, những cái chỉ được, đều là vật chứ không có cái nào là tánh thấy.

Bạch Thế Tôn ! Lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng Thanh Văn, sơ học chúng tôi, dù cho các Bồ Tát cũng không thể ở

nơi hiện tượng vạn pháp chỉ ra cái nào là tánh thấy rời ngoài mọi vật.

Phật dạy: Đúng vậy ! Đúng vậy !

T

ất cả cái nào cũng là tánh thấy.(^)

Phật bảo: A Nan ! Như lời ông nói: Rời tất cả vật, tánh thấy không có. Trong tất cả vật đã chỉ ra được, không có cái nào là tánh thấy. Giờ đây ông cùng tôi ngồi trong rừng Kỳ Đà này, ta hãy nhìn xem vườn rừng cho đến mặt trời, mặt trăng, và vô vàn hình tượng, trong đó không có cái thấy để ông chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó, cái nào không phải tánh thấy.

Ông A Nan bạch Phật: Rằng, tôi trông khắp rừng Kỳ Đà, tập trung tâm ý, quan sát tư duy, nhưng không tìm ra trong đó cái nào không phải tánh thấy. Vì sao ? Nếu cây không phải tánh thấy, sao thấy được cây ? Cho đến, nếu hư không, không phải tánh thấy làm sao thấy được hư không ? Nhưng nếu hư không là tánh thấy, thì sao lại là hư không. Tôi nay suy nghĩ chín chắn và phát minh trong muôn vàn hiện tượng, không cái nào không là tánh thấy.

Phật bảo: Đúng vậy ! Đúng vậy !

*

* *

TRỰC CHỈ

Đức Phật đã bao lần mở rộng lòng từ định ninh dạy dỗ, vậy mà ông A Nan vẫn còn mơ hồ trong nhận thức về cái tánh thấy: Rằng tánh thấy là tâm tánh hay không là tâm tánh của ông.

Sự mê mờ về tâm tánh chưa lóe tí ánh sáng khả quan nào, thì lại chông lên một sai lầm mới. Rằng tánh thấy hiện ở trước mắt.

*Xét cho cùng, ông A Nan chưa nhận rõ cái tánh thấy cũng có lý của ông. Bởi vì muốn nhận thức tinh tường vấn đề này, cần phải được học hiểu kỹ về **Kiến Đại**:*

... "Tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác, thanh tịnh bản nhiên, chú biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện".

Từ trước đến đây, trong nhận thức của ông A Nan chỉ xoay sở quần quanh qua bóng dáng của pháp trần và ý thức. Ông chỉ nghe và tiếp thu mơ hồ về "kiến tinh minh giác". Thể tánh của kiến tinh là hiện lượng, phát xuất từ Như Lai tàng. Ông A Nan chưa có khái niệm vững vàng về nguồn tư tưởng sâu thẳm của môn pháp tánh học này. Vì vậy, ông chỉ tiếp nhận và đề cao vai trò phân biệt của ý thức minh liễu ở trong ông. Ông chưa hiểu cái ý thức minh liễu mà ông có, cũng chỉ là sản phẩm của Như Lai tàng được biểu hiện thông qua "ngũ câu ý thức". Ông chưa hiểu vấn đề "tánh kiến giác minh" "kiến tinh minh giác". Từ đó, nảy ra ý niệm

hoang mang ngờ vực: Rằng tánh thấy là tâm tánh, hay không là tâm tánh ? Tánh thấy ở trước mắt, hay không ở trước mắt... ?

Qua cuộc vấn đáp trắc nghiệm giữa hai thầy trò Phật đồng ý với ông A Nan rằng:

"Không có một vật nào là tánh thấy".

Cuộc trắc nghiệm lại được tiếp theo. Rồi Phật cũng đồng ý và xác định với ông A Nan rằng:

"Không có một vật nào không phải là tánh thấy".

Sự xác định của đức Phật đối với ông A Nan rõ là mâu thuẫn lạ kỳ, làm cho ông A Nan và đại chúng dao động hoang mang cao độ. Đại chúng vẫn biết rằng: lời nói của Như Lai là chơn chánh là thành thật, không tráo trở, dối gạt phỉnh phờ. (Như Lai thị chơn ngữ giả, thật ngữ giả, bất dị ngữ giả, bất cuồng ngữ giả). Và sự thật, Như Lai khai thị cho ông A Nan và đại chúng về chơn lý "bất tức bất ly" của bản thể và hiện tượng. Là hiện tượng, không có hiện tượng nào không ở trong bản thể. Một bản thể, không bản thể nào không biểu hiện thông qua hiện tượng. Hiện tượng không là bản thể, nhưng bỏ hiện tượng tìm bản thể, như bỏ sóng tìm nước không sao có nước. Bản thể không rời hiện tượng nhưng bảo hiện tượng là bản thể, như trẻ con, ngõ sóng là nước thì không sao biết được nước là gì. Sóng không là nước, nhưng sóng không rời nước. Nước không là sóng, nhưng nước không rời sóng. Nước và sóng bất tức bất ly".

Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh nhiệm màu cũng "bất tức bất ly" như vậy.

*

* *

7. BỒ TÁT VĂN THÙ CẦU PHẬT THƯƠNG XÓT... PHẬT DẠY: TÁNH THẤY KHÔNG THỂ ĐẶT VẤN ĐỀ: "LÀ" HAY "KHÔNG LÀ" (^)

Bấy giờ trong đại chúng, những vị chưa chứng quả vô học, nghe Phật khai thị chân lý thậm thâm ấy, mờ mịt chưa hiểu thế nào, sanh lòng sợ hãi, không giữ được chánh niệm.

Như Lai biết đại chúng tâm ý rối loạn, khởi lòng từ an ủi ông A Nan và đại chúng: Các thiện nam tử ! Bạch vô thượng pháp vương, lời nói chân thật, đúng như tánh chân như, không dối gạt và lừa đảo quanh như bốn thứ nghị luận bất tử của bọn Mạt Già Lê. Các ông hãy suy nghĩ chín chắn, chớ phụ lòng thương xót của tôi.

Bấy giờ Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, thương xót hàng tứ chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đánh lễ Phật, chấp tay cung kính thưa rằng: Bạch Thế Tôn ! Đại chúng đây không hiểu được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa: "Là" hay "Không là" đối với cái thấy và sắc không. Bạch Thế Tôn ! Nếu những hiện tượng sắc không tiền cảnh là cái thấy thì lẽ ra có chỗ chỉ được. Nếu không là cái thấy thì lẽ ra không thể thấy. Nay đại chúng không hiểu nghĩa ấy do đâu, nên mới

kinh sợ, chớ không phải vì thiện căn nhiều đời ít ỏi. Kính mong Như Lai thương xót phát minh chỉ rõ các vật tượng ấy và cái thấy vốn là thứ gì mà rời ngoài các ý nghĩa: "Là" hay "Không là" như vậy ?

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù và đại chúng:

Thập phương Như Lai và các đại Bồ Tát tự trụ tam ma đề, thì cái "thấy" cái "bị thấy" và các nhớ nghĩ, tưởng tượng đều như hoa đóm trong không chẳng có thật. Bản thể của chúng vốn là tâm tánh Bồ Đề nhiệm màu, thanh tịnh sáng suốt, cho nên trong đó không có vấn đề: "Là" hay "Không là".

Văn Thù ! Nay tôi hỏi ông: Như ông là Văn Thù, còn có "là Văn Thù" hay "không là Văn Thù" nữa chăng ?

Bạch Thế Tôn, Văn Thù thưa. Thật vậy, tôi, thật Văn Thù thì không thể có "là Văn Thù". Vì sao ? Nếu có "Là" hay "Không là" hóa ra đã có hai Văn Thù. Nhưng tôi là Văn Thù không còn có Văn Thù nào khác, cho nên không thể đặt vấn đề "Là" hay "Không là".

Phật bảo: tánh thấy nhiệm màu sáng suốt và các thứ sắc không cũng như vậy. Tất cả là biểu hiện của chân tâm thanh tịnh tròn đầy, là Bồ Đề vô thượng, trong sáng nhiệm màu. Vì mê lầm, nhận là sắc, không, thấy, nghe, ví như mặt trăng thứ hai. Sự thật mặt trăng vốn không thêm bớt, do mắt lừa mà thấy ra như vậy. Trong đó không thể đặt vấn đề: Cái nào "là" trăng, cái nào "không là" trăng. Các ông phát minh ra cái thấy và trần cảnh bị thấy đều là vọng tưởng. Không thể trong

đó, nêu ra cái nào "là" cái nào "không là". Tất cả đều là chân tánh nhiệm màu, một thể sáng suốt thanh tịnh, cho nên vượt ngoài sự "chỉ" hay "không chỉ" được của các ông.

*

* *

TRỰC CHỈ

Lục căn của con người, ở mặt trái của nó, người ta chỉ biết qua cái công dụng thấy, nghe... tâm thường của nó. Những cái thấy nghe đó, thường làm cho con người đau đầu, nhức óc căng thẳng thần kinh hơn là làm cho con người hưởng được những phút giây thoải mái. Ít có ai phát hiện phía mặt thật của lục căn mình. Mặt thật của lục căn, thiền gia gọi là "bản lai diện mục" của chúng ta.

Bản lai diện mục của con người, vốn trong trắng hiền lành, an nhiên tự tại, chẳng vương vô minh, không vương triền phược. Từ vật lý đến tâm lý của con người, thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới. Vì vậy, không thể đem thứ ý thức thô phù vọng tưởng để phân biệt đúng đâu là cái thấy và đâu không là cái thấy.

Pháp giới tánh hàm dung bất nhị. Như Lai tàng bản thể nhất chân. Một là tất cả. Tất cả là một. Còn lấy cái nào để chỉ cái nào? Còn gì vô lý bằng khi người ta lấy tay chỉ đây là vàng, kia không là vàng trong toàn thân con sư tử vàng duy nhất.

*

* *

8. TÁNH THẤY RỜI TẤT CẢ TƯỞNG, NHƯNG KHÔNG NGOÀI TẤT CẢ PHÁP. GIÁO LÝ NHƠN DUYÊN VẪN CHƯA LÀ ĐỆ NHẤT NGHĨA, THUYẾT TỰ NHIÊN LÀ MỘT NHẬN THỨC SAI LẦM CHƠN LÝ VỮ TRỤ(^)

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời pháp vương dạy: tâm tánh cùng khắp mười phương thế giới, yên lặng thường trú, không có sanh diệt. Song nếu đem lời dạy này, so sánh với thuyết của Phạm Chí Sa Tỳ Ca La về "minh đế" và thuyết của bọn ngoại đạo Đầu Khôi về "chân ngã khắp cùng", khác nhau chỗ nào ?

Hồi ở núi Lăng Già, Thế Tôn dạy cho ông Đại Huệ rằng: Bọn ngoại đạo thường nói "tự nhiên" còn Phật thì nói "nhân duyên".

Tôi nay suy nghĩ cái tâm tánh vốn "tự nhiên", vì nó không phải sanh cũng không diệt. Nó xa rời tất cả điên đảo hư vọng. Tôi nghĩ cái "tự nhiên" này khác với thuyết "tự nhiên" của bọn ngoại đạo. Xin Thế Tôn khai thị cho chúng tôi để được tâm tánh sáng suốt, khỏi rơi vào tà kiến.

Phật bảo: A Nan ! Như Lai đã dùng phương tiện chỉ dạy như vậy mà ông còn chưa tỏ ngộ, lại lầm là "tự nhiên".

A Nan ! Nếu là "tự nhiên" thì ông thử chứng minh cái gì là "tự thể" của cái "tự nhiên" ấy ? Ông hãy xét kỹ tánh thấy nhiệm màu lấy cái gì làm tự ? Lấy sáng làm tự hay lấy tối làm tự ? Lấy rỗng không làm tự hay lấy ngăn bít làm tự ?

A Nan ! Nếu lấy sáng làm tự lẽ ra không thấy được tối. Nếu lấy rỗng không làm tự lẽ ra không thấy được ngăn bít. Bởi vì nếu lấy sáng làm tự, thì đến khi tối tánh thấy đã diệt mất đi rồi làm sao thấy được tối... ?

Bạch Thế Tôn ! A Nan thưa, tánh thấy nhiệm màu này, chắc không phải tự nhiên. Nay tôi phát minh tánh thấy do "nhân duyên" sanh. Xin Như Lai dạy cho, tôi phải hiểu thế nào cho hợp với tánh "nhân duyên" của Phật ?

Phật bảo: Ông nói tánh thấy, do "nhân duyên". Vậy tôi hỏi ông: Tánh thấy đó, nhân sáng mà thấy hay nhân tối mà thấy ? Nhân trống không mà thấy hay nhân ngăn bít mà thấy ? Nếu nhân sáng mà thấy thì lẽ ra không thấy được tối. Nhân tối thì cũng như vậy...

Ông bảo rằng cái thấy do "duyên" cũng không đúng. Duyên sáng mà thấy hay duyên tối mà thấy ? Duyên rỗng không mà thấy hay duyên ngăn bít mà thấy ? Nếu duyên ngăn bít mà thấy, lẽ ra không thấy được rỗng không. Duyên tối... cũng lại như vậy.

A Nan ! Ông nên biết: tánh thấy nhiệm màu, sáng suốt, không phải "thân" không phải "duyên", không phải tự nhiên, không phải không tự nhiên, không có cái "phải", hay "không

phải". Không có cái "là" hay "không là". Nó "rời" tất cả tướng; nhưng nó không ngoài tất cả pháp. Ông đem các danh tướng hí luận thế gian mà nhận thức phân biệt, chẳng khác lấy tay nắm bắt hư không chỉ thêm nhọc sức.

Bạch Thế Tôn ! A Nan thưa, cái tâm tánh nhiệm màu, nếu không phải nhân duyên, có sao Đức Thế Tôn đã từng dạy các Tỳ-kheo, rằng tánh thấy có bốn duyên: Khoảng không, ánh sáng, tâm và mắt ?

Phật bảo: Đó là tôi nói về các tướng nhân duyên thế gian, không phải đệ nhất nghĩa.

A Nan ! Các người thế gian khi họ nói: "tôi thấy". Vậy thế nào họ gọi là thấy, thế nào gọi là không thấy ?

A Nan thưa: Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng hoặc đèn mà thấy các sắc tướng, họ gọi đó là thấy. Nếu không có các thứ ánh sáng đó, họ gọi là không thấy.

Phật bảo: Nếu lúc không có ánh sáng mà gọi là không thấy thì lẽ ra lúc đó không thấy tối. Nếu đã thấy tối thì đó chỉ là không sáng, chứ không phải không thấy. Nếu lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy thì lúc sáng không thấy tối cũng nên gọi là không thấy. Vậy thì sáng tối cả hai đều là không thấy !

A Nan ! Thực tế không phải vậy. Tối và sáng tự lẫn át nhau, tánh thấy của ông chẳng có lúc tạm không. Do đó, biết rằng tối và sáng đều thấy. Và, khi thấy sáng, tánh thấy không phải

sáng. Lúc thấy tối, tánh thấy không phải tối. Lúc thấy không, tánh thấy không phải hư không. Khi thấy bít, tánh thấy không phải tướng bít.

Ông nên biết rằng:

Tánh thấy trong khi thấy, tánh thấy đó không phải là tánh thấy bản thể. Tánh thấy đó còn cự ly đối với tánh thấy bản thể. Tánh thấy đó chưa là tánh thấy bản thể.

Với tầm vóc sâu xa nhiệm màu của tâm tánh, ông lại đem những thuyết nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp, không hòa hợp mà luận đàm, không sao đến được. Các ông là Thanh Văn hẹp hòi, nông cạn, không nhận được thật tướng thanh tịnh. Nay tôi chỉ dạy, ông khéo suy nghĩ, không được biếng trễ trên đường Bồ Đề !

*

* *

TRỰC CHỈ

Tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng vạn hữu phát xuất từ đâu, thế giới và con người do gì sanh là vấn đề tư tưởng ở vào tâm cỡ trọng đại. Từ thượng cổ hun hút xa xưa, đến nay thế kỷ 20 gần hết mà vẫn chưa có được sự nhất trí nào của con người, dù là người cùng chủng tộc, ngữ ngôn trong một nước !

Đức Phật ra đời này đã tròn 25 thế kỷ. Trước Phật đã có, cùng thời với Phật cũng có nhiều dị phái triết gia, họ cũng đề ra chủ thuyết, cắt nghĩa vấn đề thế giới và con người, tức là vấn đề vũ trụ nhân sanh quan của họ. Chủ thuyết thì nhiều; mỗi mỗi giải thích trình bày theo sở kiến mình, thật đa dạng và phong phú. Có điều không mấy lạc quan là khi đúc kết các dòng tư tưởng, người ta thấy không có chủ thuyết nào giống với chủ thuyết nào. Nhóm phạm chí Sa tì Ca La chủ trương "minh đế". Phái ngoại đạo Đâu Khôi chủ trương "thần ngã". Phái ngoại đạo tự nhiên đề xướng thuyết "tự nhiên". Phái Đại Phạm tôn sùng Phạm Thiên. Sau này có các phái chủ trương "Thiên chủ tạo vật", đảng "A La", "Huyền thiên thượng đế" ...

Với Thế Tôn ta, Đức Phật không chủ trương có một đảng "siêu nhiên", "siêu nhân" như vậy.

Đứng bên mặt hiện tượng vạn hữu, Phật dạy.

Vạn Pháp Nhơn Duyên Sanh.

Đứng bên mặt bản thể chơn như,

Phật dạy:

Phi nhơn duyên; Phi tự nhiên. Phi hòa; Phi hợp. Pháp nhĩ như thị.

Kế thừa truyền thống đó, 600 năm, sau Phật Niết Bàn, thuyết Chơn như duyên khởi được dựng lên, Mã Minh Bồ Tát đường hoàng tuyên bố...

"Nhất thiết chư pháp, từng bản dĩ lai, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng, bất khả phá hoại, duy thị nhất tâm, cố danh chân như"...

*

* *

9. DO NHẬN THỨC SAI LÀM KHIẾN CHO CON NGƯỜI BỎ MẤT BẢN TÂM THANH TỊNH BẢN GIÁC THƯỜNG TRÚ CỦA MÌNH(^)

Ông A Nan bạch Phật: Thế Tôn đã vì chúng tôi, chỉ dạy về nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và không hòa hợp. Tâm chúng tôi còn chưa tỏ ngộ. Nay nghe Phật dạy: Tánh thấy trong khi thấy, tánh thấy đó không phải tánh thấy bản thể... làm cho chúng tôi càng thêm mờ mịt. Cúi xin Phật thương xót bố thí tuệ nhãn, khai thị cho chúng tôi về bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú.

Phật bảo: A Nan ! Ông được năng khiếu nhớ lâu, nhưng cái đó chỉ giúp cho ông phân học rộng. Đối với pháp Chỉ Quán thâm sâu mầu nhiệm ông còn chưa rõ. Tôi sẽ vì ông chỉ bày và cũng khiến cho những người hữu lậu tương lai được quả Bồ Đề.

A Nan ! Tất cả chúng sanh trong thế gian, luân hồi sanh tử do hai thứ nhận thức sai lầm kết thành nguyên nhân lưu chuyển.

Một, nhận thức sai lầm biệt nghiệp. Ví như người bệnh mắt hóa lòa, ban đêm trông ngọn đèn thấy có vàng tròn năm màu. Cái vàng tròn năm màu vốn không thực có đối với người không bị bệnh lòa. Nhưng nó không phải không có đối với người mắc bệnh. Vàng tròn ấy không phải màu sắc của cái thấy hay của đèn. Nó không tự sanh, cũng không phải do đèn hay do mắt đã sanh. Nguyên nhân của vàng tròn, do mắt bệnh hóa lòa. Cái vàng tròn và cái thấy vàng tròn đều là bệnh lòa. Nhận thấy được bệnh lòa thì tánh thấy đó không bệnh. Do đó, không nên nói cái vàng tròn năm màu là của đèn hay của cái thấy. Cũng không được nói: Rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy. Lại ví như vành trăng thứ hai. Nó không phải trăng mà cũng không phải bóng. Vành trăng đó vốn không có, nên không thể gán cho nó "phải" hay là "không phải" mặt trăng. Mặt trăng thứ hai có là do động tác của ngón tay ấn mắt. Người trí không nên bảo: Đó là hình trăng, hay không phải hình trăng. Đó là cái thấy hay ra ngoài cái thấy. Vàng tròn năm màu cũng vậy. Nó do bệnh lòa thành có. Gọi nó là của đèn hay của cái thấy đều là sai. Ráng sức đấu tranh, rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy càng thêm hí luận.

Hai, nhận thức sai lầm cộng nghiệp. A Nan ! Cõi Diêm phù đề, trừ nước biển bao la, trong đó đất bằng có 3.000 châu. Ở

giữa có một châu lớn. Chung quanh có đến 2.300 nước. Châu nhỏ chỉ có hai nước thôi. Những chúng sanh trong một nước gặp phải năm thời tiết không thuận hòa thì cùng thấy những hiện tượng bất thường: Hoặc thấy sao phương, sao sa, và chỉ có những người trong nước đó thấy, chúng sanh trong nước kế cận thì không thấy và cũng không nghe.

A Nan ! Nay tôi đem hai việc đó kết hợp so sánh làm thí dụ để chỉ cho ông.

A Nan ! Cái nhận thức sai lầm biệt nghiệp của chúng sanh, ví như người bệnh mắt, trông thấy ngọn đèn hiện ra vàng tròn năm màu, tưởng là cảnh thật trước mắt. Sự thật vàng tròn do bệnh lòa của người đau mắt tạo thành. Lòa là bệnh của cái thấy, không phải sắc tướng tạo ra. Cái thấy, thấy được bệnh lòa cái thấy đó vốn không có bệnh. Cũng vậy, hiện nay ông dùng con mắt xem thấy núi sông cảnh giới và các chúng sanh đều do bệnh lòa vô minh tạo thành. Cái thấy và cái bị thấy không thể tách rời ra. Do vô minh, chúng sanh vọng kiến thấy tiền cảnh in tuồng là "vật đối lập" với mình. Sự nhận thức sai lầm đó do bệnh lòa **NĂNG KIẾN, SỞ KIẾN** của tâm tánh giác minh thanh tịnh. Chừng nào nhận thức rằng: Cái thấy, thấy vàng tròn năm màu là bệnh, thì sự nhận thức đó vốn không có bệnh. Đó là ý nghĩa thâm sâu: "Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập". Bản chất của tánh thấy là: tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác, thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới.

A Nan ! Do nhận thức sai lầm nghiệp riêng, người bệnh lòa thấy ngọn đèn có vàng tròn năm màu. Do nhận thức sai lầm nghiệp chung, chúng sanh cùng thấy những hiện tượng bất thường. Do nhận thức sai lầm vô thí, tất cả chúng sanh nhận lấy các bệnh: Tham, sân, si... Ta, người, thương ghét... để rồi nhận lấy sanh tử khổ đau của các nguyên nhân đau khổ đó. Nếu xa rời các bệnh duyên "năng", "sở" thì chúng sanh mười phương đồng chung bản thể cùng một tâm tánh nhiệm mầu. Tất cả đều viên mãn tánh Bồ Đề trong bản giác thường trú của mình.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Đoạn kinh này Phật nêu ra hai thứ vọng kiến: **Biệt nghiệp** và **Đồng Phận**. Biệt nghiệp vọng kiến là vọng kiến của cá nhân. Đồng phận vọng kiến là vọng kiến của xã hội.*

Sự thật của biệt nghiệp vọng kiến vốn không có cái vàng tròn năm màu quanh một ngọn đèn.

Sự thật của đồng phận vọng kiến là những hiện tượng bất thường... chỉ có với những người cùng ở trong một nước gặp phải năm thời tiết bất hòa.

Cá nhân vọng kiến chỉ vì bệnh lòa mà vàng tròn năm màu sanh ra.

Xã hội vọng kiến chỉ do cùng ở chung một nước mà những hiện tượng bất thường... được thấy.

Người không bệnh mắt, vàng tròn không có trước đèn.

Chúng sanh nước kế cận không chung quốc độ nên những hiện tượng bất thường không có.

Như Lai Thế Tôn, vì không vọng kiến vô thi, nên thấy "pháp giới bất nhị". Như Lai tàng thanh tịnh "nhất châu".

Chúng sanh bị nhận thức sai lầm vô thi, cái thấy trở thành các bệnh: Ngã, nhân, bỉ, thử, thủ, xả thân, sơ... Đó là trần lao, là vô minh bụi bặm. Chúng che lấp mất cái bản thể vốn thanh tịnh của Chơn tâm thường trú.

Ngày nào chúng sanh xa rời vọng kiến sẽ nhận thức rõ pháp giới nhất chân. Chúng sanh trong mười phương đồng một tâm tánh nhiệm mầu. Hiện tượng vạn hữu chỉ là "vật trang trí" từ thường trú chơn tâm biểu hiện.

Do vậy, Như Lai nói: tánh thấy trong khi thấy, tánh thấy đó không phải tánh thấy bản thể. Tánh thấy đó còn cự ly với tánh thấy bản thể. Tánh thấy đó chưa là tánh thấy bản thể vốn thanh tịnh bản nhiên...

Lời dạy thâm thâm của Phật, nhưng thiết tưởng không có gì vượt quá tâm thiên định tư duy của người hành giả đệ tử Như Lai.

* *

10. TÁNH THẤY NGOÀI HAI NGHĨA: HÒA HỢP VÀ KHÔNG HÒA HỢP(^)

Phật bảo: A Nan ! Dù ông đã ngộ tâm tánh bản giác nhiệm màu sáng suốt, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên, nhưng ông còn chưa rõ tâm tánh sanh ra do hòa hợp hay không hòa hợp.

A Nan ! Ông nghĩ kỹ xem, tánh thấy nhiệm màu thanh tịnh của ông nó hòa với ánh sáng hay hòa với tối ? Hòa với thông hay hòa với ngăn bít ? Nếu hòa với sáng, hiện nay ông thấy sáng, tánh thấy hòa chỗ nào: Tánh thấy và tướng sáng có thể nhận được, còn cái hình trạng "hòa" ra sao ? Nếu tướng sáng ngoài tánh thấy, làm sao thấy được sáng ? Nếu tướng sáng là tánh thấy, hóa ra thấy được tánh thấy, hóa ra thấy được tánh thấy, còn gì vô lý bằng ? Với tướng tối, tướng thông và tướng bít cũng vậy.

Lại nữa, A Nan ! Hiện nay tánh thấy nhiệm màu sáng suốt của ông, nó hợp với sáng hay hợp với tối ? Hợp với thông hay hợp với bít ? Nếu hợp với sáng, đến khi tối tướng sáng mất đi rồi, tánh thấy không còn hợp được với tối, làm sao thấy được tối ? Nếu không hợp với tối mà thấy được tối, khi hợp với sáng lẽ ra không thấy được sáng ! Đã không thấy được sáng, làm sao hợp với sáng và biết được sáng không phải là tối ? Với tướng thông, tướng bít cũng vậy.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Nay tôi lại nghĩ: Tánh thấy nhiệm màu đối với trần cảnh và các tướng niệm nhớ nghĩ không hòa hợp chăng ?

Phật bảo: Nay ông lại nghĩ: rằng tánh thấy không hòa hợp với sáng hay không hòa hợp với tối ? Không hòa với thông hay không hòa với bí ? Nếu không hòa với sáng thì giữa tướng sáng và tánh thấy phải có lằn ranh. Ông hãy xét kỹ: Chỗ nào là tướng sáng, chỗ nào là tánh thấy ? Chỗ nào là ranh giới giữa hai thứ kia ? A Nan ! Nếu trong tướng sáng không có tánh thấy, tướng sáng và tánh thấy không đến nhau, tất nhiên tánh thấy sẽ tối, tướng thông và tướng bí cũng vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ

Tánh thấy là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh đã được Phật hướng dẫn quá rõ ràng. Nêu hai vấn đề: Biệt nghiệp vọng kiến và đồng phận vọng kiến ở đoạn trước, cũng nhằm chỉ rõ tánh chất sai hại của tánh thấy, khi tánh thấy bị nhận thức sai lầm.

... "Tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác, thanh tịnh bản nhiên chu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện". Nhận rõ tính chất thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới của tánh thấy thì những vấn

đề: nhân duyên, tự nhiên hay phi nhân duyên, phi tự nhiên; hòa, hợp hay phi hòa hợp tất cả đều trở thành hí luận !

*

* *

11. BỐN KHOA BẢY ĐẠI VỐN LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG(^)

A Nan ! Ông còn chưa rõ, tất cả tướng phù trần hư huyền đều là vật huyền sanh huyền diệt trong bản thể Như Lai tàng. Các huyền vọng gọi là tướng, tánh thực của tướng là thể giác minh màu nhiệm (Diệu giác minh thể). Năm âm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, nhân duyên hòa hợp vọng gọi là sanh, nhân duyên chi ly vọng gọi rằng diệt. Chúng sanh không biết sự sanh diệt đi lại, chỉ là sự vận hành biến dịch màu nhiệm của Như Lai tàng. Sự vật hiện tượng luôn luôn chuyển hóa lẫn nhau. Trong Như Lai tàng tìm cho ra tử sanh mê ngộ đến đi, không thể được.

*

* *

12. NĂM ÂM LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG(^)

**Sắc âm
Thọ âm
Tướng âm**

Hành ẩm Thức ẩm

1. Sắc ẩm:

A Nan ! Sao gọi năm ẩm là tánh chân như màu nhiệm biểu hiện của Như Lai tàng ?

A Nan ! Ví như có người dùng mắt trong sáng nhìn hư không thanh tịnh, chỉ thấy hư không trong suốt không có gì khác. Mắt người kia bỗng dưng mờ dần mỗi một, trông hư không thấy hoa đốm lăng xăng, các tướng huyền hư rối loạn. Sắc ẩm cũng như vậy.

A Nan ! Các hoa đốm không phải từ hư không đến, không phải từ con mắt ra. Nếu từ hư không đến, hư không chẳng còn là hư không nữa. Nếu từ mắt ra, ắt phải có lúc trở vào. Nếu vậy, khi ra thành hoa đốm làm mờ loạn hư không, lúc vào tại sao không thấy con mắt ?

Sắc ẩm là hư vọng không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên.

2. Thọ ẩm

A Nan ! Ví như có người tứ chi an ổn, cơ thể điều hòa, không bị vui buồn tác động, tịch tĩnh như quên mình. Bỗng nhiên người kia đưa hai tay lên không xoa nhau, sanh cảm xúc: nóng, lạnh, trơn, rít... Thọ ẩm cũng như vậy.

A Nan ! Những cảm xúc hư vọng kia, không phải từ hư không đến. Không phải từ bàn tay ra. Nếu từ hư không đến sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao không sanh cảm xúc ở thân thể ? Không lẽ hư không biết lựa chỗ để sanh cảm xúc ?

Thọ ấm là hư vọng không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên.

3. Tưởng ấm

A Nan ! Ví như nghe nói quả mơ chua, miệng người kia tươm nước bọt. Nghĩ đứng chỗ chênh vênh, lòng bàn chân cảm nghe ghê rợn. Tưởng ấm cũng như vậy.

A Nan ! "Mơ chua", vốn là một âm thanh, nó không phải từ quả mơ, không phải từ miệng vào. Nếu do mơ ra, quả mơ tự nói, sao phải đợi người ta nói. Nếu do miệng vào, lẽ ra miệng tự nghe, cần chi đến lỗ tai ! Nếu riêng lỗ tai nghe, sao nước bọt không chảy lỗ tai lại tươm ra miệng ? Nghĩ đứng chỗ chênh vênh cũng vậy.

Tưởng ấm là hư vọng, không phải nhân duyên không phải tự nhiên.

4. Hành ấm

A Nan ! Ví như dòng nước dốc cuộn cuộn tương tục tuôn thác. Dòng nước không nhân hư không sanh, không nhân nước có. Nó không phải tánh nước nhưng không ngoài hư không và nước. A Nan ! Nếu nhân hư không sanh, mười

phương hư không vô tận, nước vô tận, thế gian này chìm đắm cả rồi sao ? Nếu nhân nước có, dòng nước dốc không là nước sữa. Bởi vì, ai cũng có thể chỉ tướng của nước và dòng nước khác nhau.

Hành ấm là hư vọng, không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên.

5. Thức ấm

A Nan ! Ví như có người lấy cái độc bình to bịt miệng, trong có đựng đầy hư không, đi xa ngoài nghìn dặm, tặng cho một nước khác. Hư không đó, chẳng phải đến từ bên nước kia, cũng không phải đưa vào nước bên này. Vì, nước được tặng, hư không chẳng dôi thêm ra. Nước đem cho không vì vậy, hư không vơi bớt.

Thức ấm là hư vọng, không phải nhân duyên cũng không phải tự nhiên.

*

* *

TRỰC CHỈ

Bốn khoa bảy đại chỉ là hiện tượng trong Như Lai tàng. Như Lai tàng là bản thể của tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu.

Vấn đề "Hiện tượng vạn hữu do gì sanh", cho đến thế kỷ 20 này vẫn còn là một vấn đề chưa ngã ngũ. Một vấn đề mà loài người sẽ nói mãi, có lẽ không bao giờ có sự nhất trí với nhau.

Bảo rằng hiện tượng vạn hữu do "đấng tạo vật sanh", ở vào thời đại văn minh này, người ta cho đó là quan niệm ngây thơ ấu trĩ. Bảo rằng do "tự nhiên sanh" đó là một thứ tri kiến của người không tri kiến tí nào. Bởi vì trước mắt mọi người, không có cái gì "tự nhiên" cả.

Với nền giáo lý Phật, trong những năm dài thuyết giáo, Phật thường dạy cho các đệ tử: rằng "vạn pháp do nhân duyên sanh"... Cái chân lý đó, càng ngày càng rạn vỡ. Thế kỷ 20 này, loài người tiến đến đỉnh cao của trí tuệ, của khoa học văn minh người ta đã chứng minh được rằng một nguyên tử, hạt cơ bản của nguyên tử cũng chưa phải là một đơn vị "tự nhiên" mà nó còn kết hợp bởi những tính... và chất... mà người ta chưa tìm ra ngôn từ tương xứng để xưng gọi. Sự gặp gỡ đó, ta có thể tự hào và kết luận rằng: giáo lý "nhân duyên"... Của Phật giáo là niềm vui hãnh diện của những người đệ tử có lòng tín mộ tôn thờ Đức Phật làm vị "Bổn sư" mình.

Vậy mà ở kinh Thủ Lăng Nghiêm này. Đức Phật thẳng thắn nói với ông A Nan: rằng giáo lý "nhân duyên" mà Như Lai nói chưa phải thứ giáo lý "**Liễu nghĩa**". Quả là một tiếng sấm lưng trời ! Nói "đấng tạo vật" sanh, bị Phật rầy; nói "thần ngã" sanh, bị Phật trách; nói "Phạm Thiên" sanh, bị

Phật chê; nói "tự nhiên" sanh, bị Phật bác; nói "đấng A La" sanh, Phật không chịu; nói "hòa hợp" sanh, bị Phật nạn,; nhớ lời Phật dạy, nói "nhân duyên" sanh, nay cũng không xong ! Vậy thì:

A ? Cái gì sanh vũ trụ vạn hữu ?

Người học Phật cần tư duy, phải tư duy sâu sắc, nhà Phật gọi là "tham thiền". Người ta thường thắc mắc, khi tham thiền phải tham những gì ? Thì đây chính là "thoại đầu" là một đề tài lớn để cho người đệ tử Phật "tham" và "tọa":

"Vũ trụ vạn hữu do gì sanh ?"

Tham cho đến khi trí tuệ bừng sáng, tháo gỡ hoàn toàn cái gút thắt của vấn đề, chừng đó, hành giả chợt thấy:

"Bát nhã hoa khai vạn pháp, tức tâm, tức Phật"

"Bồ đề quả thực Nhất chân phi sắc phi không".

*

* *

13. SÁU NHẬP LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG(^)

Nhãn nhập

Nhĩ nhập

Tỷ nhập

Thiệt nhập

Thân nhập Ý nhập

1. Nhãn nhập

A Nan: Vì sao bản tánh của sáu nhập vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng ?

A Nan ! Con mắt khi ngó chăm chú... sanh ra sự mỗi một. Tánh thấy và sự mỗi một đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Như hai thứ vọng trần sáng và tối phát sanh tánh thấy bên trong, thu nhập các trần tướng gọi đó là tánh thấy. Tánh thấy rời hai trần sáng và tối không có tự thể. A Nan, ông nên biết, tánh thấy không phải từ sáng hay tối mà đến, không phải từ mắt ra, không phải từ hư không sanh. Nếu từ sáng đến thì lúc tối nó đã theo sáng diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ tối đến, lúc sáng nó đã theo tối diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy sáng. Nếu do mắt sanh, không cần có sáng tối thì mắt chẳng thấy được gì, đồng như không có thấy. Nếu do hư không ra thì lúc ngó ra thấy các trần tướng, khi xoay vào ắt phải thấy mắt và mặt. Và nếu thật vậy, thì hư không tự thấy nào có tương quan gì với sự thu nạp của ông ? Vì vậy, biết rằng nhãn nhập là hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

2. Nhĩ nhập

A Nan ! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Do tai mỗi một hóa ra có nghe. Tánh nghe và sự một mỗi đều

là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Như hai thứ vọng trần động và tĩnh sanh tánh nghe bên trong, thu nạp các trần tượng gọi đó là tánh nghe. Tánh nghe rời hai trần động và tĩnh không có tự thể. A Nan ! Ông nên biết, tánh nghe đó không phải từ động tĩnh đến, không phải từ tai ra, cũng không phải do hư không có. Vì vậy biết rằng nhĩ nhập là hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

3. Tỷ nhập

A Nan ! Nếu bịt hai lỗ mũi, bịt lâu thành mỗi một, trong lỗ mũi có cái xúc lạnh lạnh. Như xúc đó phân biệt được thông và nghẹt, rộng đặc cho đến các mùi thơm thối... Tánh ngữi và sự mỗi một đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Như hai vọng trần, thông và nghẹt phát ra tánh ngữi ở trong, thu nạp các trần tượng gọi đó là tánh ngữi. Tánh ngữi rời hai trần thông và nghẹt không tự thể. Tánh ngữi không phải từ thông và nghẹt mà đến, không phải từ lỗ mũi ra cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng tỷ nhập là hư vọng, vốn không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

4. Thiệt nhập

A Nan ! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh mỗi một, nếu người đó có bệnh thì có vị đắng, người không bệnh thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt đắng, mà bày tỏ tánh nếm, khi không động thường có tánh nhạt. Tánh

nêm và sự mỗi một đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Nhơn hai thứ vọng trần nhạt và ngọt phát sanh tánh nêm ở trong, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh biết nêm. Tánh biết nêm rời những trần: ngọt nhạt, đắng cay... Không có tự thể. A Nan ! Sự biết ngọt biết nhạt không phải từ ngọt nhạt đến, không phải từ lưỡi ra cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng thiệt nhập là hư vọng vốn không phải nhơn duyên cũng không phải tự nhiên.

5. Thân nhập

A Nan ! Ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu lực bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng trở thành lạnh. Nếu lực bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh hóa ra nóng. Do sự cảm nhận trong lúc hợp mà nhận biết lúc rời ra. Giữa thể tương quan đó, phát ra mỗi một và cảm xúc. Tánh cảm xúc và mỗi một đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Nhơn hai vọng trần hợp và ly phát ra sự hiểu biết ở trong, thu nạp các trần tướng, đó gọi là tánh biết xúc. Tánh biết xúc rời hai trần ly và hợp, trái và thuận không có tự thể. A Nan ! Tánh biết xúc không phải từ hợp ly đến, không phải từ trái thuận ra cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng thân nhập vốn hư vọng, không phải nhơn duyên cũng không phải tự nhiên.

6. Ý nhập

A Nan ! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ chán thức dậy. Nhận biết trần cảnh, thì nhớ, lúc hết nhớ gọi là quên.

Các sự việc ấy sanh khởi, tồn tại thay đổi rồi mất đi. Cứ theo cái vòng lẩn quẩn mà hấp thụ không lộn lạo, không chông chát rối loạn, gọi đó là "ý tri căn". Ý tri căn và sự mỗi một đều là hiện tượng phát sanh từ thể tánh Bồ Đề trong sáng. Nhơn hai thứ vọng trần sanh diệt, nhóm tánh biết ở trong, thu nạp pháp trần, dòng thấy nghe chảy ngược mà không chỗ đến, gọi đó là sự hiểu biết (tức là ý tri căn hay ý nhập). Tánh hiểu biết này rời hai trần tướng: Thức, ngũ, sanh diệt nó không có tự thể. A Nan ! Ý căn hay sự hiểu biết đó, không phải từ thức, ngũ đến, không do sanh diệt có, không phải từ ý căn phát ra cũng không phải do hư không sanh. Nếu từ thức đến lúc ngũ nó đã diệt theo thức mất đi rồi còn lấy gì làm ngũ. Nếu cho rằng khi sanh mới có hiểu biết, thì lúc diệt nó đã không còn, làm sao biết được diệt. Nếu do diệt có, lúc sanh không còn diệt thì lấy gì mà biết là sanh. Nếu do hư không sanh thì hư không tự biết nào có dính dáng gì chỗ thu nạp của ông ? Vì vậy, biết rằng ý nhập là hư vọng vốn không phải nhơn duyên cũng không phải tự nhiên.

*

* *

14. MƯỜI HAI XỨ LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG(^)

Sắc và kiến
Thanh và thính
Hương và khứu

Vị và thường Xúc và thân Pháp và ý

1. Sắc và kiến (*Sắc trần và tánh thấy*)

A Nan ! Vì sao 12 xứ là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng ?

A Nan ! Ông hãy xem rừng Kỳ Đà, ao khe cây cảnh, tất cả hiện tượng kia. Ông nghĩ thế nào ? Sắc tướng sanh tánh thấy hay tánh thấy sanh sắc tướng ?

A Nan ! Nếu tánh thấy sanh sắc tướng thì lúc trông thấy hư không, không có sắc tướng, tánh thấy đã mất rồi, còn lấy gì để nhận biết được tướng hư không ? Nếu sắc tướng sanh tánh thấy, vậy khi thấy hư không, không có sắc tướng thì lấy gì để biết được hư không và sắc tướng ? Với hư không cũng như vậy.

2. Thanh và thính (*thanh trần và tánh nghe*)

A Nan ! Ông nghe trong trai đường ở rừng Kỳ Đà này, dọn đồ ăn xong thì đánh trống, lúc họp chúng đánh chuông. Tiếng chuông trống lần lượt nói nhau.

A Nan ! Ông nghĩ thế nào ? Tiếng đến chỗ nghe hay tánh nghe đến chỗ tiếng ?

A Nan ! Nếu tiếng đến chỗ tánh nghe, vậy khi tiếng đến chỗ ông A Nan, khiến cho ông A Nan được nghe, thì ông Mục Kiền Liên, ông Ca Diếp v.v... lẽ ra không thể đồng nghe cùng một lúc. Ví như khi tôi khát thực ở thành Thất La Phiệt thì ở rừng Kỳ Đà này có cả 1250 vị sa môn, khi nghe tiếng chuông, đồng đến chỗ thọ trai một lượt. Nếu như tánh nghe của ông đến bên tiếng thì lúc ông nghe tiếng trống, có tiếng chuông lẽ ra ông không thể nghe được. Cũng như khi tôi đã về rừng Kỳ Đà thì không thể có mặt ở thành Thất La Phiệt nữa. Sự thật, không những ông nghe tiếng trống tiếng chuông mà ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác cùng một lúc. Còn nếu trống và tánh nghe không đến nhau thì không có gì để gọi là nghe cả. Vậy nên biết rằng: tánh nghe và tiếng cả hai đều là hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

3. Hương và khứu (*Hương trần và tánh ngửi*)

A Nan ! Ông hãy ngửi hương chiên đàn trong lư đầy, hương này nếu đốt một lạng thì cả thành Thất La Phiệt đều được ngửi được mùi thơm. Ông nghĩ thế nào ? Mùi thơm sanh do gỗ chiên đàn ? Do lỗ mũi ? Hay do hư không ? Nếu do lỗ mũi sanh thì nó từ lỗ mũi ra. Nhưng lỗ mũi không phải chiên đàn thì sao lại có được mùi thơm chiên đàn ? Nếu từ hư không sanh, tánh hư không thường nhiên thì mùi thơm cũng phải thường nhiên, cần chi phải đốt chiên đàn trong lư mùi thơm mới có ?

Nếu mùi thơm từ gỗ chiên đàn sanh, cần gì phải đợi đốt thành khói mới có chất thơm loan tỏa trong thành ? Vì vậy, biết rằng: Hương trần và tánh ngữi không xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

4. Vị và thường (*Vị trần và tánh nếm*)

A Nan ! Thường thì ông trì bát khát thực ngày hai lần. Có khi được tô, lạc, đề hồ, là những vị ngon. Ông nghĩ thế nào ? Vì do hư không sanh ? Do lưỡi ? Hay do đồ ăn sanh ?

A Nan ! Nếu vị do lưỡi sanh, trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi làm sao biết được các vị: ngọt, chua và đắng ? Nếu do đồ ăn sanh, đồ ăn thì vô tri giác làm sao biết được vị ? Nếu vị từ hư không sanh, vậy ông hãy nếm xem hư không vị gì ? Vì vậy, biết rằng: Vị trần và tánh biết nếm không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

5. Xúc và thân (*Xúc trần và tánh cảm thụ*)

A Nan ! Thường buổi sớm mai ông lấy tay xoa đầu. Ông nghĩ thế nào ? Trong sự nhận biết xoa đầu, ông thử phân tích cái nào năng xúc cái nào sở xúc ? Năng xúc ở tay hay ở đầu ? Nếu ở tay, đầu không biết làm sao thành xúc ? Nếu ở đầu, tay vô dụng cũng không gọi là xúc được. Nếu tay lẫn đầu đều biết xúc, vậy một mình ông có hai cái xúc. Thế thì trong ông có cả hai con người ? Và lại, nếu đầu và tay đồng một cảm xúc, thế thì cả hai cùng một tự thể. Nếu một tự thể thì không sở không năng, cái nghĩa cảm xúc không thành lập

được. Nếu là hai thể thì cảm xúc ở phía nào ? Ở bên năng thì không ở bên sở. Ở bên sở, không có bên năng. Không lẽ hư không làm cho ông có xúc ? Vì vậy, biết rằng: Xúc và thân không xứ sở, cảm biết xúc cùng xúc trần đều hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

6. Pháp và ý (*Pháp trần và ý*)

A Nan ! Ý căn thường duyên với ba tánh. Thiện, ác và vô ký mà sanh pháp trần. Pháp trần đó tức tâm sanh hay ly tâm sanh ?

A Nan ! Nếu tức tâm sanh pháp trần thì pháp trần không còn trần nữa. Vì nó không là pháp sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được ? Bảo rằng ly tâm riêng có chỗ sanh cũng không được. Thử hỏi: Bản tánh của pháp trần có biết hay không biết ? Nếu có biết thì không thể ly tâm. Nếu không biết thì nó ngoài sắc, thanh, hương, vị, xúc, ngoài hợp, ly, nóng, lạnh; ngoài cả hư không. Vậy thì pháp trần ở chỗ nào ? Hiện tại trong sắc không v.v... Không thể chỉ cái gì là pháp trần. Chẳng lẽ trong như gian lại có cái... ngoài hư không ? Nếu không có đối tượng sở duyên thì ý căn do đâu thành lập xứ ? Vì vậy, biết rằng: pháp trần cùng ý căn không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

--- o0o ---

Tập I

---o0o---

CHƯƠNG THỨ BA (tiếp theo)

- Mười tám giới là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.

Nhãn thức giới

Nhĩ thức giới

Tỷ thức giới

Thiệt thức giới

Thân thức giới

Ý thức giới

- Bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng.

Địa đại hoàn nguyên

Thủy đại hoàn nguyên

Hỏa đại hoàn nguyên

Phong đại hoàn nguyên

Không đại hoàn nguyên

Kiến đại hoàn nguyên

Thức đại hoàn nguyên

- Ông A Nan và đại chúng tán dương Phật, phát nguyện và trình Phật những điều tâm đắc của mình.

MƯỜI TÁM GIỚI LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỪ NHƯ LAI TÀNG [^]

Nhãn thức giới

Nhĩ thức giới

Tỷ thức giới

Thiệt thức giới Thân thức giới Ý thức giới

1. Nhãn thức giới

A Nan ! Vì sao 18 giới là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng ?

A Nan ! Như ông đã biết: Nhãn căn và sắc trần làm duyên sanh nhãn thức. Nhãn thức như nhãn căn sanh, lấy nhãn căn làm giới hay như sắc trần sanh, lấy sắc trần làm giới ?

A Nan ! Nếu bảo rằng như nhãn căn sanh, thử hỏi: Nếu không có sắc và không thì cái thức cũng chẳng dùng vào đâu được. Tánh thấy ngoài hình sắc và hiển sắc ra, không thể biểu hiện. Thế thì dựa vào đâu mà thành lập giới ? Bảo rằng như sắc trần sanh. Vậy lúc không có sắc trần, chỉ có hư không lẽ ra cái thức của ông bị diệt mất đi rồi, làm sao ông biết được hư không ? Bảo rằng: Do nhãn căn và sắc trần chung hợp sanh. Vậy, khi hợp lại thì ở giữa ly. Lúc ly ra thì hai bên hợp. Thế tánh xen lộn giữa cái biết và không biết thì cái gọi là giới không thể thành lập. Vì vậy, biết rằng nhãn căn và sắc trần làm duyên (điều kiện) sanh nhãn thức, cả ba đều không. Không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

2. Nhĩ thức giới

A Nan ! Như ông đã biết: Nhĩ căn và thanh trần làm duyên sanh nhĩ thức. Nhĩ thức hơn nhĩ căn sanh, lấy nhĩ căn làm giới hay hơn thanh trần sanh lấy thanh trần làm giới ?

A Nan ! Nếu hơn nhĩ căn sanh mà không có hai tướng động và tĩnh thì cái biết của nhĩ căn không thành. Bởi vì chẳng có gì để biết ! Cái biết đã không thì cái gọi là "nhĩ thức" hình mao ra sao ? Nếu bảo: Nhĩ thức hơn thanh trần sanh. Vậy thì nhĩ thức vốn hơn thanh trần mà có, nó chẳng tương quan gì với tánh nghe của lỗ tai. Đã không nghe thì cũng không biết gì là thanh trần và thanh trần ở đâu. Vì vậy, biết rằng: Nhĩ căn thanh trần làm duyên sanh nhĩ thức giới, ba chỗ đều không. Không phải hơn duyên cũng không phải tự nhiên.

3. Tỷ thức giới

A Nan ! Như ông đã biết: Tỷ căn và hương trần làm duyên sanh tỷ thức. Tỷ thức hơn tỷ căn sanh, lấy tỷ căn làm giới hay hơn hương trần sanh lấy hương trần làm giới ?

A Nan ! Ông nghĩ thế nào về tỷ căn ? Ông lấy cái mũi thịt hình tướng như hai ngón tay dũi xuống hay lấy sự biết ngửi là tỷ căn ? Nếu lấy hình tướng cái mũi thịt thì chưa đúng hẳn vì chất thịt thuộc thân căn. Và cái biết của thân căn là xúc. Đã là thân căn thì không phải tỷ căn. Đã gọi xúc trần thì đó là đối tượng của thân căn, không tương quan đến tỷ căn nữa. Vì vậy, tỷ căn còn không đáng gọi, làm sao thành lập tỷ căn giới ?

Bảo rằng: Tỷ thức như hương trần sanh càng vô lý. Nếu hương trần sanh tỷ thức thì tỷ thức không thể người biết hương trần. Ví như con mắt, không tự thấy con mắt.

Nếu biết hương trần thì không do hương trần sanh. Nếu không biết hương trần thì không là tỷ thức nữa. Do vậy, biết rằng tỷ căn hương trần làm duyên sanh tỷ thức ba chỗ đều không. Không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

4. Thiết thức giới

A Nan ! Như ông đã biết: Thiết căn và vị trần làm duyên sanh thiết thức. Thiết thức như thiết căn sanh, lấy thiết căn làm giới hay như vị trần sanh, lấy vị trần làm giới ?

A Nan ! Nếu như thiết căn sanh thì những mía ngọt, mơ chua, ớt cay, hoàng liên đắng đều hóa ra vô vị ? Vậy ông hãy tự liếm lưỡi của ông xem, nó ngọt hay đắng ? Và ông hãy nghiệm xem, lấy cái gì ném lưỡi để ông biết lưỡi đắng ? Nếu bảo rằng vị trần sanh thiết thức thì thiết thức chính là vị trần. Vị trần không thể tự ném vị trần, làm sao còn biết là có vị hay không có vị ? Bảo rằng thiết căn và vị trần hòa hợp sanh. Không được. Vì, đã là hòa hợp tất không có tự tánh còn lấy cái gì để thành lập thiết thức giới ? Vì vậy, biết rằng: Thiết căn vị trần làm duyên sanh thiết thức, ba chỗ đều không. Không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

5. Thân thức giới

A Nan ! Như ông đã biết: Thân căn và xúc trần làm duyên sanh thân thức. Thân thức như thân căn sanh, lấy thân căn làm giới hay như xúc trần sanh, lấy xúc trần làm giới ?

A Nan ! Nếu bảo rằng như thân căn sanh, giả sử không có hai sự kiện hợp ly thì thân căn sẽ không có tác dụng. Bảo rằng như xúc trần sanh. Không ổn. Vì có ai không có thân căn mà biết hợp biết ly ?

A Nan ! Vật thì không xúc không biết. Thân có biết có xúc. Biết thân là do có xúc. Biết xúc do có thân. Đã là xúc thì không phải thân. Đã là thân thì không phải xúc. Thân căn và xúc trần không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp nhất với thân căn thì hóa thành tự thể của thân căn rồi. Nếu xúc trần tách rời thân căn, thì chẳng khác hư không và các tướng, không quan hệ gì nhau. Nội căn ngoại trần đã không thành thì làm sao lập được cái thức ở giữa. Thức đã không lập được thì nội căn ngoại trần bản tánh rỗng không. Ông sẽ dựa vào đâu để mà thành lập thân thức giới ? Vì vậy, biết rằng: Thân căn xúc trần làm duyên sanh thân thức ba chỗ đều không. Không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

6. Ý thức giới

A Nan ! Như ông đã biết: Ý căn và pháp trần làm duyên sanh ý thức. Ý thức như ý căn sanh, lấy ý căn làm giới hay như pháp trần sanh, lấy pháp trần làm giới.

A Nan ! Nếu bảo rằng ý căn sanh, thì trước hết ông phải có suy nghĩ, từ đó mới phát minh được cái ý của ông. Dù ý ông

đã có, nhưng nếu không có đối tượng pháp trần thì ý căn của ông cũng không thể sanh được. Rồi các pháp trần không thể nương vào đâu nhận thức hình mạo ý căn, thì cái ý thức còn đem dùng vào việc gì ?

Lại nữa, ý thức của ông cùng với các thứ tư duy, nghĩ ngợi là đồng hay khác ? Nếu đồng với ý căn thì thức là ý căn, duyên có gì phải có ý căn để rồi mới sanh ra ý thức ? Nếu khác với ý căn, lẽ ra nó sẽ không còn biết được gì ! Nếu không được gì, sao lại bảo nó do ý căn sanh ra ? Nếu có biết thì cần chi phải gọi ý thức và ý căn cho thêm chuyện ? Chỉ có hai tánh đồng hay khác mà còn không ổn định thì làm sao thành lập "giới" của ý thức cho được ?

Nếu bảo rằng như nơi pháp trần sanh, thì các pháp trong thế gian không ngoài năm châu. Ông hãy xét các pháp: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, có tướng rõ ràng chúng là những đối tượng của năm căn, những pháp đó không thuộc phần tiếp thu của ý căn. Nếu bảo rằng ý thức của ông, nương pháp trần. Vậy ông xét kỹ xem cái tướng của pháp trần hình mạo như thế nào ? Nên biết: Rồi hẳn các tướng: Sắc, không, động, tĩnh, thông, bí, hợp, ly, sanh, diệt, rốt ráo không thành một pháp nào được cả. Các nguyên như đã không thành thì cái thức do nó sanh ra còn có dáng mạo gì ! Dáng mạo còn không có, làm sao mà lập được cái "giới" của ý thức ? Vậy nên biết rằng: Ý căn pháp trần làm duyên sanh ý thức, cả ba đều không. Không phải như duyên cũng không phải tự nhiên.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Trông ra hiện tượng vạn hữu ta thấy nghìn sai muôn khác, lớn, nhỏ, thấp, cao... khó mà dùng ngôn từ diễn đạt cho rành rọt. Nhưng tìm hiểu nguyên nhân gần của chúng, ta thấy tất cả đều biểu hiện theo cái thể liên hoàn của ba chân vạc, tác động qua lại giữa **Căn Trần và Thức**, mà hình thành và tồn tại. Cả cái vũ trụ vạn hữu vô thí vô chung vô cùng vô cực này, nếu tách rời căn trần thức giữa con người và vạn vật ra, thì chẳng còn có gì để luận bàn: Tâm, vật, thực, giả, có, không.*

Càng không thể có cái gọi là "một đấng thiêng liêng" nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề "vũ trụ nhơn sinh" được.

Căn thì có 6 nên gọi lục căn, Đó là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn kết hợp bởi tứ đại tinh hoa. Trong mỗi căn có hai bộ phận: Một là căn phù trần. Hai là căn tịnh sắc. Căn tịnh sắc cũng còn gọi là "Thắng nghĩa căn". Căn này được kết hợp bằng những yếu tố tứ đại tinh hoa nhất đối với thân thể con người. Do vậy, nó là cơ quan có công năng phát sanh nhận thức, làm chỗ nương gá cho thức.

Trần có nghĩa là nhiễm ô. Vì những thứ này có thể làm cho căn bị nhiễm ô, ví như những bụi bặm làm ô nhiễm môi

trường sống của xã hội loài người. Trần có 6 thứ, gọi là trần. Đó là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Trần mà không có căn thì trần không là trần nữa; ngược lại căn mà không có trần thì căn không còn là căn được.

*Thức có 6 nên gọi là lục thức. Đó là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức nương căn trần mà phát sanh. Thức mà không có căn trần thì thức không có lý do hiện hữu. Căn trần mà không có thức thì căn trần không biểu hiện được thể dụng của căn trần. Cho nên căn trần thức là một hiện tượng gắn bó mật thiết tác động hữu cơ. Hiện tượng vạn pháp hình thành và tồn tại trong cái thể "duyên sanh" không thể tách rời giữa căn, trần, thức ấy. Vậy mà từ trước đến đây, và chưa phải ngừng ở đoạn kinh này, đức Phật quả rầy và nhắc nhở về cái thuyết "nhơn duyên sanh" ấy. Vì sao như vậy? Vì rằng: Nếu đứng bên **tục đế** mà nhìn hiện tượng vạn hữu qua cái lý "nhơn duyên sanh" thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng trong nền giáo lý Phật mà nó đúng sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của hiện tượng vạn hữu.*

*Tuy nhiên, nếu đứng bên **chơn đế** mà nhìn, nhìn bằng tri kiến rộng rãi hơn, quán triệt căn nguyên, xuyên suốt bản thể của hiện tượng vạn hữu thì hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể; cũng như sóng môi nào cũng là sóng môi của thể nước lặng trong. Vì vậy, cho rằng: Sóng là nước, thì đó là cái hiểu biết của những đứa trẻ ấu trĩ ngây thơ. Bảo rằng: Sóng không phải nước là tri kiến của một em bé khác.*

Nói rằng: Sóng là hiện tượng "duyên sinh" của nước, ta có thể nói chuyện đạo lý với lứa tuổi 20 này.

Khi nào người ta ngắm biển với một nhận thức không băn khoăn với một tri kiến thanh thản hồn nhiên trước cảnh sóng gào gió lộng... thì khỏi nói gì với họ về vấn đề sóng... nước... Vì họ đã biết rõ thể nước phẳng lặng và là H₂O. Vì họ đã rõ sóng là "hiện tượng duyên sanh" của nước. Sóng và nước không phải là cái có thể tách rời nhau. Như Lai tàng ở kinh Thủ Lăng Nghiêm nói, ví như cái thể H₂O của những đợt sóng kia. Cái vạn hữu duyên sanh, ví như những đợt sóng bởi những cơn gió lộng, bởi những đũa thuyền mà tạo nên hiện tượng "duyên sanh" ấy.

Bản thể Như Lai tàng cùng với hiện tượng vạn hữu "bất ly" mà "bất tức" !

*

* *

BẢY ĐẠI LÀ HIỆN TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG[^]

Địa đại hoàn nguyên
Thủy đại hoàn nguyên
Hỏa đại hoàn nguyên
Phong đại hoàn nguyên
Không đại hoàn nguyên

Kiến đại hoàn nguyên

Thức đại hoàn nguyên

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Như Lai thường nói về nhơn duyên hòa hợp: Rằng tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều như bốn đại hòa hợp mà phát sanh. Thế nào Như Lai ở đây lại bác bỏ cả hai nghĩa "nhơn duyên" và "tự nhiên". Tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ dạy cho chúng sanh pháp liễu nghĩa trung đạo ra ngoài hí luận.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông A Nan: Rằng trước đây, ông nhầm chán pháp tiêu thừa của Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu vô thượng Bồ Đề, nên giờ đây tôi hướng dẫn ông về "đệ nhất nghĩa đế", sao ông lại còn đem những thuyết nhơn duyên vọng tưởng hí luận thế gian mà ràng buộc lấy mình ! Ông dù nghe được nhiều pháp, nhưng cũng như người nói tên thuốc, đến khi gặp thuốc thật trước mắt mà không phân biệt được. Như Lai gọi ông là hạng người rất đáng thương xót ! Nay ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông phân tách chỉ bày và cũng để cho những người tu học đại thừa sau này thông suốt được thật tướng. Ông A Nan yên lặng kính vâng thánh ý của Phật.

A Nan ! Như ông đã nói: "Bốn đại hòa hợp phát sanh ra các thứ biến hóa trong thế gian". A Nan ! Nếu tánh của các món đại không hòa hợp thì không thể hòa hợp với các đại khác. Như hư không, không thể hòa hợp với sắc tướng. Nếu tánh của các món đại vốn hòa hợp thì nó hòa đồng với các tướng

biến hóa: Thi, chung thành tự cho nhau; sanh diệt nối nhau; diệt sanh, sanh diệt; diệt diệt, sanh sanh như vòng lửa xoay; như nước thành băng, băng lại thành nước, không có đầu mỗi cũng không có cuối cùng.

1. Địa đại hoàn nguyên

A Nan ! Ông hãy xét cái tánh của địa đại, lớn là đất liền, nhỏ là vi trần, thật vi tế là lân hư trần; do chẻ sắc chất cực vi làm bảy phần mà thành. Nếu đem lân hư trần chẻ ra thành hư không thì hư không cũng có thể sanh sắc tướng ? Ông hỏi rằng. Do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa ở thế gian, vậy ông hãy xét. Một hạt lân hư trần phải dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mà thành ? Không lẽ lân hư trần hòa hợp thành lân hư trần ! Lại nữa, lân hư trần chẻ ra thành hư không. Vậy dùng bao nhiêu sắc tướng hòa hợp lại mới thành cả bầu hư không vô cùng cực này ? Nhưng nếu sắc tướng hợp thì hợp sắc tướng chứ không thể thành hư không; còn hư không hợp thì hợp hư không, không thể thành sắc tướng. Sắc tướng còn có thể chẻ được, chứ hư không thì làm sao mà hợp được ?

Ông vốn không biết thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng. Sắc là chơn không. Không là chơn sắc. Nó thanh tịnh bản nhiên; khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng như duyên, hoặc cho là tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

2. Thủy đại hoàn nguyên

A Nan ! Tánh nước không cố định, khi tuôn chảy khi đứng lặng không chừng. Trong thành Thất La Phiệt, các ông Tiên Ca Tỳ La. Chiên Ca La và các nhà huyền thuật Bát đầu na v.v... muốn có thứ nước Thái Âm tinh để hòa làm thuốc huyền thuật. Họ lựa ngày trăng tròn sáng lộng như ban ngày, tay cầm hạt châu Phương Chư hứng lấy nước dưới trăng vàng. Vậy nước ấy từ hạt châu ra ? Từ hư không có ? Hay từ mặt trăng mà đến ?

A Nan ! Nếu nước từ mặt trăng đến, vậy những rừng cây to, bóng cả ở tận những đỉnh núi cao, khi sáng trăng thì tất cả lá cành đều phun ra nước cả ? Bởi lẽ những rừng cây đỉnh núi, gần với trăng hơn là ngọc Phương Chư trong tay người hứng nước ở đồng bằng. Nếu bảo rằng: Nước từ hạt châu ra, thì từ hạt châu phải thường rịn chảy ra nước, cần chi phải đợi có ánh sáng ? Bảo rằng: Nước từ hư không sanh. Hư không thì vô cùng vô cực. Hư không bao trùm vạn vật. Vậy sao cả loài người chưa bị đắm chìm để cùng chết ngộp cho vui trong một lúc ? Thủy, lục, không, hành toàn nước và nước cả hay sao ?

Ông nên nghĩ kỹ: Mặt trăng từ trên không đi qua. Hạt châu do tay người cầm. Cái chén bạc hứng nước do con người tạo. Vậy nước kia từ phương nào đến ? Mặt trăng và hạt châu xa nhau không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ nước kia không do đâu mà tự có ra ?

Ông còn chưa biết, thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng: Thủy là chơn không. Không là chơn thủy. Nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng khắp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng như duyên hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đứng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực giả.

3. Hỏa đại hoàn nguyên

A Nan ! Hỏa đại không có tự thể. Nó nương gởi ở các duyên. Ông hãy xem, những nhà trong thành phố, khi người ta muốn có lửa để nấu thức ăn. Tay họ cầm kính dương toại và một nhóm bụi nhụi đưa trước ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

A Nan ! Phạm gọi là hòa hợp thì như tôi với ông và 1250 vị tỳ kheo hiện hợp thành một chúng. Chúng thì có một, song gạn xét về cội gốc thì mỗi người đều có thân thể đều có danh tự họ hàng của mình. Như ông Xá Lợi Phất thì dòng Bà La Môn. Ông Ưu Lô Tần Loa thì dòng Ca Diếp. Còn như A Nan ông, thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

A Nan ! Nếu lửa đó như hòa hợp mà có, vậy khi người ta cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ kính mà ra ? Do hư không mà có ? Hay từ mặt trời mà đến ? A Nan ! Nếu lửa từ mặt trời đến, lửa đã đốt được bụi nhụi trong tay của ông thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi ngang qua lẽ ra đều bị cháy cả ! Nếu từ kính ra đốt cháy bụi nhụi, sao cái kính không bị chảy ? Đến như cái tay ông cầm kính

còn không thấy nóng thì làm sao kính chảy được ? Còn bảo rằng do bụi nhụi sanh thì cần gì phải có ánh sáng mặt trời và kính trực chiếu vào nhau rồi sau đó lửa mới bén cháy bụi nhụi ?

Ông hãy suy nghĩ cho chín chắn: Kính do tay cầm. Mặt trời thì ở trên không trung. Bụi nhụi do con người tạo. Vậy lửa từ phương nào mà xuất hiện đến ? Mặt trời và kính xa nhau, không phải hòa không phải hợp, không lẽ lửa kia không do đâu mà tự có ra ?

Ông còn chưa biết thể tánh của các pháp trong Như Lai tạng: Hỏa là chơn không. Không là chơn hỏa. Nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri: Một người cầm kính một chỗ có lửa sanh ra; khắp pháp giới mọi người cầm kính, lửa sẽ phát ra theo yêu cầu của mọi người. Lửa vốn không có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng là như duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn ngữ luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

4. Phong đại hoàn nguyên

A Nan ! Phong đại không hình thể, khi động khi tĩnh bất thường. Lúc vào trong đại chúng, ông sửa áo, vạt áo tăng già lê của ông động thì người ngồi gần ông có gió nhẹ phát qua làm cho người kia cảm nghe mát mặt. Gió từ vạt áo cà sa ra ? Do hư không phát khởi ? Hay từ mặt người kia sanh ?

A Nan ! Nếu gió phát ra do vạt áo cà sa thì ông đã mặc cả gió trong người, lẽ ra cái áo phải tung ra khỏi thân ông. Còn tôi, tôi đang thuyết pháp trong hội này và tôi rũ áo. Vậy ông xem cái áo tôi, gió núp ở chỗ nào ? Không lẽ trong áo tôi lại có chỗ chứa gió ?

Bảo rằng: Gió từ hư không sanh, thì tại sao lúc áo ông không động, không có gió phát ra ? Và lại, tánh hư không thường còn, lẽ ra gió phải luôn có không lúc nào gián đoạn. Và nếu khi nào hết gió thì hư không phải tiêu diệt ? Gió diệt có thể biết được, chứ hư không diệt thì hình trạng thế nào ? Và nếu có diệt có sanh thì không được gọi là hư không, đã là hư không thì làm sao lại phát sanh gió ? Bảo rằng: Gió sanh do cái mặt của người bị phát thì lẽ ra gió phải phát lại mặt ông. Cớ sao ông sửa áo mà lại phát vào mặt người kia như vậy ?

Ông hãy chín chắn mà tư duy: Sửa áo là do ông. Cái mặt thuộc của người kia. Hư không thì vắng lặng. Vậy gió từ phương nào luôn đến ? Gió khác, hư không khác, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ gió không do gì mà tự có ?

Ông còn không biết thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng: Phong là chơn không. Không là chơn phong. Nó thanh tịnh bản nhiên khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng lượng sở tri. Một mình ông động áo thì có một ít gió phát ra. Khắp pháp giới nhiều người cùng cầm quạt mà quạt thì khắp pháp giới sanh ra phong đại. Phong đại khắp cùng nhưng không có chỗ ở nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng nhơn duyên hoặc cho là tự

nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

5. Không đại hoàn nguyên

A Nan ! Hư không không có hình mạo, như sắc tướng mà hiển bày. Trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách sông, người ta dựng nhà ở thì đào giếng để lấy nước dùng. Đào được một thước khối đất thì có một thước khối khoáng hư không. Nếu đào sâu 20 thước thì có khoáng trống hư không 20 thước. Hư không cạn hay sâu tùy đất đào ra nhiều hay ít. Hư không đó như đất mà ra ? Do đào mà có ? Hay không như tự sanh ?

A Nan ! Nếu hư không, không như duyên gì mà tự sanh, tại sao khi chưa đào đất, nơi đó không có hư không mà chỉ thấy đất liền ? Bảo rằng: Như đất ra, thì lẽ ra khi đất được đào phải lấy từng mảng hư không văng ra, và nếu vậy là đào hư không chứ sao gọi là đào đất ? Đã là hư không khi cần chi phải nói đến chuyện đào ? Bảo rằng: Hư không do đào mà có thì đào phải ra hư không, cứ sao lại đào ra đất ? Nếu hư không, không phải do đào mà có, thì đào lẽ ra chỉ có đất, cứ sao đào rồi lại thấy hư không ?

Ông nên chín chắn mà tư duy. Đào là do tay người, tùy phương mà vận chuyển. Đất thì từ đất liền mà dời đi. Hư không đó do đâu mà có ? Đào là cụ thể, bởi sức tác động của con người. Hư không thì rỗng rang không hình mạo, hai yếu tố không tương quan tác dụng gì nhau, không phải hòa,

không phải hợp. Không lẽ hư không, không do đâu mà tự sanh như thế ?

Hư không thể tánh tròn đầy, bất động. Hiện tiền hư không và địa, thủy, hỏa, phong, gọi chung là năm đại thể tánh viên dung, vốn không sanh diệt. Các đại đó đều là diệu dụng của Như Lai tàng biểu hiện !

A Nan ! Ông còn mê muội không biết được thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng. Giác là chơn không. Không là chơn giác. Nó thanh tịnh bản nhiên khắp cùng pháp giới tùy chúng sanh tâm, đáp ứng với lượng sở tri: Một giếng trống không, hư không sanh trong một giếng. Mười phương trống không, hư không khắp cả mười phương. Không đại khắp cùng theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng như duyên, hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đứng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thật nghĩa.

6. Kiến đại hoàn nguyên

A Nan ! Kiến đại có giác chiếu mà không liễu tri phân biệt. Nó như các thứ: Sắc, không, mà có. Như hiện nay ông đang ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, chiều hôm thì tối; đêm trăng tỏ thì sáng, lúc trăng mờ thì tối. Những tướng sáng tối do cái thấy mà phân biệt nhận ra. Vậy cái tánh thấy cùng với sáng tối và hư không là đồng một thể hay là khác thể ?

A Nan ! Nếu tánh thấy cùng với sáng tối và hư không đồng một thể thì cái sáng tối luôn luôn tiêu diệt lẫn nhau: có sáng thì không tối; có tối thì không sáng. Nếu tánh thấy đồng một thể với tối thì lúc sáng tánh thấy bị tiêu diệt; ngược lại, nếu tánh thấy đồng một thể với sáng thì khi tối đến tánh thấy cũng bị tiêu diệt. Vậy thì tánh thấy làm sao mà thấy được tối sáng ? Bảo rằng: Sáng và tối khác nhau còn tánh thấy không sanh, không diệt. Nếu vậy, thì không nên nói là đồng một thể, vì nó đã khác đi rồi.

Và nếu tánh thấy đã khác với tối sáng, khác với hư không, vậy ông phân biệt xem tánh thấy hình tướng ra sao ? Ông nên biết: Rời tối sáng và hư không, tánh thấy như lông rùa sừng thỏ, không sao tìm có.

Ông hãy chín chắn mà tư duy: Sáng, do mặt trời. Tối, bởi đêm không trăng. Thông suốt, là hư không. Ngăn bít thuộc đất liền. Còn cái tánh thấy như vậy, như đâu mà có ? Tánh thấy có giác chiếu, hư không thì bất động, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ cái tánh thấy không do gì mà tự phát sanh ra ? Nên biết: Thể tánh của kiến đại cùng khắp bất động; vô biên hư không cũng cùng khắp bất động. Địa, thủy, hỏa, phong, gọi chung là "lục đại" thể tánh viên dung cùng khắp bất động, không diệt không sanh. Tất cả đều là diệu dụng của Như Lai tàng biểu hiện !

A Nan ! Ông còn mê mờ không nhận thức được: Kiến, văn, giác, tri của ông cùng thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng. Kiến đại vốn là giác minh. Giác minh tinh kiến (tánh

thấy vốn thanh tịnh, hiện lượng và trực giác). Nó thanh tịnh bản nhiên, cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri. Kiến đại thấy khắp pháp giới, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết cũng cùng khắp pháp giới nhiệm màu. Nên biết: Tánh của các đại không có nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng nhân duyên hoặc là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

7. Thức đại hoàn nguyên

A Nan ! Thức đại không có nguồn gốc, như sáu thức căn trần giả tạm mà phát sinh. Nay ông hãy dùng mắt ngó lướt qua khắp hết thánh chúng trong hội này xem. Cái tánh thấy của ông như tấm gương, tiếp thu tất cả hình dáng in vào mà không có mảy may phân biệt (hiện lượng tiếp thu tánh cảnh). Rồi ông hãy dùng cái thức của ông, theo thứ lớp mà chỉ ra. Đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, đây là Mục Kiền Liên, đây là Tu Bồ Đề và kia là Xá Lợi Phất... Cái thức phân biệt của ông sanh từ mắt ? Hay sanh bởi các tướng ? Do hư không ? Hay không do gì mà thức tự có ra ?

A Nan ! Nếu bảo rằng: Thức do mắt sanh. Phóng sử không có các tướng sắc, không tối, sáng, cái tánh thấy của ông còn có cơ sở để tồn tại được không ? Cái thấy còn không thể có thì còn y cứ vào đâu để có được cái "thức" phân biệt của ông ? Nếu bảo rằng: Thức sanh do các tướng chứ không phải do cái thấy. Thế thì ông lấy gì để thấy được sáng tối ? Sáng tối

đã không thấy thì cũng không biết được các tướng sắc không ! Các tướng còn không có thì "cái thức" do đâu tồn tại ! Nếu cho rằng: Thức sanh do hư không, có ngoài cả các tướng và tánh thấy. Nếu quả thật vậy, thì ông không còn biện biệt được gì; vì chẳng có gì để cho ông phân biệt !

Nếu bảo rằng: Thức sanh không có sở nhơn, đột nhiên mà có. Đó là một tri kiến sai lầm. Có ai phân biệt sáng trắng giữa lúc mặt trời đứng bóng ?

Ông hãy chín chắn mà tư duy: Cái tánh thấy gá vào mắt ông. Các tướng thuộc tiền trần. Có cái hình tướng là có. Cái không đáng mạo là không. Còn cái thức như vậy nhơn đâu mà ra ? Cái thức thì năng động. Cái tánh thấy thì lặng lẽ, không phải hòa, không phải hợp. Nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức cũng vậy. Thế thì không lẽ cái thức phân biệt không do đâu mà tự có ?

A Nan ! Ông nên biết: Thức vốn không xứ sở. Các tánh: Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết cũng như vậy. Tánh của kiến đại và thức đại viên mãn trạm nhiên, cùng với địa, thủy, hỏa, phong, không, gọi chung là thất đại, thể tánh viên dung, không sanh không diệt. Tất cả đều là diệu dụng của Như Lai tàng biểu hiện.

A Nan ! Tâm ông nông nổi, không nhận biết các việc: Kiến, văn, giác, tri cũng như thể tánh của các pháp trong Như Lai tàng: Tánh của thức minh tri. Giác minh là chơn thức. Diệu giác trạm nhiên, khắp cùng pháp giới, ẩn hiện trong mười

phương, không có xứ sở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng như duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không có thực nghĩa.

*

* *

TRỰC CHỈ

Năm âm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, bảy đại đều là hiện tượng biểu hiện của Như Lai tàng. Nói cách khác, Như Lai tàng là bản thể của 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới và 7 đại. Đề cập đến bản thể hiện tượng là một vấn đề lớn, một vấn đề mang tính triết học của Phật giáo, nếu ta nhìn Phật giáo qua lăng kính triết học. Nhưng đối với Phật giáo người ta có cho nó là triết học hay không, là triết học điều đó chẳng có giá trị thêm bớt gì. Sự thuyết pháp của Phật nhằm nói lên chân lý khách quan, nói lên cái nguyên ủy của sự hình thành và sự tồn tại khách quan của vũ trụ vạn hữu. Sự thật như thế nào, Phật nói như thế ấy vậy thôi. Giáo lý của kinh Thủ Lăng Nghiêm, triển khai: Tất cả hiện tượng vạn hữu hình thành từ chất liệu của bốn khoa và bảy đại. Rằng hiện trạng vạn hữu do ngũ uẩn tổ hợp mà thành. Từ ngũ uẩn lập ra 12 thứ sắc pháp. Từ ngũ uẩn lập ra 8 pháp tâm vương. Từ ngũ uẩn triển khai 51 thứ tâm sở. Từ ngũ uẩn diễn biến ra 24 thứ pháp bất tương ứng. Từ ngũ uẩn thành lập 95 pháp hữu vi và cũng từ ngũ uẩn mà an lập 6 thứ vô vi

pháp. Tất cả ngàn ấy thứ đều là hiện tượng của Như Lai tàng, từ chủng tử trong Như Lai tàng duyên khởi biểu hiện ra:

TÀNG có nghĩa là kho tàng. Ví như cái kho chứa tất cả hạt giống của ngũ cốc, ngũ quả.

NHU có nghĩa là bất biến.

LAI có nghĩa là tùy duyên.

NHU LAI TÀNG ví như cái kho hàm chứa tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong kho tàng này, tùy duyên sanh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Diệt mà không mất hẳn, diệt để lại sanh. Sanh mà không trường sanh, sanh để rồi lại diệt. Sanh diệt, diệt sanh; sanh sanh, diệt diệt, vô thỉ vô chung, vô cùng vô cực. Sự sanh diệt, diệt sanh đó, thuật ngữ Phật học gọi là: TÙY DUYÊN BẤT BIẾN; BẤT BIẾN TÙY DUYÊN. Sanh diệt, nhưng sanh diệt trong cái vĩnh cửu. Vĩnh cửu, nhưng vĩnh cửu trong quá trình sanh diệt. Ví như những đợt sóng tùy duyên sanh diệt trên mặt nước bất biến của thể nước H₂O của biển cả, của ao hồ, sông rạch...

Ta hãy tư duy để có khái niệm về bản thể Như Lai tàng, qua hình đồ được cụ thể hóa như sau:

NHU LAI TÀNG

* *

ÔNG A NAN VÀ ĐẠI CHÚNG TÁN DƯƠNG PHẬT, PHÁT NGUYỆN VÀ TRÌNH PHẬT NHỮNG ĐIỀU TÂM ĐẮC CỦA MÌNH[^]

Ông A Nan và đại chúng nhờ Phật chỉ dạy rằng phương tiện dẫn dụ, lời lẽ khéo léo nhiệm màu. Cả thính chúng thân tâm thanh thoát rỗng rang. Mỗi người tự biết chơn tâm màu nhiệm của mình vốn khắp cùng pháp giới và thấy mười phương hư không như xem cành hoa lá đang cầm trên cây, tất cả sự vật hiện tượng trên thế gian đều là diệu dụng của tâm Bồ Đề nhiệm màu, sáng suốt của mình biểu hiện. Tổ ngộ lẽ sống chết của cái thân cha mẹ sanh ra, như sự diệt sanh của những bong bóng giữa đại dương rồi chìm tụ tán ! Chỉ có tâm tánh nhiệm màu khắp pháp giới mười phương mới thật là tâm tánh bản lai thường trú của chính mình.

Ở trước Phật, ông A Nan thay lời đại chúng, xin được nói lên một bài kệ tán dương Đức Phật, phát nguyện và trình lên Phật điều tâm đắc của tận đáy lòng:

*Cao quý thay ! Thủ Lăng Nghiêm Vương ít có
Là pháp diệu trạm, bất động tổng trì
Trừ hết tướng điên đảo ức kiếp của con
Không trái A Tăng Kỳ mà được pháp thân
Tôi nguyện từ nay cho đến khi thành Phật
Độ chúng sanh như số cát sông Hằng.
Dem thâm tâm phụng sự vì trần quốc
Thế mới đủ đáp đền thâm ân Phật.
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho:*

Đòi trước ác tôi thể vào trước
 Còn một chúng sanh chưa thành Phật
 Thì tôi không nhận hưởng Niết Bàn
 Bạch đấng Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi
 Tôi hy vọng xét trừ vi tế hoặc
 Để sớm lên Vô Thượng Bồ Đề
 Tôi sẽ làm Phật sự khắp mười phương
 Hư không dù hết, nguyện tôi không cùng.

*

* *

Tập II

---o0o---

MỤC LỤC

Thay lời tựa

Chương thứ 4

Phật thuyết minh tánh của các đại vốn không ngăn ngại
 gì nhau; nhằm khai thị chân lý: Sắc, không, không sắc

- Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý
- Khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất
- Phật dạy rõ về ba tướng tương tục: Thế giới chúng sanh và nghiệp lực

- hế giới tương tục T
- húng sanh tương tục C
- ghiệp quả tương tục N

Tóm kết: Giác không sanh mê, thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại

- Giác không sanh mê
- Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau

Khiển trách chúng sanh bội giác hiệp trần và khai thị phương pháp bội trần hiệp giác

- Bội giác hiệp trần
- Bội trần hiệp giác

Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả tướng là tất cả pháp

- Như Lai tàng rời tất cả tướng
- Như Lai tàng là tất cả pháp
- Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp không có vấn đề là hay không là trong Như Lai tàng bản thể chơn như màu nhiệm.

Mê vọng không có nguyên nhân hết mê là Bồ Đề (giác)

Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết nhân duyên và tự nhiên.

Phật chỉ hai nghĩa quyết định.

- Ông A Nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn tu giải thoát.

Nghĩa quyết định thứ nhất

- Sự tác dụng của sắc tâm vô thị
- Khai thị về năm thứ ô trược
- Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chứng

Nghĩa quyết định thứ hai

- Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mỗi manh mỗ gút
- Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất
- Sắc, không tác dụng lẫn nhau, phản ánh ra căn trần thành năng sở
- Vọng năng sanh sở làm hạn chế tánh giác minh.
- Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt

Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét tánh nghe của nhĩ căn là thường trú

- Ông A Nan nghi ngờ kiến văn giác tri không có tự thể
- Khai thị tánh nghe của nhĩ căn là thường trú

Chương thứ 5

Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là nhân tố của Niết bàn hiện tại.

- Ông A Nan lại hỏi vấn đề mở gút
- Khai thị chân lý vốn không hai và Phật Phật đạo đồng
- Căn trần cùng một gốc. Cột mở không hai nguồn

Phật tóm lược ý thú của những đoạn kinh trên qua bài

văn trùng tụng

Một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút. Mở hết sáu gút một cũng không còn.

- Nguyên do của một sáu dị đồng
- Cột gút có thứ lớp thì mở phải có trước sau

Quả vị có thấp cao, giải thoát giống nhau không khác mấy. Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng viên thông.

Phật hỏi đại chúng về nhân duyên ngộ đạo, và dữ kiện chứng đắc viên thông.

1. Do thanh trần được viên thông
2. Do sắc trần được viên thông
3. Do hương trần được viên thông
4. Do vị trần được viên thông
5. Do xúc trần được viên thông
6. Do pháp trần được viên thông
7. Do nhãn căn được viên thông
8. Do tỷ căn được viên thông
9. Do thiệt căn được viên thông
10. Do thân căn được viên thông
11. Do ý căn được viên thông
12. Do nhãn thức được viên thông
13. Do nhĩ thức được viên thông
14. Do tỷ thức được viên thông
15. Do thiệt thức được viên thông
16. Do thân thức được viên thông
17. Do ý thức được viên thông

- 18. Do hỏa đại được viên thông
- 19. Do địa đại được viên thông
- 20. Do thủy đại được viên thông
- 21. Do phong đại được viên thông
- 22. Do không đại được viên thông
- 23. Do thức đại được viên thông
- 24. Do kiến đại được viên thông

Chương thứ 6

Do nhĩ căn được viên thông

Bồ Tát Quán Thế Âm trần thuật pháp tu chứng của mình

- Do từ tâm Bồ Tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thân
- Do bi tâm Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu 14 đức vô úy
- Quán Thế Âm có 4 đức nhiệm màu không thể nghĩ bàn

Phật bảo Văn thù so sánh chọn căn ưu việt nhất

- So sánh sự ưu khuyết của sáu trần, năm căn, sáu thức và bảy đại

- N
hược điểm của sáu trần
- N
hược điểm của năm căn
- N
hược điểm của sáu thức

• **hược điểm của bảy đại** **N**

• **ưu việt của nhĩ căn** **S**

- **Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức tánh ưu việt của nhĩ căn**

Phật khai thị về ba môn vô lậu học và bốn điều cơ bản xuất trần

Ba môn vô lậu học

Bốn điều cơ bản xuất trần

• **oạn tâm dâm dục** **Đ**

• **ừ tâm sát sanh** **T**

• **ứt tâm thù đạ** **D**

• **ỏ tâm vọng ngữ** **B**

THAY LỜI TỰA

Vấn đề SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC trong nền giáo lý của đạo Phật là một hệ tư tưởng siêu tuyệt, thăm thẳm chiều sâu và chất ngất chiều cao. Lý giải vấn đề được sáng tỏ, thể nhập vấn đề một cách chính xác và đích thực bằng tư duy, bằng trí tuệ của mình, người đệ tử Phật, bấy giờ mới hạ thủ công

phu, mới có thể khởi hành chuyến đi, trên con đường Bồ đề, Niết bàn vô thượng mà đích đến chính mình đã biết rõ rồi !

SẮC chẳng khác KHÔNG, KHÔNG chẳng khác SẮC. SẮC là KHÔNG, KHÔNG là SẮC, dựa trên sự phân chia liệt loại của tiền bối cổ kim thì nguồn giáo lý đó thuộc hệ tư tưởng Bát Nhã của Đại thừa. Nó là then chốt trong hệ tư tưởng Bát Nhã của Đại thừa. Nó là then chốt của toàn bộ giáo lý Đại thừa liễu nghĩa của Phật giáo. Trong kinh Bát Nhã Phật dạy: Chừng nào chưa lý giải được vấn đề SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC của Bát Nhã, chưa đủ khả năng tư duy quán chiếu Bát Nhã, chưa thể nhập THỰC TƯỚNG BÁT NHÃ thì ngày thành Phật còn hun hút xa xăm.

Ở kinh Thủ Lăng Nghiêm này Phật thuyết minh: TÁN H CỬA CÁC ĐẠI VỐN KHÔNG NGĂN NGẠI GÌ NHAU, NHẪM KHAI THỊ CHƠN LÝ SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC. Đọc Thủ Lăng Nghiêm Kinh Trục Chỉ Đề Cương tập hai này, lần lượt đọc giả sẽ lý giải vững vàng về "chơn lý sắc không, không sắc" ấy. Chẳng những thế, độc giả còn có thể nắm vững vấn đề "có" "không" "thật" "giả" của ĐẤT, NƯỚC, LỬA, GIÓ của HƯ KHÔNG, của CÁI THẤY và của thức TÁN H PHÂN BIỆT của vạn loại hữu tình và vô tình, qua giáo lý NHƯ LAI TÀNG duyên khởi.

ĐỊA THỦY, HỎA, PHONG, KHÔNG, KIẾN, THỨC gọi chung qua cái từ "thất đại", chúng là những hiện tượng biểu hiện từ bản thể Như Lai tàng. Bản thể duyên khởi sanh ra hiện tượng, hiện tượng duyên diệt quy về bản thể. Dù duyên

khởi sanh ra, hay duyên diệt quy về, tánh chất của thất đại vẫn là "bất biến". Dù "bất biến" nhưng thường biểu hiện qua trạng thái "tùy duyên". Dù có "tùy duyên" nhưng "tùy duyên" trong chu trình "bất biến".

Nhận thức rõ vấn đề SẮC KHÔNG qua chân lý: "TÁNH SẮC CHÂN KHÔNG, TÁNH KHÔNG CHÂN SẮC, THANH TỊNH BẢN NHIÊN CHÂU BIẾN PHÁP GIỚI, TÙY CHÚNG SANH TÂM, ỨNG SỞ TRI LƯỢNG TUẦN NGHIỆP PHÁP HIỆN"... của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, độc giả sẽ cảm nhận cái ý vị thâm trầm của bài tụng:

"Chơn tánh hữu vi không
 Duyên sanh cố như huyễn
 Vô vi vô khởi diệt
 Bất thật hư không hoa"

Nghĩa là:

Cái tánh thực của các pháp hữu vi vốn là không. Chúng là pháp duyên sanh, cho nên như huyễn, không thật. Pháp vô vi thực lý cũng chẳng có gì. Nó chỉ có danh mà không có thật, như hoa đốm giữa không trung.

Quán triệt chân lý ấy, thì vấn đề SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC qua nhãn quan của người đạt đạo trở thành trò hí lượn bất tương can.

**Viết tại HUỲNH MAI TỊNH THÁT
 Ngày 10 tháng 4 năm 1993**

THÍCH TỪ THÔNG

Pháp Sư

Tập II

---o0o---

CHƯƠNG THỨ TƯ

Phật thuyết minh tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau; nhằm khai thị chân lý: Sắc, không, không sắc

- Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý
- Khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất
- Phật dạy rõ về ba tướng tương tục: Thế giới chúng sanh và nghiệp lực

- T
hế giới tương tục
- C
húng sanh tương tục
- N
ghiệp quả tương tục

Tóm kết: Giác không sanh mê, thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại

- Giác không sanh mê
- Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau

Khiển trách chúng sanh bội giác hiệp trần và khai thị

phương pháp bội trần hiệp giác

- Bội giác hiệp trần
- Bội trần hiệp giác

Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả tướng là tất cả pháp

- Như Lai tàng rời tất cả tướng
- Như Lai tàng là tất cả pháp
- Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp không có vấn đề là hay không là trong Như Lai tàng bản thể chơn như mẫu nhiệm.

Mê vọng không có nguyên nhân hết mê là Bồ Đề (giác)
Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết nhân duyên và tự nhiên.

Phật chỉ hai nghĩa quyết định.

- Ông A Nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn tu giải thoát.

Nghĩa quyết định thứ nhất

- Sự tác dụng của sắc tâm vô thị
- Khai thị về năm thứ ô trược
- Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chứng

Nghĩa quyết định thứ hai

- Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở gút
- Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất
- Sắc, không tác dụng lẫn nhau, phản ánh ra căn trần thành năng sở
- Vọng năng sanh sở làm hạn chế tánh giác minh.

- **Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét tánh nghe của nhĩ căn là thường trú**
- **Ông A Nan nghi ngờ kiến văn giác tri không có tự thể**
- **Khai thị tánh nghe của nhĩ căn là thường trú**

**PHẬT THUYẾT MINH TÁNH CỦA CÁC ĐẠI VÔN
KHÔNG NGĂN NGẠI GÌ NHAU, NHẪM KHAI THỊ
CHƠN LÝ: SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC (^)**

Bấy giờ ông Phú Lô Na ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Thế Tôn khéo vì chúng sanh mà diễn bày đệ nhất nghĩa đế. Từ lâu tôi được Thế Tôn khen là thuyết pháp đệ nhất trong hàng người thuyết pháp. Vậy mà nay tôi nghe pháp âm nhiệm mầu Như Lai vừa dạy chẳng khác nào người điếc cách xa trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng; hy vọng thấy con muỗi còn không được, nói gì đến chuyện được nghe. Dù Phật dạy rõ ràng, nhưng chưa hiểu rốt ráo, tâm tôi còn mơ hồ nghi hoặc. Còn như trình độ kiến giải của bọn ông A Nan, tuy đã được khai ngộ nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ, nghe pháp âm thâm diệu này của Phật lòng còn ngờ vực.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả các thứ: 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới và 7 đại trong thế gian đều là hiện tượng biểu hiện phát xuất từ tánh thanh tịnh bản nhiên của Như Lai tạng, vậy thì tại sao Như Lai tạng bỗng nhiên lại sanh các tướng hữu vi vô

thường vận động, thay đổi trước sau, vô cùng vô cực như thế ?

Bạch Thế Tôn ! Như Lai cũng đã từng nói: Địa, thủy, hỏa, phong, bốn đại bản tánh viên dung, khắp cùng pháp giới, vắng lặng thường trú. Bạch Thế Tôn ! Nếu địa đại cùng khắp thì làm sao dung được thủy đại ?

Nếu thủy đại cùng khắp thì làm sao hỏa đại có điều kiện phát sanh ? Làm sao có thể hiểu được rằng: Thủy đại và hỏa đại đều cùng khắp pháp giới mà không đối kháng hủy diệt nhau ? Bạch Thế Tôn ! Tánh địa đại thì ngăn ngại; tánh hư không là rộng suốt, làm sao có sự kiện hai đại đồng khắp cùng trong một bầu pháp giới ? Tôi không biết nghĩa ấy thế nào. Xin Phật rủ lòng từ vén mây mê lầm cho tôi và đại chúng.

PHẬT CHỈ NGUỒN GỐC VỌNG TƯỞNG CỦA HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ (^)

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông Phú Lô Na và các đại A La Hán rằng: Nay Như Lai vì đại chúng chỉ bày tánh thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến cho hàng định tánh Thanh Văn chưa được nhọn không và pháp không, hướng về đại thừa, được pháp tu chân chánh tịch diệt của nhất thừa. Các ông hãy lắng nghe cho kỹ, tôi sẽ vì đại chúng mà nói.

Phật bảo: Phú Lô Na ! Như ông vừa nói: Đã là bản nhiên thanh tịnh tại sao bỗng nhiên lại sanh ra âm nhập xứ giới núi sông đất liền sum la vạn tượng ? Ông có nghe Như Lai đã

từng dạy: *Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu* hay không ?

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã nghe, Phú Lô Na thưa.

- Ý ông hiểu thế nào ? Tánh giác tự *minh* mà gọi là *giác* hay tánh giác không *minh* phải dùng tánh *minh* để *minh* tánh giác ?

Bạch Thế Tôn ! Tánh giác tự *minh* nên gọi là *tánh giác diệu minh*. Nếu tánh giác *không minh* thì còn lấy cái gì để gọi là *minh* tánh giác !

Phật bảo: Đúng vậy, Phú Lô Na ! Nếu tánh giác không tự minh thì không lấy cái gì khác để minh tánh giác. Và, nếu tánh giác là cái *sở minh* thì không còn gọi là tánh giác nữa. Vậy ông nên hiểu: *Tánh giác vốn minh* mà chúng sanh lầm tưởng rằng phải nhờ cái *minh* để minh tánh giác. Sự thực tánh giác vốn không phải là cái *sở minh*. Như vì lầm tưởng mà tánh giác trở thành ra *sơ?/b>*. **Cái vọng về *sơ? đã thành, tất sanh cái vọng năng của ông. Nguồn gốc của vọng tưởng phát nguyên là như vậy.***

PHẬT KHAI THỊ NGUỒN GỐC DUYÊN KHỞI CỦA HIỆN TƯỢNG VẬT CHẤT(^)

Phật bảo: A Nan ! Bản thể của hiện tượng vốn chung cùng, do như duyên mà biến hiện. Trong thể tánh không đồng không dị, phân giải sanh ra thành dị. Khác với các dị hóa hợp thành đồng. Tánh đồng dị đã phát minh, hai lực hấp dẫn

và đề kháng cũng tự thành năng lực. Giữa sự nhiễu loạn mâu thuẫn bên trong của vật lý tâm lý và tánh hư không; những tánh chất năng động hợp thành thế giới, tính thể bất động là hư không. Hư không là đồng, thế giới là dị. Đồng dị hay không đồng dị, tất cả đều gọi là pháp hữu vi.

PHẬT DẠY RÕ VỀ 3 TƯỚNG TƯƠNG TỤC(^)

Thế giới tương tục:

Phật bảo: Phú Lô Na ! Tánh giác thì sáng suốt; hư không thì bất động vô tri. Hai thứ tác động nhau thành tánh năng dao động. Do đó, trong thế giới có hiện tượng lay động phát sanh (gió: phong đại). Trong tánh năng dao động, những thứ đồng chủng hóa hợp với nhau kết thành tánh chất ngại. Đây là hiện tượng kim luân được hình thành để bảo trì quốc độ (kim luân là dị dạng của địa đại, nhiếp thuộc về địa đại). Kim luân cọ sát với không khí trong hư không, biến ra năng lượng. Hiện tượng hỏa đại phát huy từ đó. Kim luân sanh nước. Tánh nước chảy xuống. Tánh lửa bốc lên. Thủy đại chảy xuống, hỏa đại bốc lên, địa đại bảo trì, từ đó hiện tượng vật chất đủ điều kiện hình thành viên mãn. Chỗ sâu có nước là biển; chỗ cạn là cồn bãi, lục địa. Do nguyên nhưn đó, trong biển, lửa thường sanh khởi. Cồn bãi, lục địa, sông lạch thường tuôn chảy không ngừng, Chỗ thế nước kém thế lửa, kết tụ thành núi cao, cho nên đánh đá thì lửa nhoáng ra. Chỗ thế đất kém thế nước hay sanh cây cỏ. Vì vậy, rừng cháy thành đất, vắt ép gỗ chảy ra nước.

Sự vật hiện tượng trong thế giới tương quan làm nhưn quả cho nhau mà sanh. Xoay vần làm nhưn duyên cho nhau không dứt, vì vậy thế giới duy trì tương tục vô cùng.

Chúng sanh tương tục:

Lại nữa Phú Lô Na ! "Vọng minh" không phải cái gì khác lạ. Do vì chúng sanh dùng cái tri kiến *minh tri* để *minh* tánh giác mà có sự lỗi lầm. Từ đó có cái *sở minh*. Sở minh đã có thì cái *năng minh* bị lệ thuộc vào. Vì vậy, tánh nghe không ngoài âm thanh; tánh thấy không ngoài màu sắc; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, 6 vọng trần đã hình thành làm đối tượng cho "vọng năng": Những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết sanh khởi. Hễ đồng nghiệp thì hấp dẫn lúc hợp ly, khi tình, khi tướng. Tánh thấy "năng minh" có, thì đương nhiên có sắc "sở minh" hiển hiện. Chủ thể đối tượng tác động vào nhau, từ cảm tính chuyển sang lý tính, từ lý tính nảy sinh khái niệm, từ khái niệm dẫn đến tư duy. Do tư duy có sự tưởng tượng nhận thức: Hễ ý kiến bị phủ nhận, sanh tâm lý ghen ghét. Tư tưởng được đồng tình, sanh tâm lý yêu thương. Dòng nước yêu thương kết thành chủng tử, thu nạp tưởng tượng hấp dẫn nghiệp đồng, tác hợp với "yết la lam" thành trạng thái của phôi trong thời gian gọi là "ngưng hoạt" (tinh trùng và noãn sào mới hợp nhau trong ba bốn tuần đầu). Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, tùy nghiệp đồng và thích ứng của mỗi loài mà cảm ứng. Thai nhưn tình mà có. Noãn do tưởng mà sanh. Thấp bởi hợp mà cảm. Hóa vì ly mà ứng. Tình, tướng, hợp, ly luôn luôn vận động đổi

thay theo nghiệp sở hành mà cảm thọ: Khi đi lên, lúc đi xuống xoay vần trong sáu nẻo. Đó là nguồn gốc làm cho chúng sanh tương tục không dừng.

Nghiệp quả tương tục:

Phật bảo: Phú Lâu Na ! Tướng và ái gắn bó ràng buộc lẫn nhau. Ái mãi không rời kết thành nghiệp như tương tục: Cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu tương tục sanh lên sanh xuống không có thời kỳ chấm dứt. Hạng chúng sanh này do *dục tham* làm gốc.

Tham và ái đăm đuổi nặng nề, tham ái mãi không thôi. Nghiệp như này khiến cho các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Hạng chúng sanh này do *sát tham* làm gốc.

Người cướp mang súc vật để ăn. Súc vật tiến hóa làm người. Người làm ác nghiệp thoái hóa làm súc vật. Mười loại chúng sanh xoay vần lên xuống, xuống lên, ăn nuốt lẫn nhau. Ác nghiệp ngày thêm, cho nên tội nặng mé vị lai tương tục. Hạng chúng sanh này do *đạo tham* làm gốc.

Phú Lâu Na ! Do những bất thiện nghiệp như vậy, người này mắc nợ thân mạng người kia. Người kia trả nợ cũ cho người này. Người này thương cái lòng tốt của người kia. Người kia yêu sắc đẹp của người này. Do như duyên đó trải trăm nghìn kiếp ở mãi trong ràng buộc sanh tử khổ đau. Ba món Sát, Đạo, Dâm là những yếu tố căn bản tạo thành nghiệp quả tương tục.

Phú Lôu Na ! Sở dĩ có ba thứ tương tục điên đảo là do nhận thức sai lầm: Rằng phải nhờ lấy cái *minh* để *minh* tánh giác; không biết rằng: *Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu*, đại địa san hà vũ trụ vạn hữu là hiện tượng hữu vi có sanh có diệt là do kiến chấp vọng tưởng của con người. Sự thực, thể tánh của các hiện tượng vốn thanh tịnh bản nhiên là diệu dụng của Như Lai tàng biểu hiện.

*

* *

TRỰC CHỈ

Đóng vai trò "tích hạ bản cao", ông Phú Lôu Na và ông A Nan nghe tư tưởng liễu nghĩa thượng thừa, như người điếc cách xa trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng, thiết tưởng không phải là chuyện lạ. Do vậy ông mới trình lên Đức Phật những mối thắc mắc nghi ngờ, của hàng Thanh Văn tiểu quả, và trong mối nghi ngờ đó có của Phật tử chúng ta.

Ông Phú Lôu Na hỏi Phật:

Một, tại sao Như Lai tàng, tánh vốn thanh tịnh bản nhiên bỗng dừng lại chuyển biến sanh ra những hiện tượng hữu vi: Âm, nhập, xứ, giới và các đại, để rồi hiện tượng vạn hữu này tồn tại mãi với không gian và thời gian vô cùng vô cực?

Hai, Địa, thủy, hỏa, phong, kiến, và thức, trong bảy đại tánh chất có đối kháng nhau. Tại sao chúng có thể dung hợp

được nhau trong Như lai tàng mà không tương tàn, tương diệt ?

Là một bậc thầy, một Ta Bà Giáo Chủ không cho phép từ chối giải đáp những thắc mắc chánh đáng cho đệ tử mình, dù thắc mắc đó có khó khăn đến mức nào cũng vậy.

Phật bảo ông Phú Lô Na, đó là vấn đề "thắng nghĩa" của các pháp, vấn đề cội nguồn của sự vật hiện tượng vạn pháp. Nói đến vấn đề này là đề cập đến tánh chơn như, bản đến tánh thường như của vạn pháp. Như Lai dạy: sự thật, hiện tượng vạn pháp cùng chung một bản thể: Như Lai tàng. Hữu tình vô tình đều phát xuất từ chủng tử trong Như Lai tàng vận động, biến chuyển duyên khởi mà hình thành. Thoạt kỳ thi, tất cả hiện tượng vạn pháp sanh khởi hình thành bằng tánh như thị bản nhiên của nó. Đồng chủng thì hợp lại, dị chủng thì đẩy ra, đồng tánh thì chống nhau, dị tánh thì hút nhau. Sự hợp, đẩy, chống, hút, không do ai làm, không bị ai xui, không bởi thế lực "thiên liêng" nào sắp xếp. Vì vậy, trong đó không có cái sở và cái năng. Năng nghĩa là có ai đó... làm, xui hay sắp xếp. Sở là cái bị ai đó sắp xếp, làm và xui nên. Tánh "Thường như" của vạn pháp vốn không có vấn đề năng sở, nghĩa là không có chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt. Tất cả cùng một bản thể, tùy duyên vận động chuyển biến hiện ra như vậy và như vậy:

Duy thức luận nói:

"Do thức nhất thiết chủng
 Nó biến như vậy như vậy
 Do quá trình vận động
 Hiện tượng sự vật sanh."

(Do nhất thiết chủng thức
 Như thị như thị biến
 Dĩ triển chuyển lực cố
 Bĩ bỉ phân biệt sanh).

Thế tánh của hiện tượng vận pháp trong Như Lai tàng vốn nhiệm mầu trong sáng không có vô minh. Tánh giác diệu minh bản giác minh diệu là tánh chất vốn vậy trong Như Lai tàng. Năm ám, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và bảy đại sanh diệt, diệt sanh trong Như Lai tàng không phải là vấn đề đáng quan tâm thắc mắc, vì đó là vấn đề: vũ trụ vận hữu tồn tại khách quan trong quy luật vô thường vận động sanh diệt, diệt sanh của chúng.

Tương quan thân thiết với con người là vấn đề hơn sanh quan, mới là điều nên đầu tư suy nghĩ. Đã là tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu, thế nhưng tại sao con người có thể bị mất đi cái đó để rồi phải chuốc lấy phiền não buộc ràng trong sanh tử khổ đau ?

Phật dạy: Tánh giác tất minh, vọng vi minh giác nghĩa là do vọng tưởng khởi, sanh phân biệt chấp mắc hiện tượng vận hữu. Do đó hiện tượng vận hữu trở thành đối tượng sở minh. Cái phân biệt của con người trở thành năng minh để đánh

giá cái tánh giác diệu minh của hiện tượng vạn pháp và chấp thủ sai lầm về cái bản giác minh diệu của chính mình. Do vọng tưởng sai lầm không đầu mối đó (sai lầm vô thí) dẫn đến nhận thức sai lầm: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn... những cái thuộc loại "khách trần" và có chỗ trả về ấy lại chiếm ngự ở mãi lòng ta !

Vấn đề: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức, vì sao dung hóa được nhau; trong thực tế chúng có tánh đối kháng nhau rõ rệt !

Phật dạy: Địa thủy hỏa phong... đầy khắp pháp giới mà tánh hư không, không bị choán mất tiêu vong, vì vậy nên Như Lai nói: Tánh sắc chơn không. Hư không có đủ tất cả tánh chất của địa, thủy, hỏa, phong... vì vậy Như Lai mới nói: Tánh không chơn sắc (Chỉ tánh phải được hiểu thể tánh của các tánh). Thủy đại đầy khắp pháp giới mà không triệt tiêu hỏa đại không ngập chìm tất cả thế gian, vì vậy Như Lai nói: Tánh thủy chơn không. Pháp giới không đại, vốn không phải là thủy đại, vậy mà trong không đại khắp đầy thủy đại, cho nên Phật dạy: Tánh không chơn thủy. Hỏa đại đầy khắp hư không mà không cháy sơn hà thảo mộc vạn hữu thế gian. Vì vậy, Phật nói: Tánh hỏa chơn không. Hư không vốn không hỏa nhưng lúc chúng sanh cần thì hỏa có trong hư không, cho nên Phật dạy: Tánh không chơn hỏa..., các đại còn lại cũng suy như vậy...

Tánh các đại vốn không ngăn ngại gì nhau, người đệ tử Phật học đến đây có thể nhận thức rõ chơn lý: Sắc bất dị không;

không bắt dị sắc. Sắc tức thị không; không tức thị sắc rồi vậy.

Nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật lý chỉ là vấn đề tất nhiên: hiện tượng vạn hữu tồn tại khách quan theo quy luật: "Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập".

Đồng chủng tương ứng
 Dị chủng tương xích
 Đồng tánh tương cự
 Dị tánh tương hấp
 Đồng năng tương bội
 Dị năng tương đề

Do vậy trong Như Lai tàng, chủng tử cơ bản của vạn pháp có thể "liên tỏa" (kết hợp thành từng nhóm quện chặt với nhau) để thành một chỉnh thể hiện tượng vạn hữu. Ngược lại cũng có thể phân giải hoàn toàn hoặc chuyển hóa dần dần từ lượng dần đến chuyển hóa hoàn toàn về chất để rồi sự vật cũ mất đi, hình thành sự thật mới nối tiếp...

Luận nguồn gốc thế giới tương tục là chỉ đề cập đơn thuần bên mặt vật lý. Nói đến chúng sanh tương tục phải đề cập hai phần: vật lý và tâm lý tổ hợp mà hình thành. Cái động cơ thúc đẩy khiến cho chúng sanh sanh tử tương tục là nghiệp. Nghiệp là hành động được biểu hiện qua thân, miệng và ý thức, trong đó ý thức là then chốt. Do ý nhận thức sai lầm về "Tánh giác diệu minh" làm mê mờ chơn lý vũ trụ quan; sai lầm về "Bản giác minh diệu" làm mê mờ chơn lý nhân sanh

quan. Vấn đề "Vọng năng" "Vọng sở" là vấn đề tối hệ trọng. Bởi vì con người vốn không phải là kẻ năng cầu, năng lễ và năng nguyện, để được giáng phúc, ban ơn do đáng sở lễ, sở cầu, sở nguyện nào đó. Nhưng khi đã bị vọng tưởng sai lầm biến con người thành "Vọng năng" rồi thì "Vọng sở" đương nhiên chấp nhận có. Có năng sở tức là có chủ thể và đối tượng. Thế rồi, ý trái sanh ghét, ý đồng sanh tương... Dòng nước ân ái yêu thương kết thành tập khí chủng tử. Hấp dẫn đồng nghiệp tác hợp với phôi. Phôi lớn thành thai, rồi lục nhập, xúc, thọ, ái... theo thời gian mà phát triển. Thai non tình mà có. Noãn do tưởng mà sanh. Thấp nhờ hợp mà cảm. Hóa bởi ly mà ứng. Tình, tưởng, hợp, ly theo sức nghiệp mà lúc xuống khi lên. Do vậy mà chúng sanh tương tục.

Về nghiệp quả tương tục, Phật chỉ rõ bởi ba nguyên nhân chánh:

Tưởng và ái nặng, biểu hiện của con người nhiều dục và nhiều tham.

Dục và tham là một trong ba nguyên nhân làm cho chúng sanh gánh chịu nghiệp quả tương tục.

Tham và ái nặng biểu hiện của con người nặng về tham và nặng về sát. Chính sát và tham là nguyên nhân khiến cho chúng sanh gánh chịu nghiệp quả tương tục.

Thực và ái nặng, con người cướp sanh mạng của thú cầm, súc vật để ăn, biểu hiện con người nặng về đạo, nặng về

tham. Đạo và tham làm nhưn thì con người phải gánh chịu sự vay trả trả vay tương tục.

*

* *

GIÁC KHÔNG SANH MÊ THẮT ĐẠI DUNG ĐƯỢC NHAU MÀ KHÔNG CÓ GÌ TRỞ NGẠI(^)

GIÁC KHÔNG SANH MÊ

Ông Phú Lô Na thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu tánh giác vốn nhiệm màu trong sáng cùng với tâm Như Lai không kém không hơn. Thế mà vô cớ bỗng nhiên lại sanh núi sông đất liền các hiện tượng hữu vi sanh diệt ! Vậy hiện nay Như Lai đã chứng nhập bản thể giác minh (tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu ấy), ví phỏng chừng nào Như Lai sanh lại vọng tưởng phân biệt đối với các pháp hiện tượng hữu vi ? Và chừng nào hoặc lậu của Như Lai sanh trở lại ?

Phật bảo: Phú Lô Na ! Ví như có người do mê mà lầm cho phương Nam là phương Bắc, cái mê như vậy, không nhân mê mà có, vì mê vốn không gốc rễ, không có hình dáng kích thước, cũng không phải sắc màu; càng không phải nhân ngộ, vì ngộ là tỉnh là sáng suốt, ngộ không sanh mê. Người mê đang lúc mê bỗng có người ngộ giải thích chỉ bày cho được ngộ; người mê hóa giải, dứt được cái mê thì phương hướng Bắc Nam không còn lầm lộn nữa. Mười phương Như Lai cũng vậy. Mê vốn không gốc rễ, tánh của nó là không. Xưa

vốn không có mê, tựa hồ như có mê, có giác. Giác được mê thì mê diệt; giác vốn không sanh mê. Lại cũng như người nhắm mắt, thấy hoa đóm đầy nháy hư không. Nếu trĩ dứt bệnh nhắm thì hoa đóm trong không tự hết. Nếu ai đó mong chờ cho hư không sanh hoa trở lại là kẻ quá ngu si, với hạng người như vậy, không thể nói: Rằng họ là người ngu hay trí !

Lại nữa ! Phú Lô Na ! Ví như quặng vàng lẫn lộn với vàng ròng. Khi vàng đã nấu lọc tinh rồi thì vàng không là quặng nữa. Lại cũng như gỗ đã đốt thành tro; tro không thể hoàn nguyên tánh gỗ được.

Phú Lô Na ! Vấn đề Niết bàn của mười phương Như Lai cũng như vậy. Như Lai không bao giờ sanh lại vọng tưởng phân biệt để chấp mắc các hiện tượng hữu vi. Và cũng không có việc Như Lai sanh lậu hoặc trở lại.

LẠI NÓI RÕ VẤN ĐỀ CÁC ĐẠI CÓ THỂ DUNG NHAU(^)

Phật bảo: Phú Lô Na ! Ông còn nghi ngờ. Vì sao thất đại: Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức, lại có thể dung nhau ? Trong thực tế ông thấy chúng thường tự xâm đoạt hủy diệt nhau ?

Phú Lô Na ! Ví như hư không, thể của nó vốn không phải hình tướng, nhưng nó không chống đối các tướng phát huy trong nó. Phú Lô Na ! Bầu hư không vô cực kia, hễ mặt trời soi thì sáng, mây ùn thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi đọng thì đục, bụi nổi thì mù, nước lạnh thì lóng

lánh. Phú Lô Na ! Ông hiểu thế nào ? Các tướng hữu vi sai khác đường ấy. Vậy nó nhân những cái đã có kia mà tự sanh hay nhân hư không mà có ? Phú Lô Na ! Nếu bảo rằng do những cái kia tự sanh, vậy khi mặt trời soi, mặt trời sáng thì mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không lại còn thấy mặt trời tròn ? Nếu bảo rằng hư không sáng, thì hư không tự soi lấy, cứ sao giữa lúc đêm mây mù không có ánh sáng soi ? Vậy nên biết rằng: Cái sáng không phải mặt trời, không phải hư không, nhưng cũng không ngoài hư không và mặt trời.

Phú Lô Na ! Ông nên biết rằng: Đứng bên hiện tượng mà nhìn thì hiện tượng vốn vọng, cho nên không làm sao chỉ bày chính xác và đích thực được. Nhưng đứng trên bản thể mà tư duy, ta sẽ thấy bản thể là chơn: *Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu*, cho nên "địa" vốn không là "địa". "Không" vốn chẳng là "không". Thủy, hỏa, phong... cũng vậy thì làm chi có việc trở ngại không dung nhau được.

Trong bản tánh minh diệu của Như Lai tàng, ông cần phát minh hư không thì có hư không hiện ra. Địa, thủy, hỏa, phong... mỗi mỗi đều cần thì mỗi mỗi hiện ra. Ví như một dòng nước in bóng mặt trăng. Hai người cùng trông thấy bóng mặt trăng in đáy nước. Rồi người đi về Đông, người đi về Tây cả hai đều thấy có mặt trăng theo mình, mà không có chuẩn đích cho mặt trăng cố định. Trước sự kiện đó không nên gạn hỏi: Mặt trăng là một, sao có thể đi theo hai hướng

khác nhau ? Cũng không được hỏi: Mặt trăng đã thành hai, sao trước kia hiện ra có một ?

Phú Lô Na ! "Duyên sanh như huyễn" là vậy đó. Vì vậy, mà Như Lai dạy: *Tánh sắc chơn không*. Và cũng vì vậy, Như Lai nói: *Tánh không chơn sắc*... Không có pháp nào có tự thể độc lập cố định của chính mình !

*

* *

TRỰC CHỈ

Tánh giác diệu minh cho nên giác không sanh mê. Mê không gốc rễ, không hình dáng, không kích thước, sắc màu. Rõ ràng mê không tự thể, lấy gì để gọi đó là mê. Huyền Giác thiền sư nói: "thật tánh vô minh là Phật tánh". Hễ giác sanh thì mê diệt. Sự thật quá rõ ràng.

Người đệ tử Phật có tư duy tu tập sẽ thấy rõ rằng Chơn tâm thường trú, Thể tánh tịnh minh là cái thường cái thật cái có sẵn của chính mình. Còn cái bất giác, cái mê, cái tham, sân, si, mạn hữu lậu nghiệp là những cái "vọng thành". Chúng là "khách" là "trần" chúng đến rồi đi và có chỗ trả về cho "nguyên quán" của chúng.

Hỏi Như Lai chừng nào sanh bất giác vô minh trở lại là câu hỏi của người đệ tử đối với giáo lý Phật, còn "chợt tỉnh chợt mê": Chưa xác định được vấn đề Tánh giác diệu minh, bản

giác minh diệu. Chưa nhận rõ: vấn đề thể tánh tịnh minh cũng như không biết được Như Lai viên giác diệu tâm là gì. Ở đoạn kinh này Phật dạy rất rõ rằng:

Người không nhắm mắt, trông lên hư không thấy một màu thanh tịnh sáng trong. Chỉ vì bệnh nhắm mắt mà người ta trông hư không thấy toàn là hoa đốm. Hoa đốm ngập tràn là do bệnh nhắm mắt mà có ra. Khi bệnh nhắm mắt hết rồi, hoa đốm không còn là vấn đề người trí bận tâm: Rằng có, rằng không, rằng chừng nào hoa đốm nở đầy hư không trở lại !

Phật dạy: vấn đề các đại có thể dung nhau là vì tánh chất duyên sanh của nó. Hiện tượng vạn pháp do nhưn duyên sanh, cho nên không pháp nào có tự thể độc lập, cố định đích thực của riêng mình. Như Lai đã khổ công dạy bảo: Rằng Tánh sắc chơn không tánh không chơn sắc... Tánh thủy chơn không tánh không chơn thủy... Tánh hỏa chơn không tánh không chơn hỏa... Tánh phong chơn không tánh không chơn phong... Tất cả đều "thanh tịnh bản nhiên, chu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện"...

Do vậy mà các đại dung nhau, không trở ngại gì nhau, cũng là một sự thật ẩn hiện trước mắt mọi người !

*

* *

KHIỂN TRÁCH CHÚNG SANH BỘI GIÁC HIỆP TRẦN VÀ KHAI THỊ PHƯƠNG PHÁP BỘI TRẦN HIỆP GIÁC(^)

BỘI GIÁC HIỆP TRẦN

Phật bảo: Phú Lô Na ! Do nhận thức đánh giá của ông về *Sắc không* của Như Lai tàng thì Như Lai tàng theo cái nhận thức của ông mà có *Sắc không* khắp cùng pháp giới. Vậy nên ông thấy gió thì động, hư không thì tĩnh, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Ông và tất cả chúng sanh mê lầm, sống trái với giác tánh mình mà hiệp với trần tượng cho nên sanh khởi cái nhận thức trần lao. Do đó có các tướng thế gian đối tượng.

BỘI TRẦN HIỆP GIÁC

Phú Lô Na ! Như Lai sử dụng *tánh giác diệu minh* không sai lầm nhận thức, không đánh giá điên đảo. Như Lai tàng là *tánh giác diệu minh* khắp trùm pháp giới. Vậy nên đối với Như Lai: Một là tất cả, tất cả là một; trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, ngồi tại đạo tràng bất động mà như ở khắp mười phương; một thân mà trùm cả hư không vô tận, đầu một mấy lông mà hiển hiện ra vô vàn cõi Phật; ngồi trong vi trần bé bỏng mà vận chuyển đại pháp luân; diệt hết nhận thức sai lầm trần tượng, sống hợp giác tánh, cho nên Như Lai nhìn đâu cũng là tánh chơn như sáng suốt giác ngộ nhiệm mầu.

*

* *

TRỰC CHỈ

Trái với giác tánh hợp với trần lao là tâm trạng chung của tất cả mọi người thế gian chưa đủ điều kiện quay về đường giải thoát giác ngộ. Người ta thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho sự vật theo tri kiến chủ quan của mình. Do vậy chủ thể và đối tượng hiển nhiên. Năng và sở đối lập, nhọn, ngã, bỉ, thử bời bời rối rắm. Đó là hậu quả của sự "bội giác hợp trần".

Phật vẫn là một con người, nhưng khác với mọi người ở chỗ là không nhận thức đánh giá sai lầm sự vật hiện tượng theo tri kiến đảo điên chủ quan. Mà Như Lai sống đúng, sống hợp với tánh giác diệu minh của Như Lai tạng và tánh duyên sanh "như vậy" của hiện tượng vạn hữu.

Nhận thức hiện tượng vạn hữu qua "Tri kiến Phật" thì một là tất cả, tất cả là một, ngồi trong vi trần bé xíu mà chuyển xe pháp vĩ đại bao la. Ngôn ngữ đoạn kinh này, nếu y văn mà hiểu nghĩa thì rõ là oan cho ba đời chư Phật. Thâm nghĩa của đoạn kinh này, nhằm dạy cho đệ tử Phật về vấn đề bản thể chung cùng của hiện tượng vạn hữu: Rằng vòng, kiền, trâm, nhân, nút áo, hoa tai, nếu nhìn hình dáng và tên gọi khác nhau, nhưng tất cả cùng là vàng 24 cara. Lấy ra một điểm nhỏ trong những đồ trang sức đó, đem thử lửa, người thợ kim hoàn đánh giá không sai tuổi của tất cả những món

đồ vàng còn lại. Với tri kiến như vậy, nên gọi Như Lai là bậc "bội trần hợp giác".

PHẬT KHAI THỊ NHƯ LAI TÀNG RỜI TẤT CẢ TƯỚNG, LÀ TẤT CẢ PHÁP(^)

NHƯ LAI TÀNG RỜI TẤT CẢ TƯỚNG(^)

Như Lai tạng vốn là bản thể nhiệm màu viên mãn. Tuy nhiên, nó không phải là tâm; không phải là không; không phải địa; không phải thủy; không phải hỏa; không phải phong; nó không phải nhãn; không phải nhĩ; không phải tỷ; không phải thiệt; không phải thân, không phải ý; nó không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị; không phải xúc; không phải pháp; nó không phải nhãn thức giới cho đến không phải ý thức giới, nó không phải minh; không phải vô minh, không phải hết vô minh; cho đến không phải lão tử; không phải hết lão tử; nó không phải khổ; không phải tập; không phải diệt, không phải đạo; nó không phải trí cũng không phải đắc, nó không phải bố thí; không phải trì giới; không phải nhẫn nhục; không phải tinh tấn, không phải thiên định; không phải trí tuệ; nó không phải là Như Lai, là ứng cúng, chánh biến tri; nó không phải đại niết bàn; không phải thường lạc, ngã tịnh, vì Như Lai tạng không phải là pháp thế gian, mà cũng không phải là pháp xuất thế gian.

NHƯ LAI TÀNG LÀ TẤT CẢ PHÁP(^)

Nhưng cái bản thể nhiệm màu viên mãn Như Lai tàng lại cũng tức là tâm, là không, là địa, là thủy, là hỏa, là phong; cũng tức là nhãn, là nhĩ, là tỷ, là thiệt, là thân, là ý; cũng tức là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp; cũng tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; cũng tức là minh, là vô minh, cho đến là lão tử, là hết lão tử; cũng tức là khô, là tập, là diệt, là đạo; cũng tức là trí, là đắc, cũng tức là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ; cho đến cũng tức là Như Lai là ứng cúng, là chánh biến tri; cũng tức là đại niết bàn; là thường, là lạc, là ngã, là tịnh. Vì vậy, Như Lai tàng biểu hiện qua tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

**DỪNG PHẬT NHÃN NHÌN HIỆN TƯỢNG VẠN PHÁP,
KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ LÀ HAY KHÔNG LÀ TRONG
NHƯ LAI TÀNG BẢN THỂ CHƠN NHƯ MÀU
NHIỆM(^)**

Này Phú Lô Na ! Như Lai tàng vốn nhiệm màu trong sáng, vượt ngoài sự phê phán đánh giá "là" hay "không phải là". Vậy nên, chúng sanh trong ba cõi và hàng Thanh Văn Duyên Giác dùng cái tri thức cạn cợt thì làm sao mà đo lường bờ đề vô thượng của Như Lai; đem ngôn ngữ hạn cuộc của thế gian mà diễn đạt cái tri kiến Phật thậm thâm sao cho đến được ! Ví như các nhạc khí: Dương cầm, phong cầm, lục huyền cầm... dù có âm thanh tuyệt diệu nhưng nếu không có bàn tay điêu luyện của nghệ sĩ tài hoa thì cũng không phát ra

được những tiếng hay. Ông và chúng sanh cũng vậy. Chân tâm giác minh mọi người đều đầy đủ. Thế mà Như Lai ấn ngón tay thì rực rỡ hào quang, còn các ông vừa móng tâm thì trần lao đã nổi dậy. Đó là do các ông không siêng năng cầu vô thượng giác mà ham ưa pháp tiểu thừa, được chút ít cho là đủ !

*

* *

TRỰC CHỈ

Như Lai tàng là bản thể chơn như của hiện tượng vạn pháp. Chơn có nghĩa là không gì phá hoại được. Như có nghĩa là không thể xây dựng thêm gì được nữa. Như Lai tàng rời tất cả tướng thế gian, nhưng không phải là ở cảnh giới xa xăm nào khác. Như Lai tàng là tất cả pháp, nhưng không phải ai cũng nhận biết rằng: Mình đang sanh hoạt trong Như Lai tàng. Như Lai tàng hiện hữu trong hiện tượng vạn pháp, biểu hiện thông qua hiện tượng vạn pháp, thế mà chúng sanh suốt cả cuộc đời chỉ biết có hiện tượng vạn pháp mà không hề nghĩ đến bản thể Như Lai tàng mâu nhiệm. Như Lai tàng là sức sống vô tác nhậm vận của con người, là sanh khí hồn nhiên của hiện tượng vạn pháp, cho nên người ta xem thường xem rẻ nó. Người ta xem thường xem rẻ nó cũng như người ta đã từng xem rẻ hơi thở của lỗ mũi, của buồng hô hấp, của sự co bóp của nhịp tim họ, họ xem rẻ cái thấy của mắt, họ xem rẻ thứ nước cam lồ trong miệng của họ. Có mấy

ai quan tâm xem trọng những thứ quý giá vô giá ấy đâu. Mà người ta rất quý giá giấy bạc và những khâu vàng... Thế mà người ta quý cái ngọn mà xem thường cái gốc của sự sống của chính mình !

Nhận thức vấn đề "Là" hay "Không là" chúng ta nên học theo cái tâm trạng của người trí ngắm biển trong một buổi hoàng hôn trời đẹp. Người ta không băn khoăn thắc mắc rằng: Sóng là nước hay sóng không là nước. Vì người ta biết rằng: sóng và nước không phải là một, nhưng cũng không được bảo đó là hai. Không phải một vì sóng là sóng; sóng không phải nước. Không được bảo hai, vì sóng là hiện tượng của nước, nước là bản thể của sóng. Múc lên một chén sóng, cũng tức là múc được một chén nước rồi vậy.

*

* *

MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NGUYÊN NHÂN HẾT MÊ LÀ BỒ ĐỀ (Giác)(^)

Ông Phú Lô Na thừa: Bạch Thế Tôn ! Chơn tâm thanh tịnh giác ngộ viên mãn của tôi và của Như Lai không hai; vậy mà tôi thì bị vọng tưởng vô thí sai tử cho nên ở trong luân hồi lâu xa nhiều kiếp; nay dù được thánh quả mà còn chưa rốt ráo. Thế Tôn thì các vọng được gạn lọc sạch trong, còn thuần một tâm tánh chơn thường màu nhiệm. Tôi xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh do nguyên nhân nào mà có vọng

đề rồi tự che mắt tâm tánh sáng suốt nhiệm màu của mình, phải chịu luân hồi trôi nổi khổ đau ?

Phật bảo: Phú Lô Na ! Ông dù trừ được tâm nghi, nhưng tư tưởng mê lầm chưa hết. Ông há không nghe trong thành Thất La Phiệt có chàng Diễn Nhã Đạt Đa vào một buổi sáng mai, đứng trước gương soi mặt, bỗng dung ham thích cái đầu trong gương, còn cái đầu của mình tự bấy lâu nay anh ta cho là đồ yêu quái, vì anh chẳng thấy được mày, mắt, mặt, mũi, đẹp đẽ như cái mặt trong gương. Rồi chàng ta kinh hãi phát điên ôm đầu chạy hoảng.

Phú Lô Na ! Ông nghĩ thế nào ! Diễn Nhã Đạt Đa do nguyên nhân gì, bỗng dung phát điên ôm đầu chạy hoảng ?

- Bạch Thế Tôn ! Tâm người ấy điên chớ không duyên cớ gì khác.

- Phú Lô Na ! Tánh giác thì tròn đầy sáng suốt nhiệm từ xa xưa nhân nay không lúc nào tạm vắng ở trong ông. Còn cái vọng ? Đã gọi là vọng thì làm sao có nguyên nhân ! Nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng được ? Vọng tưởng tự xoay vần làm nhân cho nhau, từ cái mê này nảy thêm cái mê khác tích lũy qua số kiếp như vi trần cho nên dù Phật chỉ rõ mà ông hãy còn chưa biết trở về. Cái nhân của mê do mê mà tự có. Biết được cái mê không có nguyên nhân thì cái vọng không có chỗ gá sanh. Thế thì cái sanh còn không có, còn đem cái gì để làm cái diệt ? Giả sử có cái diệt thì diệt để diệt cái gì ?

Phú Lôu Na ! Người được đạo bồ đề ví như người tỉnh giấc, kể chuyện trong chiêm bao. Tâm ghi nhớ rõ ràng nhưng không sao lấy vật trong chiêm bao ra được; huống chi cái mê vốn không, không nhân, không gì cả thì tìm sao cho nó có cội nguồn ? Như Lai cái điên của chàng Diễn Nhã đâu có nguyên nhân, tự sợ đầu mình mà bỏ chạy. Khi hết điên thì cái đầu cũng vẫn là cái đầu của anh vốn có. Lúc điên loạn, cũng không vì vậy mà anh tạm mất cái đầu.

Phú Lôu Na ! Tánh của cái vọng là như vậy, làm sao tìm có nguyên nhân ? Ông chỉ cần đi ngược dòng tương tục của ba thứ: Thế gian, nghiệp quả và chúng sanh, ba duyên đã chặt đứt thì ba chân chẳng có cơ sở để sanh. Bấy giờ cái tánh điên cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm ông tự hết. Hết tức là bồ đề. Cái chân tâm trong sáng khắp cùng pháp giới xưa nay, không có ai cho mà tự được; chẳng cần tu chứng nhọc nhằn vất vả lời thôi ! Ví như người có hạt như ý châu trong vạt áo mà không biết không hay, gần suốt cuộc đời tha phương cầu thực cùng khổ lang thang bỗng có người thiện hữu phát hiện, chỉ hạt châu cho, bấy giờ người cùng khổ trở thành giàu có nhất đời, ngồi găm lại nửa đời lưu lạc tự hận cho số kiếp đại khờ: Thì ra viên như ý châu không phải từ ngoài, ai đem đến !

*

* *

TRỰC CHỈ

Thực quá rõ ràng, không còn dạy cách nào rõ hơn nữa được:

Vọng không có nguyên nhân, vì không nhân nên mới gọi vọng. Vọng ở đây nhằm ám chỉ cho mê, tánh mê, tánh bất giác, tánh phiền não đột xuất ở tâm tánh con người. Người đệ tử Phật có tư duy, sẽ nhận thấy rõ về vấn đề mê và giác ở chính bản tâm mình: Mê vọng thuộc khách trần; Giác minh ví như hư không và chủ.

Biết được me? không có nguyên nhân thì vọng không có chỗ gá sanh. Đã không có sanh thì khởi đặt vấn đề diệt. Do vậy:

Khởi câu chân

Khởi diệt vọng

Biết được:

"Vọng nguyên vô xứ tức Bồ đề."

Vấn đề tu chứng Bồ đề Như Lai đã từng nói: Như Lai nào có chứng đắc gì đâu. Nằm ngủ trên giường mà rên siết khóc kêu thì người ta gọi đó là người đang cơn ác mộng. Lúc tỉnh dậy rồi chính mình nằm trên giường đó, có chăn ấm nệm êm, thì ra không phải chiếc giường là nguyên nhân gây đau khổ. Giác sanh, mê diệt là vậy. Cũng như người ta tạo hoàn cảnh vui đến thì dữ kiện khổ tự nó mất đi.

Nghèo khổ là nghèo khổ, dù đang hỏi nghèo khổ mà như ý bảo châu vẫn y nhiên trong chéo áo của kẻ cơ hàn. Ngày phát hiện như ý bảo châu, trở thành người cự phú thì ra hạt

châu vốn là hạt châu trong chéo áo mình đã sẵn có từ bấy lâu nay.

*

* *

LẠI RƠI VÀO NHẬN THỨC ĐỐI ĐÃI CỦA THUYẾT NHƠN DUYÊN VÀ TỰ NHIÊN(^)

Bấy giờ ông A Nan đánh lễ dưới chân Phật mà bạch rằng:

Đức Thế Tôn nói về các nghiệp sát, đạo, dâm và ba duyên đoạn rồi thì ba nhân không sanh, tánh điên Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết. Hết tức bồ đề, không do ai đem đến.

Bạch Thế Tôn ! Như thế rõ là nhân duyên rồi, tại sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên ? Chẳng riêng gì tôi mà một số Thanh Văn trong hội này: Như ông Đại Mục Kiền Liên, ông Xá Lợi Phất, ông Tu Bồ Đề v.v... đều do nghe lý nhân duyên của Phật mà phát tâm mà tỏ ngộ, được thành quả vô lậu.

Nay Phật dạy Bồ đề không do nhân duyên; vậy thì các thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xa Ly, thành Vương Xá lại là đệ nhất nghĩa rồi sao ? Xin Phật rũ lòng đại bi chỉ giáo cho kẻ chưa hết mê mờ !

Phật bảo: A Nan ! Theo ý ông thì chàng Diễn Nhã Đạt Đa kia, nếu diệt trừ hết "nhân duyên điên" thì tánh "tự nhiên

không điên" hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên theo hiểu biết của ông, luận đến cùng là như vậy ?

Này ! A Nan ! Cái đầu chàng Diễn Nhã Đạt Đa vốn là "tự nhiên". Nếu nó đã "tự nhiên", vậy do "nhân duyên" gì mà sợ cái đầu phát điên ôm chạy ? Đầu vốn "tự nhiên" vì "nhân duyên" gì mà điên ? Tại sao không vì "nhân duyên" gì mất đi để khỏi điên ?

Cái đầu không mất, cũng chẳng thay đổi chút nào. Còn cái điên sợ là do mê vọng mà có, không bởi, cũng chẳng tại "nhân duyên" mà có ra. Nếu tánh điên vốn là "tự nhiên", tự nhiên sẵn có tánh hoảng sợ, vậy lúc chưa điên, cái điên ẩn trú chỗ nào ? Tánh hoảng sợ nương náu nơi đâu ? Nếu tánh không điên là tự nhiên thì trong đầu chẳng có việc gì, cứ sao lại phát điên ôm đầu chạy ?

Nếu hiểu kỹ rằng: Cái đầu là đầu của mình sẵn có rồi. Biết chắc rằng: vì điên mà ôm đầu chạy hoảng thì cái thuyết "nhân duyên" "tự nhiên" đều là hý luận. Thế nên Như Lai nói: Ba duyên đoạn rồi là Bồ Đề tự hiện. Nếu bảo rằng: Đoạn ba duyên rồi thì bồ đề tâm sanh, vì tâm sanh diệt đã diệt thì đó cũng chỉ là "sanh", "diệt" trong vòng đối đãi. Diệt và sanh đều xóa hết, mới đến chỗ "vô công dụng" (địa vị kiến đạo, tức quả sơ địa).

A Nan ! Bồ đề Niết bàn còn xa, nếu ông không siêng năng tu tập, dù ông có nhớ diệu nghĩa 12 bộ kinh của thập phương Như Lai cũng chỉ thêm nhiều hý luận; dù ông có luận tập đa

văn, ông cũng vẫn không tự hóa giải nạn Ma Đăng Già; dù nhiều kiếp nhớ ghi diệu pháp của Phật, cũng không bằng một ngày chuyên tu vô lậu nghiệp: Xa lìa hai khổ thương ghét thế gian. Ma Đăng Già trước kia là dâm nữ, do được nghe Thủ Lăng Nghiêm mà diệt được lòng ưa muốn. Nay trong Phật pháp nàng có tên Tánh tỳ kheo ni. Cũng như Da Du Đà La, nàng tỏ ngộ cái nhân ở nhiều đời trước, biết rõ tham ái là khổ, cả hai cùng chuyên tâm tu tập vô lậu thiện, cho nên người thì ra khỏi buộc ràng, kẻ được Phật thọ ký. Còn ông ! Sao ông tự khinh mình, để mắc mưu mãi trong vòng nghe thấy.

*

* *

TRỰC CHỈ

Như chúng ta đã biết, tất cả hiện tượng vạn hữu không có một sự vật nào tự nhiên mà có. Đơn vị của sa mạc là hạt cát tí ti; đơn vị của núi cao là hòn đá nhỏ nhỏ; đơn vị của biển cả là sông, ngòi, khe, lạch cho đến những giọt sương chiều. Cho nên không thể "tự nhiên" mà có tòa cao ốc sừng sững hiên ngang trong đô thị.

Không phải Tự nhiên thì ông A Nan phải xoay sở phía nhân duyên vậy. Nhưng khổ thay ! Ông A Nan chưa hiểu Bản thể chơn như của hiện tượng vạn pháp !

"Tất cả các pháp này, từ xưa nhân nay, rời ngôn thuyết, rời văn tự, rốt ráo bình đẳng, thể của nó là Tâm. Tâm ?/b>la Bản thể chơn như vậy".

Do vậy, đem ngôn ngữ luận đàm, đem văn tự miêu tả rằng như duyên rằng tự nhiên... thì làm sao khỏi bị Phật quả là hý luận.

Làm sao tìm được đầu mối nguyên thủy của sự vật để gọi là Nhân ? Nhân đã không tìm được thì Duyên chỉ là cái nhân phụ, đem dùng vào việc gì ? Phật ví dụ điển hình về cái điên của anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa" để cho người đệ tử Phật suy nghĩ kỹ về cái "Tự nhiên" và "Nhân duyên" cụ thể. Nếu đã là tự nhiên không điên thì Nhân duyên gì phát điên ôm đầu chạy hoảng ?

Thế nên biết rằng: Tự nhiên đã sai lầm, Nhân duyên cũng chỉ là hý luận mà thôi.

Sự thật của hiện tượng vạn pháp, phát nguyên từ bản thể chơn như mẫu nhiệm. Nó ly tất cả ngôn ngữ văn tự.

*

* *

PHẬT CHỈ HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH(^)

ÔNG A NAN TRẦN THUẬT CHỖ THÂM NGỘ VÀ THỈNH VẤN PHÁP TU GIẢI THOÁT(^)

Ông A Nan và đại chúng nghe Phật dạy, những mối nghi hoặc được trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an được cái vui chưa từng có. Người người cảm kích sung sướng đến rơi nước mắt.

Bấy giờ ông A Nan đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật thưa: Bạch Thế Tôn ! Đức đại bi vô thượng thanh tịnh bảo vương, khéo dùng phương tiện: Nhơn duyên, thí dụ, lời lẽ mở mang tâm trí, hướng dẫn chúng tôi ra khỏi biển khổ tối tăm. Bạch Thế Tôn ! Nay tôi dù được nghe pháp âm như vậy, tôi nhận biết Như Lai tàng bản thể, là chơn tâm vốn giác ngộ sáng suốt nhiệm màu, nó trùm chứa tất cả cõi nước thanh tịnh bảo nghiêm của mười phương chư Phật. Dù vậy, tâm trạng tôi vẫn còn là tâm trạng của kẻ lữ hành phiêu bạt, bỗng gặp thiên vương cho ngôi nhà tráng lệ nguy nga, tuy được nhà lớn, song điều cốt yếu là phải biết cửa để vào. Cúi xin Như Lai đem lòng đại bi vô hạn chỉ dạy cho những kẻ tối tăm trong hội này rời bỏ tiểu thừa, được vô dư niết bàn Như Lai vô thượng, và cũng khiến cho hàng hữu học biết cách uốn dẹp tâm vương víu lâu đời để được pháp tổng trì, chúng nhập *tri kiến* Phật.

Ông A Nan thưa thỉnh rồi lễ Phật, cùng đại chúng chăm lòng chờ nghe Phật dạy.

Đức Thế Tôn thương xót đại chúng, ôn tồn khuyên bảo: Nếu các ông quyết định phát tâm Bồ Đề đối với pháp tam ma đề (thủ lãnh nghiêm đại định) không sanh tâm mỗi một thì trước hết hãy nhận thức rõ ràng về hai nghĩa quyết định sau đây:

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ NHẤT(^)

PHẬT DẠY RÕ VỀ SỰ TÁC DỤNG CỦA SẮC TÂM VÔ THỈ(^)

A Nan ! Nếu các ông muốn rời bỏ tiểu thừa thẳng vào *tri kiến Phật*, nên xét kỹ nguyên nhân phát tâm và quả sở chứng mà các ông mong đạt đến. Nếu đem tâm sanh diệt, tham cầu phước báo... mà mong được quả Vô thượng Bồ Đề thì không thể có.

Ông hãy tư duy quán xét thân ông ! Chất cứng là địa, tánh ướt là thủy; hơi ấm là hỏa; khí động là phong, gọi chung đó là tứ đại. Do tứ đại kết tụ thành thân ông. Rồi cái thể tánh giác minh nhiệm mầu cố hữu nó tác dụng vào. Từ đó, thể tánh giác minh bị phân hóa thành ra cái thấy, cái nghe, cái ngửi, nếm, xúc, và cái biết. Và cũng từ đó, con người và môi trường sống của con người trở thành năm lớp ô trọc.

A Nan ! Ví như nước trong vốn là thanh khiết bản nhiên; còn bụi, đất, than, tro là những thứ chướng ngại cho những gì trong sáng và thanh khiết ấy. Bỗng dưng có người lấy bụi đất, than, tro làm rơi vào cốc nước sạch thì nước sạch hóa ra vẩn đục. Sự vẩn đục đó gọi là ô trọc. Năm lớp ô trọc của ông thì cũng như vậy.

KHAI THỊ VỀ NĂM THỨ Ô TRUỘC(^)

A Nan ! Như ông thấy đó. Hư không (không đại) khắp cùng mười phương thế giới - Cái không và tánh thấy (kiến đại)

không thể tách rời. Cái không, không thực thể, tánh thấy, không có giác tri. Hai thứ tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ nhất gọi là *Kiếp trước*.

Thân ông kết tụ tứ đại làm tự thể. Chính tự thể của ông làm trở ngại, hạn chế cái tánh thấy, nghe, hiểu biết; khiến cho tánh thấy, nghe, hiểu biết tác dụng vào tứ đại của thân ông, vọng thành lớp thứ hai gọi là *Kiến trước*.

Tâm ông có công dụng nhớ nghĩ suy tư thuộc về phần tri kiến. Tri kiến được biểu hiện qua lục trần, rời trần không có tướng, rời tri giác không có tánh. Tri giác và lục trần tác dụng vào nhau, vọng thành lớp thứ ba gọi là *Phiền não trước*.

Thân tâm ông thì ngày đêm sanh diệt không ngừng. Cái tri kiến thì muốn lưu mãi ở thế gian, nhưng sức nghiệp của ông thì vọng động đòi dời từ quốc độ này sang thế giới khác. Hai sự kiện mâu thuẫn nhau nhưng lại tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ tư gọi là *Chúng sanh trước*.

Lại này ! A Nan ! Tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc và biết vốn không sai khác. Do lục trần cản trở vô cớ lại sanh khác nhau. Vì vậy trong thể thì đồng mà dụng lại khác. Đồng và khác mất chuẩn đích. Hai sự kiện tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ năm gọi là *Mệnh trước*.

**DỰA VÀO NHƠN TU MÀ SUY BIẾT QUẢ SỞ
CHỨNG(^)**

A Nan ! Nay ông muốn cho tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của ông hợp với bốn đức: thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai thì trước hết phải lựa bỏ những gì là gốc rễ sanh tử để tùy thuận tánh sáng suốt tràn đầy không sanh không diệt và chuyển hóa những tánh hư vọng sanh diệt trở về bản giác tịnh minh. Dựa trên bản giác tịnh minh làm như địa tu hành thì quả địa chứng đắc mới viên mãn vô thượng. Ví như việc làm của người lắng nước. Nước đục đục trong lu hồ, để yên và yên mãi không chao động, cát tro bụi đất chìm lắng xuống thì nước trong hiện ra. Đây là giai đoạn uốn dẹp khách trần phiền não của hành giả cũng y như vậy. Sau đó, gạn bỏ sạch, hết cặn cào tro bụi... chỉ còn thuần nước trong. Bây giờ mới gọi là người dứt hẳn căn bản vô minh. Chỉ còn tướng sáng suốt thuần tịnh thì những biểu hiện của ba nghiệp không còn là bất thiện nữa. Bây giờ nhứt cử, nhứt động hợp với các đức tánh nhiệm mầu: thường, lạc, ngã, tịnh của Niết bàn Phật.

*

* *

TRỰC CHỈ

Ngộ, không mê đã là khó. Giải ngộ là một bước tiến khó hơn. Thâm ngộ, cần có quá trình tư duy sâu sắc. Cho đến khi nào chứng ngộ mới đạt mục đích của người tầm tu giải thoát. Ông A Nan nghe pháp đến đây đã thâm ngộ. Ông nhận rõ Như Lai tàng bản thể trùm chứa hết cõi nước chư Phật mười phương; Như Lai tàng tự nó không có vô minh;

nó là cái toàn thể trong sáng bản nhiên thanh tịnh. Dù vậy, ông còn là kẻ được nhà đẹp mà chưa biết cửa để vào. Vì ông chưa là người chủ, đích thực sử dụng ngôi nhà. Điều đó, nói lên: Ông chưa là người Chứng ngộ: Chân tâm minh diệu bản thể Như Lai tàng.

Trong nghĩa quyết định thứ nhất, Phật dạy rõ về sự tác dụng của sắc tâm vô thi; khai thị về năm thứ ô trược (ngũ trược) chỉ dạy về cách tìm hiểu quả vị chứng đắc ở tương lai.

Vấn đề sắc tâm vô thi tác dụng lẫn nhau, nhìn cách nào đó thì nó là trùu tượng. Nhưng vận dụng cái nhãn quan vật lý mà nhìn thì người ta nhận thức nó là cụ thể. Địa, thủy, hỏa, phong; không, ngũ đại là vật lý; kiến đại và thức đại là hai hiện tượng mà không hình tượng ở trong bản thể Như Lai tàng. Chúng tác dụng lẫn nhau như ánh sáng mặt trời tác dụng vào cỏ cây để rồi sanh ra chất xanh, hồng, vàng, tím... nuôi dưỡng cỏ cây hoa trái...

Tuy nhiên sự tác dụng của tâm lý và vật lý có khác với vận vật vô tình trên. Tâm lý có tánh tri giác cho nên con người có thể sanh bất giác. Hiện tượng bất giác ở đoạn kinh này, Phật gọi đó là Ngũ trược (năm thứ vẩn đục).

Người đệ tử Phật, phát tâm tu hành là ai cũng hy vọng ngày công viên quả mãn. Nhưng hy vọng mà không được cầu khẩn van xin. Hãy dựa vào sự phát tâm và nhơn tu của mình và đoán biết cái quả sở chứng của mình. Tu nhơn hữu lậu, phát xuất từ ý chí hẹp hòi tiêu cực thì không thể thành quả vô

thượng Như Lai. Dựa trên Thể tánh tịnh minh mà tu: sống đúng, sống hợp thì không hy vọng, khỏi cầu xin mà vô thượng bồ đề tự hiện. Như nước trong, trăng hiện, người đào ao khỏi lãng phí hơi sức van vái "ông trăng" !

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ HAI(^)

TRẮC NGHIỆM SỰ ĐIÊN ĐẢO Ở CĂN HAY Ở TRẦN ĐỂ TÌM MỐI MANH MỞ GÚT(^)

A Nan ! Ông quyết phát tâm bồ đề thì đối với Bồ Tát thừa hãy sanh tâm đại dũng mãnh. Ông hãy xét rõ cội rễ phiền não biểu hiện qua ba nghiệp của ông. Phiền não đó ở đâu đến ? Ai làm ? Và ai chịu ?

A Nan ! Người tu đạo bồ đề, nếu không quán xét cội rễ phiền não thì không biết căn, trần hư vọng điên đảo ở chỗ nào; chỗ còn không biết thì làm sao chế phục để chứng đắc quả vị Như Lai !

A Nan ! Ông hãy xem người thế gian mở gút, nếu không biết chỗ thắt thì làm sao mở được ? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm ý của ông tự làm mai mối cho giặc, cướp hết của báu trong nhà ông. Cũng vì vậy mà thế giới chúng sanh từ vô thỉ, tự ràng buộc lấy mình, cho nên cái tri kiến của ông không ra ngoài sự vật thế gian.

CĂN CẢNH LÀ NGUỒN GỐC CỦA SỰ BUỘC RÀNG - THÁO GỠ BUỘC RÀNG HÃY TÌM MỘT CĂN THÙ THẮNG NHẤT(^)

A Nan ! "Thế" có nghĩa là thời gian, là quá trình sanh diệt diệt sanh của hiện tượng vạn hữu. "Giới" là không gian, biểu hiện qua mặt bằng rộng hẹp, kích thước ngắn dài, qui mô cao thấp và phương hướng tả hữu, trước sau. Phương hướng mà người thế gian nhận rõ là: Đông, tây, nam, bắc bốn phương. Thời gian có ba là: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Lấy không gian và thời gian nhân cho nhau: Bốn nhân ba, hay ba nhân bốn thành con số 12. Nhân lên ba lần thì có con số 12000 để chỉ cho công đức của sáu căn con người tương quan trong thế giới. Tuy nhiên xét chỗ hơn kém thì công đức của sáu căn không nhất thiết đồng nhau.

Xét về nhãn căn thì mắt chỉ thấy phía trước và một phần của hai bên. Cho nên luận về mắt chỉ được 800 công đức.

Xét về nhĩ căn, lỗ tai có ba đức ưu việt. Viên, Thông và Thường. Luận về nhĩ căn thì có 1200 công đức.

Xét về tỷ căn, lỗ mũi tương tục chỉ có "hai thì": Thở ra và hít vào. Điểm giao tiếp giữa "hai thì" gián đoạn. Luận về tỷ căn có được 800 công đức.

Xét về thiệt căn, thì lưỡi có thể phô diễn cùng tột trí thế gian và xuất gian. Ngũ ngôn tuy hữu hạn mà diệu lý diễn đạt vô cùng. Luận về thiệt căn thì có được 1200 công đức.

Xét về thân căn, thân thì biết xúc. Có thể xúc thuận xúc nghịch, nhưng khi hợp thì biết, lúc ly thì không. Luận về thân căn chỉ có 800 công đức.

Xét về ý căn, ý căn thâm lặng mà dung nạp tất cả pháp thể và xuất thể gian mười phương ba đời, thánh phàm không pháp nào không bao dung cùng tột. Luận về ý căn có đủ 1200 công đức.

A Nan ! Ông muốn ngược dòng sanh tử hãy xét sáu căn ông hiện thọ dụng. Cái nào hợp, cái nào ly, căn nào sâu, căn nào cạn, căn nào viên thông, căn nào không viên thông. Nếu khai ngộ được một căn viên thông thì đảo ngược tất cả dòng nghiệp vô thí. Đối với hiệu quả tu hành, bấy giờ một ngày bằng một kiếp.

Tôi đã chỉ rõ cho ông: Sáu căn, căn nào cũng trong sáng và đều có số lượng công năng. Tùy ông chọn lựa. Thích hợp căn nào tôi sẽ hướng dẫn cho ông để ngày thêm tăng tiến.

Mười phương Như Lai, căn, trần, thức, 18 giới đều là công cụ để viên mãn vô thượng bồ đề. Căn cơ trí tuệ còn non nớt, ông cần đi sâu tu tập một căn. Một căn thanh tịnh thì sáu căn đồng thời được tháo mở hoàn toàn thanh thoát.

SẮC KHÔNG TÁC DỤNG LẤN NHAU, PHẢN ÁNH RA CĂN TRẦN THÀNH NĂNG SỞ(^)

Bạch Thế Tôn ! Ông A Nan thưa. Vì sao đi sâu vào một căn lại có thể khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh ?

Phật bảo: A Nan ! Ông được quả Tu Đà Hoàn, song tập khí vô thí còn thiếu, chưa thể một lúc tháo gỡ những lớp vô minh: sanh, trụ, dị, diệt.

Ông hãy xét kỹ, sáu căn hiện tiền là một hay là sáu ? Nếu bảo là một thì lỗ tai sao không thấy; con mắt sao không nghe; đầu sao không đi; chân sao không nói ? Còn nếu quyết định cho là sáu thì hiện tôi đang dạy cho ông pháp môn tu hành, vậy trong sáu căn của ông, căn nào tiếp thu, căn nào lãnh thọ ?

Ông A Nan thưa: Tôi dùng lỗ tai nghe lời Phật dạy.

Phật bảo: Ông dùng lỗ tai nghe, vậy thì lỗ tai ông tự nghe nào dính dáng gì đến thân với miệng mà miệng ông thì hỏi nghĩa lý, thân ông đứng dậy tỏ vẻ kính vâng ? Lấy đó mà suy thì căn không phải một cũng không phải sáu. Mà cũng một cũng sáu. Tại vì sự chấp mê đảo điên vô trí cho nên cái thể viên minh kia lại sanh ra một, sanh ra sáu. Ví như hư không tham hợp với sự vật. Lu, bình, lọ, cốc, do hình trạng đồ vật khác nhau mà hư không thành ra sai khác. Trừ bỏ đồ vật ấy đi thì người ta gọi hư không là một. Sự thật, hư không kia không vì ông mà thành đồng hay khác; huống nữa lại gọi là một hay không phải một !

Sáu căn hay biết của ông cũng vậy.

Do hai thứ sáng và tối hiển bày lẫn nhau, cái tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên, phát ra cái gọi là thấy. Cái thấy phản ánh ra gọi là sắc. Cơ quan tiếp thu sắc được gọi là nhãn căn. Nhãn căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như trái nho.

Do hai thứ động và tĩnh đối chọi nhau, tánh giác nhiệm màu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nghe. Cái nghe phản ánh ra gọi là tiếng (thanh trần). Cơ quan tiếp thu tiếng được gọi là nhĩ căn. Nhĩ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như cái lá sen non.

Do hai thứ thông và bít phát hiện lẫn nhau, tánh giác nhiệm màu tác dụng vào bản thể trạm nhiên, phát ra cái gọi là ngửi. Cái ngửi phản ánh ra gọi là hương. Cơ quan thu nạp hương được gọi là tỷ căn. Tỷ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như hai móng tay đuôi xuống.

Do hai thứ lạt và vị xâm lấn lẫn nhau, tánh giác nhiệm màu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nếm. Cái nếm phản ánh ra gọi là vị. Cơ quan nhận thức vị được gọi là thiệt căn. Thiệt căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như nửa vành trăng.

Do hai thứ hợp và ly cọ xát nhau, tánh giác nhiệm màu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là xúc. Cơ quan nhận biết xúc được gọi là thân căn. Thân căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình thể trông như cái trống cơm.

Do hai thứ sanh và diệt tiếp nối nhau, tánh giác nhiệm màu tác dụng với bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là pháp. Cơ quan tiếp thụ pháp được gọi là ý căn. Ý căn vốn là tứ đại thanh tịnh, biểu hiện qua khái niệm và tư duy, tựa hồ như chất đậu hủ non (bộ óc).

VỌNG NĂNG SANH SỞ LÀM HẠN CHẾ TÁNH GIÁC MINH. LỤC CĂN TOÀN KHUYẾT TRI KIẾN VẪN KHÔNG THÊM BỐT(^)

A Nan ! Sáu căn của ông bị hạn chế là bởi "tánh giác minh" bị trở thành "minh giác". Do vậy, tánh giác minh mất phẩm chất trong sáng bản nhiên, tác dụng với các vọng mà phát ra hay biết. Hiện nay ông rời tối rời sáng thì không có cái thấy. Rời động và rời tĩnh thì không có tánh nghe. Rời thông và bí thì không có tánh ngửi. Không vị không nhạt thì không có cái nếm. Không hợp không ly thì không có tánh xúc. Không diệt không sanh thì cái nhận thức không có điều kiện sanh.

Động, tĩnh, hợp, ly, nhạt, vị, thông, bí, sanh, diệt, tối, sáng, đó là 12 tướng hữu vi. Ông đừng chạy theo sự chi phối cuốn lôi của chúng. Tùy nghị lực của ông, nhận xét tìm ưu thế của một căn, chặt nhỏ gốc rễ vô minh phiền não, xoay tánh giác minh trở về vị trí bản nguyên minh diệu của nó. Phát huy thế mạnh trừ khử mê mờ, làm chủ được một căn thì năm căn còn lại sẽ được thanh tịnh giải thoát hết.

Đến lúc không cần có tiền trần mà tri kiến vẫn phát khởi, bấy giờ tri kiến giác minh không lệ thuộc nơi căn, chỉ gá vào căn mà phát ra nhận thức trong sáng. Do đó sáu căn bấy giờ có thể dùng thay lẫn nhau mà không có gì trở ngại.

A Nan ! Ông có biết chăng ! Trong hội này ông A Nan Luật Đà không có mắt mà vẫn thấy. Thần nữ Căn Già không có

mũi mà nhận biết hương. Ông Kiều Phạm Ba Đề lưỡi đi tướng (lưỡi trâu) mà biết vị.

A Nan ! Nếu các căn của ông đều được giải thoát thì tánh giác minh tự phát ra. Chừng đó, phù trần căn và hiện tượng vạn hữu thế gian đối với ông cũng như băng giá gặp nước sôi. Sự nhận thức của ông bấy giờ trở thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác.

*

**

TRỰC CHỈ

Lời dạy của Phật có ý nghĩa trọng đại trong nghĩa quyết định thứ hai là: nên xét rõ nguyên nhân của phiền não từ đâu đến ? ai làm ? và ai chịu ?

Phật dạy, khi quán chiếu kỹ càng thì hành giả sẽ thấy được sự điên đảo hư vọng của căn và trần. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không khéo chúng sẽ là kẻ trung gian môi giới cho giặc cướp vào nhà tước đoạt hết gia bảo công đức của chúng ta. Người không phát tâm tu thiện nghiệp, không để tâm quán chiếu tư duy thì mỗi căn như một cái gút. Phiền não vô minh ngày ngày cứ cột thắt mãi vào. Càng thắt cái gút càng to thêm. Tâm trí dày vò đau khổ ngày thêm chông chát. Muốn mở gút hãy tìm gút lỏng mà mở trước nó đi. Mở được một gút thì những gút còn lại sẽ được giải thoát hết. Sáu căn của con người chính là sáu cái gút. Con người

thường cột thắt mãi cho nên cuộc sống nhiều phiền não khổ đau. Đừng thắt gút tức là không có ai cột thì còn ai là người chịu trôi ?

Sáu căn của con người vốn chẳng có tội mà còn có thể làm nên nhiều công đức thiện. Thiện hay ác không phải lỗi ở sáu căn. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, kẻ xuất ly tam giới, người được quả Vô thượng Bồ Đề sáu căn của các Ngài vẫn còn nguyên đó !

Vấn đề hơn kém bởi ở chỗ:

- "Tri kiến lập tri" là nguyên nhân của vô minh vô trí. Còn "tri kiến vô minh" là gốc rễ của Niết bàn Bồ Đề Vô Thượng.

Con người với không gian: đông, tây, nam, bắc, với thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai, gắn bó mật thiết với nhau. Sự tác động qua lại của không gian và thời gian lại tương quan mật thiết với ba thứ thế gian là: ngũ ấm thế gian, khí thế gian và chánh giác thế gian. Do vậy, lấy $4 \times 3 = 12 \times 10 = 120 \times 10 = 1200$. Con số 1200 qua ba lần nhân, đó là con số biểu trưng 1200 công năng của mỗi căn có thể có. Tuy nhiên, nhận xét tinh tường, trong đó có những căn ưu mà cũng có những căn khiếm khuyết. Vì vậy, người đệ tử Phật tu tập diệt trừ phiền não, nên chọn căn ưu việt mà chinh phục vô minh thì sự thành công chóng hơn những căn kém yếu.

Ông A Nan còn thắc mắc vì sao tháo gỡ một căn thì sáu căn đồng thời thanh tịnh, Phật dạy: Sáu căn vốn không phải sáu mà nói sáu vậy thôi. Lẽ ra phải nói là một; nhưng một không

phải một, nên Như Lai tùy thuận chúng sanh mà nói sáu. Bởi lẽ giản dị là: nếu sáu là sáu sao mắt thấy cốc sữa ngon, tay bung đưa vào miệng uống ? Nếu là một sao tai nghe nhạc, thân máy động, chân nhảy nhót, miệng ơ ơ hát theo ?

Vấn đề căn trần cũng chỉ là hiện tượng nhân duyên sắc không tác dụng vào nhau mà hình thành. Tất cả đều: nhọn như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị và pháp như thị, đừng hỏi tại sao !

Khi nào con người làm chủ được sáu căn thì hiện tượng vạn hữu trong thế gian này vẫn còn y nhiên đó, nhưng đối với ta như đã tiêu tán hết tự bao giờ !

Người được quả vô thượng Bồ đề chỉ là người giác ngộ chân lý trọn vẹn, là người có cái nhìn hiện tượng vạn pháp bằng Tri kiến vô kiến vậy thôi !

*

* *

**PHẬT BẢO ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ NGHIỆM XÉT
TÁNH NGHE CỦA NHĨ CĂN LÀ THƯỜNG TRÚ(^)**

**ÔNG A NAN NGHI NGỜ: KIẾN VĂN GIÁC TRI
KHÔNG CÓ TỰ THỂ(^)**

Bạch Thế Tôn ! Ông A Nan thưa. Theo lời Thế Tôn dạy về quả sở chứng có những bảy thứ tên gọi: Chân như, Bồ đề, Niết bàn, Phật tánh, Am ma la thức, Không Như Lai tàng, Đại viên cảnh trí, dù tên gọi khác nhau nhưng thể tánh đều thanh tịnh viên mãn, rắn chắc như kim cương, thường trú như hư không bất hoại.

Bạch Thế Tôn ! Các tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết rời các tướng tối, sáng, động, tĩnh, thông, bí, nhạt, mặn, hợp, ly, cho đến như tâm niệm tư duy rời tiền trần không có cái nào còn tự thể. Vậy thì lấy cái gì làm nhân tu hành để cầu Vô Thượng Giác rắn chắc như kim cương, thường trú bất hoại như hư không ấy ?

Xin Phật rủ lòng đại từ khai thị chỗ mê chấp cho tôi !

KHAI THỊ TÁNH NGHE CỦA NHĨ CĂN LÀ THƯỜNG TRÚ(^)

Phật bảo: A Nan ! Nay tôi đem việc thông thường trước mắt, phương tiện tháo gỡ mọi nghi của ông. Bây giờ Phật bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng:

A Nan ! Ông có nghe gì không ?

- Có nghe. Ông A Nan và đại chúng đồng thưa.

Giây lâu tiếng chuông hết kêu. Phật lại hỏi:

A Nan ! Ông nghe chăng ?

- Không nghe, bạch Thế Tôn !

La Hầu La lại đánh một tiếng chuông nữa Phật nói:

Ông có nghe chãng A Nan !

- Có nghe, bạch Thế Tôn !

Phật hỏi: Thế nào thì ông có nghe ? Thế nào thì ông không nghe ?

Ông A Nan và đại chúng đồng bạch Phật.

Có tiếng chuông kêu thì chúng tôi được nghe, hồi lâu tiếng dứt, âm vang không còn thì không còn nghe nữa.

Đức Phật lại bảo ông La Hầu La đánh chuông rồi hỏi tiếp:

Theo ông hiện nay có tiếng không ?

- Có tiếng, bạch Thế Tôn ?

Hồi lâu, tiếng chuông dứt bặt, Phật lại hỏi ?

Hiện giờ có tiếng không ?

- Không tiếng, bạch Thế Tôn !

Phật bảo: Thế nào ông gọi là có tiếng; còn thế nào thì ông gọi là không tiếng ?

Ông A Nan và đại chúng đồng thưa:

Có đánh chuông, tiếng chuông ngân vang thì gọi là có tiếng; giây lâu tiếng hết, âm vang không còn thì gọi là không tiếng.

Phật bảo: ông A Nan và đại chúng: Sao hôm nay các ông nói lộn xộn điên đảo như thế ?

Đại chúng và A Nan bạch Phật:

Vì đâu Phật bảo chúng tôi lộn xộn và điên đảo ?

Phật dạy: Tôi bảo về cái nghe thì các ông nói là nghe ! Tôi hỏi về tiếng thì các ông cũng nói là tiếng ! Chỉ có cái nghe và cái tiếng mà các ông trả lời không nhất định, còn không phải điên đảo lộn xộn là gì ?

A Nan ! Biết đó, biết không là do có tiếng hay không có tiếng. Có tiếng thì nghe động, không tiếng là nghe tĩnh, chứ không phải không tiếng, tánh nghe không còn. Nếu tánh nghe không còn, thì lấy cái gì biết là không tiếng ?

A Nan ! Cái tiếng đối với tánh nghe tự có sanh có diệt; nhưng không phải vì sự sanh hay diệt của tiếng mà tánh nghe của ông tùy có tùy không. Ông còn lộn lạo làm cái tiếng mà cho là cái nghe, thảo nào chẳng mê mờ cái viên thường mà cho là đoạn diệt ! Ông không nên làm tưởng rời các thứ động, tĩnh, tối, sáng, thông, bí... là cái nghe... không còn. Ông nên hiểu rằng: Tánh nghe không những "thường hằng" trong khi thức mà nó "thường hằng" cả trong lúc ông ngủ sau sưa !

Chúng sanh từ vô thủy đến nay, theo sự lôi cuốn của *sắc, thanh*, theo vọng niệm mà lưu chuyển, không hồi quang phản chiếu cái bản tánh thanh tịnh diệu thường, bỏ sót mất tánh *thường* chỉ buông xuôi theo dòng sanh diệt ! Do vậy đời đời sống trong tạp nhiễm mà phải luân chuyển khổ đau. Nếu biết rời bỏ những cái sanh diệt, giữ lại tánh chân thường sáng suốt nhiệm mầu thì lục căn, lục trần, lục thức tiêu vọng tại chỗ. Bởi vì trần là cái tướng của vọng tưởng; cấu là vọng tình phân biệt của con người. Xa lìa hai thứ trần cấu thì pháp nhãn của ông tức thì trong sáng; cái nhận thức của ông bây giờ là nhận thức của con người Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác đồng với chư Phật mười phương ba đời vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ

Ông A Nan còn ngại ngần rằng: Cái quả sở chứng có nhiều, nhưng quả nào cũng là chơn là thường là bất hoại. Còn tánh thấy, nghe... vốn là vọng, lấy vọng làm dữ kiện tu nhân thì ông sợ rằng: hoa đóm không thể nào kết nụ thành ra quả được ! Sự ngại ngần ấy nói lên tâm thấy biết rộng xa của ông A Nan, là điều đáng khuyến khích. Tuy nhiên với tri kiến đó, đối với bậc đại trí, thể nhập Thủ Lăng Nghiêm, chỉ là cái thấy biết của con người biết một mà chẳng biết hai.

Bằng một sự kiện giản đơn trước mắt, Phật bảo La Hầu La đánh chuông để trải nghiệm tánh nghe của nhĩ căn là "thường trú" thì cái "thấy biết rộng xa" của ông A Nan không còn là việc đáng để lòng và cần khuyến khích.

"Tiếng không, không phải tánh nghe không có. Tiếng có, không phải tánh nghe mới sanh". Đó là vấn đề thực tiễn mà ai cũng có thể trải nghiệm được ở bản thân mình. Và đây, Phật chỉ mới đề cập ở một đức thường. Thực tế người ta còn trải nghiệm được cả đức viên và đức thông của nhĩ căn mà đức Phật sẽ dạy tiếp ở một đoạn kinh sau.

Nói nhĩ căn, mà người đệ tử học Phật còn phải tư duy ôn lại công dụng của sáu căn. Trong sáu căn dù có ưu có khuyết không đồng đều nhưng không có căn nào rời trần mà mất đi công năng thanh tịnh và thường trú của chính mình !

Tập II

---o0o---

CHƯƠNG THỨ NĂM

Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là nhân tố của Niết bàn hiện tại.

- Ông A Nan lại hỏi vấn đề mở gút
- Khai thị chân lý vốn không hai và Phật Phật đạo đồng
- Căn trần cùng một gốc. Cột mở không hai nguồn

Phật tóm lược ý thú của những đoạn kinh trên qua bài văn trùng tụng

Một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút. Mở hết sáu gút một cũng không còn.

- Nguyên do của một sáu dị đồng
- Cột gút có thứ lớp thì mở phải có trước sau

Quả vị có thấp cao, giải thoát giống nhau không khác mấy. Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng viên thông.

Phật hỏi đại chúng về nhân duyên ngộ đạo, và dữ kiện chứng đắc viên thông.

1. Do thanh trần được viên thông
2. Do sắc trần được viên thông
3. Do hương trần được viên thông
4. Do vị trần được viên thông
5. Do xúc trần được viên thông
6. Do pháp trần được viên thông
7. Do nhãn căn được viên thông
8. Do tỷ căn được viên thông
9. Do thiệt căn được viên thông
10. Do thân căn được viên thông
11. Do ý căn được viên thông
12. Do nhãn thức được viên thông
13. Do nhĩ thức được viên thông
14. Do tỷ thức được viên thông
15. Do thiệt thức được viên thông
16. Do thân thức được viên thông
17. Do ý thức được viên thông

18. Do hỏa đại được viên thông
19. Do địa đại được viên thông
20. Do thủy đại được viên thông
21. Do phong đại được viên thông
22. Do không đại được viên thông
23. Do thức đại được viên thông
24. Do kiến đại được viên thông

**HIỂU BIẾT CHÔNG THÊM HIỂU BIẾT LÀ GỐC RỄ
CỦA VÔ MINH. HIỂU BIẾT VẠN PHÁP ĐÚNG NHƯ
THẬT LÀ NHÂN TỐ CỦA NIẾT BÀN HIỆN TẠI**

ÔNG A NAN LẠI HỎI VẤN ĐỀ MỞ GÚT

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Dù Phật đã dạy nghĩa quyết định thứ hai về công việc tháo mở gút. Song tôi nghĩ rằng những người mở gút nếu không biết đầu mối của gút ở đâu thì ắt hẳn không thể nào mở được.

Bạch Thế Tôn ! Tôi và hàng Thanh Văn hữu học trong hội này cũng vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng tôi cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được nghe nhiều Phật, Pháp, mang tiếng xuất gia mà như người sốt rét cách nhật (ý nói chột giác chột mê). Xin đức đại từ thương xót kẻ đắm chìm, chỉ cho tôi ở nơi thân tâm này cái gì là gút ? Và muốn mở phải khởi sự như thế nào ?

[^]

KHAI THỊ CHƠN LÝ VÔN KHÔNG HAI. PHẬT PHẬT ĐẠO ĐỒNG

Đức Thế Tôn rũ lòng thương xót lấy tay xoa đánh ông A Nan. Đồng thời tất cả thế giới chư Phật trong mười phương cùng phóng ánh sáng báu đến rùng Kỳ Đà soi lên đánh đầu của Đức Phật. Tất cả đại chúng ở đây đều được sự khinh an chưa từng có.

Bấy giờ đại chúng đều nghe chư Phật trong mười phương khác miệng đồng lời bảo ông A Nan rằng:

Hay thay A Nan ! Ông muốn biết cái gì là gút thắt khiến cho ông luân hồi sanh tử khổ đau !

A Nan ! Cái gút thắt khiến cho ông luân hồi sanh tử, chính là sáu căn của ông, chớ chẳng phải cái gì khác !

Ông lại cũng muốn biết, phải làm sao mau đến chỗ an lạc, giải thoát, tịch tĩnh vô thượng Bồ đề !

Này ! A Nan ! Thì cũng chính là sáu căn của ông đó, chớ chẳng phải cái gì khác.

[^]

CĂN TRẦN CÙNG MỘT GỐC CỘT MỞ KHÔNG HAI NGUỒN

Ông A Nan tâm còn lưỡng lự ôm mối hoài nghi, cúi đầu thưa Phật: Bạch Thế Tôn ! Vì sao cái nguyên nhân khiến cho tôi

luân hồi sanh tử và khiến cho tôi được Bồ đề, Niết bàn lại cũng là do sáu căn chớ không phải cái gì khác ?

Phật dạy: A Nan ! Căn và trần đồng một bản thể; cột hay mở chẳng phải đợi hai. Cái thức phân biệt của ông chỉ là hư vọng như hoa đóm trong hư không. Nhân nơi trần mà phát ra cái nhận biết của căn. Nhân nơi căn mà có cái sắc tướng của trần. Chủ thể năng kiến và đối tượng sở kiến chỉ là sự phản ánh tác dụng qua lại mà có ra. Tự tánh của chúng thật sự là không có tự tánh gì. Sự hiện khởi duyên sanh của chúng như những cái hình của những đám lau sậy gác chéo vào nhau...

Vậy nên: ***Hiểu biết mà chông lên hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết rồi xóa đi hiểu biết mới tìm thất Niết bàn !***
Căn chi trong đó phải có cái gì khác, A Nan nhỉ !

[^]

*

* *

TRỰC CHỈ

Tâm lý của ông A Nan cũng chính là tâm lý chung của những người đệ tử Phật. Có ai biết trong ta cái gì là gút, để phải vướng mắc mãi trong sanh tử luân hồi ? Có mấy ai biết phải làm sao mở gút để khỏi ràng buộc trôi trăn ? Người ta thường có quan niệm: Thành Phật phải là cái gì vĩ đại, xa xăm và ghê gớm lắm. Chính ông A Nan học Pháp đến đây

mà vẫn còn tư tưởng tị mù xa xăm đó, thì trách chi những hàng bạc địa phàm phu !

Thì ra sự thật lại quá giản đơn. Chẳng những riêng Phật Thích Ca cho sự mở gút là giản đơn mà mười phương chư Phật đồng như số vi trần cũng đồng tình rằng: Vấn đề tìm gút và mở gút là vấn đề trước mắt. Nó chẳng ở đâu xa, cũng chẳng phải do ai đem đến. Gút hay mở chính là sáu căn của ông A Nan đó. Sáu căn của ông A Nan cũng chính là sáu căn của tất cả mọi người đệ tử Phật chúng ta ai ai cũng có. Thương, ghét, thân, sơ, hỉ, nộ... là gút là thắt đó. Tì bi, hỉ xả, thiên định, trí tuệ... là mở, gút sẽ được tháo tung.

Yếu lý ở đoạn kinh này, đức Phật đúc kết trong triết lý:

*"Tri kiến lập tri tức vô minh bốn
Tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn".*

Chảo lấy điều ngoa đồng nghĩa với cột gút, thắt thêm nhiều lớp. Thực thà, chất phác là công dụng của sự tháo gút mở dây.

[^]

*

* *

TÓM LƯỢC Ý THÚ CỦA NHỮNG ĐOẠN KINH TRÊN QUA BÀI TRÙNG TỤNG

Chơn tánh của pháp hữu vi là không
 Vì duyên sanh, sanh như huyễn hóa
 Vô vi thì không có khởi diệt
 Vì chẳng thật, như hoa đốm trong hư không
 Phủ định vọng, nhằm khẳng định có chơn
 Nếu chấp **chơn**, thì vọng chơn đều vọng
 Chơn và phi chơn còn không có
 Thì năng kiến sở kiến có thực gì !
 Thức ở trung gian, không thực tánh
 Như lau sậy gác chéo lên nhau
 Cột hay mở đồng một bản nhân
 Thánh và phàm không hai ngã tẻ
 Hãy trông hình những cây lau gác
 Pháp không, pháp có, cả hai không
 Mê mờ chơn lý đó là vô minh
 Phát minh được chơn lý tức là giải thoát
 Mở gút phải theo thứ lớp
 Sáu gút mở hết, cái một không còn
 Dựa nơi căn mà chọn tánh **viên thông**
 Quả nhập lưu được xem là thành Phật
 Thức A Đà Na vi tế quá
 Tập khí như nước thác tuôn theo
 Vì sợ chấp **chơn, phi chơn**
 Như Lai không thường nói đến
 Tự tâm chấp tự tâm
 Pháp phi huyễn trở thành pháp huyễn
 Không chấp, pháp **chơn** còn không có
 Pháp chơn vốn đã chẳng có sanh

Thì pháp huyễn do đâu thành lập ?
 Như huyễn tam ma đề là vậy
 Đó là bảo giác, chắc như kim cương vương
 Không nhiễm như Diệu Liên Hoa
 Khả móng tay vượt hàng vô học
 Đây là pháp của Phật mười phương
 Là đại lộ vào thành đô Niết bàn Phật.

[^]

*

* *

TRỰC CHỈ

Pháp hữu vi không có tự thể, thực chất của nó là không. Vì nhân duyên sanh cho nên có. Có mà không thật có nên gọi là như huyễn.

*Nhằm phủ định huyễn hữu mà phải đề cập cái vô. Kỳ thực, chẳng có cái gọi là "Vô vi" nào cả. Cái không có sanh khởi, không có diệt tận gọi đó là "Vô vi". Vậy thì "Vô vi" đồng nghĩa với "Không có gì". Người đệ tử Phật không bao giờ hy vọng ở cái gọi là "Vô vi", dù được người ta quảng cáo "Vô vi" là cảnh giới an vui hạnh phúc ! Giả vọng biểu chơn là một thuật ngữ thường dùng trong Phật học. Phủ định vọng nhằm để khẳng định cái **chơn**. Nhưng phải hiểu: Hết vọng là **chơn** mà không cầu **chơn** trong khi hết vọng. Hết vọng cầu **chơn** là tìm thêm một cái đầu để chồng lên cái đầu*

mình đã có. Đó chẳng phải là tâm trạng của kẻ điên loạn là gì ?

Phân biệt, đánh giá sự vật qua: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét... là do thức trung gian đó. Mà thức thì đã phải chủ đầu ! Duyên sanh, duyên diệt, thức thay đổi luôn luôn, như những hình thoi, hình thang, hình tam giác, hình vuông... trong những đám lau sậy gác lên nhau trong những cơn gió giạt !

Căn trần đồng là vật biểu hiện từ Như Lai tàng, phát xuất từ Như Lai tàng không tội lỗi. Buộc hay mở do căn; thánh phàm do tự chủ hay không tự chủ đối với sáu căn của mình.

Pháp không, không đã đành; pháp có, cũng là không !

"Chúng nhen duyên sanh pháp
Ngã thuyết tức thị không" ...

Mê mờ chơn lý không, có là vô minh. Tổ ngộ chơn lý có và không thì giải thoát. Mở gút nên theo thứ lớp; một được mở, sáu gút sẽ giải tỏa theo. Sáu gút mở thì cái một không còn. Hãy lựa căn có ưu thế để phát huy công dụng; lựa một căn mà chọn tánh viên thông. Được quả nhập lưu, xem như đã thành Phật. Bởi vì Như Lai há chẳng nói: "Tất cả chúng sanh đã thành Phật" đó sao ?

Thức A Đà Na sâu sắc lắm, tập khí chúng sanh lại quá sâu dày. Như Lai thường không đề cập đến, ngại chúng sanh mê chấp: Này chơn nọ chẳng phải chơn. Ở Kinh Thủ Lăng

Nghiêm này, Như lai chỉ dạy trong phạm vi: sáu căn, sáu trần và sáu thức. Sáu thức vọng chấp là vọng đã đành, móng ý chấp chơn, làm cho chơn hóa ra vọng. Tự tâm chấp tự tâm: Tâm mình Phật, lại van xin mong cầu Phật, há không phải pháp "phi huyễn" trở thành "huyễn pháp" đó sao ?

Không chấp thì vọng chơn đều vắng lặng trạm nhiên: chơn còn không có, vọng vin vào đâu sanh được ?

Nhận thức như vậy thường xuyên. Đó là cách tu thiền, là tư duy tu đó. Tu như vậy Phật gọi: Như huyễn tam ma đề. Đó là phương pháp thiền nhìn vạn pháp như huyễn. Có như huyễn tam ma đề là có bảo giác chắc như kim cương vương. Thanh tịnh như Diệu Liên Hoa, khảy móng tay vượt hàng vô học (Thanh Văn Duyên Giác nhị thừa). Mười phương chư Phật đồng như số vi trần, đồng đi con đường đó mà vào thành đô Niết bàn Phật !

[^]

*

**

**CHỈ MỘT CÁI KHĂN MÀ SÁU LẦN CỘT THÌ
THÀNH SÁU GÚT MỠ HẾT SÁU GÚT MỘT CŨNG
KHÔNG CÒN**

NGUYÊN DO CỦA MỘT SÁU DỊ ĐỒNG

Ông A Nan chấp tay đánh lễ thưa: Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe Phật dạy ý thú thâm sâu màu nhiệm, nhưng tôi còn chưa rõ cách thức mở gút thế nào và vì sao mở hết gút thì một cũng không còn ? Xin Phật rủ lòng thương đại chúng trong hội này và chúng sanh tương lai bố thí pháp âm để chúng tôi có thể trừ sạch cấu nhiễm sâu dày trầm trọng !

Bấy giờ đức Thế Tôn trên tòa sư tử sửa nội y vén áo tăng già lê (đại y) đưa nhẹ tay lấy cái khăn hoa trên ghế thất bảo. Trước đại chúng Đức Phật cột thành một gút, đưa cho ông A Nan xem và hỏi:

Cái này gọi là cái gì ?

- Đây là cái gút, bạch Thế Tôn. Ông A Nan và đại chúng thưa.

Đức Phật lại cột khăn hoa thêm một gút nữa rồi cũng hỏi ông A Nan:

Cái này gọi là cái gì ?

- Cũng gọi là cái gút. Bạch Thế Tôn !

Rồi cũng cái khăn lụa hoa ấy tuần tự đức Phật cột thành sáu gút và mỗi khi cột xong một gút Phật đều đưa khăn lên và hỏi như vậy.

Ông A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp như vậy sáu lần.

Phật bảo ông A Nan: Khi tôi mới cột khăn thì ông nói là một gút. Thật sự chiếc khăn lụa hoa này trước sau chỉ là một cái. Có sao lần thứ hai, lần thứ ba... các ông cũng gọi là gút ?

Bạch Thế Tôn ! A Nan thưa. Cái khăn lụa hoa quý báu này, vốn là một thể, song Như Lai cột một lần thì gọi là một gút, nếu cột trăm lần thì cũng phải gọi là một trăm gút, huống chi ở đây có sáu gút, không đến bảy, cũng chẳng dừng ở năm. Có chi Như Lai quở trách chỉ cho gút thứ nhất là gút, còn cái thứ hai, thứ ba... không cho gọi là gút ?

Phật bảo: Như ông biết cái khăn hoa này nó vốn là một, vậy mà tôi cột sáu lần thì ông gọi là sáu gút. Nay A Nan ! Ông chín chắn xem xét nghĩ suy: Tự thể của cái khăn vốn là *đồng* chỉ vì gút mà hóa ra thành *dị*, ông nghĩ thế nào ? Khi mới cột gút ban đầu thì gọi là gút thứ nhất. Như vậy cho đến cột lần thứ sáu thì gọi là gút thứ sáu. Nay tôi muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất có được không ?

- Bạch Thế Tôn ! Không. Nếu còn sáu gút thì cái gọi là thứ sáu, không sao gọi là cái thứ nhất được. Dù tôi có biện bạch suốt đời cũng không thể làm cho sáu gút đổi tên !

Phật dạy: Đúng vậy ! Đúng vậy ! Sáu gút không đồng nhưng xét tìm bản nhân lại vẫn là do một cái khăn mà có. Thế mà không ai có thể làm cho nó lộn xộn được với nhau.

A Nan ! Sáu căn của ông cũng như vậy. Từ cái thể hoàn toàn *đồng* mà sanh cái *dụng* hoàn toàn *dị*. Chẳng khác chút nào cái khăn lụa hoa kiếp ba la của Như Lai !

A Nan ! Giả sử ông không muốn thành sáu gút trong một cái khăn. Giả sử ông muốn cái khăn chỉ còn thể duy nhất, thì ông phải làm thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nếu các gút mà còn thì thị phi tranh cãi khó mà ngăn. Vì gút này không phải gút kia và gút kia không phải là gút nọ được ! Nếu Như Lai mở tháo tung cả, không còn gút thì không còn có này, có nọ, có kia, thế là một còn không có, làm chi có sáu !

Phật dạy: Cái ý nghĩa mở sáu, một không còn cũng như vậy đó. Các ông chỉ vì vọng tâm vô trí, khiến cho *tri kiến* sanh bệnh làm lòa cái tánh tịnh minh trạm tịch của các ông, cho nên sơn hà đại địa, sanh tử, niết bàn trở thành cái tướng hoa đốm của đôi mắt mê hóa lòa của các ông đó !

Ông A Nan thưa: Bạch Thế Tôn ! Cái bệnh mê làm giống như gút kia làm sao mà cởi mở được !

Bấy giờ đức Phật lấy cái khăn đã cột gút, kéo một mối lệch qua trái rồi hỏi ông A Nan: Tôi làm thế này có mở gút được chăng ?

- Không được, bạch Thế Tôn !

Rồi đức Phật nắm kéo mối khăn lệch qua bên phải, cũng hỏi ông A Nan như vậy. Ông A Nan cũng đáp là không thể mở được.

Phật hỏi: Tôi kéo mỗi khăn qua phải qua trái đều không mở gút được. Vậy theo ông nghĩ, phải làm thế nào mới mở được gút ?

- Bạch Thế Tôn ! Phải mở trung tâm cái gút thì tháo ra ngay.

Phật bảo: Đúng vậy. Muốn mở gút thì phải mở ngay trung tâm của gút.

A Nan ! Như tôi đã nói: Phật pháp từ nhân duyên sanh. Nhưng các ông không được chấp ở tướng hòa hợp thô sơ trên hiện tượng của thế gian mà thỏa mãn tri kiến của mình. Như Lai phát minh tuệ giác vô thượng cho nên biết tất cả bản thân của pháp thế và xuất thế gian; đến như một hạt mưa ngoài häng sa thế giới cũng biết số mục; cây tùng thẳng, cây gai cong, chim câu trắng, chim quạ đen Như Lai đều biết nguyên do tất cả.

A Nan ! Tùy tâm ông lựa chọn nơi 6 căn, nếu tháo mở được cái gút căn ấy thì các trần tượng tự tiêu vong, đối với ông, vọng cảnh không còn, bấy giờ ông chẳng phải sống trong chơn tâm thì còn gọi là gì nữa !

[^]

CỘT GÚT ĐÃ CÓ THỨ LỚP THÌ MỞ PHẢI CÓ TRƯỚC CÓ SAU

Phật bảo A Nan ! Cái khăn hoa này có sáu gút, ông có thể mở bung cùng một lúc được không ?

- Bạch Thế Tôn ! Không. Những cái gút khi cột đã có thứ lớp, nay mở cũng phải theo trước sau. Sáu gút tuy đồng thể, nhưng lúc cột lại chẳng đồng thời. Thế nên, nếu mở gút phải bắt đầu từng cái một.

Phật dạy: Trừ khử những gút sáu căn cũng giống như vậy. Bắt đầu mở, trước hết tháo mở *nhân không*. *Nhân không* hóa giải hoàn toàn sáng suốt thì bước thêm mở lần pháp chấp. Pháp chấp xả hết bấy giờ gọi là hạng người *ngã pháp câu không*. Đây gọi là *Bồ tát từ tam ma địa* mà được *vô sanh pháp nhẫn*.

[^]

*

* *

TRỰC CHỈ

Đọc đoạn kinh này, người đệ tử Phật phải chín chắn soát lại vấn đề tri kiến của mình. Cái trí thể là một, tự nó chẳng có hỉ, nộ, ai, cụ... chẳng có tham, sân, si, mạn... Do sự tác động bất giác vô minh khiến cho cái trí dụng trở thành nhiễm ô. Những cái gút mà Đức Phật cụ thể hóa qua cái khăn kiếp ba la chính là những gút tham, sân, si, mạn... và hỉ, nộ... ấy. Cái khăn lụa hoa của Phật tự thể nó chẳng có gút nào. Cột gút là do bàn tay Phật, nghĩa là phải do động tác của ai đó làm ra. Khi đã cột gút rồi thì gút nào tên nấy. Do vậy, làm mất đi cái tự thể láng mịn của cái khăn hoa đẹp.

Cái tri kiến vô kiến hay nói cách khác là "thể tánh tịnh minh" của ta vốn thanh tịnh bản nhiên trong sáng đẹp đẽ như cái khăn hoa láng mịn ấy. Chấp mắc là do ta, khiến cho tri kiến của ta trở thành tri kiến lập tri, phân biệt ghét thương lấy bỏ thân sơ làm cho sáu căn trần vẫn đục bởi sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Muốn khăn không còn gút thì phải mở hết gút bỏ đi. Muốn căn trong sáng an lành thì phải diệt đi tính chấp: phải, quấy, ghét, thương... tham, sân, si, mạn...

Không mở đúng trung tâm gút thì không thể tháo gút ra. Không chế phục sáu căn thì đam mê làm lạc lâu đời không xóa sạch được.

Cột đã có gút một, gút hai... thì mở cũng phải theo thứ lớp.

Tai hại của gút là làm cho cái khăn hoa mịn đẹp của Như Lai thành "một" rồi "hai"..., rồi thành sáu gút, mà tên gút không thể đổi dời.

Tai họa gây đau khổ cho con người là tri kiến vốn tịnh, vốn thanh, vốn minh, vốn diệu lại trở thành ngã chấp, pháp chấp thị phi hỉ nộ...

Mở gút, mở sáu gút hết thì cái một cũng không còn, vì sáu căn mà thanh tịnh thì sáu không còn sáu mà chỉ còn: Tri kiến vô kiến, thể tánh tịnh minh. Bây giờ sáu căn dùng thay lẫn nhau không có gì trở ngại (lục căn hỗ dụng).

Mở gút phải bắt đầu từ cái gút khởi đầu. Chế phục vô minh phải triệt tiêu ngã chấp trước. Tiến thêm một bước, diệt trừ ý thức pháp chấp tiếp theo.

Ngày nào ngã pháp đều không, hỏi ai là người sẽ thành Phật ? Nên chỉ những con người ngã pháp đều không ấy !

[^]

*

* *

QUẢ VỊ CÓ THẤP CAO GIẢI THOÁT GIỐNG NHAU KHÔNG KHÁC MẤY. CĂN TRẦN THỨC GIỚI THẮT ĐẠI ĐỀU LÀ DỮ KIỆN CHỨNG VIÊN THÔNG

Ông A Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị tuệ nhãn được Viên dung Thông đạt; đối với chân lý xẻ bỏ được màn lưới nghi ngờ đen tối. Tất cả đồng chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Ngày nay chúng tôi thâm tâm sáng suốt vén bức rèm vô minh, tuệ giác được phần vô ngại. Đối với diệu nghĩa "sáu mở một không còn", Như Lai dạy chúng tôi đã lãnh hội. Nhưng nay còn chưa rõ chúng tôi cần phải làm gì để tâm tánh được viên thông, khi rời pháp âm hướng dẫn của Phật ? Xin Phật rĩ lòng thương ban cho chúng tôi những bí pháp thậm thâm được xem như lời dạy cuối cùng của Phật ?

[^]

PHẬT HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ NHÂN DUYÊN NGỘ ĐẠO VÀ DỮ KIỆN CHỨNG ĐẮC VIÊN THÔNG

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo khắp các đại Bồ Tát và hàng lậu tận A La Hớn rằng: Các ông là Bồ Tát và A La Hớn sanh trong Phật Pháp đã chứng quả vô học. Nay tôi hỏi các ông: Lúc mới phát tâm, trong thập bát giới, các ông tâm đắc ở giới nào ? Do nhân duyên gì ? Từ phương tiện nào mà các ông được tam ma đề *viên thông* tâm tánh ?

[^]

1. DO THANH TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Nhóm ông Kiều Trần Như năm vị tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Sau khi Như Lai thành đạo ở Lộc Uyển, chúng tôi gặp Phật trước tiên. Chúng tôi được Phật khai thị cho về pháp tứ diệu đế. Do nghe tiếng Pháp của Phật mà tôi tỏ ngộ. Lúc đó Phật hỏi các Tỳ kheo: Có hiểu không, tôi thưa là đã *hiểu*. Như đó Như Lai đặt cho tôi cái tên là A Nhã Đa, ấn chứng chúng tôi là những người A La Hớn. Nay Phật hỏi *viên thông*, đối với tôi *thanh trần* là màu nhiệm nhất.

[^]

2. DO SẮC TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Ưu Ba Ni Sa Đà đứng dậy chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng được gặp Phật sau những ngày Như Lai thành đạo không lâu. Trông vào tướng hảo quang minh của Phật tôi quán sâu vào tướng bất tịnh của sắc thân ô trược. Từ cái tử thi bắt đầu bành trướng... đến tướng bạch cốt... vi trần... tôi sanh lòng nhàm chán tột bậc, chợt tỏ ngộ tánh: Sắc, không, không sắc đều chẳng ra gì. Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên là Ni Sa Đà, tôi được A La Hớn quả. Nay Phật hỏi duyên có được *viên thông*, xin thưa: Đối với tôi *sắc trần* là ưu việt nhất.

[^]

3. DO HƯƠNG TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Hương Nghiêm đồng tử đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Trước đây Như Lai dạy tôi quán sát kỹ về các pháp tướng hữu vi. Một hôm tôi tĩnh tọa trong giảng đường các tỳ kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương thoang thoảng trong tĩnh mạch u nhàn, tác dụng đến mũi tôi. Tôi tư duy quán xét: Hương này không phải do gỗ, không phải do hư không, không phải do khói, không phải do lửa. Đi ra không dính vào đâu. Đến đâu không chỗ dùng trụ. Quán chiếu như vậy, ý thức phân biệt của tôi tự khắc tiêu vong. Trí vô lậu phát sanh, Như Lai ấn chứng cho tôi danh hiệu là Hương Nghiêm. Vì do tôi thể nghiệm mùi hương mà chứng được A La Hớn quả. Nay Phật hỏi phương tiện được *viên thông*, xin thưa: Với tôi, *hương trần* là tối thắng nhất.

[^]

4. DO VỊ TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Hai vị Bồ Tát Dược Vương, Dược Thượng, cùng năm trăm phạm thiên trong hội đồng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn ! Từ vô lượng kiếp, chúng tôi là lương y cứu tế thế nhân. Miệng chúng tôi thường nếm những lá hoa cây cỏ kim thạch trong cõi Ta bà này. Tất cả những vị: Mặn, lạt, chua, cay, ngọt, đắng... vị biến đổi sanh, vị hòa hợp có; vị nào lạnh vị nào nóng thứ có độc, thứ không tôi đều biết cả. Dược phục vụ chư Phật và tất cả chúng sanh, rõ biết tánh chất của vị trần: Không phải không, không phải có, không phải tức thân tâm, không phải ly thân tâm. Nhờ tôi phân biệt *Vị trần* mà được khai ngộ. Phật ấn chứng cho chúng tôi danh hiệu là Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát. Nay Phật hỏi nhân duyên và phương tiện được *viên thông*, xin thưa: Đối với chúng tôi *vị trần* là ưu việt nhất.

[^]

5. DO XÚC TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Bạt Đà Bà La cùng với mười sáu vị tăng sĩ đồng là đạo bạn cùng đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Bọn tôi trước kia ở thời Phật Oai Âm Vương, nghe pháp xuất gia. Lúc chư Tăng tắm, tôi theo thứ lớp vào nhà tắm để tắm. Bỗng nhiên tôi tư duy và nhận thức rằng: Nước vốn không rửa bụi và cũng chẳng rửa chân, trung

gian an nhiên lặng lẽ. Tôi tâm đắc tột độ cái chân lý: "Chẳng có gì". Tập quán trước không quên, đến nay tôi theo Phật xuất gia được quả vô học. Đức Phật thuở ấy gọi tôi với cái tên: Bạt Đà La (thiên thủ). Do tôi phát hiện tánh màu nhiệm của xúc trần mà thành Phật tử. Nay Phật hỏi duyên có được *viên thông*, xin thưa: Đối với tôi *xúc trần* là hơn tất cả.

[^]

6. DO PHÁP TRẦN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Ma Ha Ca Diếp và bà Tử Kim Quang tỳ khuru ni v.v... đồng đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

- Bạch Thế Tôn ! Kiếp xa xưa trong cõi này có Phật ra đời hiệu Nhật Nguyệt Đăng. Sau khi Phật diệt độ chúng tôi thấp sáng ngọn đèn chánh pháp để cúng dường; đem tâm trong sáng vàng thắm thếp tô Phật tượng. Do đó đời đời kiếp kiếp thân thường viên mãn, rực rỡ như vàng ròng. Bọn Tử Kim Quang tỳ khuru ni đây cũng đồng phát tâm như tôi vậy. Chúng tôi quán sát sáu trần luôn luôn biến hoại. Tôi trụ tâm trong vắng lặng, nhập định diệt tận, thân tâm rỗng rang, thời gian trăm nghìn kiếp tựa hồ như trong cái khay móng tay. Do thành tựu *pháp không quán* mà tôi được quả A La Hán. Thế Tôn ẩn chúng tôi là: Đầu đà đệ nhất; pháp trần thâm diệu nhờ tuệ nhãn tôi được khai minh, lậu hoặc được dứt trừ. Nay Phật hỏi duyên có *viên thông*, với sở ngộ chứng của tôi thì *pháp trần* là tối thượng.

[^]

*

* *

TRỰC CHỈ

Khi con người diệt hết hoặc Kiến tư ra ngoài ba cõi thì gọi là người được giải thoát, giác ngộ. Giải thoát nói cách khác là người đó có Niết bàn. Vậy, chữ Niết bàn trong đạo Phật là chỉ sự giải thoát phiền não buộc ràng. Do vô minh tác động hoành hành trong cuộc sống. Bồ đề Niết bàn là hai mặt thực thể thanh tịnh của con người: Thấy chân lý trọn vẹn, vô minh phiền não hoàn toàn. Tuy nhiên, Bồ đề Niết bàn có đẳng cấp, không nhất thiết cùng lúc ai cũng được y nhau. Gọi là đẳng cấp, nhưng không phải như "ngạch", "trật" do cấp trên nào phong tặng theo cảm tình thương ghét hay do đánh giá chủng tộc màu da, sang hèn cao thấp... Đẳng cấp ở đây dựa trên tiêu chuẩn đoạn vô minh trừ phiền não ở chính con người. Do vậy, Bồ đề Niết bàn có những đẳng cấp sau đây:

Thanh văn Bồ đề
 Duyên giác Bồ đề
 Bồ Tát Bồ đề
 Phật Bồ đề

Đẳng cấp đó nói lên quả vị có thấp cao. Dù vậy đã là người có Bồ đề vượt ra ba cõi thì sự giải thoát gần giống nhau không khác mấy. Không khác mấy vì cả bốn đẳng cấp đều không còn quan niệm khổ đau vì phần đoạn sanh tử chi phối

dây vò. Không khác mấy, nhưng cũng không phải hoàn toàn đồng, vì trình độ nhận thức chân lý toàn vẹn và chưa toàn vẹn có chênh lệch khác nhau.

Viên thông có nghĩa viên mãn thông suốt. Nói viên thông là nói trình độ đạt đạo, nhận thức chân lý của những người đệ tử Phật. Người có trình độ nhận thức viên mãn thông suốt vượt qua tri kiến chấp mắc kẹt hời u ám của phàm phu gọi đó là chứng được viên thông. Ở đây chú ý Phật gạn hỏi những người có trình độ viên thông cỡ đó. Ở đây không được hiểu viên thông với nghĩa hoàn toàn trọn vẹn, như cái từ viên mãn Vô thượng Bồ đề. Vì ở đây Phật hỏi duyên có được viên thông của Thanh Văn Duyên Giác Bồ Tát mà người đọc đã nhận thức rõ ràng.

Một sự kiện đáng vui mừng phấn khởi cho những người con Phật có ý chí ham học ham tu mong giải thoát: Đọc qua hai mươi lăm vị Thanh Văn lẫn Bồ Tát, các Ngài nói lên nhân duyên đạt đạo, chứng nhập viên thông của các Ngài mà ta thấy vô cùng sung sướng. Thì ra cái sự kiện làm ra thành quả viên thông ấy, trong Phật tử chúng ta ai cũng có và ai cũng có thể biết được rõ ràng. Do đó trong mọi chúng ta ai cũng có khả năng hy vọng có ngày hiện thực viên thông. Thế mà còn chưa bằng lòng, không cảm thấy sung sướng thì gọi là tu hành, người ta còn muốn cái gì nữa nhỉ ?

Ta đã thấy biết rõ dĩ kiện để tạo ra thành quả viên thông của sáu vị A La Hán: Kiều Trần Như, Ưu Ba Ly Sa Đà, chẳng có xa xôi gì làm người ta khó tìm kiếm cả. Các Ngài

chỉ dựa trên lục trần. Dựa trên sáu trần làm đối tượng để tu sửa thân tâm. Vậy mà mỗi Ngài trình lên với Phật một món "Đệ nhất" khác nhau. Điều đó nói với mọi người rằng: Gọi là thuốc hay, không có thuốc nào hay với tất cả mọi con bệnh. Pháp môn có "vi diệu" cũng không phải "vi diệu" cho mọi căn cơ. Cái biết của người bệnh là khéo biết chọn thuốc hạp bệnh mà dùng. Cái trí của người con Phật, phải khéo chọn pháp môn thích ứng căn cơ mà tu tập.

Về? sáu trần, trần nào cũng là dữ kiện cho các thánh chứng "viên thông". Định nghĩa theo văn tự: "trần" có nghĩa là nhiễm ô, nhưng nó chỉ nhiễm ô khi nó tác động vào lục căn của con người chưa tự chủ. Cho nên định nghĩa "trần" qua nghĩa nhiễm ô là định nghĩa đứng bên "tục đế", duyên sanh hiện tượng. Với nhãn quan của những bậc giác ngộ có khả năng tự chủ mà nhìn thì trần vẫn là một hiện tượng biểu hiện phát xuất từ Như Lai tàng thanh tịnh, có tội lỗi gì đâu !

Bằng nhận thức khách quan, ai cũng có thể thấy biết: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đã làm gì nên tội ? Nên tội là do con người. Con người đam mê trần với tâm động hắc ám với khát vọng điên cuồng đánh mất đi lý trí. Lý trí mà còn đánh mất thì "chân tâm thường trú" đối với hạng người này, có tìm đi nữa cũng là kẻ: đá y nước mò trăng.

Sự thành công của các A La Hôn là khéo vận dụng các tri kiến: Như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng để làm cơ sở giác ngộ giải thoát cho mình.

Có câu rằng:

"Trần chẳng tương quan, biên cả nương dâu mặc thay đổi.
Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn".

[^]

*

* *

7. DO NHÃN CẢN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông A Nan Luật Đà đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Lúc tôi mới xuất gia thường ưa thích nằm và ngủ li bì. Như Lai quở tôi là loại súc sanh. Nghe lời quở của Phật, tôi thâm khóc, tui hổ và tự trách mình. Tôi cương quyết thề không ngủ và tôi thức suốt bảy ngày đêm. Hai con mắt tôi bệnh và hư mất. Thế Tôn thương dạy cho tôi pháp: *Lạc kiến chiếu minh kim cang tam muội*. Sau khi được tam muội, tôi thấy suốt hiện tượng trong mười phương như trái chanh trái quít để trên bàn tay. Như Lai ấn chứng cho tôi quả A La Hớn. Nay Phật hỏi nguyên nhân nào được *viên thông*, xin thưa: Theo chỗ tâm đắc của tôi là Xoay tánh thấy của *nhãn căn* trở về bản thể thanh tịnh bản nhiên là ưu việt nhất.

[^]

8. DO TỶ CẢN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Châu Lợi Bàn Đạc đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: rằng tôi vì thiếu trì tụng kinh điển nên không có tuệ đa văn. Khi mới gặp Phật, tôi xin xuất gia nghe học pháp Phật tôi cố nhớ một bài kệ của Như Lai mà không sao nhớ nổi. Tôi gắng học suốt cả một trăm ngày, nhớ đoạn trước thì quên câu sau; nhớ đoạn sau lại quên câu trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi ở một nơi yên tĩnh tu tập pháp môn điều hòa hơi thở ra vào. Bảy giờ tôi vận dụng quán trí theo dõi từng hơi thở, từ thô đến vi tế, từng sát na nhiếp ý, vận dụng tư duy, chia hơi thở thành bốn thời kỳ: Hít vô gọi là *sanh*. Đầy hơi gọi là *trụ*. Thở ra gọi là *dị*. Mãn hơi gọi là *diệt*. Thực hiện một thời gian, tâm tôi bừng sáng rỗng rang được đại vô ngại, các lậu hoặc dứt hết thành A La Hán. Trước pháp tòa, Phật ấn chứng cho tôi thành quả vô học. Nay Phật hỏi *viên thông*, theo chỗ sở hành của tôi: Tập trung tư tưởng xoay vào quán hơi thở ra vào minh bạch, là pháp hành hiệu quả nhất.

[^]

9. DO THIẾT CĂN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Kiều Phạm Ba Đề đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi mắc khẩu nghiệp trong kiếp quá khứ, nhiều đời phải tật nhưm mãi như trâu. Như Lai thương, dạy cho tôi pháp: *Nhất vị thanh tịnh tâm địa*. Nhờ đó tôi diệt phân biệt, được tam ma đề. Tôi quán chiếu rằng: Tánh biết vị không phải do thân thể, cũng không phải do ở ngoại vật. Do đó, trong thì thân tâm giải thoát; ngoài thì như rời bỏ thế gian.

Viễn ly ba cõi như chim sỏ lông; cầu niễm không còn, tiêu vong hóa trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, được quả A La Hớn. Như Lai ấn chứng cho tôi lên hàng vô học. Nay Phật hỏi phương tiện được *viên thông*, xin thưa: Theo tôi thì: *trả vị* về cho phân biệt của *thiệt căn* là ưu việt nhất.

[^]

10. DO THÂN CĂN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Tất Lãng Già Bà Ta đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Lúc tôi mới phát tâm xuất gia theo Phật, thường nghe Phật dạy: "Cuộc đời chẳng có gì vui". Đang khi đi khát thực, vừa đi vừa tư duy lời Phật, bỗng dưng tôi đập phải cái gai độc. Cả mình đều đau đớn. Trong lúc đau đớn, tôi quán chiếu tư duy: Giác tâm thanh tịnh vốn không có cái đau và cái biết đau ! Một thân thể lẽ đâu lại có hai tánh biết ! Nhiếp niệm không bao lâu thân tâm bỗng nhiên rỗng rang thanh tịnh. Hai mươi một ngày sau, các lậu hoặc được tiêu trừ, Phật ấn chứng cho tôi lên hàng vô học chứng A La Hớn quả. Nay Phật hỏi duyên cớ nào được *viên thông*, xin thưa, đối với tôi: Năm giữ giác tánh xem nhẹ *thân căn* là thành công dễ nhất.

[^]

11. DO Ý CĂN ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Tu Bồ Đề đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Từ nhiều kiếp đến nay, tôi vẫn được tâm vô ngại thường trú

nơi không tịch. Sự vật hiện tượng trong mười phương đối với tôi trở thành "chân không hóa" chẳng chút vướng víu buộc ràng. Như Lai phát minh tánh giác là chân không; tôi tư duy thể nhập: *Bảo minh không hải tam muội*, tri kiến đồng như Phật. Tôi được Phật ấn chứng lên hàng vô học A La Hán. Nay Phật hỏi nhơn duyên được *viên thông*, theo chỗ chứng ngộ của tôi: Quán các tướng đều là phi tướng. Cái phi tướng đối tượng cũng không lưu lại. Nhìn hiện tượng vạn pháp đúng như thật của nó: "*Có mà thật chẳng có gì*", đối với tôi, đó là phương tiện chinh phục *ý căn* hữu hiệu nhất.

[^]

*

* *

TRỰC CHỈ

Căn sở dĩ là căn vì sáu cơ quan này ví như gốc rễ để rồi từ đó sanh ra nhánh nhóc chồi tược vô minh lậu hoặc, gây ra khổ đau cho cuộc sống con người. Đó là cách định nghĩa trên mặt tục để trên hiện tượng tùy duyên của vạn pháp. Nếu nhìn bên góc cạnh khác, người ta thấy căn chỉ là một dạng vật chất, phát xuất từ tứ đại duyên sanh như vô vàn hiện tượng duyên sanh khác. Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất nào làm cho con người nên tội. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dạng: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trong cái từ lục

trần, thì đã có thứ nào làm nên tội lỗi cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng căn cũng như trần đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi. Chẳng những thế mà còn ngược lại: Căn trần đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu viên thông. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chơn lý đó. Lục Tổ Huệ Năng thốt ra bài kệ bất hủ trong các chốn tông lâm kim cổ:

"Phật pháp tại thế gian
 Bất ly thế gian giác
 Ly thế mịch Bồ đề
 Kháp như cầu thổ giác"

Với người giỏi làm kinh tế, họ nhìn ao, hồ, sông, bãi đất hoang họ cũng thấy tiền là tiền, và trong những chỗ đó họ làm ra tiền được. Một lương y thượng hạng với đám cỏ dại mà họ dẫm qua, lá hoa lùm bụi mà họ luôn lách đi vào, trong đó, dưới mắt họ vô vàn diệu dược có thể cải tử hoàn sanh cho những con bệnh đang nằm bên đó mà khổ, mà đau rên siết.

Người học Phật không được quên vấn đề đơn giản mà ý nghĩa báu màu vô giá này: "Hàng độc giác nhị thừa tư duy quán xét cảnh hoa rơi, trái rụng, lá úa cành khô mà đạt đạo" đấy!

Phản quán sáu căn nội tại, thành A La Hòn quả, chứng được viên thông rõ ràng không phải là việc khó hiểu xa vời.

Người có tư duy, muốn đi và khởi sự đi trên con đường giải thoát, nhất định sẽ đến đích Niết bàn Bồ đề vô thượng.

[^]

*

* *

12. DO NHÂN THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Xá Lợi Phất đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Từ nhiều kiếp đến nay, sự nhận thức của tôi thường thanh tịnh. Số kiếp thọ sanh lên xuống nhiều như số cát sông Hằng. Do vậy mà các pháp biến hóa thế gian, xuất thế gian một khi thấy là tôi nhận thức không xa chân lý, được vô chướng ngại. Trong lần gặp gỡ giữa đường, anh em ông Ca Diếp dụng ý theo tôi để thuyết pháp. Các ông nói cho tôi nghe về giáo lý nhân duyên sâu xa của Phật. Nhân buổi đàm đạo đó, tôi được tỏ ngộ; nhận thức được rằng: "*Tâm không ngăn mé*". Rồi tôi theo Phật xuất gia. Trí tuệ sáng suốt ngày càng viên mãn, được đại vô úy, thành A La Hón quả, trưởng tử Phật. Nay Phật hỏi nguyên nhân tỏ ngộ *viên thông*, xin thưa: Theo chỗ chứng đắc của tôi thì sự nhận thấy rõ ràng, nhận thức đánh giá chính xác đúng như thực của sự vật hiện tượng là thành công ưu việt nhất.

[^]

13. DO NHĨ THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Bồ tát Phổ Hiền đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi đã từng làm Pháp vương tử cho các Như Lai nhiều như số cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử Bồ Tát tu hạnh Phổ Hiền chính là do dựa theo đức tinh tấn của tôi mà đặt ra cái tên *Phổ Hiền Hạnh*.

Bạch Thế Tôn ! Tôi sử dụng tánh nghe của tâm mà nhận biết nguyện vọng của chúng sanh, nếu có chúng sanh phát hạnh Phổ Hiền. Do vậy, giả sử ở một phương khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có chúng sanh phát hạnh Phổ Hiền thì liền trong lúc ấy, tôi cõi voi sáu ngà, phân thân trăm nghìn đến chỗ người ấy. Phỏng sử người kia nghiệp chướng sâu dày chưa thấy được tôi, tôi cũng thầm kín xoa đầu an ủi ủng hộ khiến cho sở nguyện thành tựu. Nay Phật hỏi nguyên nhân tu chứng *viên thông*, tôi xin thưa: Sử dụng tánh nghe của nội tâm mà nhận biết tự tại, đối với tôi là pháp môn ưu việt nhất.

[^]

14. DO TỶ THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Tôn Đà La Nan Đà đứng dậy cung kính chấp tay thưa với Phật: Lúc tôi mới xuất gia theo Phật học đạo, trong khi tu tam ma đề, tâm thường tán loạn. Đức Thế Tôn dạy tôi quán điểm trắng ở chót mũi. Tôi bắt đầu thực hành, trải qua thời gian hai mươi một ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói; thân tâm trong sáng như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần không còn, tâm tôi được khai ngộ, các lậu tận sạch trong, thành A La Hớn. Thế Tôn thụ ký cho tôi thành quả Bồ

đề. Nay Phật hỏi sở nhân được *viên thông*, xin thưa: Đối với tôi tập trung ý niệm, quán hơi thở và điểm trắng ở *tỷ căn* là thành tựu hữu hiệu nhất.

[^]

15. DO THIẾT THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi từ nhiều kiếp đến nay biện tài vô ngại, tuyên thuyết các pháp: khổ, không, hiểu sâu thật tướng: cho đến những pháp môn bí mật như hằng sa của Như Lai, tôi có thể diễn giảng trước đại chúng không hề có sự sai lầm và sợ sệt. Thế Tôn biết tôi có đại biện tài, dạy tôi tuyên dương chánh pháp, giúp Phật chuyển pháp luân. Tôi nhờ giảng nói chánh pháp mà được quả A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho tôi là: "thuyết pháp đệ nhất". Nay Phật hỏi nguyên nhân được *viên thông*, xin thưa: Tôi dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại, tiêu trừ hoặc lậu là ưu việt nhất.

[^]

16. DO THÂN THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Ưu Ba Ly đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng chính tôi theo Phật vượt thành xuất gia. Tôi thấy Như Lai sáu năm cần khổ, cuối cùng hàng phục tà ma, chế ngự ngoại đạo, giải thoát các lậu thế gian. Phật dạy tôi trì giới, giữ gìn tánh nghiệp, giá nghiệp của thân miệng, ý, giữ vẹn ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Nhờ vậy, thân tâm tịch

tịnh thành quả A La Hớn. Nay làm kỹ cương trong đại chúng, Như Lai ấn chứng tôi là "trì luật đệ nhất". Hôm nay Phật hỏi phương tiện được *viên thông*, xin thưa: Đối với tôi do giữ gìn *thân* được thanh tịnh. Thân đã thanh tịnh thì tâm sẽ thanh tịnh theo. Đó là phương pháp uốn dẹp tu sửa thân tâm hữu hiệu nhất.

[^]

17. DO Ý THỨC ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Đại Mục Kiền Liên đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng lúc nọ tôi đi khát thực giữa đường được ba anh em ông Ca Diếp: Ưu Lô Tần Loa, ông Đà Gia và Na Đề giảng nói lý nhân duyên thậm thâm của Phật, tâm tôi bừng ngộ thông suốt rộng rang. Như Lai ban cho ca sa mặc vào thân, râu tóc tự cạo. Tôi có khả năng du hí khắp mười phương không trở ngại. Đại chúng suy tôn tôi là "thần thông đệ nhất", trong hàng vô học A La Hớn. Nay Phật hỏi *viên thông*, xin thưa: Tôi xoay ý thức trở về tánh sáng suốt trạm nhiên. Giống như lóng nước đục, lóng nước lâu trở về tự thể trong sạch. Đó là phương tiện tu sửa đối với tôi hữu hiệu nhất.

[^]

*

**

TRỰC CHỈ

Thức là dụng của căn, là chủ thể nhận thức phân biệt trần. Đó là tánh thấy của mắt, tánh nghe của tai, tánh ngửi của mũi, tánh nếm của lưỡi, tánh xúc của thân, tánh tư duy của ý. Gọi chung qua cái từ lục thức, tức là sáu công dụng của sáu giác quan.

Năm thức trước tiếp xúc với năm trần sự lượng định để nhận thức, chúng chỉ có hiện lượng. Cho nên chúng chẳng lượng định phân biệt gì. Do đó công dụng của năm thức trước không có ý niệm: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét... phải, quấy, tốt, xấu, lấy, bỏ, hơn, thua... cho nên năm thức trước không thể tạo nên nghiệp thiện hay ác. Chỉ có ý thức ngoài hiện lượng ra, còn có thêm hai lượng: tỷ và phi lượng.

Năm thức trước, nếu chung khởi với phi lượng của ý thức, sẽ gây ra sự sai quấy hoàn toàn đối với chơn lý.

Năm thức trước nếu chung khởi với tỷ lượng của ý thức thì sự nhận thức của con người có thể đúng mà cũng có thể sai. Nhận thức đúng chơn lý, trường hợp này được gọi là thiện. Nhận thức sai chơn lý thì gọi là bất thiện, là ác.

Từ nhận thức đó, ta thấy thức cũng không phải là nguyên nhân để sanh ra thiện ác tội phước.

Tội là do bất giác vô minh, do mê.

Phước thì chỉ cần cảnh giác, cần sáng suốt không mê là trở nên người giác. Cho nên gọi là "tu" không cần phải dựa trên hình thức này, nghi lễ nọ, cúng bái cầu đảo rườm rà. Chỉ cần cảnh giác phiền não: tham, sân, si, mạn... Chỉ cần tâm trí sáng suốt để nhận biết: ta - bạn - giặc. Đừng để kẻ giặc cướp vô minh phiền não vào nhà chơn tâm thường trú, thể tánh tịnh minh cướp phá sự nghiệp trí tuệ giác ngộ giải thoát của ta. Chỉ cần không mê thì ta là giác. Chỉ cần không vọng, ta tự sẵn có chơn.

Tu mà chú trọng nhập thất, đóng cửa tự giam mình lễ bái "trú dạ lục thời", nguyện tụng bộ kinh này, thệ trì danh Phật nọ, hy vọng khẩn vái chư Phật mười phương: "thùy từ gia hộ": "gia hộ cho con hiện tiền tội diệt phước sanh, thiện căn tăng trưởng", và "tha nhật đắc A Di Đà thọ ký"... Đó là lối tu theo cái đạo cầu bên ngoài. Lục Tổ Huệ Năng gọi hạng người đó là "ngoại đạo". Ngoại đạo có nghĩa là cái đạo hy vọng ở tha nhân, cái đạo "ngồi chờ sung rụng" vào mồm.

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, từ kim khẩu đã từng thọ ký rằng:

"Tất cả chúng sanh đã thành Phật"

(kinh Pháp Hoa)

"Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật"

(kinh Hoa Nghiêm)

*Thọ ký như vậy mà chưa vừa lòng, chưa thỏa mãn hay sao ?
Mà còn cầu:*

"Tha nhật đắc A Di Đà thọ ký !..." Phật tử chúng ta hãy soát lại lòng mình. Một con người tham lam vô độ, có xứng đáng là đệ tử Phật chưa ? Hàng cư sĩ không có thời giờ học hỏi giáo lý, tham lam cầu: "Tha nhật đắc A Di Đà thọ ký" còn có lý do để tha thứ. Chớ Tăng Ni, người trưởng tử Phật Thích Ca mà không tin lời thọ ký của đức Bốn Sư mình, thì xin ai đó, hãy để lòng tự xét...

Hay là người ta viện lẽ...

"Phật nhà không thiêng..."

[^]

*

**

18. DO HỎA ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ông Ô Sô Sắc Ma đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ những kiếp xa xưa, tánh tôi nhiều tham dục. Bây giờ nhằm thời Đức Phật Không Vương trụ thế. Đức Không Vương Như Lai bảo rằng: "Người đa dâm như đồng lửa hồng". Rồi Phật dạy tôi quán hơi nóng trong cơ thể cả khắp tứ chi. Nhờ quán như vậy tinh thần sáng suốt, nội tâm đứng lặng, tâm háo dâm trở thành lửa trí tuệ. Từ đó, chư Phật gọi tôi với cái tên Hỏa Đầu. Tôi dùng sức hỏa quang tam muội

mà chúng quả A La Hớn. Tôi phát đại nguyện, nếu có chư Phật thành đạo thì tôi làm lực sĩ hầu cận Phật để đánh dẹp bọn tà ma khuấy phá. Nay Phật hỏi nhân duyên được *viên thông*, xin thưa rằng: Do tôi quán hơi ấm trong thân, lưu thông không ngăn ngại; từ đó các lậu tiêu trừ, sanh lửa trí tuệ. Đối với tôi, đó là pháp tu hữu hiệu nhất.

[^]

19. DO ĐỊA ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Trì Địa Bồ Tát đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi nhớ lại trong những kiếp xa xưa, tôi từng được gặp Phật và cúng dường chư Phật như hằng sa, và cũng từng phục vụ vô lượng chúng sanh đem đến chúng sanh nhiều lợi lạc. Trong một kiếp nọ, ở vào thời Phật Phổ Quang trụ thế, tôi là một tỳ kheo phát tâm sửa chữa những đoạn đường gồ ghề sụp lở, những bến xe, bến đò bất tiện cho sự đi lại của nhiều người. Ngoài những công trình gánh đất, bung sỏi, đắp bồi sửa chữa như vậy, tôi còn mang gánh giúp đỡ những người gánh gồng nặng nhọc ở chợ búa mà không lấy tiền công.

Vào thời Phật Tỳ Xá Phù trụ thế, nhân gian nhiều đói kém, tôi phải công giúp nhiều người không kể gần xa mà chỉ lấy một đồng tiền... có lúc tôi ra sức kéo phụ xe trâu qua những nơi quá lầy lội. Có lúc vì Phật tôi sửa đường bằng phẳng đợi Phật đi hóa trai.

Một hôm Đức Tỳ Xá Phù Như Lai đi qua đoạn đường tôi vừa sửa chữa. Phật xoa đầu tôi mà dạy rằng: "Nên bình cái tâm địa thì đất đai trên thế giới đều bình". Tôi nghe, tâm liền sáng bừng tỏ ngộ. Tôi quán thấy vi trần trong cơ thể cùng tất cả vi trần tạo thành thế giới bên ngoài không sai khác gì nhau. Tự tánh vi trần không chạm sát với nhau, cho đến đao binh các thứ tự nó cũng không va chạm gì. Nhờ nhận thức như vậy, tôi tỏ ngộ vô sanh nhẫn, thành A La Hối hồi tâm. Nay ở trong hàng Bồ Tát nghe Phật dạy: *Tri kiến Phật như diệu liên hoa*, tôi lãnh hội trước tiên, đại chúng suy tôn là thượng thủ. Nay Phật hỏi nguyên do đạt đến *viên thông*, xin thưa: Do tôi quán trần ở nội thân và trần cấu của thế giới bên ngoài bình đẳng không sai khác. Tất cả từ Như Lai tàng tùy duyên biến hiện. Vọng tâm chấp mắc trần tướng tiêu vong thì trí tuệ viên mãn thành đạo Bồ Đề. Đó là đối tượng sở quán, đối với tôi đem lại thành công ưu việt nhất.

[^]

20. DO THỦY ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Nguyệt Quang đồng tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi nhớ hàng sa kiếp trước có đức Phật ra đời hiệu Thủy Thiên. Thủy Thiên Như Lai dạy các Bồ Tát nên quán về *nước* để nhập tam ma đề. Phật dạy quán tánh nước không gì lấn cướp làm cho mất hẳn được. Từ nước mắt, nước mũi, nước miếng, nước tiểu, nước tân dịch trong châu thân... đều quán một tánh nước đồng nhau. Tánh nước trong tự thân cùng tánh nước các bể hương thủy phù trần

vương sát của thế giới bên ngoài, đồng nhau không sai khác. Lúc tôi thành tựu pháp thủy quán này, tôi chỉ thấy được tánh đồng của nước mà chưa thấy được "thân không". Hồi bấy giờ, tôi là một tỳ kheo tọa thiền trong một tịnh thất, có người đệ tử trông cửa sổ nhìn vào, thấy toàn là nước. Vì nhỏ dại nó liền lấy một miếng ngói ném vào, rồi tự bỏ đi. Khi xuất định tôi thấy tim đau một cách lạ thường. Truy nguyên ra duyên cớ, tôi bảo người đệ tử: Khi tôi nhập định, trông thấy nước trong thất thì hãy vào nhặt miếng ngói mà người đã ném ấy ra. Quả thật, khi xuất định, tôi không còn đau đớn nữa.

Qua vô lượng kiếp sau tôi được gặp vô lượng Phật, nhưng chưa chứng ngộ. Mãi đến thời Sơn hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai thì tôi mới chứng được "không thân". Bấy giờ tôi thấy rõ nước trong tự thân cùng với nước bể Hương Thủy trong mười phương thế giới đồng một tánh chân không, không sai khác. Ở nước Phật Sơn Hải Huệ Tụ Tại, tôi được hiện là Đồng Chân, dự vào hàng Bồ Tát. Nay Phật hỏi nguyên nhân được *viên thông*, xin thưa: Do tôi quán tánh *nước* dung thông mà được vô sanh nhẫn. Đối với tôi, pháp Thủy quán là ưu việt nhất.

[^]

21. DO PHONG ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ lại hằng sa kiếp trước có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh. Phật khai thị cho các Bồ Tát

về: *Bản giác diệu minh*. Dạy các Bồ Tát quán: Thế giới và chúng sanh đều do sự vận động của sức *gió vọng duyên* chuyển biến mà hình thành. Riêng tôi, lúc bấy giờ, tôi quán không gian an lập; quán thời gian trôi đi mãi; quán thân, khi động khi dừng; quán tâm, niệm trước diệt, niệm sau sanh... Tất cả những chuyển động biến diệt, tôi thấy không hai không khác. Tôi nhận thức rõ rằng tánh của các thứ động: Đến không chỗ từ, đi không chỗ tới. Tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới có trong pháp giới mười phương do sức *gió vọng duyên* mà hình thành, mà sanh hoạt với nhau trong tánh *bản giác diệu minh, chân tâm minh diệu*. Giống như hàng vạn muỗi mòng trong một cái đồ đựng, kêu vo vo râm rỉ, ào ào rồi rít với nhau.

Tôi quán sát tư duy như vậy, không bao lâu, tôi được vô sanh pháp nhẫn làm vị Pháp Vương tử. Nay Phật hỏi *viên thông*, xin thưa: Do tôi quán tánh *phong đại* "đi không chỗ từ, đến không chỗ tới" mà tỏ ngộ tâm Bồ Đề. Đối với tôi thì quán phong đại là đệ nhất.

[^]

22. DO KHÔNG ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Hư Không Tạng Bồ Tát đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ lại tôi cùng Như Lai đồng chứng được "vô biên thân" hồi thời Phật Định Quang. Lúc đó tay tôi cầm bốn đại bảo châu chiếu sáng cõi Phật mười phương như số vi trần đều hóa thành hư không. Bấy giờ tâm tôi sáng suốt

thành trí Đại Viên Cảnh. Tôi quán sát khắp phù trần hương sát cùng tột hư không, nhập vào thân tôi. Thân tôi và hư không không ngăn ngại gì nhau. Do vậy, tôi khéo vận dụng hài hòa vào cõi nước như vi trần làm Phật sự được thuận lợi lớn lao. Sức thần to lớn đó do tôi quán sát tứ đại không có chỗ sở y. Do vọng tưởng mà thấy có diệt có sanh. Hư không không hai, cõi Phật vốn đồng. Do tôi phát minh được tánh đồng mà chứng được vô sanh pháp nhẫn. Nay Phật hỏi duyên nhơn nào được *viên thông*, xin thưa: Do tôi quán chiếu *hư không vô biên* mà thể nhập tam ma đề là phương tiện ưu việt nhất.

[^]

23. DO THỨC ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Di Lặc Bồ Tát đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ lại vi trần kiếp trước có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Tôi được theo Phật xuất gia, nhưng tâm còn trọng hư danh thế gian, ưa giao du với các hàng vọng tộc. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy tôi tu tập định: *Duy tâm thức* và tôi được nhập tam ma đề. Trải hằng sa số kiếp đến nay, tôi sử dụng tam muội ấy, phụng sự hằng sa chư Phật, tâm cầu danh, được diệt hết. Đến thời Phật Nhiên Đăng ra đời tôi mới chứng được tam muội *thức tâm diệu viên vô thượng*. Bây giờ tôi quán thấy cõi nước của chư Như Lai, tột bờ mé hư không, tịnh uế, có không đều do thức tâm biến hiện.

Bạch Thế Tôn ! Do tôi tỏ ngộ *Duy tâm thức*, thức tánh của tôi xuất hiện vô lượng Như Lai, và hiện nay được Phật thọ ký, tôi sẽ được bổ xứ thành Phật ở cõi Ta Bà sau này. Nay Phật hỏi nguyên nhân *viên thông*, xin thưa: Tôi quán mười phương đều Duy thức. Thức tâm tròn sáng thì xa lìa tánh biến kế, nhận thức đúng thực thể của tánh y tha khởi thì chứng nhập tánh viên thành thật, được vô sanh nhẫn. Đối với tôi đó là pháp quán ưu việt nhất.

[^]

24. DO KIẾN ĐẠI ĐƯỢC VIÊN THÔNG

Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ Tát đồng tu một pháp môn cùng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ hằng sa kiếp trước có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Thời đó có 12 đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật sau hết hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy cho tôi phép niệm Phật tam muội: Rằng Thập phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cũng đồng nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con không xa cách. Tâm chúng sanh nhớ tưởng Phật thì tâm ấy là Phật. Nhất định thấy Phật, không cần phương tiện nào khác. Ví như người ướp hương thì toàn thân thể sẽ thành thơm, ấy gọi là hương quang trang nghiêm. Chính tôi nhờ niệm Phật mà được vô sanh nhẫn. Nay ở cõi Ta Bà, tôi nguyện hướng dẫn người niệm Phật để có được tịnh độ. Phật hỏi nhân duyên nào được *viên thông*, xin thưa: Tôi thu nhiếp tất cả sáu căn

không vọng niệm. Do chánh niệm tương tục mà được tam ma đề đối với tôi đây là pháp môn thù thắng nhất.

[^]

*

**

TRỰC CHỈ

Đại có nghĩa là bao trùm phổ biến khắp không gian và thời gian. Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức. Phật học gọi đó là thất đại, vì bảy thứ này phổ biến không chỗ nào không có. Không gian, thời gian, hàm tàng thất đại không dư không thiếu; nói cách khác tự thể không gian, thời gian là thất đại ấy. Nếu tách bỏ thất đại ra, không thể có khái niệm không gian và thời gian. Do thất đại mà khái niệm không gian và thời gian được cụ thể hóa, được hình thành. Thất đại là nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng vạn hữu, duyên khởi sanh ra hiện tượng vạn hữu. Tuy nhiên nó chưa phải là một đơn vị thực thể cố định bất di bất dịch, một yếu tố đầu tiên của hiện tượng vạn hữu nào. Theo Phật học, không có một sự vật nào có một thực thể cố định bất di bất dịch của tự nó. Không có một sự vật nào sanh ra mà không kết hợp tương quan với những yếu tố khác. Chỉ len đan thành chiếc áo len, nhưng chỉ len không phải là yếu tố đầu tiên của chiếc áo len ấy. Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức là những hình thái của chủng tử được biểu hiện rõ nét hơn trong Như Lai tàng bản thể mà thôi.

Nếu hòa hợp bởi năm đại: Địa, thủy, hỏa, phong và không là đủ yếu tố duyên khởi ra núi sông, đất liền, cây cỏ... trong vũ trụ.

Nếu hòa hợp đủ bảy đại thì sẽ duyên khởi sanh ra những loại chúng sanh có tri giác trong vũ trụ.

Trong các loại hữu tình có giác tri, con người là ưu việt nhất.

Núi sông đất liền cỏ cây hoa lá gọi là khí thể gian hoặc cũng gọi là vô tình chúng sanh.

Những loài có tri giác gọi là chánh báo thể gian cũng gọi là hữu tình chúng sanh.

Nhìn bên khí thể gian để tìm hiểu nguyên ủy của hiện tượng vạn hữu, người ta gọi đó là vũ trụ quan.

Nhìn bên hữu tình thể gian để tìm hiểu nguồn gốc nguyên thi của con người, người ta gọi đó là nhân sanh quan.

Qua giáo lý đoạn kinh Thủ Lăng Nghiêm này, ta thấy vũ trụ nhân sanh đồng một bản thể. Như Lai tàng bản thể duyên sanh hiện tượng vạn hữu như nước duyên khởi sóng mòi bọt bong bóng vậy. Với cái nhìn của người đạt đạo, nhận thức rõ chân lý của hiện tượng vạn pháp qua quy luật: tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên; người ta tự tại an nhiên thoải mái cả trong vấn đề sống chết:

**"Trường không túng sử song phi cốc
Cự hải hà phòng nhất điểm âu".**

Tuệ Trung thượng sĩ, một thiền sư Việt Nam đời Trần, quan niệm sự sống chết dễ dàng, không chút sợ sệt, lo âu như vậy. Tam dịch hai câu thơ đó như sau:

**"Cổ xe ảo ảnh trong không
Có ai tham đắm nặng lòng ước ao ?
Mặt hồ sóng bọt lao xao
Có ai đau khổ bọt tan sóng bình" ?**

Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá quá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó, phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù "biến kế chấp" làm cho con người không nhận được thực chất "y tha duyên" của hiện tượng vạn hữu. Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của "viên thành thật" trong bản thể Như Lai tàng. Do đó vọng sanh quan niệm: Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, khứ, lai... loạn khởi.

Các Bồ Tát ngược dòng quán chiếu, thấy rõ sự thật "y tha" dùng đước trí tuệ rọi tan sương mù "biến kế", nhận chân cái thật tánh "viên thành" của thất đại. Thì ra: địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức vốn là chân không thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Không có một pháp nào mang theo, đem đến cho ai một mảy may vương víu một tí tí phiền não khổ đau nào !

Do vậy, 25 vị thánh đệ tử, dựa trên căn trần, thức và thất đại đều chứng được quả giải thoát viên thông.

[^]

Tập II

---o0o---

CHƯƠNG THỨ SÁU

Do nhĩ căn được viên thông

Bồ Tát Quán Thế Âm trần thuật pháp tu chứng của mình

- Do từ tâm Bồ Tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thân
- Do bi tâm Bồ Tát Quán Thế Âm thành tựu 14 đức vô úy
- Quán Thế Âm có 4 đức nhiệm màu không thể nghĩ bàn

Phật bảo Văn thù so sánh chọn căn ưu việt nhất

- So sánh sự ưu khuyết của sáu trần, năm căn, sáu thức và bảy đại

- | | | |
|---|------------------------|---|
| • | | N |
| • | hược điểm của sáu trần | |
| • | | N |
| • | hược điểm của năm căn | |
| • | | N |
| • | hược điểm của sáu thức | |
| • | | N |

hược điểm của bảy đại

- S

ưu việt của nhĩ căn

- Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức tánh ưu việt của nhĩ căn

Phật khai thị về ba môn vô lậu học và bốn điều cơ bản xuất trần

Ba môn vô lậu học

Bốn điều cơ bản xuất trần

- Đ

oạn tâm dâm dục

- T

rừ tâm sát sanh

- D

ứt tâm tham đọa

- B

ỏ tâm vọng ngữ

DO NHĨ CĂN ĐƯỢC VIÊN THÔNG [^]

BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM TRẦN THUẬT PHÁP TU CHỨNG CỦA MÌNH[^]

Khi bấy giờ Bồ Tát Quán Thế Âm đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi nhớ hằng hà sa kiếp trước, có đức Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm và tôi đã phát Bồ Đề tâm thời ấy. Đức Phật Quán Thế Âm dạy tôi phương pháp *nghe, suy nghĩ* và *tu* để được thể nhập tam ma đề (chánh định).

Bạch Thế Tôn ! Trước hết tôi sử dụng tánh nghe: Nghe động và nghe tĩnh, rồi tôi xóa đi ý niệm động tĩnh ấy; từ đó sức tịch tĩnh tăng dần, tôi dứt được *năng văn* và *sở văn*. Sức tịch tĩnh không dừng ở đó bấy giờ giác tánh tôi lại hiển hiện ra. Tôi tiếp tục tư duy: Dù là giác tánh nhưng tánh "năng giác", "sở giác" hãy còn, tôi bèn xóa đi về ý niệm giác; bấy giờ tâm tánh tôi rỗng rang lặng lẽ như hư không. Tôi lại diệt đi cái giác tri "như hư không" ấy. Cuối cùng tôi diệt cả cái khái niệm "diệt". Khi tôi diệt hết khái niệm vi tế về "diệt sanh, sanh diệt" bỗng dưng tôi nhận thấy toàn thể pháp giới trong mười phương chỉ còn là cảnh giới "bất nhị" tịch diệt hiện tiền. Tâm tánh của tôi viên mãn khắp giáp mười phương vượt hẳn tâm nhận thức thường tình của thế gian, tôi được hai món thù thắng: Một là tâm tôi hợp với bản giác nhiệm mầu của mười phương Như Lai, đồng một từ tâm hướng hạ cứu độ chúng sanh. Hai là hợp với tâm của lục đạo chúng sanh trong mười phương, đồng một bi tâm hướng thượng cầu vô thượng Bồ Đề.

DO TỪ TÂM BỔ TÁT QUÁN THẾ ÂM HIỆN 32 ỨNG THÂN [^]

Bạch Thế Tôn ! Do tôi cúng dường Quán Thế Âm Như Lai, được Phật truyền thụ cho tôi *như huyễn văn huân văn tu kim cương tam muội* nên thân tôi thành tựu 32 ứng thân vào các cõi nước.

Bạch Thế Tôn !

1. Nếu các Bồ Tát vào tam mà đề tiến tu pháp vô lậu, thắng giải viên mãn, tôi hiện thân Phật vì họ mà thuyết pháp khiến cho được giải thoát.
2. Nếu các hàng hữu học tu pháp tịch tĩnh diệu minh viên mãn, tôi hiện thân Độc Giác vì họ mà thuyết pháp.
3. Nếu các hàng hữu học đoạn 12 nhơn duyên, phát ra thắng tánh viên mãn, tôi hiện thân Duyên Giác vì họ mà thuyết pháp.
4. Nếu các hàng hữu học được pháp không của tứ đế, tu đạo đế, thể nhập diệt đế, thắng tánh viên mãn, tôi hiện thân Thanh Văn vì họ mà thuyết pháp.
5. Nếu chúng sanh muốn tâm tỏ ngộ, không vướng vào ngũ dục, muốn thân được thanh tịnh, tôi hiện thân Phạm Vương vì họ mà thuyết pháp.
6. Nếu chúng sanh muốn làm thiên chủ thống lãnh chư thiên, tôi hiện thân Đế Thích vì họ mà thuyết pháp.
7. Nếu chúng sanh muốn thân được tự tại dạo khắp mười phương, tôi hiện thân Tự Tại Thiên vì họ mà thuyết pháp.
8. Nếu chúng sanh muốn thân được tự tại, bay đi trên hư không, tôi hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì họ mà thuyết pháp.
9. Nếu có chúng sanh thích thống lãnh quý thần cứu quốc hộ dân, tôi hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, vì họ mà thuyết pháp.

10. Nếu chúng sanh muốn thống lãnh quỷ thần, cứu giúp cõi nước, tôi hiện thân Thiên Đại Tướng Quân vì họ mà thuyết pháp.

11. Nếu các chúng sanh muốn sanh ở thiên cung, tôi hiện thân Thái tử, con Tứ Thiên Vương vì họ mà thuyết pháp.

12. Nếu các chúng sanh muốn làm vua cõi người, tôi hiện thân Vua vì họ mà thuyết pháp.

13. Nếu các chúng sanh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, tôi hiện thân Trưởng giả vì họ mà thuyết pháp.

14. Nếu các chúng sanh thích luận lời hay, giữ mình trong sạch tôi hiện thân Cư sĩ vì họ mà thuyết pháp.

15. Nếu các chúng sanh muốn kinh bang tế thế, tôi hiện thân Tể quan vì họ mà thuyết pháp.

16. Nếu các chúng sanh thích chú thuật toán số, thu nhiếp nhân tâm, tôi hiện thân Bà La Môn vì họ mà thuyết pháp.

17. Nếu các thiện nam muốn xuất gia tu học, tôi hiện thân tỳ khưu vì họ mà thuyết pháp.

18. Nếu có người tín nữ muốn xuất gia, tôi hiện thân tỳ khưu ni vì họ mà thuyết pháp.

19. Nếu có người thiện nam muốn giữ giới tu hành, tôi hiện thân ưu bà tắc vì họ mà thuyết pháp.

20. Nếu có người tín nữ, muốn thọ năm giới tập tu, tôi hiện thân ưu bà di vì họ mà thuyết pháp.
21. Nếu có người nữ thích đường chánh trị phụ quốc an bang tôi hiện thân mệnh phụ phu nhân, thân nữ chúa vì họ mà thuyết pháp.
22. Nếu có chúng sanh nam căn chưa ô nhiễm, tôi hiện thân đồng nam vì họ mà thuyết pháp.
23. Nếu có người nữ thích thân xử nữ, tôi hiện thân đồng nữ vì họ mà thuyết pháp.
24. Nếu có hàng chư thiên muốn ra khỏi loài trời, tôi hiện thân Chư Thiên vì họ mà thuyết pháp.
25. Nếu có rồng muốn ra khỏi loài rồng, tôi hiện thân rồng vì họ mà thuyết pháp.
26. Nếu có được xoa muốn ra khỏi loài mình, tôi hiện thân được xoa vì họ mà thuyết pháp.
27. Nếu có càn thất bà muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân càn thất bà vì họ mà thuyết pháp.
28. Nếu có a tu la muốn ra khỏi loài mình, tôi hiện thân a tu la vì họ mà thuyết pháp.
29. Nếu có khẩn na la muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân khẩn na la vì họ mà thuyết pháp.

30. Nếu có ma hầu la già muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân ma hầu la già vì họ mà thuyết pháp.

31. Nếu có chúng sanh thích làm người, tôi hiện thân người vì họ mà thuyết pháp.

32. Nếu có loài phi nhân hoặc có hình hoặc không hình, hoặc có tướng hoặc không tướng, muốn thoát khỏi loài mình, tôi hiện thân như họ vì họ mà thuyết pháp.

Đó là 32 ứng thân nhiệm mầu có thể hiện vào các cõi nước trong mười phương, do kết quả của *văn huân văn tu* tam muội mà thành tựu sức nhiệm mầu "vô tác" như vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Ở đoạn kinh trước, Phật gạn hỏi đại chúng về nguyên nhân của sự đạt đạo được **viên thông**, thứ lớp trước sau có 25 vị Thánh đệ tử, mỗi người đều trình bày cái nguyên nhân chứng đắc của mình.*

*Như chúng ta đã biết, 6 căn, 6 trần, 6 thức và 7 đại đều là dữ kiện tạo nên Thánh quả chứng đắc **viên thông**. **Nhĩ căn viên thông** lẽ ra phải được theo thứ lớp mà trình bày ở trong nhóm người dựa trên 6 căn được **viên thông** ở đoạn kinh trước. Nhưng ở đây trái lại, **nhĩ căn viên thông** được Bồ Tát Quán Thế Âm trình bày sau rốt. Đó không phải là một sự*

kiện bình thường càng không nên hiểu đó là sự ngẫu nhiên hay do sơ sót, mà đó là tánh chất trọng đại của **nhĩ căn**, ta sẽ thấy rõ ở đoạn kinh sau.

Hằng hà sa số kiếp trước có Phật ra đời hiệu là **Quán Thế Âm**, đến thời Phật Thích Ca lại có Bồ Tát cùng hiệu **Quán Thế Âm**. Điều này nhằm dạy cho mọi người đệ tử Phật phải hiểu rằng: Cùng là **nhĩ căn** năng văn; cùng là **âm trần** sở văn, mà người sử dụng khác nhau thì hiệu quả giải thoát giác ngộ cũng khác nhau.

Quán là trí quán niệm của con người.

Âm là đối tượng nghe, là thang trần đó.

Niệm **quán âm** là chỉ cho lúc trí năng quán và âm văn sở quán chưa được thường xuyên liên tục. Khi con người vận dụng trí năng quán và âm văn sở quán không gián đoạn, chính lúc đó là **Quán Thế Âm Bồ Tát** hiện thân trong ta, thuyết pháp cho ta nghe rồi đó.

Kinh nói: Bồ Tát hiện 32 ứng thân vào các cõi nước khắp mười phương thuyết pháp cho chúng sanh theo sở thích đáp ứng theo yêu cầu của họ. Sự kiện này phải được hiểu rằng tất cả chúng sanh trừ ba hạng người ác nghiệp cực trọng ở loài địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, còn lại tất cả mọi hạng người từ phàm phu đến Thánh vị đều có thể được Bồ Tát **Quán Thế Âm** hiện thân cứu độ. Nói một cách khác là những bậc thượng căn phát tâm tu hành cầu thành Phật quả cho đến những người hạ trí, nhơn và phi nhơn đều có khả

năng quán niệm về âm văn để được có an lành, tự tại giải thoát và giác ngộ theo khả năng trình độ của chính bản thân mình.

Nếu có ít nhiều thiên định tư duy nếu biết dụng ý lắng nghe người ta có thể nghe trong mọi nơi chốn, mọi trường hợp những âm văn thanh tịnh giải thoát. Âm văn đó, nghe được nhiều hay ít là do ta vận dụng quán trí của ta nó liên tục được ít hay nhiều. Cho nên kinh nói: Quán Thế Âm hiện thân thuyết pháp cho chúng sanh bằng "Vô tác diệu lực" nghĩa là bằng sức màu nhiệm "không có làm". Nói "hiện thân" nhưng kỳ thực chẳng tốn sức "thần biến" "hóa hiện" ra thân. Nói "thuyết pháp" kỳ thực chẳng tốn một tí hơi và một âm thanh nào vang dội. Quán Thế Âm hiện thân bằng chính bản thân của mọi người. Quán Thế Âm thuyết pháp bằng chính âm thanh thanh tịnh trong lòng trong sáng của mọi người, khi người đó biết sử dụng tánh nghe.

*Quán Thế Âm là Diệu âm; Quán Thế Âm là Phạm âm; Quán Thế Âm là Hải Triều âm; Quán Thế Âm còn là âm thanh vượt hơn những âm thanh của thế gian thường nghe và xưng gọi ấy nữa. Quán Thế Âm là Thánh của thanh tịnh, của giải thoát và giác ngộ; vì tánh quan trọng tàng ẩn một chân lý thâm sâu, nên đặt cách để vấn đề **nhĩ căn viên thông** của Bồ Tát Quán Thế Âm rốt sau 25 vị Thánh.*

*

* *

DO BI TÂM BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM THÀNH TỰU 14 ĐỨC VÔ ÚY THÍ^[^]

Bạch Thế Tôn ! Do vô tác diệu lực VẤN HUÂN VẤN TU kim cang tam muội cho nên tôi và tất cả lục đạo chúng sanh trong mười phương ba đời cùng có một bi tâm hướng thượng cho nên tôi và tất cả chúng sanh thành tựu được 14 thứ công đức vô úy:

1. Tôi không quán âm thanh đối tượng mà tôi quán cái tâm năng quán của mình, khiến cho chúng sanh khổ não trong mười phương quán âm thanh như vậy thì được giải thoát.
2. Tôi xoay tri kiến của mình soi rọi nội tâm, khiến chúng sanh dù vào trong lửa mà lửa không đốt cháy (lửa dâm, lửa sân, lửa hận thù...)
3. Tôi quán tánh nghe xoay vào nội tâm, khiến chúng sanh dù có bị nước to cuốn đi mà không hề bị chìm đắm (nước ái, nước nhẹ dạ yếu lòng, nước yêu thương mù quáng...).
4. Tôi đoạn diệt hết vọng tưởng, không còn tâm sát hại, khiến chúng sanh dù phải vào trong cối nước của quỷ, quỷ cũng không hại được (quỷ sát, quỷ đạo, quỷ dâm, quỷ thấy ác... nghe ác và làm ác...).
5. Tôi huân tập cái tánh nghe, nghe vào tự tánh. Tánh thấy, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc, biết cũng như vậy, khiến chúng sanh đang khi bị hại dao mác, vũ khí gãy rơi từng

khúc chẳng xúc phạm được (dao hai lưỡi, dao ưu sâu, dao tâm...).

6. Tánh nghe, tôi huân tập đến độ tinh thuần, sáng suốt khắp trù pháp giới; tất cả những gì đen tối không tồn tại được, khiến cho chúng sanh dù ở gần bên với ác quỷ: Dược xoa, cưu bàn trà, tỳ xá xà, phú đơn na v.v... mà chúng không nhìn thấy được (quỷ thô bạo, quỷ bất nghĩa, quỷ vô lương...).

7. Tánh năng văn tôi quán xoay vào, thanh trần đối tượng tiêu vong, khiến chúng sanh xa tránh tất cả gông cùm xiềng xích không vương chạm đến thân (gông luật pháp, cùm hận thù vay trả, thích đấu tranh thị phi ân oán giang hồ...).

8. Tôi diệt âm thanh đối tượng, tánh nghe viên mãn sanh sức từ cùng khắp, khiến chúng sanh đi qua đường hiểm mà giặc cướp không thể cướp được (giặc phiền não có 6 thằng tức trực phục kích ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý để cướp của báu công đức của ta).

9. Do tôi huân tập tánh nghe được thanh tịnh, tách khỏi trần tướng. Sắc, thanh... không cảm dỗ được, khiến cho những chúng sanh đa dâm xa lìa được lòng tham dục nặng nề.

10. Tôi chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, dứt đối đãi năng văn sở văn khiến chúng sanh xa lìa được tham sân si phần nướ.

11. Tiêu diệt thanh trần đối tượng tôi xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm cảnh giới trong sáng như lưu ly, chẳng vương chút trần ai vọng chấp, khiến chúng sanh xiển đề mê tối xa lìa câm điếc tối tăm (nói không chơn lý là câm, không nghe nổi chơn lý là điếc, không nhận được chân lý là tối tăm).

12. Viên dung các hiện tượng, tôi xoay tánh nghe trở về bất động. Hải hòa thế gian mà không hủy hoại thế gian; cúng dường Như Lai mười phương như số vi trần, tôi ở bên mỗi mỗi Phật làm Pháp Vương Tử, khiến trong pháp giới những chúng sanh không con, cầu có con trai, sanh được con trai phúc đức trí tuệ (phúc đức trí tuệ chính là con trai đó !).

13. Sáu căn tôi *viên thông*, soi sáng không hai, khắp trùm thập phương thế giới, đứng trước đại viên kính ở trong Như Lai tàng, tôi vâng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phúc đức và dịu dàng được nhiều người kính quý.

14. Trong tam thiên đại thiên thế giới này các Pháp Vương Tử đông như số cát 62 sông Hằng. Trí tuệ và phương tiện giáo hóa chúng sanh mỗi Ngài đều khác. Vậy mà chúng sanh chấp trì một danh hiệu của tôi, bằng ngang với công đức chấp trì danh hiệu số lượng Pháp Vương Tử nói trên.

Bạch Thế Tôn ! Sở dĩ tôi được những điều ưu việt như vậy là do tôi tu tập pháp **văn huân văn tu** kim cang tam muội, cho nên tôi được tánh **viên thông** chơn thật, gọi đó là 14 đức vô úy thí đem lại phúc lành cho tất cả chúng sanh.

*

* *

TRỰC CHỈ

Nếu mọi người đê tử Phật biết quay về quán chiếu cái âm văn của chính mình thì Quán Thế Âm Bồ Tát thể nhập vào thân ta rồi vậy. Thân tâm ta lúc bấy giờ trở thành Quán Thế Âm Bồ Tát vì chính ta là người đang quán cái âm văn màu nhiệm thanh tịnh sẵn có ở lòng mình.

*Kinh nói: "Do vô tác diệu lực **văn huân văn tu kim cang tam muội** cho nên tôi và tất cả lục đạo chúng sanh trong mười phương ba đời cùng có một bi tâm như nhau, cho nên tôi và tất cả chúng sanh thành tựu được 14 thứ công đức vô úy thí".*

Rằng do 14 đức "vô úy thí" của Quán Thế Âm mà khiến cho chúng sanh xa lìa các khổ nạn..., nhưng xét thâm nghĩa tàng ẩn bên trong giáo lý, ta thấy: "Không phải do Quán Thế Âm có 14 đức vô úy thí rồi Bồ Tát đem bố thí để thay thế để cứu khổ cứu nạn chúng sanh. Sự thật, Kinh đã nói: Quán Thế Âm và tất cả chúng sanh trong mười phương cùng có lòng Bi như nhau, ý chí hướng thượng như nhau (Bi ngưỡng); cho

*nên nói rằng Quán Thế Âm có, đồng nghĩa với tất cả chúng sanh cũng đã có. Quán Thế Âm tu pháp **văn huân văn tu** Kim Cang tam muội đã được tự tại giải thoát thì chúng sanh hành theo pháp **văn huân văn tu**... rồi cũng được giải thoát xa lìa tất cả khổ ác là lẽ tất nhiên.*

Là đệ tử Phật hãy chín chắn tư duy. Đừng để thói quen ỷ lại nơi cái gọi là "tha lực" siêu hình ám ảnh, trông cậy Quán Thế Âm bằng những ý niệm mong chờ mòn mỏi, những ngôn ngữ cầu khẩn thiết tha mà thiệt mất một đời: "vào biển tính số cát, đến ngân khó đếm tiền" vô ích cho bản thân một kiếp !

*Đức Thế Tôn ta hy sinh cả cuộc đời vương giả, đi tìm chân lý chẳng ngại gian lao... Rồi 49 năm dài, rày đây mai đó thuyết giáo độ sanh nói hẹp, nói rộng, nói biệt, nói viên, nói tiệm, nói đốn, vận dụng vô vàn phương tiện, để lại cho chúng ta ba kho tàng giáo lý. Đó không phải là "**Tha lực Phật**" gia bị cho chúng ta là gì ? Là đệ tử Phật mà phủ nhận "**Tha lực Phật**" "**Tha lực Bồ Tát**" gia bị là bọn con cái của ma, nhưng toàn bộ giáo lý Phật trước sau như một, không có vấn đề ân sủng ô dù, vì ô dù ân sủng là hành động phản bội quy luật nhân quả phát triển khách quan của hiện tượng vạn hữu trong vũ trụ.*

*

* *

QUÁN THỂ ÂM CÓ BỐN ĐỨC NHIỆM MÀU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN[^]

Bạch Thế Tôn ! Tôi được *viên thông* vô thượng cho nên có bốn đức vô tác nhiệm màu không thể nghĩ bàn:

1. Tôi xoay tánh nghe để nghe tiếng màu nhiệm của nội tâm. Tánh nghe này không chút nhiễm ô. Tôi ngăn dứt tất cả âm thanh đối tượng của nhĩ căn; bấy giờ tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của sáu căn còn là một tánh giác thanh tịnh có thể dùng thay thế cho nhau mà không ngăn ngại. Tôi còn có thể hiện ra nhiều hình tướng và nói vô số chân ngôn bí mật; từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu. Tôi có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay uyển chuyển. Tôi có thể hiện ra 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 mắt thanh tịnh, hoặc từ, hoặc uy, hoặc định, hoặc tuệ cứu độ chúng sanh được đại tự tại.

2. Tánh nghe và suy nghĩ của tôi thoát ngoài sáu trần, như âm thanh luôn xuyên qua vách. Do sức nhiệm màu vô tác, tôi hiện nhiều hình tướng nói nhiều chơn ngôn đem lại cho chúng sanh sức vô úy. Vì vậy cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi tôi là vị Bồ Tát "thí vô úy".

3. Sự tu tập của tôi là phát huy căn bản thanh tịnh sẵn có nên tôi được **viên thông** màu nhiệm. Đi đến thế giới nào, chúng sanh cũng xả thân, hy sinh trần bảo cầu được tôi thương xót.

4. Tôi có được Phật tâm, chúng ngộ đến chỗ cứu cánh cho nên có thể đem các thứ trần bảo cúng dường thập phương Như Lai. Đến như lục đạo chúng sanh trong pháp giới muốn cầu trường thọ được trường thọ, cho đến cầu đại niết bàn cũng được đại niết bàn.

Bạch Thế Tôn ! Nay Phật hỏi nguyên nhân chúng đắc **viên thông** xin thưa rằng: Tôi từ cửa ngõ **nhĩ căn** quán chiếu đến tột cùng viên mãn về **âm văn** (nghe và tiếng) mà được tam muội. Đối với tôi, tư duy và quán chiếu tánh **nghe** và **tiếng** của **nhĩ căn** là ưu việt nhất.

Bạch Thế Tôn ! Đức **Quán Âm Như Lai** từ thuở xa xưa ấy đã khen tôi khéo được pháp môn viên thông, ở trong đại chúng, Phật thọ ký cho tôi danh hiệu Quán Thế Âm bởi vì tánh **nghe** và **thấy** tròn sáng châu biến mười phương, danh hiệu **Quán Thế Âm** cũng phổ cập trong lục đạo chúng sanh mười phương thế giới.

*

* *

TRỰC CHỈ

Như chúng ta đã biết, **Quán Âm** hay **Quán Thế Âm** chỉ là nhân cách hóa một pháp môn **chỉ quán** mà lục đạo chúng sanh trong mười phương ai cũng sẵn có cái khả năng **chỉ quán** như vậy để được chứng **viên thông**. Người đệ tử Phật có tư duy yên tĩnh có thực hành **chỉ quán** sẽ **nghe** được tiếng lương tâm mâu nhiệm của mình, không cần có **thanh trần** đối tượng. Chừng nào hành giả **nghe** được âm vang đó thường xuyên liên tục ở lòng mình thì 32 ứng thân, 14 đức vô úy, 4 diệu đức nhiệm mâu chỉ là sự biểu hiện vô tác, không cần gắng sức dụng công mà tự có, như ánh sáng sẵn có của mặt trời rạng rỡ buổi ban mai.

Nhiều đầu tắt nhiên nhiều óc. Có được nhiều bộ óc, con người sẽ có khả năng tư duy nhận thức nhiều. Người không có tư duy không thể là người thông minh được. Nhận thức chân lý, đòi hỏi phải nhiều tư duy hơn cả người thông minh của thế trí. Do vậy, Bồ Tát cần có nhiều đầu, nhiều bộ óc để tư duy.

Mắt để mà thấy. Thấy để mà nhận biết. Muốn thấy nhiều cần có mắt nhiều. Là đệ tử Phật, phàm phu cũng như thánh vị, phát chí tu nhân, ai cũng mong giác ngộ chân lý giải thoát vô minh, cho nên cần thấy nhiều để nhận thức, biết nhiều để quán sát tư duy. Một tướng lãnh ở thời đại văn minh khoa học quan sát chiến trường cần có viễn vọng kính để tầm quan sát được rộng xa, để nhận thức đánh giá lực lượng tương quan giữa quân ta và quân địch. Sự "hóa hiện" nhiều

mắt của Bồ Tát Quán Thế Âm nhằm dạy bảo mọi người đệ tử Phật về sự cần thiết: thấy xa và hiểu rộng.

Tay để mà làm việc. Mọi thành tựu cụ thể trong cuộc sống con người là do tay. Nói cách khác, tay là công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện, cụ thể hóa nguồn trí tuệ thông qua bộ óc điều khiển của con người. Trí tuệ, tài năng hay sự khéo léo... không thể không biểu lộ qua sự thực hiện của tay.

*Bồ Tát là người đang đi trên đường tìm chân lý, vì cần tư duy nhiều nên nói Bồ Tát đầu nhiều; vì cần thấy biết nhiều nên nói mắt nhiều; vì cần thực hành nhiều nên nói tay nhiều; vì cần **tri hành hợp nhất** cho nên nói Bồ Tát nhiều đầu, nhiều mắt và nhiều tay.*

Sự thật tất nhiên, không thể có một con người đầu, mắt loạn khởi, tay mọc tua tủa, nhìn qua như trái lôm chôm. Nếu có một con người thật như vậy thì quả là một quái thai vô tiền khoáng hậu !

*Đức Thích Ca Mâu Ni là một Đức Phật. Phật là **đấng lương túc tôn, lương túc tề tôn**. Chẳng lẽ **Quán Thế Âm** vượt ngoài hàng "lương túc" của thập giới thánh phàm ? Người đệ tử Phật hãy sử dụng lý trí mà tư duy. Đừng để cho Phật đau lòng chỉ vì "Y Kinh giải nghĩa mà hàm oan cho ba đời chư Phật".*

*

* *

PHẬT BẢO VĂN THÙ SO SÁNH CHỌN CĂN ƯU VIỆT NHẤT[^]

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, ngũ thể đồng phóng ra ánh sáng báu soi sáng trên đỉnh của thập phương Như Lai, các pháp vương tử, các Bồ Tát như số vi trần. Chư Như Lai trong mười phương cũng phóng ánh sáng như vậy soi đến đỉnh Phật Thích Ca và các Bồ Tát các chúng Thanh Văn trong đại hội. Rừng cây ao hồ đều diễn ra tiếng pháp, ánh sáng của chư Phật giao xen như lưới tơ báu. Tất cả đại chúng được cái chưa từng có. Trời mưa hoa sen báu đủ màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn lẫn nhau. Thập phương hư không thành màu thất bảo. Cõi Ta bà bỗng nhiên không hiện chỉ còn thấy vi trần quốc độ trong mười phương hợp thành một cõi, tiếng ca ngâm thanh thoát tự nhiên diu dặt nổi lên.

Phật bảo Bồ Tát Văn Thù: Ông hãy xét nghiệm thành quả tu chứng *viên thông* của 25 vị Bồ Tát và Thanh Văn vừa đã trình bày. Vẫn biết rằng lục căn, lục trần, lục thức, thất đại đều là những dữ kiện tu chứng *viên thông*, nhưng nay Như Lai muốn cho ông A Nan nghe và nhận xét để tự chọn một pháp môn tu thích hợp. Như Lai cũng cần một pháp môn phương tiện để dạy cho chúng sanh mặt thế cõi Ta bà, những người đại thừa cầu vô thượng đạo một phương pháp tu hành tu hành hiệu quả tốt, chóng thành công phổ biến mọi căn cơ sau Như Lai diệt độ.

Bồ Tát Văn Thù vâng từ chỉ của Phật cung kính chấp tay, nói bài kệ kính dâng lên Phật:

Biền giác tánh lặng trong
 Vốn nhiệm màu trong sáng
 Tánh bản minh chiếu ra như "sở"
 Chấp tướng "sở" mất tánh bản minh
 Do phân biệt vọng thấy hư không
 Tựa hư không hình thành thế giới
 Chủng tử vô tri thành cõi nước
 Sắc tâm minh liễu tức nhưn sinh
 Hư không sanh trong "Đại Giác"
 Như bong bóng nổi giữa đại dương
 Cõi nước hữu lậu như vi trần
 Sanh khởi trong bầu hư không ấy
 Hư không chưa ví tày nước bể !
 Thì sá chi ba cõi vốn bọt bèo
 Về nguồn không hai đích
 Phương tiện có nhiều đường
 Quả chứng chẳng ngại nhau
 Thuận nghịch là phương tiện
 Sơ tâm vào tam muội
 Mau chậm chẳng đồng nhau.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Phật Thích Ca ở cõi Ta bà cùng chư Phật mười phương
đồng phóng ra ánh sáng báu... Hiện tượng này nhằm nói lên*

chân lý: Phật và chư Phật đã biểu đồng tình. Chơn lý mà Phật Thích Ca nói cũng tức là chơn lý của mười phương chư Phật nhất trí với nhau rồi. Nói Phật phóng ra ánh sáng thất bảo, có nghĩa rằng: Trí tuệ giác của Phật là trí tuệ tuyệt trần vô thượng, chẳng còn thứ trí tuệ nào hơn. Tuy nhiên, Bồ Tát, Thanh Văn, La Hán và tất cả chúng sanh hằng tắm mình trong ánh sáng trí tuệ ấy. Trí tuệ của chúng sanh chưa chiếu sáng, ví như bóng đèn khói đóng quá nhiều. Ngày nào lau sạch khói đen thì cùng những ánh đèn rực rỡ xen lộn lẫn nhau lung linh màu sắc.

*Vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh, chúng sanh bị dày vò, đau khổ, ở trên mặt đất này. Thường, lạc, ngã, tịnh của Niết bàn Phật có, cũng ở trên mặt đất này. Với tâm hồn thanh tịnh thể nhập bản giác tịnh minh thì nhìn đâu cũng là **hoa**, nghe đâu cũng là **nhạc**.*

Phật thì biết quá rõ Căn nào ưu việt đối với chúng sanh cõi Ta bà rồi. Nhưng Phật bảo Bồ Tát Văn Thù so sánh để rồi "lựa", cốt cho hợp tinh thần dân chủ và khách quan. Đức Phật hy sinh một cuộc đời vương giả, đấu tranh giai cấp để xóa bỏ áp bức bất công cho xã hội mà còn độc tài phi dân chủ thì phí đi cái lý tưởng "vị nhân sinh" cao đẹp thuở ban đầu.

Qua lời kê mở đầu của Bồ Tát Văn Thù, ta có thể nhận thấy: Tất cả chúng sanh vốn có tánh giác minh trong sáng nhiệm mầu. Trong tánh giác minh không có tướng "Sở", tướng "Năng", không có ai là chủ thể, gì là đối tượng. Hữu tình, vô

tình cùng một bản thể chơn như nhiệm màu trong sáng ấy. Hư không sanh trong giác tánh như chiếc bong bóng nổi giữa đại dương. Hư không chỉ là một hiện tượng đối đãi có không sanh diệt (... từ sở hiển thị cố...) tam hữu sanh trong hư không càng nói rõ cái vai trò ảo hóa. Thành đò Niết bàn là đích đến phương tiện di chuyển có chậm mau. Máy bay, tàu thủy, ô tô hay đi bộ còn tùy người sử dụng.

*

* *

SO SÁNH SỰ ƯU KHUYẾT CỦA SÁU TRẦN, NĂM CĂN, SÁU THỨC VÀ BẢY ĐẠI[^]

1. Nhược điểm của sáu trần[^]

Sắc bị vọng tưởng tác động vào thanh *trần* làm mất đi cái hồn nhiên như thị khách quan của sự vật, khó mà tu chứng *viên thông*.

Thanh âm kết hợp bởi ngữ ngôn, biểu hiện cụ thể của âm thanh là danh ngôn và cú nghĩa. Tác dụng của âm thanh còn phiền diện khó mà tu chứng *viên thông*.

Hương có hợp mới thành tác dụng; nếu để ly ra, dù hương có cũng như không. Hương trần không tương tục hiện hữu, khó mà tu chứng *viên thông*.

Vị không phải đương nhiên tự có, cần phải nếm mới biết có vị. Đối với vị giác cũng không liên tục, nên khó mà tu chứng *viên thông*.

Xúc có vật chạm mới biết, nếu không biết xúc không thành. Xúc trong lúc hợp, chẳng xúc được lúc ly, khó mà tu chứng *viên thông*.

Pháp còn gọi là nội trần. Trần là đối tượng "Sở tri". Năng sở khổ là một khó mà tu chứng *viên thông*.

2. Nhược điểm của năm căn^[^]

Tánh thấy vốn rộng rang bao quát nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau; bốn hướng tám phương mất đi một nửa, khó mà tu chứng *viên thông*.

Mũi thở ra thở vào, chặng giữa không có thở; không dung thông, còn cách trở, khó mà tu chứng *viên thông*.

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành. Vị không phải lúc nào cũng sẵn có nên khó mà tu chứng *viên thông*.

Thân biết xúc, nhưng phải có đối tượng. Năng sở xúc không thường liên tục thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Ý căn thường xen với vọng tưởng. Loạn tưởng dừng thì chẳng thấy biết gì. Tưởng niệm không dễ gì dứt bỏ thì khó mà tu chứng *viên thông*.

3. Nhược điểm của sáu thức^[^]

Cái thấy của mắt phải có căn trần. Cạn xét tột cùng nó không tự thể; không tự thể thì không có gì nhất định nên khó mà tu chứng *viên thông*.

Sử dụng cái nghe, nghe suốt mười phương hàng sơ tâm không dễ dàng thực hiện khó mà tu chứng *viên thông*.

Quán điểm trắng ở tử căn đó chỉ là quyền phương tiện, nhằm thu nhiếp để trụ tâm. Trụ mà trở thành "sở trụ" thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự chỉ khai ngộ cho những ai Phật chủng đã trồng sâu. Danh cú, văn tự không phải là vô lậu thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Giữ giới chỉ câu thúc cái thân, ngoài cái thân lấy gì câu thúc? Giới và thân vốn không cùng khắp thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Thần thông do tập nhân từ trước, không dính dáng với ý thức phân biệt pháp trần. Niệm lự, không rời sự vật thì khó mà tu chứng *viên thông*.

4. Nhược điểm của bảy đại^[^]

Đất, tánh của nó là ngăn ngại, nếu quán cái tánh của địa đại thì không thể thông suốt. Và lại pháp hữu vi không là giác tánh thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Nước do quán mới thấy có. Nếu quán thủy đại cần vận dụng nhiều quán trí. Đã là *quán* thì không phải chơn, chưa đạt đến *như như phi giác quán*, thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Lửa đem so sánh với nỗi khổ của dâm tâm, nếu quán hỏa đại để trừ lửa dâm ở nội tâm, đó chỉ là người chán cái khổ hoành hành, chưa phải là viễn ly chơn thật. Đó là phương tiện không phải phát xuất bởi tâm ban đầu nên khó mà tu chứng *viên thông*.

Gió lúc động lúc yên, nếu quán cái tánh của phong đại thì chỉ là pháp đối đãi. Còn đối đãi thì không là tánh giác minh vô thượng, khó mà tu chứng *viên thông*.

Không thì rỗng suốt chẳng có gì, nếu quán cái tánh của không đại thì đồng như vô tri vô giác. Vô tri vô giác trái với bờ đề thì khó mà tu chứng *viên thông*.

Thức thì sanh diệt không thường, nếu quán cái tánh của thức đại chỉ là quán sự phân biệt diệt sanh hư vọng, khó mà tu chứng *viên thông*.

Kiến là tánh thấy, kiến đại biểu hiện qua tướng niệm. Tất cả các hành đều vô thường, tướng niệm vốn trong vòng sanh diệt. Đem nhân sanh diệt, cầu được quả chân thường bất diệt, khó mà tu chứng *viên thông*.

5. Sự ưu việt của nhĩ căn^[^]

Tôi nay kính bạch Thế Tôn:
 Phật ra đời ở cõi Ta Bà
 Trong cõi này giáo môn thích ứng
 Hiệu quả tốt ở: **nói** và **nghe**
 Muốn thành tựu được tam ma đề
 Phải vận dụng tánh **nghe** mà nhập
 Là khổ được giải thoát
 Hay thay Quán Thế Âm
 Kiếp số như cát sông Hằng
 Vào cõi nước vi trần Phật độ
 Sức tự tại không thể nghĩ lường
 Vô úy bình đẳng thí chúng sanh
 Quán Thế Âm là Diệu Âm
 Quán Thế Âm tức Phạm Âm
 Quán Thế Âm, hải triều âm đó
 Cứu thế vững an Khang
 Xuất thế hằng thường trú
 Tôi kính bạch Như Lai
 Như lời Quán Âm nói
 Ví như ngồi chỗ tĩnh
 Mười phương cùng đánh trống
 Mười hướng thấy đồng nghe
 Đây là **viên chơn thật**
 Cách vách nghe âm tượng
 Xa gần có thể nghe
 Năm căn không sánh được
Thông chân thật, nhĩ căn
 Tiếng chuông, tánh nghe không diệt

Tiếng có, chẳng phải mới sanh
 Có không, không quan hệ
Thường chơn thật của nhĩ căn
 Dù có đang say ngủ
 Chẳng vì ngủ không nghe
 Tánh nghe ngoài suy nghĩ
 Thân ý chẳng so bằng
 Hiện tại cõi Ta Bà
Thanh luận được biểu dương
 Mê muội đối với tánh nghe
 Bị thanh trần cuốn theo dòng lưu chuyển
 Dùng tánh **nghe** trú trì Phật Pháp
 Hãy tự mình **nghe** lấy tánh **nghe**
 Xoay cái **nghe** thoát khỏi **thanh trần**
 Tánh nghe ấy là **tánh nghe thường trú**
 Một căn đã xoay về bản tánh
 Thì năm căn sẽ được giải thoát theo
 Sắc thanh... trần như bệnh lòa huyễn hóa
 Ba cõi dường hoa đốm trong không
 Xoay tánh nghe là trừ hết bệnh lòa
 Trần tướng diệt, giác tâm hiển hiện
 Tột thanh tịnh trí quang thông suốt
 Tịch như mặt trời chiếu tợ thái dương
 Quay nhìn xem hiện tượng thế gian
 Như vật sắc chiêm bao chẳng khác
 Ma Đãng Già há không là mộng huyễn
 Thì còn ai quyến rũ ! Hỡi A Nan ?
 Như các huyễn sư khéo tạo hình người

Giỏi trang điểm làm ra trai hay gái
 Dù các căn có cử động rung rinh
 Do cái máy giặt dây điều khiển
 Động cơ nghĩ, tư chi "ngươi" tê liệt
 Trò múa men đến lúc trở thành không
 Tư duy kỹ, sáu căn người cũng thế
 Phát xuất từ một thể tánh tịnh minh
 Chia ra thành sáu thứ "hợp" "hòa"
 Một đã tịch thì sáu căn đều thanh tịnh
 Trần cấu còn thì gọi là học vị
 Giác tột cùng thì gọi đó Như Lai
 Hỏi A Nan ! Và đại chúng hiện tiền
 Hãy chỉ tức nghe thanh trần điên đảo
 Xoay tánh nghe, nghe tự tánh của mình
Nghe tự tánh là thành Vô Thượng Giác
 Xin đánh lễ **như lai tàng** tánh
 Gia bị cho mặt thể chúng sanh
 Đủ khả năng làm chủ lấy **nhĩ căn**
 Giàu nghị lực sống với **viên thông thường** ba chơn thật
 tánh

*

* *

**SỰ CHUYỂN BIẾN TỐT SAU KHI NGHE VÀ NHẬN
 THỨC TÍNH ƯU VIỆT CỦA NHĨ CĂN[^]**

Ông A Nan và đại chúng được sự hướng dẫn rõ ràng của Bồ Tát Văn Thù, mọi người cảm thấy khinh an sáng khoái, tâm trí sáng bừng, nhận thức rõ: Rằng Bồ Đề Niết Bàn Phật là gia bảo chung của tất cả chúng sanh, mọi người đều có quyền thừa hưởng. Từ lâu mình tự bỏ cha bỏ nhà đi hoang, biến mình thành những kẻ lạc loài cùng khổ, xa quê hương rời nguyên quán, đánh mất gia tài cự phú vô tận của cha ông. Nay đại chúng nhận rõ: Rằng dù họ chưa về nhưng đã biết đường về và tin ở khả năng trở về của họ. Họ xác định rõ cái quyền thừa hưởng của họ đối với sự nghiệp vĩ đại của cha ông mình.

Hàng hữu học vô học nhị thừa, hàng sơ phát tâm Bồ Tát đông như số cát mười sông Hằng, xa lìa trần cấu được pháp luân thanh tịnh. Vô lượng chúng sanh phát tâm cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

*

* *

TRỰC CHỈ

Chúng ta đã biết 25 vị đại đệ tử Phật đều tu chứng viên thông dựa trên cơ sở trần, căn, thức, đại. Qua nhãn quan của bậc đại trí, ở đoạn kinh này Bồ Tát Văn Thù phân tách rõ chỗ ưu khuyết của 25 dữ kiện.

Nhìn bên bản thể, trần, căn, thức, đại vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng. Tự tướng của chúng không có cái nào

làm nên tội lỗi và cũng không có món nào là nguyên nhân của tội lỗi. Tuy nhiên, đứng bên hiện tượng mà nhìn thì mỗi mỗi khác nhau, sự tác động qua lại của căn trần thức không đồng, công dụng biểu hiện có hơn kém từ sự phản vọng quy chân có ưu khuyết là lẽ đương nhiên vậy.

Nói một cách khác, Bồ Tát Văn Thù "phê phán" là đứng bên phương diện "tục đế" để mà tỉ giảo chọn lấy cái tối ưu. Nếu đứng bên "chơn đế" mà nhìn thì: "Một là tất cả, tất cả là một", không còn có vấn đề hơn kém.

Do đó, vấn đề ưu khuyết của trần, căn, thức, đại vẫn là sự thật có trở ngại trên đường tu chứng viên thông. Tuy nhiên cái có thể trở ngại, không thích hợp với người này lại là dữ kiện thuận lợi cho một căn cơ khác. Mã tiên, thạch tín ai cũng biết là độc dược, nhưng cũng chính chúng là diệu dược cứu tử bệnh nhờn khi sử dụng đúng người, đúng bệnh và đúng liều.

*Người học hãy ý thức rằng: Sự "phê phán" của Bồ Tát Văn Thù không phải "phê phán" để mà "phê phán". Mà phê phán nhằm để giới thiệu tính ưu việt của **nhĩ căn**:*

"Ngã kim bạch Thế Tôn
Phật xuất Tà Bà giới
Thử phương chân giáo thể
Thanh tịnh tại **âm văn**
Dục thủ tam ma đề
Thực tòng **văn** trung nhập".

*

* *

PHẬT KHAI THỊ VỀ BA MÔN VÔ LẬU HỌC VÀ BỐN ĐIỀU CƠ BẢN XUẤT TRẦN[^]

Ba môn vô lậu học[^]

Trước Phật và đại chúng. Ông A Nan sửa áo chỉnh tề, chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi nay đã nhận thức rõ pháp môn thành Phật không còn nghi hoặc. Tôi từng nghe Phật dạy: tự mình chưa được thành Phật mà phát tâm cứu độ chúng sanh, đó là chỗ phát tâm của các bậc Bồ Tát. Tự mình giác ngộ viên mãn rồi giáo hóa khiến cho người khác cũng được giác ngộ, đó là sự ứng thân vị nhân thế của các Như Lai. Tôi tuy chưa giác ngộ hoàn toàn song tôi nguyện độ chúng sanh đời mạt pháp. Chúng sanh cách Phật ngày xa, tà sư ngụy thuyết càng nhiều, nếu muốn cho đệ tử Phật được tam ma đề (chánh quán niệm) thì phải học thế nào để khỏi rơi vào ma sự, không thoái thoát bồ đề tâm ?

Phật bảo: A Nan ! Lời thưa hỏi của ông có lợi lạc cho chúng sanh hậu thế.

A Nan ! Trong giáo pháp của Như Lai các ông hãy siêng năng thu nhiếp tâm mình. Người thu nhiếp làm chủ được tâm gọi là người có giới. Nhân nơi giới mà có được định tâm. Nhân nơi định tâm mà phát sanh trí tuệ. Đó là ba môn

học làm cho những người phát tâm tu hành không lọt rớt trong lục thú tam đồ.

*

* *

TRỰC CHỈ

*Giáo, lý, hành, quả, là một quá trình liên tục không thể tách rời trong toàn bộ giáo lý Phật. Từ chương một mở đầu cho đến đây, ông A Nan và đại chúng tiếp thu có kết quả tốt. Toàn chúng nhất trí nói lên cảm nghĩ và nhận thức của mình đối với quả Bồ Đề Niết Bàn Vô Thượng: Rằng đến sớm hay muộn chỉ còn là vấn đề tinh tấn đi nhanh hay giải đãi lang thang, bằng lòng làm người "cùng tử"; còn đường đi và đích đến, đại chúng đã nói lên sự quả quyết rằng đã nắm vững lộ trình. Đó là kết quả bước đầu của Đức Phật trong sự nghiệp giáo hóa chúng sanh trên chặng đường **giáo lý** của thời pháp Thủ Lăng Nghiêm.*

*Ba môn **vô lậu học, bốn điều cơ bản**... Đức Phật đang dạy và sẽ dạy cho ông A Nan mở đường cho giai đoạn **hành quả** cuối cùng để đến thành đô Niết bàn Phật. Giới định tuệ tương quan mật thiết với nhau, ví như bóng đèn, ngọn đèn và ánh sáng của cái đèn dầu. Nhờ bóng mà ngọn đèn đứng yên. Nhờ ngọn đèn đứng yên mà tỏa ra ánh sáng. Nhơn giới sanh định, nhơn định phát tuệ đó là nền tảng để xây dựng lâu đài Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*

*Trong quá trình tu học: "Lý tuy đôn ngộ, sự nãi tiệm trừ". Hiểu thì có thể hiểu nhanh, nhưng hành phải có quá trình tu tập. Ở đoạn kinh này ông A Nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành tế độ quần sanh, kiến lập đạo tràng... càng xác định rõ: **hành quả** không thể không có **giáo lý** và **giáo lý** không phải để thỏa mãn cho sự hiểu biết suông !*

*

* *

BỐN ĐIỀU CƠ BẢN XUẤT TRẦN

1. Đoạn tâm dâm dục^[^]

A Nan ! Người có thu nhiếp cái tâm thì tâm được thanh tịnh. Phật gọi đó là người có giới. Giới là phương tiện thù thắng ngăn dứt những hậu quả khổ đau. Gốc rễ của khổ đau, dâm dục là một trong những mầm nhân gây ra khổ quả. Ông và các chúng sanh tu tập tam ma đề là nhằm xa lánh mọi nghiệp nhân bất thiện để mong ra khỏi trần lao. Nhưng nếu các ông không đoạn tâm dâm thì trần lao không sao ra khỏi được. Dù có thiên định trí tuệ rốt cuộc cũng lạc vào con đường của ma. Hạng ưu thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng thấp thành ma nữ. Các bọn ma kia cũng có đồ chúng và tự xưng mình thành đạo vô thượng. Sau khi tôi diệt độ có nhiều bọn ma này sôi nổi trong thế gian ra sức ngợi khen về dâm dục, dụ dỗ người đời sa vào chạm bẫy dâm dục. Họ tự xưng là thiện tri thức mê hoặc nhiều người sa vào hầm ái kiến sẽ mất nẻo bồ đề, dẫn thân mãi vào hang sâu ái dục đen tối khổ đau.

A Nan ! Ông phát tâm muốn cứu thế nên dạy cho những người tu tập pháp tam ma đề đoạn hẳn cái tâm đắm nhiễm dâm dục. Đó là lời dạy chân chính, điều cơ bản thứ nhất của các Như Lai Thế Tôn. Nương đó mà tu tập sẽ được Niết bàn vô thượng. Nếu nói ngược lại lời dạy của Như Lai là lời của bọn ma ba tuần không nên tin mà lầm lạc !

2. Trừ tâm sát sanh^[^]

A Nan ! Sát sanh đoạn mạng người là biểu hiện của tâm hung ác. Muốn tu tập tam ma đề, tạo nhân giải thoát giác ngộ mà không trừ bỏ tâm sát sanh thì không thể nào ra khỏi trần lao. Dù có tu tập thiền định trí tuệ mà còn tâm háo sát rất cuộc lạc vào thần đạo. Bậc thượng thành đại lực quý, bậc trung thành phi hành dạ xoa, bậc hạ thành địa hành la sát. Các loài quý đó cũng có môn đồ đệ tử và cũng tự xưng là thành đạo vô thượng. Sau Như Lai diệt độ có nhiều quý thân loại này xuất hiện sôi nổi trong thế gian. Họ rao giảng cho môn đồ rằng: Giết hại chúng sanh cũng được đạo bồ đề.

A Nan ! Ông nay phát tâm tế độ chúng sanh, hãy dạy cho những người ham tu tập pháp tam ma đề phải trừ bỏ hung hăng giết hại. Đó là lời dạy chân chính, là điều cơ bản thứ hai của các Như Lai Thế Tôn. Nếu nói ngược lại lời dạy của Như Lai là lời của ma ba tuần, không nên tin mà lầm lạc !

3. Dứt tâm thâm đạo^[^]

A Nan ! Tất cả chúng sanh trong thế gian nếu không dứt bỏ tâm trộm cướp thì dòng sanh tử còn tương tục để trả đền.

Những người ham tu tập tam ma đề nhằm ra khỏi trần lao, dứt dòng sanh tử cần phải diệt hẳn tâm tham lam trộm cướp. Nếu tâm trộm cướp còn dù có tu thiền định trí tuệ thì cũng lạc vào tà đạo. Hạng trên thì thành tinh linh, hạng giữa thành yêu mị, hạng dưới thành người tà đạo bị các loài quỷ dựa vào. Các bọn tà đạo kia cũng có môn đồ đệ tử và cũng tự xưng mình thành đạo vô thượng. Sau Như Lai diệt độ, trong hậu thế có nhiều yêu mị, tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian. Chúng gian dối tự xưng mình là thiện tri thức, là người đã được pháp thượng nhân, lừa gạt những kẻ dễ tin đe dọa tinh thần, lôi kéo đi theo con đường tín ngưỡng xằng bậy làm cho một số yếu lòng long lay chánh tín đối với đạo vô thượng. Những người tin theo chúng lần lần tài sản hao mòn, gia đình tan nát, vì những lời rao giảng bịp bợm không có chân lý. Chúng mượn cách phục sức của đạo Phật, hình thức dáng vẻ của sa môn, buôn bán danh nghĩa Như Lai, tạo nhiều nghiệp ác.

4. Bỏ tâm vọng ngữ^[^]

A Nan ! Lục thú chúng sanh, giả sử dứt hết được sát sanh, trộm cướp và dâm dục nhưng nếu mắc phải đại vọng ngữ thì tu tập tam ma đề cũng không thành tựu.

Thế nào là đại vọng ngữ ? Rằng chưa đạt đạo tự khoe mình đạt đạo, chưa chứng quả tự tuyên bố rằng mình chứng quả... Rằng ta đã thành A La Hán, là Bồ Tát, Phật, Như Lai... Những người đáng thương ấy chỉ vì lợi dưỡng, vì sự lễ bái cúng dường của tín thí đàn việt, họ tự hủy diệt hạt giống

Phật, thành nhất xiển đề trong Phật Pháp, sẽ bị chìm đắm mãi trong biển khổ luân hồi không lượng được ngày ra.

Như Lai dạy các hàng Thanh Văn Duyên Giác, Bồ Tát trong mặt thể tương lai có thể hiện thân qua các dạng người: Hoặc sa môn, bạch y cư sĩ, vua, đồng nam, đồng nữ, quả phụ, dâm nữ, thậm chí dạng người trộm cướp để đồng sự với chúng sanh, để khen ngợi Phật thừa, hướng dẫn những người lầm lạc trở về chánh đạo, thành tựu tam ma đề. Nhưng tuyệt đối không được tự xưng là: A La Hớn, Bồ Tát, Phật Như Lai...

A Nan ! Ông đã phát tâm vì chúng sanh hậu thế, nên dạy cho những người ham tu tập tam ma đề bỏ dứt tâm đại vọng ngữ. Đó là lời dạy chân chính, là điều cơ bản thứ tư của các Như Lai Thế Tôn. Nếu nói ngược lại lời dạy của Như Lai là lời của ma ba tuần, không nên tin mà lầm lạc.

*

* *

TRỰC CHỈ

*"Bốn điều cơ bản xuất trần", nói cách khác là "bốn trọng giới trong muôn giới luật". Trong quá trình thuyết giáo độ sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo lý Ngài dạy gồm trong hai nội dung: **tri** và **hành**. Nội dung thứ nhất nhằm đào tạo bồi dưỡng cho con người có nhiều kiến giải để nhận thức chân lý của vũ trụ thiên nhiên. Thành tựu nội dung đó không có cách nào khác hơn là cần phải có **trí** để **tri**, để mà*

*tư duy nhận thức. Cho nên Phật vận dụng nhiều ngôn từ, nhiều thí dụ, nhiều phương tiện trong suốt quá trình giáo hóa độ sanh. Những tư tưởng, ngôn từ, phương tiện đó được ghi chép để lại hậu thế, người ta gọi là **kinh tạng**.*

*Nội dung thứ hai nhằm hướng dẫn cho người chịu học theo nền giáo lý Phật phải thực hiện những điều đã học hỏi, đã nhận thức về chơn lý, cần cải tạo đời sống cho sáng sủa hơn, an lành hơn, hạnh phúc hơn và đỉnh cao của cuộc sống là giác ngộ và giải thoát. Để hiện thực hóa lý tưởng đó, Đức Phật dạy cho các đệ tử về **môn giới luật**. Thực hiện giới luật tức là pháp **hành**. Hành theo quy tắc, hành trong khuôn khổ, hành trong giới luật không cho sai phạm những điều Phật đã chế ra để làm cái hàng rào ngăn cách những hó sâu tội lỗi. Những điều ngăn cấm đó, được ghi chép để lại, hậu thế gọi đó là **luật tạng**.*

*Bốn điều cơ bản xuất trần, phát xuất từ nội dung thứ hai, nó thuộc về **giới học**, là một trong tam vô lậu học.*

*Giới có giới trọng giới khinh, nói cách khác là có **tánh giới** và **giá giới**.*

Bốn điều cơ bản này thuộc về tánh giới. Tánh giới là giới trọng. Tánh giới có Phật ra đời hay không có Phật ra đời; Phật chế ra hay không đề cập đến, nếu một người nào trong xã hội phạm phải những điều đó thì luật pháp của xã hội cũng kết tội và trừng trị.

*Phật chế giới dâm là ngăn cấm người xuất gia làm việc dâm dục. Dâm dục và thực dục là hai thứ đam mê làm cho con người đam mê hơn tất cả. Theo Phật học vì đam mê dâm dục và thực dục cho nên gọi người đó là người ở trong cõi **dục**. Cõi dục mà chưa ra khỏi thì làm sao hy vọng giải thoát giác ngộ của quả Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên điều cơ bản thứ nhất Phật dạy đoạn dâm dục và đoạn cả tâm móng khởi đam mê dâm dục. Có vậy mới có tâm hồn thanh tịnh tu chỉ quán để thành tựu tam ma đề.*

Sát sanh đoạn mạng là hành động biểu hiện của con người tham sân cực độ. Phật dạy tu tập tam ma đề mong ra khỏi trần lao phải trừ bỏ tâm tham sát sanh đoạn mạng, đó là chơn lý tất nhiên.

Trộm cướp là hành động của con người mặt hạng vô lương trong xã hội. Tu cốt để tiến lên thánh quả đến giải thoát giác ngộ đến Vô Thượng Bồ Đề Niết Bàn mà còn trộm cướp hay còn tâm trộm cướp thì quả là điều phi lý, ai cũng biết; vì nhân quả tương phản rõ ràng như trắng với đen vậy.

Vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu gọi chung là vọng ngữ. Người thế gian phạm phải vọng ngữ luật pháp xã hội quy thành hành động "bội tín" rồi. Bội tín là một cái tội, luật pháp xã hội không dung tha; người đệ tử Phật phạm phải thì còn gì để gọi là tu với hành được nữa !

Đến như đại vọng ngữ lại còn tệ hại hơn nhiều. Ngoài cái tội vọng ngôn bội tín của xã hội, đại vọng ngữ còn mắc thêm cái

tội lạm xưng danh nghĩa Bồ Tát... Phật... để dôi bịp chúng sanh, bán buôn Bồ Tát, Phật để làm nghề sanh nhai bất chánh.

*Nói rút lại dâm, sát, đạo, vọng là tánh giới, là trọng giới cơ bản trong muôn giới luật. Đó là pháp **hành**, là cụ thể hóa về những nhận thức của **tri**. **Tri hành** hợp nhất được biểu hiện qua giáo lý **vị tăng hữu thuyết về thiên thủ thiên nhãn của Quán Thế Âm Bồ Tát ở đoạn kinh trước.***

Tập III

---o0o---

CHƯƠNG THỨ BẢY

1. Phật khai thị về hiệu năng của Mật giáo
2. Phật tuyên nói Thủ Lăng Nghiêm tâm chú
3. Sự lợi ích của Thủ Lăng Nghiêm chú với mọi giai tầng xã hội
4. Hỏi về cấp bậc và địa vị trên đường tu chứng
5. Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp về thế giới và chúng sanh trước khi giải đáp vấn đề địa vị trên đường tu chứng.

I - PHẬT KHAI THỊ VỀ HIỆU NĂNG CỦA MẬT GIÁO [^]

Phật dạy: A Nan ! Người muốn thể nhập tam ma đề (chánh quán) tu học pháp môn nhiệm màu, cầu đạo Bồ tát, trước hết cần giữ luật nghi trong như giá, sạch như sương để chặn đứng những hành động bất thiện của thân khẩu ý tam nghiệp. Và cũng từ đó lực căn tự tại đối với lục trần, các ma sự không có cơ hội lung lạc hoành hành. Nếu người nặng nhiều bất thiện nghiệp, tập khí khó trừ thì nên nhất tâm trì tụng thần chú "Vô thượng Phật đánh quang minh ma ha tát đát đa bát đát ra". Đó là tâm chú vô kiến đánh tướng của Như Lai là vô vi tâm Phật, từ nơi đánh Phật hiện ra đức Hóa Như Lai ngồi trên hoa sen báu mà nói.

A Nan ! Ông cùng nàng Ma Đăng Già do nhân duyên nhiều kiếp trước, tập khí ái ân lâu đời còn vương vấn. Song một phen Như Lai tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đăng Già dứt bỏ ái tâm thành A La Hón quả. Vốn là một dâm nữ, căn lành kém ít, thế mà sức thần chú còn giúp cho cô ta chứng quả vô học, còn bọn ông là hàng Thanh văn trong Lăng nghiêm hải hội, có chí cầu tối thượng thừa thì quyết định sẽ thành Phật quả ví như bụi bặm gặp gió cuốn, những gì vẫn đục sẽ tan biến hết nào có khó khăn gì.

A Nan ! Đời sau, nếu có người muốn kiến lập đạo tràng chuyên trì Thủ Lăng Nghiêm tâm chú, phải cần lấy cho được cái phân của con "đại lực bạch ngưu" ở Tuyết sơn, đem về hòa trộn với các thứ hương chiên đàn, trầm thủy mà tráng lên mặt đất để làm nền. Vì con "đại lực bạch ngưu" này chỉ ăn toàn cỏ thơm, non trong sạch ở Tuyết sơn và nó chỉ uống

nước trên núi cho nên sạch mịn và không như nhóp như những con trâu bình thường khác. Nếu không tìm được phân "đại lực bạch ngư" ở núi Tuyết có thể tạm lấy đất ở bình nguyên, nhưng phải đào bỏ lớp đất mặt xuống sâu năm mét, chọn lấy đất vàng thật sạch đem về hòa trộn với mười thứ bột hương: chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiết tô trên mặt đất làm nền.

Kiến thiết đạo tràng theo hình bát giác, rộng 6 mét lọt lòng. Tám phía vách bên trong mỗi vách treo một tấm gương lớn, đối diện và phản chiếu lẫn nhau. Trên nóc đàn cũng treo tám tấm gương chiếu xuống. Trung tâm đàn xây một trụ cột bát giác cao khoảng 1m,65, đường kính chừng 1m,50, mỗi cạnh cũng treo mỗi tấm gương phản chiếu với tám tấm gương lớn tám phía bên ngoài. Trên đầu trụ cột thiết kế một tòa sen to, làm bằng vàng, đồng, bạc hoặc gỗ sơn thết như hoa sen thật. Giữa đài sen để một cái bát đựng nước mù sương tháng tám và tùy ý cắm các loại hoa hiện có. Chung quanh trang trí 8 tấm gương tròn, trước mỗi tấm gương có hai lư hương cộng có 16 lư hương cả thảy. Các lư hương để đốt trầm thủy, chiên đàn cúng dường Phật và Bồ tát, nhưng đốt mà không cho thấy lửa.

Trong đàn tôn trí hình tượng chư Phật và chư Bồ tát lồng bóng trong các tấm gương trên dưới, tám hướng, bốn phương làm cho hình ảnh chư Phật, Bồ tát ảnh hiện trùng trùng nhiều lớp.

Hành giả ở trong đàn thân tâm thanh tịnh, chí thành lễ bái danh hiệu Phật, Bồ tát trong mười phương, ngày đêm 6 thời đi kinh hành trì Thủ Lăng Nghiêm tâm chú 108 biến mỗi thời. Nhiếp tâm tinh tấn hành trì từ 1 thất, 2 thất, 3 thất cho đến 7 thất hoặc 100 ngày, những người căn tánh nhanh nhẹn có thể ngay nơi đạo tràng được quả Tu đà hoàn và tự biết mình sẽ thành Phật

*

* *

TRỰC CHỈ

*"Kiến lập đạo tràng" điều đó đủ nói lên rằng: pháp môn đó chỉ là một pháp môn "phương tiện". Hình thức đạo tràng được kiến tạo theo như một cái đàn "bát giác". Rồi thiết kế đài sen, rồi tôn trí tượng chư Phật, chư Bồ tát, chưng hoa đẹp, đốt hương thơm, cúng bánh ngon, mật ngọt, nào những tấm gương lòng bóng làm cho Phật và Bồ tát xuất hiện trùng trùng... tất cả đều là thứ **Đạo Tràng** "phương tiện".*

Đạo Tràng "đệ nhất nghĩa", ta hãy nghe Bồ tát Duy Ma Cật nói:

Trực tâm là đạo tràng, không có các điều hư dối.

Phát hạnh là đạo tràng: làm tất cả điều thiện.

Thâm tâm là đạo tràng: chân thành trên con đường đạo.

Bồ đề tâm là đạo tràng: nhận thức chơn lý không sai lầm.

Bồ thí là đạo tràng: xứng tánh mà làm không mong cầu

phước báo.

Trì giới là đạo tràng: nguyện lành được đầy đủ.

Nhân nhục là đạo tràng: đối với chúng sanh tâm không chướng ngại.

Tinh tấn là đạo tràng: không biếng trễ trên con đường Bồ đề.

Thiền định là đạo tràng: tâm nhu thuận và an ổn.

Trí tuệ là đạo tràng: nhận thức rõ thực tướng của các pháp.

Từ là đạo tràng: đồng sự với chúng sanh.

Bi là đạo tràng: nhẫn chịu các sự khó nhọc vì chúng sanh.

Hỷ là đạo tràng: ưa thích và vui mừng được sống trong chánh pháp.

Xả là đạo tràng: dứt sạch hết tâm thương ghét.

Thần thông là đạo tràng: thành tựu pháp lục thông.

Giải thoát là đạo tràng: chống trái với những tập quán vô minh. Đánh đổ hủ tục lạc hậu.

Phương tiện là đạo tràng: hay giáo hóa chúng sanh.

Tứ nhiếp là đạo tràng: không bỏ một chúng sanh nào.

Đa văn là đạo tràng: nghe chánh pháp, hành chánh pháp, và truyền bá chánh pháp...

Như vậy đó Thiện nam tử ! Bồ tát Duy Ma Cật nói với Đồng tử Quảng Nghiêm; nếu Bồ tát theo đúng các pháp ba la mật giáo hóa chúng sanh thì nhất cử nhất động phải biết, đều là từ nơi "đạo tràng" mà ra, ở nơi chỗ Phật mà đến đây.

Trong đạo Phật, các thiên gia kim cổ thường ví cái tâm giác ngộ của con người như con trâu trắng lớn, còn tâm mê muội

chưa tí nào giác ngộ ví như con trâu đen. Người tu hành thường xuyên canh giữ cái tâm tạp vọng loạn tưởng như canh giữ con trâu đen chưa thuần nết. Ngày con trâu trở thành toàn trắng, đó là nói lên cái kết quả của quá trình cải tạo chuyển hóa cái tâm đến hồi nhu nhuyễn thuần thiện. Hành giả hãy lấy cái tâm thuần thiện nhu nhuyễn đó làm nền tảng mà kiến lập đạo tràng.

Hãy luôn luôn soi xét về thân về khẩu về ý của mình qua những tấm gương lòng trong sáng, qua lớp lớp chiếu soi và chợt thấy rằng hình ảnh của chư Phật, chư Bồ tát và hình ảnh của chính mình giao hiệp với nhau trùng trùng trong một bầu pháp giới nhất chân không ranh giới. Cho nên, đừng cầu khẩn thương tình, đừng quỳ lạy van xin với Phật với Bồ tát ở một thế giới xa xăm nào là luống công vô ích.

Trâm thủy, chiêm đàn, cam tùng, kê thiệt, linh lãng v.v... dù có thơm tho đến cỡ nào, Như Lai há chẳng biết đó là "vật hữu vi, như mộng, huyễn, bào, ảnh..." hay sao? Chỉ có giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến mới là thứ hương cung dưỡng Phật và Bồ tát có chân giá trị. Bánh ngon, hoa đẹp chưng dọn lên cúng Phật cũng chỉ là cách nói: "Phổ vị thế giới tất đàn". Nếu ai có làm theo thì cũng biểu hiện được "một tâm lòng" tôn kính...

Con số 108 là con số tiêu biểu, phiền não nghiệp của chúng sanh mê vốn có. Lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khả dĩ tạo thành ba bậc nhiễm ô. Bậc một, nó làm cho con người đam mê đến độ không còn lý trí. Bậc hai, nó đáp ứng

cho con người sự đắc ý vui lòng. Bậc ba, những thứ làm cho con người sanh ghét, chê cần khử trừ triệt hạ.

Vì vậy, khi sáu căn tác động vào sáu trần có khả năng sanh ra 36 món nhiễm ô. 36 món nhiễm ô này xuất hiện trong ba thời: đã, đang và sẽ. Đó là hệ quả của con số 108 được đặt ra. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời trì tụng 108 biến, nhằm nhắc nhở với mọi người: Lòng hãy dạn lòng rằng: trì chú cốt yếu để hóa giải những phiền não chướng có thể xảy đến, thông qua 6 căn, 6 trần và 6 thức của chính ta đó. Vì thế, không nhất thiết khư khư với con số 108 biến rồi thôi. Mà trì càng nhiều, càng liên tục, càng chiếm lĩnh thì giờ rảnh rỗi của tạp tưởng mê lung, càng tỏ rõ sức tinh tấn kiên trì thì hiệu lực "tam mật tương ứng" càng nhanh chóng.

*Đó là sự thành công có hiệu quả, là đỉnh cao của pháp môn **Mật Giáo** được đánh giá trên "**Tam Mật Tương Ứng**" vậy.*

II - PHẬT TUYÊN NÓI THỦ LĂNG NGHIÊM TÂM CHÚ^[^]

Bấy giờ đức Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra hào quang bách hảo, hào quang này hiện ra hoa sen báu ngàn cánh. Có đức Hóa thân Như Lai ngồi trên hoa sen. Trên đỉnh đầu Như Lai phóng ra mười đạo hào quang bách hảo. Trong mỗi mỗi hào quang đều hiện ra những vị thần Kim Cang mật tích, số lượng bằng mười số cát sông Hằng. Ông cầm chày, vị vác núi đầy khắp cõi hư không. Đại chúng ngược xem vừa kính yêu, vừa lo sợ, cầu Phật thương xót chở che và đồng nhất

tâm lóng nghe đức Phóng quang Như Lai nơi vô kiến đánh
tướng của Phật tuyên nói thần chú:

1. N
am mô tát đát tha tô gia đa gia a la ha đế tam
miệu tam bồ đà tỏa.
2. T
át đát tha Phật đà cu chi sắt ni sam.
3. N
am mô tát bà bột đà bột địa tát đa bệ tệ.
4. N
am mô tát đa nẳm tam miệu tam bồ đà câu chi
nẳm.
5. T
a xa ra bà ca tẳng già nẳm.
6. N
am mô lô kê A La Hớn đa nẳm.
7. N
am mô tô lô đa ba na nẳm.
8. N
am mô ta yết rị đà dà di nẳm.
9. N
am mô lô kê tam miệu dà đa nẳm.
10. T
am miệu dà ba ra đễ ba da na nẳm.
11. N
am mô đề bà ly sắt noãn.

12. N
am mô tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắt noãn.
13. X
á ba nô yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.
14. N
am mô bạt ra ha ma nê.
15. N
am mô nhân đà ra đa.
16. N
am mô bà dà bà đế.
17. L
ô đà ra da.
18. Ô
ma hát đế.
19. T
a hê dạ da.
20. N
am mô bà già bà đế.
21. N
a ra đã noa gia.
22. B
àn giá ma ha tam mộ đà ra.
23. N
am mô tất yết rị đa gia.
24. N
am mô bà già bà đế.
25. M
a ha ca ra gia.

26. Đ
 ịa rị bát lạt na già ra.
27. T
 ò ã ba noa ca ra gia.
28. A
 ã địa mục ã.
29. T
 hi má xa na nê bà tất nê.
30. M
 a ha ãát rị già noa.
31. N
 am mô tất yêt rị ãa gia.
32. N
 am mô bà già bà ã.
33. Đ
 a tha già ãa câu ra gia.
34. N
 am mô bát ãầu ma câu na gia.
35. N
 am mô bậ xà ra câu ra gia.
36. N
 am mô ni câu ra gia.
37. N
 am mô già xà câu ra gia.
38. N
 am mô bà già bà ã.
39. Đ
 ể rị trà ãu ra tây na.

40.

B

a ra ha ra noa ra xà gia...

...

419. Đát điệt tha.

420. Án.

421. A na lệ.

422. Tỳ xá đề.

423. Bệ ra bạt xa ra đà rị.

424. Bàn đà bàn đà nê.

425. Bạt xà ra báng ni phẩn.

426. Hồ hồng độ rô úng phẩn.

427. Ta ba ha.

A Nan ! Đức Phật dạy tiếp, đó là những câu tâm chú bí mật, nhiệm màu "tát đát đa bát đát ra" (dịch là Đại bạch tán cái) của Hóa thân từ hào quang trên đỉnh của Như Lai. Tâm chú đó sản sanh tất cả chư Phật trong mười phương. Mười phương Như Lai **Nhân** tâm chú này mà thành vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Mười phương Như Lai **Nắm** tâm chú này mà nghiêm trị các ma quân, chế ngự bọn ngoại đạo. Mười phương Như Lai **Cởi** tâm chú này mà ngồi đờc tòa sen báu, có mặt trong các cõi nhiều như số vi trần. Mười phương Như Lai **Ngậm** tâm chú này mà chuyển bánh xe pháp ở các cõi nước trong mười phương. Mười phương Như Lai **Giữ** tâm chú này mà trong lúc tu nhân đờc chư Phật thọ ký. Mười phương Như Lai

Nương tâm chú này mà hóa giải tất cả khổ trong bát nạn, tam đồ. Mười phương Như Lai **Theo** tâm chú này mà phụng sự thiện tri thức trong mười phương, cúng dường như ý, được suy tôn là bậc pháp vương. Mười phương Như Lai **Hành** tâm chú này mà thu phục được nhân tâm, khiến cho hàng Tiểu thừa nghe tạng bí mật không sanh tâm kinh sợ. Mười phương Như Lai **Tụng** tâm chú này mà được thành bậc vô thượng Bồ đề và vô thượng Niết bàn. Mười phương Như Lai **Truyền** tâm chú này mà sau khi diệt độ, phó chúc Phật pháp cứu trụ và truyền trì giới luật được thanh tịnh. A Nan ! Sự lợi ích của Thủ Lăng Nghiêm tâm chú, nếu Như Lai nói từ sáng đến tối liên tục không ngừng, và ngôn từ không trùng điệp, nói mãi nói hoài trải qua số kiếp như cát sông Hằng cũng không sao hết được. Vì vậy chú này còn được gọi là Như Lai Đảnh.

*

* *

TRỰC CHỈ

Hào quang được tượng trưng cho trí tuệ, cho nên đã là Phật thì Phật nào cũng có hào quang và kinh điển rải rác đề cập việc Phật sử dụng hào quang. Vì không có hào quang đồng nghĩa với không trí tuệ. Mà không có trí tuệ đồng nghĩa với chưa được Bồ đề, thì không là Phật được.

Lúc ông A Nan sắp sa ngã trước sức cảm dỗ của Ma Đăng Già nữ là lúc vô minh phát triển thế lực hoành hành. Nhằm

soi thủng màn đen vô minh, đức Phật hiện hào quang để nói thần chú. Sự kiện đó có ý ngầm bảo cho đại chúng biết: "Gặp lúc như vậy cần sử dụng đến trí tuệ". Hãy đem trí tuệ mà công phá vô minh. Hãy phóng hào quang để xé tan màn u tối.

Thật tánh của vô minh vốn là Phật tánh, cho nên vô minh chỉ là một **Huyễn Pháp**. Vì vậy, cho nên Như Lai chỉ cần hiện ra vị **Huyễn Phật** nói **Huyễn Chú** là đã diệt được **Vô Minh Như Huyền** của ông A Nan rồi ! Thần Kim Cang mật tích đông như số cát của mười sông Hằng bảo hộ thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Đó là vận dụng văn tự ngữ ngôn để làm chỗ nương tựa tâm hồn, để an lòng những ai muốn phát tâm tu hành đi theo con đường Mật Giáo. Chứ sự thật, một chân lý hiển nhiên, người trì chú tu tập Thủ Lăng Nghiêm định thì sẽ tự tại an nhiên bất động tựa hồ như có vô số Kim Cang thần bảo hộ đầy khắp hư không. Vì các tai họa không có lý do bộc khởi, mọi đau khổ không còn dữ kiện phát sanh.

Các bậc tiền bối như ngài Đôn Hà, ngài Trường Thủy v.v... cho rằng Thủ Lăng Nghiêm chú chỉ có tám câu, kể từ câu 420 về sau:

420 - Ấn

421 - A na lệ

422 - Tỳ xá đề

423 - Bệ ra bạt xà ra đà rị

424 - Bàn đà bàn đà nề

425 - Bạt xà ra bát ni phẩn

426 - Hồ hồng độ rô hung phẩn

427 - Ta bà ha

Còn lại 419 câu về trước, được xem là mật ngữ của chư Phật, mỗi chữ mỗi câu hàm nhiều ý nghĩa, cho nên xưa nay vấn đề nguyên âm, các dịch giả không một người nào dịch. Có lẽ đó cũng là cách áp dụng nguyên tắc "ngũ chủng bất phiên", của ngài Huyền Trang đề xuất:

- 1/- Trang trọng bất phiên
- 2/- Đa hàm bất phiên
- 3/- Bí mật bất phiên
- 4/- Thuận cổ bất phiên
- 5/- Thử phương vô bất phiên

Trì Thủ Lăng Nghiêm chú, điều quan trọng là còn phải sống trong môi trường Thủ Lăng Nghiêm định thì hiệu quả giải thoát giác ngộ mới phát huy cao. Nếu xa rời Thủ Lăng Nghiêm định, chỉ chuyên trì tụng bằng âm thanh, văn tự, thêm vào đó vọng tâm tham muốn "Linh thiên hiệu nghiệm..." thì có thể phản tác dụng gây điều nguy hại không lường trước được. Hành giả nên lưu ý quan tâm !

Sự thành tựu hiệu quả lớn lao của Thủ Lăng Nghiêm chú, các đức Như Lai không phải chỉ có **Tụng**. Nói cách khác là đối với Thủ Lăng Nghiêm ngoài cách **Tụng**, các đức Như Lai còn:

Nhân. Năm. Cởi. Ngậm. Giữ. Nương. Theo. Hành.
Truyền trong mọi cơ hội mọi môi trường qua cuộc sống của mình. Do vậy, mà Phật nói:

"Các đức Như Lai được vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn, du hí thần thông tự tại ở khắp mười phương".

III - SỰ LỢI ÍCH CỦA THỦ LĂNG NGHIÊM CHÚ VỚI MỌI GIAI TẦNG XÃ HỘI [^]

Phật dạy: A Nan ! Nay tôi vì ông mà tuyên nói thần chú Thủ Lăng Nghiêm và cũng nhằm giúp cho thế nhân ở đời sau có thể tu học để được nhiều lợi ích.

A Nan ! Chú Thủ Lăng Nghiêm nếu ai chuyên tâm trì tụng đúng như pháp mà tu hành thì kết quả thành tựu Thủ Lăng Nghiêm tam muội, bấy giờ vào lửa, lửa không đốt cháy, vào nước, nước không nhận chìm được, các thứ độc hại không hại được. Quỷ thần, tinh mị, ác ma không khuấy phá được. Những người thiện nam, thiện nữ hoặc biên chép hoặc đọc tụng, hoặc truyền bá Thủ Lăng Nghiêm chú sẽ được phước đức vô biên, hiện kiếp không sa đọa vào cảnh nghèo nàn hạ tiện. Những người đó dù không có cơ hội làm phước, nhưng mười phương Như Lai có bao nhiêu phước đều cho họ hết và người đó được cùng chư Phật ở chung. Nếu là người nữ muốn cầu có con trai sẽ sanh con trai phước đức trí tuệ, muốn cầu con gái thì được con gái tướng hảo đoan chánh mọi người kính quý, cho đến người cầu trường thọ, cầu

phước báo, cầu sắc lực mạnh khỏe, cầu được bình an... đều được toại nguyện.

Ở một quốc độ chẳng may có nhiều khổ nạn: Dịch tễ, mất mùa, giặc giã, đao binh, hạn hán, thủy tai mà vua quan cùng dân chúng trong nước một lòng tin kính, biên chép, trì tụng, lễ bái, tôn trọng, đeo mang, truyền bá tu hành, thì thiên long bát bộ, các thiện thần hoan hỉ, khiến mọi khổ nạn vượt qua, mưa thuận gió hòa, chôn chôn thái bình, người người no ấm.

*

* *

TRỰC CHỈ

Nhằm khuyến khích cho mọi căn cơ cho nhiều hạng người trong xã hội phát tâm tu học theo kinh Thủ Lăng Nghiêm mà đức Phật vận dụng lối thuyết pháp: "Thế giới tất đàn", cho nên đọc đoạn kinh văn trên, nghe qua ai cũng thấy pháp môn tu tập này có đáp ứng nguyện vọng của mình đang mong muốn. Và sự thật, nếu ai đó nghe qua, rồi vì cái lợi trước mắt dựa trên ngữ ngôn văn tự ấy mà tu thì vẫn có được lợi, nhưng cái lợi đó hẳn không phải là cái lợi cứu cánh lâu dài.

Nếu chỉ sao chép, tôn thờ, ấn tống truyền bá, đọc tụng và đeo mang, mà cầu gì được nấy, diệt họa trừ tai cho cá nhân, cho xã hội một cách quá dễ dàng thì thử hỏi tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, đức Phật bỏ cả cuộc đời khổ công dạy

bảo để làm gì ? Nền giáo lý Nhân quả trong nếp sống tu hành của người đệ tử Phật, không còn giá trị nữa hay sao ?

Người học Phật "Lăm ngũ thời bát giáo để làm kỷ cương kinh luật luận... chiếu thát đại từ khoa biết thế nào là khai hợp văn tư tu" sẽ được có cái lợi lớn trong sự nhận thức kinh điển như giáo lý của đoạn kinh này.

IV - HỎI VỀ CẤP BẬC VÀ ĐỊA VỊ TRÊN ĐƯỜNG TU CHỨNG [^]

Bạch Thế Tôn, ông A Nan thưa, từ lâu chúng tôi ngu độn, chỉ ham học rộng nghe nhiều mà chưa có ý chí mong cầu giải thoát phiền não trần lao vượt ra hữu lậu. Nhờ lòng từ bi rộng lớn của Phật khai thông giác đạo chỉ nẻo Niết bàn khiến cho chúng tôi được lợi ích lớn lao.

Nay chúng tôi cầu xin Phật chỉ dạy cho chúng tôi về cấp bậc và địa vị trên đường tu chứng:

Càn Tuệ địa là hạng người thế nào ?

Trong 44 tâm, đạo hạnh phải như thế nào thì được gọi là những Bồ tát đẳng địa ?

Đẳng giác Bồ tát là người thế nào ?

V - ĐỨC PHẬT CHỈ RÕ HAI NGUYÊN NHÂN ĐIÊN ĐẢO VỌNG CHẤP VỀ THẾ GIỚI VÀ CHÚNG SANH, TRƯỚC KHI GIẢI ĐÁP VẤN ĐỀ ĐỊA VỊ TRÊN ĐƯỜNG TU CHỨNG [^]

Đức Phật dạy: A Nan ! Ông nên biết: **Diệu Tánh Viên Minh** rời các danh tướng, xưa nay không có thể giới và chúng sanh. Nhân vọng mà thấy có sanh; nhân sanh mà thấy có diệt; sanh diệt gọi là vọng; diệt vọng gọi là chân. Đó là hai cách chuyển y thành trụ vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của chư Phật.

A Nan ! Nay ông muốn tu tam ma đề để thẳng đến Niết bàn Phật, trước hết ông phải nhận biết cho rõ hai nguyên nhân điên đảo về thể giới và chúng sanh. Chừng nào hết điên đảo thì ngay nơi đó là tam ma đề vậy.

Thế nào là điên đảo về chúng sanh ?

Này A Nan ! Tâm chúng sanh bản tánh vốn **Minh**. Tánh minh ấy viên mãn khắp cùng. Nhân tánh minh ấy mà vọng, nhận cho là có tánh. Do đó mà vọng kiến sanh ra. Đã có vọng kiến thì những pháp vốn không, trở thành pháp có. Những pháp được cho là có, truy tìm nguyên nhân của nó vốn phi nhân. Vì thế, tìm xét nguyên nhân thì hoàn toàn không có gốc nguồn. Tánh vọng kiến năng trụ, tướng cảnh giới sở trụ cả hai đều là pháp vô trụ. Dựa trên pháp vốn vô trụ ấy mà kiến lập thể giới và chúng sanh.

Vì mê không nhận được tánh viên minh vốn sẵn có nên sanh ra hư vọng. Tánh hư vọng không có tự thể, không chỗ gá nương. Do vậy, cho nên móng ý trở về chân làm cho chân hóa ra vọng. Không vọng tức là chân, đừng móng ý "trở về" hay nguyện ước mong tìm cái chân ở nơi đâu khác.

Vì không nhận thức chân lý cho nên thế giới và chúng sanh vốn không phải sanh cho là thật có sanh, không phải thật trụ cho là trụ, không phải tâm cho là tâm, không phải pháp cho là pháp. Do vậy, vọng kiến ngày một sâu rộng thêm theo quá trình luân sanh luân tử, sanh diệt diệt sanh biểu hiện qua hành động thân khẩu ý của cuộc sống con người, gọi đó là nghiệp báo. Hễ đồng nghiệp thì cảm hợp nhau. Dị nghiệp thì chống trái nhau, thương thì sanh nhau, ghét thì diệt nhau. Do nhận thức sai lầm như thế, nên gọi đó là: **Điên Đảo về Chúng Sanh.**

Thế nào là điên đảo về thế giới ?

Này A Nan ! Đã cho là có pháp sở hữu, có vật chất thì khái niệm kích thước, diện tích, cự ly, qui mô... giả dối sanh ra. Vì vậy khái niệm "không gian" được thành lập. Do phi nhân làm nhân cho nên không thật có sở trụ và năng trụ. Vì không có năng trụ, sở trụ nên mọi hiện tượng luôn luôn trong quá trình vận động trong tiến trình chuyển biến, không có sự vật nào đứng yên nguyên trạng của mình. Vì thế mà khái niệm "Thời gian" được thành lập. Bốn phương ba đời hòa hợp tác động lẫn nhau mà biến hóa mà hình thành 12 loại chúng sanh trong thế giới. Vì vậy cho nên trong thế giới nhân động có thanh, nhân thanh có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị có pháp, sanh khởi hỗ tương. Do sáu thứ trần tượng ấy làm điều kiện mà sanh khởi sáu thứ vọng tưởng rồi ren kết thành nghiệp chủng của các loài: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu

tưởng, vô tưởng, phi hữu sắc phi vô sắc, phi hữu tưởng phi vô tưởng, 12 loại chúng sanh như vậy.

A Nan ! Do vì trong thế giới có tánh "hư vọng" phổ biến và thiên nặng về "**động**", hòa hợp với "khí" thành 84.000 loạn tưởng, thứ bay thứ lặn, cho nên có thứ tế bào chủng thuộc loại mầm trứng, sanh ra các loại: cá, chim, rùa, rắn... (noãn sanh).

Do vì trong thế giới có tánh "tập nhiễm" phổ biến và thiên nặng về "**Dục**", hòa hợp với chất "nhuận" thành 84.000 loạn tưởng thuộc giống đứng thẳng, giống xương sống nằm ngang, cho nên có thứ tế bào chủng bọc nước phôi thai để rồi sanh ra các loại: Người, súc... (thai sanh).

Do vì trong thế giới có tánh "Chấp mắc" phổ biến và thiên nặng về "**cõi**" (ngũ thú) hòa hợp với "khí âm" thành 84.000 loạn tưởng ngựa nghiêng nên có thứ tế bào chủng, chất thịt ướt, sanh ra các loài: nhung nhúc cựa quậy... (thấp sanh).

Do vì trong thế giới có tánh "biến dịch" phổ biến và thiên nặng về "**giả**" hòa hợp với "xúc" thành 84.000 loạn tưởng thay cũ đổi mới, cho nên có thứ tế bào chủng chất thịt cứng, sanh ra các loài bò, bay, lột vỏ, thoát xác... (hóa sanh).

Do vì trong thế giới có tánh "lưu ngại" phổ biến và thiên nặng về "**chướng**" hòa hợp với "dính mắc" thành 84.000 loạn tưởng vừa "tinh vừa diệu" cho nên có thứ tế bào chủng sắc tướng sanh ra các loại thần: Hưu trung, cửu trung... (hưu trung là thiện thần, cửu trung thuộc ác thần) (hữu sắc).

Do vì trong thế giới có tánh "tiêu tán" phổ biến và thiên nặng về "**hoặc**" (lầm lẫn) hòa hợp với "Ám" (ngu độn) thành 84.000 loạn tướng thâm ân, cho nên có thứ tế bào chủng vô sắc, sanh ra loại thần kỳ quỷ m?không tán tiêu trầm... (vô sắc).

Do vì trong thế giới có tánh "võng tượng" phổ biến và thiên nặng về "**ảnh tượng**" hòa hợp với "ký ức" thành 84.000 loạn tướng tiềm tàng cho nên có thứ tế bào chủng hữu tướng, sanh ra các loại thần, quỷ, linh ứng (hữu tướng).

Do vì trong thế giới có tánh "ngu độn" phổ biến và thiên nặng về "**si**" hòa hợp với "ngoan cố" thành 84.000 loạn tướng khô khan cho nên có thứ tế bào chủng vô tướng hóa thành các loại: đất, đá, cây, kim loại... (vô tướng).

Do vì trong thế giới có tánh "bãi bụi" phổ biến, thiên nặng về "**đối trá**" hòa hợp với "nhiễm" thành 84.000 loạn tướng nhân y cho nên có thứ tế bào chủng không phải sắc mà sắc sanh ra loài thủy mẫu dùng tôm làm mắt... (phi hữu sắc).

Do vì trong thế giới có tánh "hấp dẫn" phổ biến thiên nặng về "**tánh**" (dị tánh tương hấp, đồng tánh tương cự) hòa hợp với "chú" (chú thuật) thành 84.000 loạn tướng hú gọi cho nên có thứ tế bào chủng phi vô sắc mà vô sắc sanh ra loại trù ếm bùa chú... (phi vô sắc).

Do vì trong thế giới có tánh "hợp vọng" phổ biến thiên nặng về "**lừa đảo**" hòa hợp với "dị" (loài khác) thành 84.000 loạn tướng tráo trở cho nên có thứ tế bào chủng phi hữu tướng mà

có tướng sanh ra loài bồ lô... (loài sanh rồi do một trợ duyên khác để bảo tồn và trưởng thành. Chẳng hạn như loài vịt xiêm đẻ ra không ấp, nhờ giống khác ấp trứng để nở con và nuôi dưỡng, giống rùa đẻ trứng lấp đất bỏ đi... Các bản dịch xưa nói "bồ lô" là con tò vò, khi con còn nhỏ chưa bay đi kiếm ăn được, chớ không phải những con sâu đó hóa ra tò vò như người xưa lầm hiểu).

Do vì trong thế giới có tánh "oán hại" phổ biến và thiên nặng về "sát" hòa hợp với "quái" (quái dị) thành 84.000 loạn tướng ăn thịt cha mẹ cho nên có thứ tế bào chủng phi vô tướng mà vô tướng sanh ra loại chim thổ kiều ấp đất cục, chim phá kính ấp trái độc làm con... con lớn lên ăn thịt cha mẹ...

A Nan ! Đó gọi là 12 loại chúng sanh xoay chuyển trôi lăn trong ba cõi. Sự luân hồi lên xuống như vậy chẳng khác nào dụi con mắt thấy hoa đốm nhiều thứ phát sanh ra. Chân tâm của con người vốn màu nhiệm trong sáng tròn đầy, một khi vô minh điên đảo thì đầy dẫy những vọng tướng rối ren, giả dối sanh ra, cũng như vậy.

Nay ông muốn tu chứng tam ma đề chư Phật, Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông về "ba món tiệt thứ", ông hãy y đó mà tu hành để diệt trừ cho hết mọi nguyên nhân điên đảo. Ví như cái bình pha lê muốn đựng cam lồ thì cần phải rửa sạch hết chất bẩn, chất độc vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ

Vấn đề "thế giới" và "chúng sanh" nhìn bên mặt chân thì tất cả là một thể nhiệm màu, trong sáng, bình đẳng như như. Nói xa rời tất cả danh tướng, xưa nay không có tên gọi.

Đề cập đến "thế giới" và "chúng sanh" là do con người đã đem cái nhìn chủ quan của mình đề nhìn hiện tượng vạn pháp ở mặt "sanh diệt" của chúng.

Do vì vọng kiến cho nên thấy hiện tượng có thật sanh. Đã thấy có thật sanh thì cũng chấp nhận rằng có thật diệt. Thực chất của hiện tượng vạn pháp, sanh không có thật sanh và diệt cũng không thật diệt. Cho nên sanh diệt gọi là vọng. Nhưng vọng không thật vọng, vì vọng không có thật tánh. Cho nên mọi chúng sanh đều có khả năng diệt vọng. Diệt hết vọng thì gọi đó là chơn. Vì vậy: chơn không ngoài vọng. Biết vọng không theo vọng ngay nơi đó đã chơn rồi. Người học đạo không cầu chơn ở cảnh giới xa xăm nào khác.

Hai pháp chuyển y: chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn, đức Thế tôn ta thực hiện thành công ngay trên cõi đời này mà không tốn một tí hơi khản nguyện, không phí sức dù một lạng để quì lạy van xin.

Đến như "tam ma đề" cũng chẳng phải là những gì siêu thực, viển vông. Chừng nào "điên đảo" không sanh thì ngay nơi đó là "tam ma đề" rồi vậy !

"Thế" là thời gian. "Giới" là không gian. Thấy thế giới là do vọng kiến phân biệt của con người nương gá vào các pháp hiện tượng "duyên sanh như huyễn" ấy. Đã đánh giá hiện tượng vạn pháp là thật thì cũng chấp nhận kích thước, ngắn dài, diện tích rộng hẹp, qui mô cao thấp... của vạn pháp là thật. Do vậy, mà khái niệm "không gian" được lập ra. Đã nhận thức rằng hiện tượng vạn pháp là thật thì cũng nhận thức rằng chúng luôn luôn vận động theo quá trình: sanh, trụ, dị, diệt, sanh, lão, bệnh, tử, thành, trụ, hoại, không. Do vậy, khái niệm "thời gian" được con người xác lập.

Thời gian có 3. Không gian có 4. Ba tác động vào bốn: $3 \times 4 = 12$. Bốn tác động vào ba: $4 \times 3 = 12$. Do vậy, Như Lai nói: Nhận thức "thế giới" bên mặt "sanh diệt" của hiện tượng vạn pháp chỉ là cái nhận thức Diên Đảo về thế giới mà thôi !

Mười hai loại chúng sanh trong thế giới cũng chỉ là những hiện tượng "Duyên sanh như huyễn". Duyên thì trùng trùng vô tận. Thế giới thì vô thí vô chung.

Hoa đốm trùng điệp trong hư không, đối với người bệnh nhắm mắt họ vẫn thấy là có thật. Hoa đốm sẽ không là gì hết, chừng nào con mắt ai đó trong sáng không còn bệnh nhắm lòa.

Tập III

---o0o---

CHƯƠNG THỨ TÁM

1. Phật dạy ba món tiệm thứ
2. Các địa vị trong tiền trình tu chứng
3. Kinh Thủ Lăng Nghiêm có nhiều tên gọi
4. Những mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật dạy bày.
5. Do những tập nhân bất thiện tự chiêu cảm các ác quả khổ đau.
6. Sáu thứ khổ báo là kết quả của bất thiện nghiệp phát xuất từ lục căn và lục thức của con người.
7. Nói về các dư báo sau khi ra khỏi địa ngục
8. Mười thứ Tiên do tu Di nhân kết thành Di quả
9. Trời Dục giới

I - PHẬT DẠY BA MÓN TIỆM THỨ [^]

Thế nào là ba món tiệm thứ ?

Một là tu tập, trừ các trợ nhân.

Hai là chân tu, trau dồi chánh tánh.

Ba là tăng tiến, ngược dòng hiện nghiệp.

Thế nào là trừ các trợ nhân ?

Này A Nan ! Mười hai loại chúng sanh trong thế giới không thể tự toàn thánh thiện, cần phải nương theo bốn cách ăn mà được tồn sinh. Đó là đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Vì vậy, Như Lai nói tất cả chúng sanh nhờ ăn mà được sống còn.

Đoạn thực là ăn các thứ ngũ cốc, ngũ quả, ăn từng nắm vắt, từng miếng, từng cái, mà chúng sanh thọ dụng hàng ngày.

Xúc thực là nhờ sự tiếp xúc của căn và trần sanh ra cảm thọ vui buồn, như coi hát, xem phim... làm cho con người thấy khỏe khoắn kéo dài sự sống.

Tư thực là nhớ nghĩ những điều thích thú đã qua, hy vọng gì toại lòng sắp đến, cũng là cách giúp cho sự sống tồn sinh.

Thức thực là A lại da thức duy trì dòng sanh mệnh, làm chỗ y chỉ cho tiền thất thức.

Chúng sanh các ông đã quay về đạo vô thượng của Như Lai, thì hãy khéo léo điều hòa các cách ăn của mình, đừng để rơi vào tử nhục bê tha, sắc thanh phóng túng, hy vọng đảo điên với một tâm hồn đen tối, trong một thể xác buông trôi trong biển đời ô trược.

Hãy chủ động các cách ăn, gọi là tu tập trừ các trợ nhân. Đó gọi là món tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thế nào là trau dồi chánh tánh ?

A Nan ! Hành giả muốn vào tam ma đề, trước hết phải giữ gìn giới luật cho thanh tịnh. Phải đoạn tâm dâm và tâm sát. Người tu hành không dứt tâm tham dâm hiếu sát mà mong ra khỏi ba cõi là điều không thể có. Phải giữ tứ trọng và bát khí của Thanh văn tiến lên hành trì tam tụ tịnh giới của Bồ tát. Giữ giới dâm được thanh tịnh thì cắt đứt nghiệp nhân sanh

nhau, giết nhau ở thế gian. Giữ giới trộm cướp thanh tịnh thì không còn nợ trần vay trả kiếp này kiếp nọ trong lục thú. Thành tựu tam ma đề thì cái nhục thân cha mẹ sanh ra không cần thiên nhân tự thấy được thế giới trong mười phương, thấy Phật, nghe pháp, chính mình vâng lãnh thánh chỉ của Phật, được đại thần thông đạo khắp thập phương thế giới... Đó gọi là món tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Thế nào là ngược dòng hiện nghiệp ?

A Nan ! Người giữ giới cấm thanh tịnh, tâm ý trong sáng, tam nghiệp điều thuận, không rong ruổi theo lục trần và tự biết tánh bản nguyên. Trần chẳng tương duyên thì tâm không bị dính mắc buộc ràng, đi ngược dòng hiện nghiệp trở về thể tánh tịnh minh; sáu thức trong sáng như pha lê, nhìn cõi nước trong mười phương một màu trong suốt như ngọc lưu ly toàn bích có ánh trăng tròn sáng ảnh hiện vào trong. Thân tâm hành giả, bấy giờ khinh an khoan khoái trong thể tánh nhiệm mầu và mười phương Như Lai một thời cùng hiện, hành giả chứng nhập pháp nhãn vô sanh. Sự tu tập từ đó dần dần tăng tiến, rồi dựa trên mức độ giải thoát giác ngộ của hành giả mà an lập địa vị thánh hiền. Đó là món tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

*

* *

TRỰC CHỈ

"Tiệm" và "đón" là hai thuật ngữ của đạo Phật. Tiệm có nghĩa là dần dần, tu dần dần, học hiểu dần dần và dần dần chứng đắc, từ quả vị thấp đến quả vị cao. "Đón" là nhanh chóng, thẳng tắt vượt bậc. Như nghe pháp liễu nghĩa đại thừa, liền tỏ ngộ một cách sâu sắc, không bị sự phân vân đấu tranh trong quá trình nhận thức chân lý. Do đó, sự giải thoát giác ngộ vượt bậc không hạn cuộc bởi thời gian và pháp môn tu tập nào. Luận xét về căn cơ của chúng sanh thì có nhiều hạng. Có người chỉ tu tập pháp "tiệm tu tiệm ngộ". Có người thì "đón ngộ" nhưng cần phải "tiệm tu". Có người thì "đón tu" mà "tiệm ngộ". Chỉ có hạng "đón ngộ đón tu" là hạng người "bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất".

Cùng một đích đến, mà phương tiện di chuyển khác nhau thì sự hiện diện sau trước khác nhau. Ai đi máy bay thì đến trước, sử dụng ô tô thì phải chịu hạng nhì, cỡi xe gắn máy thậm chí với người đi bộ, trước sau vẫn đến, nhưng sự có mặt hoàn toàn lệ thuộc với thời gian. Vấn đề đón tiệm trong việc tu hành tiến bộ chậm mau hoàn toàn tùy thuộc căn cơ và chủng tánh.

Phật dạy ba môn tiệm thứ nhằm mở rộng cửa Niết bàn, đón nhận hết mọi chủng tánh, căn cơ.

Địa vị Hiền, Thánh, Đẳng giác và Phật, cả thảy 55 bậc. Tiêu chuẩn xét đoán đều căn cứ nơi "tâm" và "hạnh" mà ước định quả vị ở vào thứ bậc nào. Thứ bậc có trên dưới, quả vị có thấp cao, người đệ tử Phật uyên thâm giáo lý, hiểu ngay rằng: Đó là phương tiện giả lập. Tâm hạnh của người đạt

đạo làm sao lấy thước mà đo ? Người chứng đắc đạo quả, thấy rằng mình có chứng đắc vốn là đã là sai. Nói có địa vị thấp cao, phải hiểu đó là phương tiện của Như Lai vận dụng !

II - CÁC ĐỊA VỊ TRONG TIẾN TRÌNH TU CHỨNG

[^]

1. Địa vị càn tuệ

Phật bảo: A Nan ! Khi có người thiện nam phát ý tu hành đến giai đoạn ái dục khô cạn, căn cảnh không còn dính mắc nặng sâu, tâm luyện ái được vui nhẹ, nhờ vậy họ thường giữ tâm trụ ở chỗ rỗng không và trong sáng. Họ chỉ sử dụng thuần một mặt lý trí mà quan sát mà đánh giá nhận thức hiện tượng vạn pháp trong thế giới mười phương. Họ khô cạn hết những tập khí dục nhiễm luyện ái ở cõi đời, nhưng họ chưa tiếp thu được dòng nước pháp hỷ khinh an của Như Lai, họ chỉ có một thứ lý trí khô khan, cho nên gọi là CÀN TUỆ ĐỊA.

*

* *

TRỰC CHỈ

Dựa trên công dụng chuyển mê khai ngộ của con người, Như Lai phương tiện triển khai các thành vị. Càn tuệ địa nói dễ hiểu là những hạng người tu hành bắt đầu khô khan tình

cảm của thế gian. Họ chinh phục và chiến thắng được những dục nhiễm luyến ái của thường tình, họ bắt đầu sống nghiêng nặng về mặt lý trí trong sáng, cứng rắn.

Người phát tâm tu hành, công việc đầu tiên phải học tập và tự huấn luyện cho mình sống nhiều lý trí. Vĩ đỉnh cao của lý trí chính là địa vị CÀN TUỆ này.

Con người tâm hồn ướt át, tình cảm rạt rào mà mong học tu đạo giải thoát, chẳng khác nào đào giếng tìm nguồn nước để uống với một nhát cuốc đầu tiên tung tóe mịt mù cát bụi !

2. Địa vị thập tín

* Tín tâm. Từ địa vị Càn tuệ phát huy tánh nhiệm màu tròn sáng của chơn tâm, ức chế các vọng tưởng, hướng tâm vào chân lý trung đạo.

* Niệm tâm. Có tín tâm chân chánh, chánh trí phát sanh ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới không còn là những chướng ngại ngăn che mà còn có thể nhớ lại những việc xa xưa của đời mình trong nhiều kiếp.

* Tinh tấn tâm. Chánh trí ngày càng hiển hiện, tập khí bất thiện vô thí bị đồng hóa theo tánh tịnh minh và giữ vững tánh tịnh minh tiến dần đến chỗ chân tịnh.

* Tuệ tâm. Tâm tánh tịnh minh được liên tục hiện tiền, thường sống và tư duy trong trí tuệ.

- * Định tâm. Duy trì và phát huy trí tuệ đã có. Tâm ý an trụ trong cảnh tịch tĩnh và sanh ra một định lực trong sáng.
- * Bất thời tâm. Do định lực phát sanh trí tuệ ngày một tăng tiến mà không có thoát thất.
- * Hộ pháp tâm. Định tuệ tự nhiên tăng trưởng theo đà tiên tiến, hành giả giao tiếp từng phần phước, trí hùng lực của thập phương Như Lai.
- * Hồi hướng tâm. Thường giác tỉnh trong tánh giác minh. Xoay tánh giác minh an trú nơi trí quang Phật, như hai tấm gương đối chiếu, những hình ảnh trong gương y hệt nhau.
- * Giới tâm. Xoay về an trú nơi trí quang Phật. Nhờ vậy, tâm càng thêm thanh tịnh an trụ trong tịch tĩnh vô vi, xa rời những lối sinh hoạt hình thức hữu vi.
- * Nguyện tâm. Giới tâm đã tự tại cho nên hành giả có thể vân du khắp cõi nước mười phương tùy nguyện của mình.

3. Địa vị thập trụ

- * Phát tâm trụ: Hành giả vận dụng phương tiện phát khởi mười tâm ở hàng thập tín cho đến khi tâm tánh ấy còn ròng rạc một thể tịnh minh, viên dung thành một chân tâm sáng suốt viên mãn.
- * Trị địa trụ: Nương nơi tâm trong sáng đã có trau dồi sửa trị cái tâm hiện tại khiến cho chân tâm trong sáng càng trong

sáng hơn như khối lưu ly trong suốt và trong đó hiện ra vàng ròng.

* Tu hành trụ: Tâm địa thông suốt, công dụng nhận thức của sáu căn không còn bị ngăn ngại bởi sáu trần, tri kiến của hành giả có khả năng vận dụng quán sát khắp mười phương không có gì ngăn ngại.

* Sanh quý trụ: Đạt đến chỗ hạnh đồng như Phật và tiếp thụ từng phần Bồ đề Niết bàn của Phật, gia nhập dòng dõi của Như Lai, như thân trung âm tìm cha mẹ âm tín đã thâm giao cảm với nhau rồi.

* Phương tiện cụ túc trụ: Đã vào đạo thai, nhờ sự nuôi dưỡng của giác tánh ví như bào thai đã thành hình đầy đủ.

* Chánh tâm trụ: Hình dung giống Phật, tâm tướng cũng vậy.

* Bất thối trụ: Thân tâm đều thanh tịnh và sự thanh tịnh ngày một tăng mà không có lui sụt.

* Đồng chơn trụ: Mười thân có đủ trong một thời ⁽¹⁾.

* Pháp vương tử trụ: Ví như hình vóc đã trưởng thành ra khỏi bào thai. Và chính mình đã trở thành con của đấng Pháp vương.

* Quán đảnh trụ: Ví như vị hoàng tử đã đến tuổi lớn khôn, nhà vua truyền trao quốc sự cho Thái tử bằng một nghi lễ, xối nước bốn biển gội đầu.

4. Địa vị thập hạnh

* Hoan hỉ hạnh: Người thiện nam tử khi đã trở thành Phật tử rồi, có đầy đủ những đức tánh nhiệm mầu của Như Lai, bây giờ có thể hoan hỉ và tùy thuận tất cả.

* Nhiêu tích hạnh: Người Phật tử khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

* Vô sân hận hạnh: Hai hạnh tự giác và giác tha của người Phật tử đồng nhau và không chống trái nhau.

* Vô tận hạnh: Tùy loại chúng sanh mà hiện thân hóa độ, ba đời bình đẳng mười phương thông suốt cho đến cùng tận vị lai.

* Ly si loạn hạnh: Có trí tuệ trong sự nhận thức: Các pháp dị, hợp, thành, đồng. Pháp Phật nhiều vô lượng, nhận thức không còn sai lầm.

* Thiện hiện hạnh: Các pháp đồng phân giải ra dị, nhiều pháp dị tổng hợp thành đồng.

* Vô trước hạnh: Đồng có thể hiện dị, dị có thể hiện đồng. Mỗi vi trần hiện mười phương thế giới, mỗi thế giới hiện mười phương hư không, hiện vi trần, hiện thế giới, hiện hư không mà không ngăn ngại gì nhau.

* Tôn trọng hạnh: Nhận thức rằng tất cả sự vật hiện tượng trước mắt đều là đệ nhất ba la mật đa.

* **Thiện pháp hạnh:** Nhận thức mọi hiện tượng vạn pháp viên dung tương tức tương nhập và sự nhận thức đó phù hợp thành một qui tắc chung của chư Phật mười phương.

* **Chân thật hạnh:** Nhận thức rằng tất cả pháp đều là thanh tịnh vô lậu, là vô vi trong pháp giới nhất chân. Vì tánh của các pháp vốn là như vậy.

5. Địa vị thập hồi hướng

* **Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng:** Người Phật tử đầy đủ thần thông thành tựu Phật sự, thân tâm trong sáng, xa lìa các lỗi lầm, bấy giờ ra làm việc độ sanh mà diệt bỏ quan niệm năng độ sở độ, chỉ xoay tâm vô trụ chấp hướng về Niết bàn tịch tĩnh.

* **Bất hoại hồi hướng:** Hành giả có khả năng hoại những thứ cần diệt hoại. Có khả năng viên ly những gì cần viên ly. Năng giữ bản tâm trong sáng của mình.

* **Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng:** Tánh bản giác trong sáng của hành giả hiển hiện như ngang bằng với Phật.

* **Chí nhất thiết xứ hồi hướng:** Phát minh tận cùng cái chân giác, tâm địa của hành giả gần như tâm Phật.

* **Vô tận công đức tạng hồi hướng:** Thế giới và Như Lai, trước mắt hành giả chỉ là một, chân lý và chân trí dung hợp nhau không có khoảng cách năng sở.

* Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng: Nhận thức rằng: tâm địa Phật và tâm địa của chúng sanh vốn đồng và trong chỗ đồng phát huy các nhân thanh tịnh riêng khác để thủ đắc Niết bàn.

* Tùy thuận đẳng pháp nhất thiết chúng sanh hồi hướng: Căn bản trí đã hiển lộ, nhận thức rằng: chính mình và tất cả chúng sanh đồng một bản thể chân như thanh tịnh.

* Chân như tướng hồi hướng: Nhận thức rằng: Tất cả là một, một là tất cả. Ly nhất thiết tướng mà không ly tướng nào. Ly và tức viên dung vô ngại.

Vô phược giải thoát hồi hướng: Đã thể nhập chân như lý, hành giả tự tại trước mọi hiện tượng vạn pháp trong mười phương.

Pháp giới vô lượng hồi hướng: Thành tựu viên mãn công đức thanh tịnh trong thể tánh chân như, bấy giờ trước mắt hành giả, pháp giới trở thành "nhất chân", quan niệm ranh giới cách ngăn không còn nữa.

6. Địa vị tứ gia hạnh

A Nan ! Người đệ tử Phật vượt qua các địa vị Hướng, Hạnh, Trụ, Tín và Càn tuệ 41 tâm ấy rồi tiến lên tu tập bốn địa vị gia hạnh này.

* Noãn vị: Hành giả liên tục phát huy cái tuệ giác Phật làm tâm mình, ví như dùi gỗ lấy lửa để đốt gỗ, lửa sắp phát ra mà chưa phát.

* Đánh vị: Hành giả lấy tâm mình làm chỗ nương để phát huy tuệ giác Phật, giống như nương mà không phải nương, ví như người leo lên đánh núi, thân đã vào hư không, nhưng chân còn bám một tí núi chưa rời khỏi.

* Nhẫn vị: Tâm ta và tâm Phật như nhau, khéo nhận thức lý trung đạo, ví như người biết nhẫn, không phải ôm vào cũng không phải xua ra.

* Thế đệ nhất vị: Tâm hành giả đạt đến chỗ vô sở trụ, diệt hết những phân biệt danh ngôn, xóa bỏ hết những gì thuộc về lượng số. Vấn đề mê, giác, trung đạo đối với hành giả như chẳng còn giá trị gì.

7. Địa vị thập địa

Phật dạy: A Nan ! Dựa trên công dụng tu hành, căn cứ thành quả giải thoát giác ngộ, thì quả vị thập địa gồm có những hạng người như sau:

* Hoan hỉ địa: Người đệ tử Phật đời đại Bồ đề thông suốt sâu sắc, tuệ giác của họ gần như Phật, có khả năng nhận thức tột cùng cảnh giới của Phật.

* Ly cấu địa: Tất cả tánh dị biệt của vạn hữu hành giả nhận thấy là chung cùng, tánh chung cùng hành giả không thấy có

cái chung cùng chơn thật, vì đó chỉ là hợp lại của những tánh dị biệt kia.

* Phát quang địa: Tâm thanh tịnh của hành giả đến độ tột cùng, bấy giờ trí tuệ trong sáng tự nhiên sanh ra mà hành giả không cần khởi công vận dụng.

* Diệm tuệ địa: Trí tuệ sáng suốt tột cùng, hành giả thường sống trong giác tỉnh trong mọi nơi chốn, mọi thời gian.

* Nan thắng địa: Khái niệm đồng dị, thân sơ, bỉ thử đối với hành giả không còn.

* Hiện tiền địa: Thể tánh tịnh minh vốn có nay đã hiện bày tỏ rõ, tâm thường trú hiển lộ trong cuộc sống của hành giả thường xuyên.

* Viễn hành địa: Nhận thức rõ tột về bản thể chân như và sống hợp với bản thể chân như ấy.

* Bất động địa: Hành giả thể nhập với bản thể chân như.

* Thiện tuệ địa: Thể nhập bản thể chân như rồi, hành giả vận dụng chân như biểu hiện ra diệu dụng của chân như.

* Pháp vân địa: Hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn, lợi mình và tùy ý làm lợi cho người, ví như bóng mây lành che mát khiến cho chúng sanh vui chơi lặn lội trong biển Niết bàn.

8. Quả vị đẳng giác và diệu giác

Này A Nan ! Như Lai thì ngược dòng ngoảnh lại. Bồ tát thì thuận dòng mà tu tập tiến tới. Tuệ giác của hai đường gặp tuyến gặp nhau. Ở vào giai đoạn đó gọi là địa vị ĐẲNG GIÁC.

A Nan ! Từ địa vị Càn tuệ đến địa vị Đẳng giác là 53 địa vị. Tột cùng của địa vị Đẳng giác gọi là Kim Cang tâm. Ngoảnh nhìn lại trên quá trình tu tập từ ban đầu chẳng giữa chẳng có chút gì sai khác: Lấy mười thí dụ làm đối tượng để tư duy quán chiếu. Đến khi CHỈ QUÁN quân bình là tột cùng quả Diệu Giác viên mãn thành tựu VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ.

A Nan ! Thành tựu Bồ đề Niết bàn Vô thượng, mười phương Như Lai cũng dựa vào ba món tiệm thứ mà tu hành tăng tiến rồi khéo bồi dưỡng và phát huy theo quá trình tiệm tiến trải qua 55 địa vị ấy mà đến vô thượng Bồ đề.

Người Phật tử tu học hiểu như thế là đúng chánh pháp, tin hiểu khác đi là người ngoại đạo, tu tập sai lầm sẽ không có ngày thành tựu.

*

* *

TRỰC CHỈ

Sau Càn tuệ địa, tiến lên: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương, Thập địa, rồi Đẳng giác và Diệu giác 52

địa vị. Diệu giác là vị cao tột, tức là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sự giác ngộ giải thoát thực ra chẳng có lấy gì để đo chính xác được và cũng chẳng có tên gì để gọi cho đúng đắn được. Tất cả những tên gọi ấy chỉ là những phương tiện giả đặt của Như Lai. Cái danh tiêu biểu phần nào của hạnh, dựa trên hạnh mà giả đặt cái danh. Người tu hành không nên chấp nê quả vị hay khởi ý mong cầu. Người nấu nước, chỉ cần đun lửa tốt thì ấm nước tự sôi, vấn đề độ nóng bao nhiêu... chỉ là phương tiện danh ngôn giả lập.

Như Lai thì ngược dòng trở lại. Từ địa vị giác ngộ chân lý hoàn toàn, vì thương chúng sanh mà sống và sinh hoạt như chúng sanh để có cơ hội hướng dẫn cải tạo những mê mờ đau khổ của chúng sanh, còn Bồ tát thì thuận dòng, từ bề khổ sanh tử vươn lên, phát huy trí tuệ. Càn tuệ địa là điểm khởi hành. Trải qua 51 địa vị, đó là thời gian khai thác nhất thiết trí, đạo chủng trí, nhất thiết chủng trí, vô sư trí và tự nhiên trí của mình. Cuối cùng giao điểm giữa Phật và Bồ tát gặp nhau ở quả vị được gọi là đẳng giác.

Ở vào địa vị Đẳng giác, Bồ tát có được thứ trí Kim cang. Dùng trí Kim cang chiếu phá sạch những bóng đen sanh tướng vô minh vi tế tối hậu. Sanh tướng vô minh dứt sạch. Bồ đề, Niết bàn tự tánh hiện ra. Bồ tát nhìn lại quá trình tu tập trải qua giống như người vừa tỉnh giấc chiêm bao. Những chuyện khô, vui, tội phước, tiêu trưởng vinh hư là chuyện của một cơn trường mộng ! Đời là diệu dụng biểu

hiện từ bản thể chân như. Bồ tát nhìn hiện tượng vạn hữu có mà không phải có thật, không mà chẳng phải thật không. Tất cả đều là như vật sắc trong chiêm bao, như hình ảnh khóc cười trên màn bạc, như trăng đáy nước, như hoa đóm trong không, như càn thát bà thành, như bóng trong gương, như mù sương buổi sáng, như điện nhoáng lưng trời, như bong bóng dưới cơn mưa... Nhờ vậy, Bồ tát tự tại và nhẹ nhàng tiến bước trên con đường Bồ đề Niết bàn vô thượng, rồi nhìn lại, thì ra chính mình chẳng có được gì!

*... "Đáo dĩ hoàn lai vô biệt sự
Lô sơn vân vũ chiết giang triều".*

III - KINH THỦ LĂNG NGHIÊM CÓ NHIỀU TÊN GỌI [^]

Đáp lời thưa hỏi của Bồ tát Văn Thù, đức Phật dạy: Kinh này có thể gọi nhiều tên:

- * Đại Phật đánh tất đất đa bát đất ra, vô thượng bảo ấn, thập phương Như Lai thanh tịnh hải nhãn.
- * Cứu hộ thân nhân độ thoát A Nan cập thủ hội trung tánh tỳ kheo ni đắc Bồ đề tâm nhập biến trí hải.
- * Như Lai mật nhọn tu chứng liễu nghĩa.
- * Đại phương quảng Diệu Liên Hoa vương thập phương Phật mẫu đà la ni chú.

* Quán đánh chuông cú, chư Bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Văn Thù, các ông nương theo đó mà phụng trì. Đại chúng nghe lời Phật dạy, liền tỏ ngộ diệu lý thiên na, tâm được rỗng rang, nhiều người dứt trừ được hoặc kiến tư, cắt đứt nhân sanh tử ưu bi trong tam giới.

IV - NHỮNG MỐI NGHI NGỜ SÂU SẮC CÓ TÍNH PHỔ BIẾN ĐƯỢC PHẬT DẠY BÀY^[^]

Bấy giờ ông A Nan đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn ! Theo lời Phật dạy, chân tâm vốn trong sáng nhiệm màu, xưa nay tròn đầy khắp giáp và núi sông đất liền cỏ cây hoa lá điều thú côn trùng đều cùng chung một bản thể chân như, tất cả đều là những dữ kiện tu hành thành tựu Phật quả của các Như Lai, hàng Thanh văn hữu học chúng tôi chưa dứt được mối nghi ngờ sâu sắc ấy !

Bạch Thế Tôn ! Bản thể chân như ấy vốn đã chân, có gì lại sanh ra các nẻo: Trời, người, A tu la, địa ngục, quỷ thần và súc sanh ? Sáu đường ấy bản lai tự có hay do những nghiệp thiện của chúng sanh chiêu cảm mà hiện khởi sanh ra ? Còn sự kiện Tỳ kheo ni Bảo Liên hương, lén lút làm việc dâm dục rồi lý luận sai lầm phá kiến giới của Phật, hiện đời bị địa ngục là thế nào ? Sự kiện vua Lưu Ly tận diệt giòng họ Cù Đàm rửa oán, đối với sự hiểu biết thông thường của nhiều người vẫn còn là điều bí ẩn ! Vấn đề Thiện Tinh tỳ kheo bác không nhân quả, chủ trương đoạn diệt, hiện thế sa vào ngục

A tỳ, thật tế phải hiểu như thế nào ? Các địa ngục vốn có sẵn để hình phạt những chúng sanh ác hay sau khi những chúng sanh kia tạo ác, địa ngục mới có ra để hình phạt những con người bất thiện ?

Phật khen những câu hỏi của ông A Nan có ý nghĩa sâu xa, nhờ đó những chúng sanh đời sau khỏi rơi vào tà kiến.

Này A Nan ! Phật dạy, chân tánh của chúng sanh vốn chân vốn tịnh. Do nhận thức sai lầm chân lý, sống theo thói quen trái chân lý làm cho tánh chân tịnh bị chi phối mà sanh ra tình niệm chủ quan và tưởng niệm khách quan.

Tình niệm chủ quan là phần trong của con người. Do sự ái nhiễm của vọng tâm mà sanh ra vọng tình. Tình chứa mãi không thôi bèn sanh ra một thứ nước, gọi đó là nước, "ái". Vì vậy mà tâm chúng sanh khi nhớ đến thức ăn thì miệng nước bọt chảy ra, tâm nhớ người thương, con mắt lệ tràn, tâm nhớ giận đũa con hư cũng sứt sùi trào tuôn nước mắt, nước mũi, tâm nghĩ tưởng sự ân ái, hai căn nam nữ tân dịch tiết ra...

A Nan ! Ái có nhiều thứ khác nhau nhưng cái tánh ứa nước, chảy nước giống nhau. Tánh ướt thì nặng, tánh nước thì chảy xuống không thể cất lên, đó là tánh tự nhiên của nó.

A Nan ! Tưởng niệm khách quan là phần ngoài của con người. Do thèm muốn khát vọng mà phát sanh ra lý tưởng. Tưởng chứa mãi không thôi bèn sanh ra một thứ khí thù thắng. Do vậy, tâm chúng sanh có giữ giới hạnh thanh tịnh

thì người nhẹ nhàng sáng khoái, tâm chuyên trì chú ấn thì đôi mắt ngó có thần, tâm muốn sanh thiên, hành thập thiện nghiệp, chiêm bao thấy mình nhẹ nhàng, bay bổng trong không, tâm chuyên niệm hương vào cõi Phật thì cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh đẹp đẽ hiện ra, tâm phụng sự thiện tri thức, thì tự xem rẻ thân mình.

A Nan ! Tưởng có nhiều thứ khác nhau, nhưng cái tánh nhẹ nhàng cất lên thì đồng. Tưởng nhẹ có tánh cất lên là tánh tự nhiên của nó.

A Nan ! Tất cả thế gian sống chết nối nhau. Sống thì bằng lòng, chết thì nghịch ý. Khi con người sắp chết, lúc hơi nóng chỉ còn hâm hấp mong manh, bấy giờ hành động thiện ác cả một đời đều hiện ra như trước mắt. Sự sống và sự chết hai tập khí mãnh liệt cạnh tranh đối kháng trước phút giây con người từ giã cõi đời. Thuần tưởng thì bay lên được sanh vào các cõi trời, nếu có phúc đức, trí tuệ, có chí nguyện thanh tịnh thì tự nhiên tâm được sáng suốt thấy được cõi nước thanh tịnh của chư Phật trong mười phương, rồi tùy ý của mình mà sanh vào thế giới đó.

Tình ít tưởng nhiều, cất lên được nhưng không xa. Hạng này thành đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát. Họ có thể đi khắp bốn cõi trời Tứ thiên vương, nếu có nguyện lành hộ trì Phật pháp, bảo vệ người trì giới, người tu thiền thì họ được thân cận dưới pháp tọa của Như Lai.

Tình và tướng bằng nhau, thì sanh làm người ở nhân gian. Do có phần tướng sáng suốt nên có chất thông minh, vì có phần tình mê ám nên có lẫn lộn phần ngu độn.

Tình nhiều tướng ít sanh vào loại bàng sanh, nặng nghiệp xấu sanh làm giống lông mao, nhẹ nghiệp hơn sanh làm giống lông vũ.

Bảy phần tình ba phần tướng có thể chìm tận thủy luân hoặc sanh nơi mé hỏa luân chịu sự nóng đốt của lửa hừng hoặc thân thành ngạ quỷ thiêu nướng. Có gặp được nước, nước nóng như lửa, cho nên trải trăm ngàn kiếp không được uống ăn.

Chín phần tình một phần tướng sa rớt suốt thấu hỏa luân, đến giữa ranh giới phong luân, nhẹ thì rơi vào địa ngục hữu gián, nặng thì rơi vào địa ngục vô gián.

Thuần một thứ tình hắc ám thì sa vào địa ngục A tỳ, nếu có thêm tội hủy báng đại thừa, đả phá kiến giới của Phật, tạo tội ngũ nghịch thập ác thì sa vào địa ngục A tỳ từ kiếp này sang kiếp khác luân chuyển khắp thế giới mười phương.

A Nan ! Tùy ác nghiệp của chúng sanh đã tạo, mỗi người tự cầm lấy cái khổ địa ngục của riêng mình. Nhưng vì chúng sanh tạo ác nghiệp có giống nhau nên chịu quả khổ địa ngục cũng giống nhau, vì vậy mà địa ngục in tuồng như có chỗ định sẵn.

*

* *

TRÚC CHỈ

Thế tánh của con người vốn tịnh minh, vì ai cũng có chân tâm thường trú. Chúng sanh hữu tình hay chúng sanh vô tình đều là hiện tượng tùy duyên trong bản thể chung cùng bất biến, cũng như những ngọn sóng lung linh màu sắc dưới ánh trăng vàng nghìn sai muôn khác đều phát khởi từ một thể nước phẳng lặng của một đại dương. Hội nhập được ý nghĩa hiện tượng không ngoài bản thể, ứng thân là diệu dụng của pháp thân. Thiên Lão, một thiền sư Việt Nam thời Lý đã nói:

Trúc biếc mai vàng, trăng thanh mây bạc là diệu dụng của bản thể chân như biểu hiện qua hai câu thơ:

*"Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân"*

Phật dạy: Sáu nẻo luân hồi không do một bàn tay, một đấng thiêng liêng nào sắp đặt cả. Cái động cơ quay lẩn trong sáu nẻo dựa trên tiêu chuẩn: "Tình" và "Tưởng" nhiều ít của chúng sanh. Tình là sự biểu hiện của tâm ái nhiễm sâu nặng. Nặng về tình người ta dễ mất hết lý trí, sống theo thói quen dục vọng. Đã đắm mê dục vọng thì không còn đủ trí tuệ để nhận thức chân lý. Vì vậy, con người rất sợ chết và rất muốn sống. Trái lại, người giác ngộ chân lý, vấn đề sống và chết không tham mà cũng chẳng sợ, vì biết rõ rằng sự sống chết của kiếp người, sự diệt sanh của vạn pháp, nó đã thành qui luật đối với người trí, nó là chân lý khách quan đối với thiên

nhiên vũ trụ. Sợ chết, chỉ đem vào cho đầu óc, cho tâm trí con người một thứ khổ sở ghê gớm mà lẽ ra con người không có và không nên có. Vì mê mờ chân lý, chúng sanh rất tham sống và sợ chết, vì vậy khi sắp chết: thoi thóp với một tí khí nóng chưa tàn, hai luồng tư tưởng đấu tranh mãnh liệt. Và vì quá sợ chết nên sự kinh hoàng, sự hốt hoảng, sự tiếc thương, sự hối hận, sự oán ghét, sự tuyệt vọng, sự luyến ái... đã huân tập tích lũy cho một đời hiển hiện ra đầy đủ, giống như cuộn phim Vidéo đã được quay từ trước, nay đến lúc đem ra chiếu lại...

Tất cả những cảnh tượng khổ đau ở địa ngục chỉ là những hậu quả phản ảnh của tâm độc ác, mê mờ u tối của kiếp sống mê tình, vọng tình và si tình mà tác giả cõi địa ngục chính là con người đang chịu khổ đau dày vò trong địa ngục ấy.

Tưởng nhiều thì dễ sanh trí tuệ. Có trí tuệ dễ nhận thức chân lý và sống hợp chân lý. Có phước đức, trí tuệ mới trông thấy được cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh trong mười phương, rồi tùy phước nghiệp mà cảm nhận mà thọ sanh vào cảnh giới đó.

Cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật trong mười phương phải do phước đức và trí tuệ mới được thấy. Trái lại, cảnh khổ đau địa ngục do tích lũy cực tham, cực sân, cực si và bất thiện nghiệp mà hiện ra. Không có phước đức trí tuệ sẽ không thấy được cõi Phật thanh tịnh. Không có những cực ác nghiệp sẽ không tìm đâu có cảnh địa ngục khổ

đau. Nhiều người càng tạo nhân phước trí tuệ giống nhau nên cùng thấy cõi Phật thanh tịnh giống nhau; Vì vậy cõi Phật in tuồng như có sẵn. Nhiều chúng sanh tạo những bất thiện nghiệp giống nhau, nên cùng bị hình phạt đau khổ ở địa ngục giống nhau, vì vậy mà địa ngục cũng in tuồng như có sẵn.

Cái từ "Na lạc ca" dịch ý có nghĩa là "địa ngục". Địa ngục có nghĩa là: khả yểm, khả cụ, khả khí, bất lạc. Có thể tóm gọi là "cảnh giới của sự khổ đau cùng cực, không một chút xiu tạm an". Người đệ tử Phật đừng bao giờ hiểu địa ngục như "một thành trì" "một cơ quan" có phương sở nhất định:

Kinh Hoa Nghiêm nói:

"Nhược hơn dục liễu tri
Tam thế nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo..."

Ai muốn hiểu rõ hết
Tất cả Phật ba đời
Nén quán tánh tướng các pháp giới
Tất cả duy tâm tạo.

Tất cả pháp giới đều do tâm tạo. Vì vậy, địa ngục chỉ là do tâm cực ác của ai đó tự tạo nó ra !

**V - DO NHỮNG TẬP NHÂN BẤT THIỆN TỰ CHIÊU
CẢM ÁC QUẢ KHỔ ĐAU^[^]**

Thế nào là những tập nhân bất thiện ?

A Nan ! Tập nhân thứ nhất là thói quen dâm dục. Do sự giao hợp với nhau sanh ra sự cọ xát, cọ xát nhiều sanh ra khí nóng. Ví như người dùng hai tay chà xát thì cảm giác nóng sanh ra. Do lửa dục đốt mà có hiện tượng giường sắt nóng, cột đồng nung... cho nên Phật, Bồ tát xa lánh dâm dục như lánh xa hầm lửa.

Tập nhân thứ hai là thói quen tham cầu. Do tâm tham cầu so đo hơn thiệt hút vào, hút mãi thành ra hơi lạnh, lạnh cực thành băng, ví như người hút gió thì có cảm xúc lạnh, do sự tham cầu mà có âm thanh lạnh run phát ra tiếng: tra tra tra, ba ba ba... vậy nên Phật, Bồ tát tránh tham cầu như tránh biển độc.

Tập nhân thứ ba là thói ngã mạn. Do ngã mạn đi đến ý thế cậy quyền mà có sự bồn ba sôi nổi. Sự sôi nổi này ngưng đọng thành nước. Ví như miệng nhai vị thì nước miếng tự chảy ra. Do vậy mà có sông tuyết, cát nóng, biển độc, nước đồng sôi... cho nên Phật và Bồ tát tránh ngã mạn như tránh vực thẳm.

Tập nhân thứ tư là thói quen giận dữ. Do giận dữ sanh ra chống đối, xung đột. Lửa giận nung đốt hóa thành kim khí, vì vậy mà có núi dao, rừng gươm, gậy sắt, cưa xẻ, búa chặt, ví như người bị hàm oan thì sát khí bùng lên. Do vậy có hiện tượng cắt, chém, thiến, chặt, đâm, dùi đập, đánh... cho nên Phật, Bồ tát tránh sự giận dữ như tránh chỗ chém giết.

Tập nhân thứ năm là thói quen giả dối. Do giả dối lường gạt nhau đưa đến lôi kéo, xô đẩy nhau cho nên có hiện tượng cây cọc, dây thừng, thòng lọng, ví như nước thấm ướt mộng thì cỏ cây sanh trưởng. Do vậy hiện ra gông cùm, xiềng xích, roi đánh, gậy đập, côn đàn, mác chém, cho nên Phật, Bồ tát tránh sự giả dối như tránh cọc beo.

Tập nhân thứ sáu là thói quen lường gạt, lừa đảo. Lường gạt lừa đảo mãi gây thành điều gian dối. Vì vậy cảm ác quả như nhóp như đất bụi, đại tiểu tiện và những sự chìm đắm, bay rơi, trôi lăn, cho nên Phật và Bồ tát nhận xét sự lừa đảo gian dối như dấm lên rắn độc.

Tập nhân thứ bảy là thù oán hiểm khích nhau. Do ôm ấp lòng thù oán mà cảm thấy ác quả như quăng đá, ném gạch, hộp nhót, cũi giam, bình đựng. Ví như người hiểm độc ôm ấp điều ác. Vì vậy thập phương Như Lai, Bồ tát nhận xét sự thù oán như là quỷ vi hại, như uống nhầm rượu độc.

Tập nhân thứ tám là ác hiểm, chấp thủ, tranh cãi với nhau về thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ, cho nên cảm thấy có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ, có các việc khám xét, tra hỏi, có đồng tử cầm sổ ghi chép việc thiện ác. Vậy nên, thập phương Như Lai nhận xét ác kiến như hầm sâu, Bồ tát xem như hổ độc.

Tập nhân thứ chín là vu vạ, làm hại cho nhau. Do sự vu vạ hại người cảm ra ác quả như núi ép, đá kẹp, cối nghiền, cày sắt, ví như kẻ sàm tặc áp bức vu oan người lương thiện, đồng

thời cảm thấy sự áp giải, đánh đập, ép huyết, lóc thịt. Vì vậy Phật và Bồ tát trong mười phương nhận xét sự vu vạ như cọp điên, như sấm sét.

Tập nhân thứ mười là kiện cáo. Kiện cáo cãi vã lẫn nhau phát sanh sự che đậy. Do vậy, cảm thấy có gương soi, đuốc rọi như giữa ban ngày không dấu bóng đượ, thấy có ác hữu trình bày tội lỗi, nghiệp kính hiện rõ những bất thiện nghiệp đó. Vậy nên thập phương Như Lai, Bồ tát nhận xét sự che đậy là giặc trong bóng tối, như đội núi cao lợi trong biển lớn.

VI - SÁU THỨ KHỔ BÁO LÀ KẾT QUẢ CỦA BẤT THIỆN NGHIỆP PHÁT XUẤT TỪ LỤC CĂN VÀ LỤC THỨC CỦA CON NGƯỜI[^]

Phật bảo: A Nan ! Tất cả chúng sanh tạo ác nghiệp thì phải nhận lấy ác quả. Sự tạo nghiệp và trả quả như vậy là do sáu căn và sáu thức của chính mình, chớ không do nơi ai khác. Vì vậy, con người có thể tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp mà chiêu cảm thiện báo hay ác báo đều tùy thuộc ở nơi mình.

Thế nào là sáu thứ khổ báo ?

Một là ác báo do tánh thấy của nhãn thức. Tánh thấy của người hằng ngày tiếp xúc và huân tập những cảnh bất thiện nghiệp, ác đức, nhiễm ô... lúc sắp chết họ sẽ thấy toàn lửa rực trời cháy khắp mười phương. Thần thức của người này bay lên theo khói rồi rơi xuống sa vào địa ngục. Ở nơi địa ngục thần thức chỉ còn thấy hai hiện tượng: sáng và tối. Thấy sáng thì thấy những cảnh kinh hoàng, bạo ác, mọi vật trở

thành cảnh sợ hãi, chết chóc. Thần thức vô cùng khủng khiếp khổ sở đốn đau, không một chỗ nơi có thể nương tựa hoặc kêu gào cầu cứu. Khi thấy tối thì một màu đen lặng lẽ bao trùm, thần thức cực độ đau thương, tuyệt vọng.

Tánh thấy bất thiện tác hợp với những tánh nghe, ngửi, nếm, xúc, biết hiển hiện ra: vạc dầu sôi, nước đồng chảy, lửa rực, khói đen, hoàn sắt nóng, lò than, sao lửa rưới khắp đầy ngập cõi hư không, khiến cho thần thức người chết khổ sở đốn đau cùng cực.

Hai là ác báo do tánh nghe của nhĩ thức. Cái tánh nghe của con người trong cuộc sống hằng ngày tiếp xúc và huân tập nghe những điều ác đức, hiểm độc, lúc sắp chết nghe và thấy sóng cuộn ngập trời. Thần thức người chết bị cuốn trôi theo dòng nước mà vào địa ngục. Ở nơi địa ngục thần thức chỉ còn nghe hai hiện tượng: rõ và điếc. Nghe rõ thì nghe những tiếng rít khủng khiếp, những tiếng nghiền rợn người làm cho thần thức rối loạn, sợ hãi, khổ đau cùng cực. Lúc nghe điếc thì lặng lẽ im lìm như màn đêm nơi hoang vu, như cõi chết khiến cho thần thức cực kỳ sợ hãi đau thương.

Tánh nghe độc hại đau thương này tác động hỗn hợp vào các tánh thấy, ngửi, nếm, xúc, biết của năm thức kia tạo thành lời trách mắng tra hỏi, sấm sét, hơi độc, mưa mù và rưới các thứ sâu độc đầy khắp thân thể, tưới các thứ máu mủ hôi tanh, các thứ phân tiểu như nhớp; còn hóa ra tia chớp kinh hồn, sấm rang long óc, mưa đá đập đê, thần thức người chết khổ sở không sao kể xiết !

Ba là ác báo do tánh nguỉ của tử thức. Cái tánh nguỉ của con người trong cuộc sống tiếp xúc và huân tập những thứ hương trần không lành mạnh, lúc sắp chết cảm nghe mùi độc khí khắp mọi nơi. Thần thức người chết tự thấy mình từ đất trỗi lên, rồi lại rơi vào địa ngục. Ở nơi địa ngục, thần thức cảm nhận hai hiện tượng: thông và nghẹt. Khi nguỉ thông thì hít phải toàn ám khí độc hại, ngột ngạt, thần thức vô cùng khổ đau rối loạn, lúc nguỉ nghẹt thì lăn lộn vật vã, chết thì không được mà sống cũng không xong.

Cái tánh nguỉ độc hại này tác động hỗn hợp vào với các tánh thấy, nghe, nếm, xúc, biết hóa thành lửa dữ, thiêu đốt, nước sôi nung nấu, sóng to nhận chìm, hóa thành núi, thành gạch to, đá lớn bay rớt đập nát thân thể làm cho người chết đau khổ tột cùng...

Bốn là ác báo do tánh nếm vị của thiệt thức. Cái tánh nếm vị của con người trong cuộc sống hàng ngày huân tập thói quen những thức ăn có tánh tàn hại giết chóc, ác đức bất nhân thì lúc sắp chết thần thức thấy khắp cõi không gian bao trùm bằng một thứ lưới sắt nung đỏ. Thần thức người chết từ dưới đất tung lên, bị vướng lưới lộn đầu rơi xuống sa vào địa ngục, thần thức còn nhận biết có hai hiện tượng: nuốt vô và mưa ra. Nuốt vô thì cảm nhận toàn băng giá lạnh tê tái, lạnh nứt nẻ cả thân thể; mưa ra thì rừng rực thứ lửa dữ bay ra và tự đốt cháy thân thể của chính mình.

Cái tánh nếm tội lỗi ác hại này tác động hỗn hợp với các tánh: thấy, nghe, nguỉ, xúc và biết hóa thành sự xác nhận, sự

tự thú. Lại hóa thành binh khí sắc bén, đâm chặt, lồng sắt nung đỏ nhót, cung tên bắn vào thân làm cho thần thức người chết đau đớn cùng cực, cầu sống không được, muốn chết cũng không được.

Năm là ác báo do tánh cảm xúc của thân thức. Tánh cảm xúc của con người hằng ngày tiếp xúc và huân tập những ác hạnh, lúc sắp chết thần thức thấy núi lớn bốn mặt hợp lại ép vào mà không có lối thoát; lại thấy cái thành sắt lớn đầy chó lửa, rắn lửa, cọp, beo, lang, sói, sư tử lửa như chực muốn ăn nuốt; lại thấy ngục tối đầu trâu, mặt ngựa, tay cầm gươm giáo lửa đẩy thần thức người chết tống vào địa ngục - Ở nơi địa ngục, thần thức chỉ còn thấy hai hiện tượng: Hợp và ly. Hợp thì thấy núi ép thân thể xương thịt nát tan. Ly thì thấy giáo gươm đâm chĩa vào mình, thi thể ruột gan banh nát...

Tánh xúc ác hại tác động hỗn hợp với các tánh: Thấy, nghe, ngửi, nếm và biết hóa thành người săn đuổi, người bắn giết, người xử tội; hóa thành sảnh đường, tòa án; hóa thành đốt, nung, đập, nhót, trói buộc, chặt ném; hóa thành té ngã, bay lên, hóa thành nấu luộc... làm cho thần thức đau đớn không sao kể xiết...

Sáu là ác báo do sự suy nghĩ của ý thức. Ý thức của con người trong cuộc sống huân tập những tư tưởng bất thiện, lúc sắp chết thấy cuồng phong tàn bạo thổi cối nước tan tành, thần thức người chết bị thổi bay trên không, xoáy lốc theo gió, lại rơi xuống sa vào địa ngục. Bảy giờ thần thức chỉ còn cảm nhận hai hiện tượng: Mê sáng và tỉnh biết. Lúc mê

sảng thì kinh hoàng, sợ hãi, chạy cuồng, chạy ngong không ngừng nghỉ. Khi tỉnh biết lại bị đốt cháy liên tục đau đớn cùng cực, sống không an, chết không được.

Ý thức bất thiện này tác động hỗn hợp với các tánh: Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc hóa thành phương sở quan thụ, đài gương soi, cáo trạng, người chứng, sương giá lạnh, gộp đá to nặng, ngục lửa, tiếng kêu la, gào khóc, thần thức phải chịu muôn lần sống, muôn lần chết trong một ngày khổ đau vô cùng vô cực.

A Nan! Như Lai đã chỉ dạy cho ông mười tập nhân và sáu quả báo ở địa ngục. Nhân quả ấy là do mê vọng của chúng sanh tạo ra. Dựa trên sáu căn ba nghiệp của con người trong sự tạo ác nghiệp mà thần thức có thể đọa vào 8 ngục vô gián hoặc 18 hoặc 36 hoặc 108 ngục khác nhau. Chúng sanh tạo nghiệp thì riêng, nhưng tội trạng, tội danh trùng hợp giống nhau cho nên chịu quả đồng phận như nhau, cảnh giới đó do vọng tưởng sanh ra nó chớ không phải bản lai tự có.

*

* *

TRỰC CHỈ

Dâm dục, tham lam, giận dữ, ngã mạn, giả dối, lường gạt, oán thù, ác kiến, vu cáo, kiện thưa là những nguyên nhân gây ra vô vàn ác khác, Phật gọi đó là mười nhân ác, nó đã

thành thói quen trong cuộc sống của con người không có ý thức phản tỉnh hồi quang, trau dồi đạo đức.

Nhân xấu ác thì không thể có quả an vui. Những ác nhân ấy không phải trời xuôi đất khiến mà do chính con người; do thân, miệng và ý của con người; khi con người đánh mất lý trí sáng suốt; con người không còn làm chủ được thân, miệng, ý của mình.

Những ác quả khổ đau cùng cực trong các địa ngục dù khác nhau, nhưng tất cả đều chỉ là những hình ảnh phản chiếu trung thực của nhất tâm của tam nghiệp của căn, trần, thức của con người. Đó là giờ phút "tòa án lương tâm" của con người hành xử cái chức năng: "chí công vô tư" tuyệt đối, tuyệt đối của "thể tánh tịnh minh" vốn có của chính con người.

Ngày, giờ, năm, tháng ở địa ngục không thể tính số theo khái niệm nhận thức ở nhân gian. Ai có năm mộng và có tư duy về "hoàng lương mộng" có thể hiểu thời gian ở địa ngục tương đối dễ dàng hơn. Giác mộng khoảng một tiếng đồng hồ hơn kém, vậy mà đối với lục sinh là cả 80 năm thăng trầm vinh nhục, 80 năm ân oán giang hồ, bưng tỉnh dậy thì ra mình vẫn là một thư sinh thi trượt, đang mơ màng bên quán trọ với tâm trạng âu sầu, thất vọng trên đường trở lại cố hương.

Cái khổ lâu dài ở địa ngục của những "linh hồn" đã tạo nhiều ác nghiệp, một giờ hấp hối trong phút sắp lâm chung

*biết đâu đó chẳng là 80 năm đau khổ nghiệp cảm tội hành
do hậu quả trong một đời tích lũy !*

VII - NÓI VỀ CÁC DƯ BÁO SAU KHI RA KHỎI ĐỊA NGỤC[^]

Này A Nan ! Những người trái phạm luật nghi, phá Bồ tát giới, bất tín tam bảo, chống báng Bồ đề, Niết bàn Phật thì vĩnh viễn họ sống trong địa ngục; còn những người phạm phải những nghiệp phức tạp khác, sau khi chịu khổ quả ở địa ngục mãn rồi, dư báo còn lại phần nhiều luân hồi đọa vào con đường quý. Vì vậy, mà quý có nhiều loại khác nhau do tạo nhân bất thiện chẳng đồng nhau.

Nặng về tham vật chất, dư báo tham hợp với vật chất thành Quái quý.

Nặng về tham sắc dư báo tham hợp với gió thành Bạt quý.

Nặng về dối trá dư báo tham hợp với súc vật thành M?quý.

Nặng về sân hận dư báo tham hợp các loài sâu thành Cồ độc quý.

Nặng về oán thù dư báo tham hợp với vận suy của kẻ thù thành Lệ quý.

Nặng về ngã mạn dư báo tham hợp với khí thành Nga quý.

Nặng về lừa đảo, lường gạt dư báo tham hợp với u ẩn thành Áp quý.

Nặng về ác kiến dư báo tham hợp với tinh hoa thành Vọng lượng quý.

Nặng về vu oan giá họa dư báo tham hợp với linh hiển thành Dịch sử quý.

Nặng về bè phái, ô lộng dư báo tham hợp với con người thành Truyền thống quý.

A Nan ! Những thân thức đó do nặng tình và thuần tình cho nên phải đọa lạc vào địa ngục và dư báo còn lại phải sanh vào đường quý. Như vậy đều do vọng tưởng của tự tâm chuốc lấy, chớ không do ai phạt, ai hành. Nếu có nhân duyên tốt tỏ ngộ Bồ đề, Niết bàn tự tánh thì những thứ ác quả khổ đau đó vốn chẳng có thật.

Lại nữa, A Nan !

Quái quỷ theo vật chất, vật chất tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài chim kiêu.

Bạt quỷ theo gió, gió tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành các loài Cừu trung kỳ dị.

M?quỷ theo súc, súc tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài chồn, cáo.

Cổ quỷ theo sâu, sâu tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài có độc.

Lệ quỷ theo vận suy, vận suy tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành giun.

Ngạ quỷ theo gió, gió tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài cung cấp thịt ăn.

Áp quỷ theo u ần, u ần tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài cung cấp đồ mặc.

Vọng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa tiêu, báo hết sinh nơi thế gian phân nhiều thành loài chim mùa.

Dịch sử quỷ theo loại linh hiển, linh hiển tiêu, báo hết sinh

nơi thế gian phân nhiều thành loại hư trung kỳ dị.
 Truyền thống quý theo người, người chết, báo hết sanh nơi
 thế gian phân nhiều thành các loại quán quít bên người.

Này A Nan ! Những loài như thế đều do quả báo của tự tâm
 hư vọng của họ. Nếu có duyên lành tỏ ngộ Bồ đề, Niết bàn
 tự tánh thì đó chỉ là hình ảnh huyễn mộng vốn chẳng có gì !

Này A Nan ! Những ác quả của bọn Bảo Liên Hương, Lưu
 Ly, Thiện Tinh Tỳ kheo đều do tự họ gây ra nghiệp nhân tội
 lỗi. Tội lỗi ấy không phải trên trời cao xuống, không phải
 dưới đất phát ra, không do người khác làm mà chính do vọng
 tưởng của họ gây ra rồi tự mình phải chịu quả báo. Đối với
 tâm tánh Bồ đề, thì đó chỉ là sự kết động vọng tưởng hư
 huyễn nào có đáng kể gì !

Này A Nan ! Vấn đề vay trả nợ nần thật là phức tạp: có lúc
 làm súc sanh để trả nợ cho người; người ít phúc đức hưởng
 quá phần nợ, phải làm súc sanh trả lại số dư cho người chủ
 nợ ở kiếp sau. Do vậy, súc có thể thành người, người có thể
 thành súc để đền đáp nợ nần, vay trả, trả vay. Trừ khi tu tập
 pháp xa ma tha, tam ma bát đề, thiên na hoặc quay về nương
 học với Tam bảo thì sự luân hồi vay trả không có lúc ngừng
 quay.

Này A Nan ! Loại chim kiêu trả nợ đủ rồi được sanh trong
 nhơn đạo nó tham hợp với hạng ngoan cố.

Giống Cừu trung trả nợ đủ rồi được sanh trong nhơn đạo nó
 tham hợp với hạng quái dị.

Loài chồn, cáo trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo nó tham hợp với hạng đàn độn, ngu si.

Những loài có độc trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với hạng người nham hiểm.

Loài giun trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với những hạng hèn nhát.

Loài cung cấp thịt ăn, trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với hạng người nhu nhược.

Loài cung cấp đồ mặc, trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với với hạng người lao碌.

Loài chim mùa, trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với hạng người có văn hóa.

Loài hưu trung, trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với hạng người thông minh.

Loài quần quít theo người, khi trả nợ hết rồi được sanh trong nhơn đạo, nó tham hợp với hạng người hiền đạt.

A Nan ! Những hạng người đó đều do nghiệp bất thiện của họ tạo ra; sanh nhau, giết nhau, ăn nuốt lẫn nhau rồi vay trả, trả vay mà xoay vần như vậy. Nếu không gặp Như Lai, không nghe chánh pháp của Như Lai thì ở trong trần lao máy móc xoay vần không có ngày chấm dứt. Như Lai gọi đó là những chúng sanh đáng thương xót.

VIII - MƯỜI THỨ TIÊN DO TU DỊ NHÂN KẾT THÀNH DỊ QUẢ^[^]

Này A Nan ! Có những chúng sanh từ loài người, không nương theo cái nhân chánh giác tu tập lại đam mê chuyên

luyện những dị nhân; họ hy vọng củng cố hình hài trường sanh bất lão, vào trong rừng núi vắng vẻ những chỗ khó có người đến được họ chuyên luyện dị thuật của mình và kết quả được thành Tiên gồm có mười thứ khác nhau:

Hạng chuyên luyện đồ ăn, tìm các chất bổ dưỡng để ăn, luyện mãi khi "đạo ăn" thành tựu thì gọi là Địa hành tiên.

Hạng chuyên luyện dược tính, tìm thuốc trong các thứ cỏ cây luyện hoài, khi "đạo thuốc" thành tựu thì gọi là Phi hành tiên.

Hạng chuyên luyện đá, vàng, đờn sa, cửu chuyển luyện mãi, khi "đạo hóa chất" thành tựu thì gọi là Du hành tiên.

Hạng chuyên luyện động tác, luyện hoài khi "đạo khí tinh" thành tựu thì gọi là Không hành tiên.

Hạng chuyên luyện nước bọt, luyện mãi khi "đạo thanh nhuận" thành tựu thì gọi là Thiên hành tiên.

Hạng chuyên luyện hấp thụ tinh hoa, luyện hoài khi "đạo hấp thụ" thành tựu thì gọi là Thông hành tiên.

Hạng chuyên luyện phù chú, luyện mãi khi "đạo thuật pháp" thành tựu thì gọi là Đạo hành tiên.

Hạng chuyên luyện về nhớ nghĩ, luyện hoài khi "đạo nhớ nghĩ" thành tựu thì gọi là Chiếu hành tiên.

Hạng chuyên luyện về thủy hỏa giao cấu, luyện mãi khi "đạo cảm ứng" được thành tựu thì gọi là Tinh hành tiên.

Hạng chuyên luyện về biến hóa, luyện hoài khi "đạo biến hóa" thành tựu thì gọi là Tuyệt hành tiên.

A Nan ! Các hạng Tiên đó ở ngay trong loài người mà tu luyện. Tuy họ không tu đúng cái nhân chánh giác, nhưng vẫn có được kết quả. Họ có thể sống thọ ngàn, muôn tuổi. Họ ân thâm sơn, cùng đảo cách biệt người đời, họ có thú an vui riêng họ. Dù vậy, họ vẫn chưa lóng gạn sạch hết cái nhân luân hồi cho nên khi hết phước vẫn trở lại luân hồi.

IX - TRỜI DỤC GIỚI^[^]

Này A Nan ! Những người thế gian, chưa cầu chánh giác, chưa bỏ được ái ân vợ, nhưng tâm không buông lung trong việc tà dâm. Có chút ít định tâm, sanh ra sáng suốt, sau khi chết sanh vào một cõi ở gần với mặt trời, mặt trăng, gọi đó là Trời Tứ thiên vương.

Hạng người đôi với vợ, dâm ái ít ỏi nhưng trong lúc tỉnh tâm chưa hưởng trọn vẹn sự khinh an, sau khi chết vượt ánh sáng trời trăng, ở trên cõi nhân gian, gọi đó là Trời Đao Lợi ⁽²⁾.

Có người gặp cảnh dục lạc tạm theo, nhưng trong lúc thôi không nghĩ tới, ở trong nhân gian, động ít tỉnh nhiều, sau khi chết sáng rõ và ở yên một cõi trong hư không. Mặt trời, mặt trăng không soi đến cõi này. Người cõi trời này tự có ánh sáng, gọi đó là Trời Tu Diệm ma ⁽³⁾.

Hạng người lúc nào cũng tỉnh, nhưng khi có những điều cảm xúc đến chưa chống lại được, sau khi chết họ sanh lên cõi tinh vi, không tiếp với cảnh nhân thiên cõi dưới. Tam tai, hoại kiếp không hủy hoại đến cõi này. Đây gọi là Trời Đâu suất đà ⁽⁴⁾.

Hạng người không có tâm dâm dục chỉ vì đáp ứng với người khác mà làm. Trong lúc hành lạc, cảm thấy vô vị như ăn sáp, người này sau khi chết vượt lên và sanh vào cõi biến hóa, gọi đó là Trời lạc biến hóa ⁽⁵⁾.

Hạng người không có tâm thế gian chỉ hòa đồng với thế gian làm việc ngũ dục, trong lúc làm việc vẫn là siêu thoát. Sau khi chết họ vượt trên cảnh biến hóa và không biến hóa, gọi đó là Trời Tha hóa tự tại ⁽⁶⁾.

A Nan ! Sáu cõi trời đó hình thức tuy ít động nhưng tâm không còn vương mắc nhiều vì vậy gọi đó là cõi Trời Dục ⁽⁷⁾.

Tập III

---o0o---

CHƯƠNG THỨ CHÍN

1. Trời Sắc giới
2. Trời Vô Sắc giới
3. Bốn loài A Tu La
4. Tu hành chỉ là một phương tiện để diệt vong qui nhơn
5. Trên bước đường tu phải cảnh giác các hiện tượng khuấy nhiễu của ma.
6. Những hiện tượng thuộc phạm vi Sắc âm
7. Những hiện tượng thuộc phạm vi Thọ âm
8. Những hiện tượng thuộc phạm vi Tưởng âm

I - TRỜI SẮC GIỚI [^]

A Nan ! Người nào giữ được thân không làm việc dâm dục và không nhớ nghĩ, lòng ái nhiễm không sanh thì đã vượt ra cõi Dục làm bạn bè với hàng Phạm hạnh, gọi đó là trời Phạm chúng.

Người đã trừ được tập quán ngũ dục, tâm ly dục hiện tiền vui vẻ thuận theo các luật nghi, có thể thực hành Phạm đức gọi đó là trời Phạm phụ.

Thân tâm thanh tịnh, uy nghi không thiếu, giới cấm trong sạch, có trí sáng suốt, thống lãnh Phạm chúng, làm đại Phạm vương, gọi đó là trời Đại phạm.

Này A Nan ! Ba hạng người trời đó khổ não không bức bách được; tuy không phải chơn chánh tu pháp tam ma đề của đạo Phật, nhưng tâm có thanh tịnh, những đam mê sai phạm của Dục giới không lay động được họ, gọi đó là hàng trời Sơ thiên.

A Nan ! Các hàng Phạm thiên khi thống lãnh Phạm chúng lại tu tập Phạm hạnh được viên mãn làm cho tâm yên lặng không động; do sự yên lặng thân tâm được sáng suốt, gọi đó là trời Thiếu quang.

Hào quang sáng suốt thêm nhiều, chói sáng vô lượng cõi làm cho các thế giới đó ánh hiện trong suốt như ngọc lưu ly. Hạng người như thế gọi là trời Vô lượng quang.

Duy trì hào quang tồn tại vĩnh viễn, biến thành phương tiện giáo hóa cho chư Thiên, và ứng dụng vô cùng. Hạng người như thế gọi là trời Quang âm.

A Nan ! Ba hạng người trời, các thứ lo buồn không bức bách được. Tuy chưa phải chơn chánh tu pháp tam ma đề của đạo Phật, nhưng thân tâm có thanh tịnh, những sai lầm thô động đã dẹp xuống được. Hạng người như thế gọi là hàng trời Nhị thiên.

Này A Nan ! Trời Nhị thiên phát huy vận dụng hào quang trong việc giáo hóa làm tỏ rõ lẽ nhiệm mầu, tăng trưởng hạnh tinh tiến, thể nhập với cái vui yên tĩnh, gọi đó là trời Thiếu tịnh.

Cảnh thanh tịnh hiện tiền bao la không bờ mé, thân tâm khinh an vui trong cái vui yên tĩnh, gọi đó là trời Vô lượng tịnh.

Thế giới và thân tâm hoàn toàn thanh tịnh; cảnh giới thù thắng hiện tiền vui trong cái vui hoàn toàn vắng lặng, gọi đó là trời Biến tịnh.

A Nan ! Ba hạng người trời đó đầy đủ công hạnh tùy thuận, thân tâm yên tĩnh được cái vui vô lượng; tuy không phải chơn chánh tu pháp tam ma đề của đạo Phật, nhưng thân tâm yên ổn sống trong hoan hỉ, gọi đó là hàng trời Tam thiên.

Lại nữa A Nan ! Từ trời tam thiên đã hóa giải được những bức bách của thân tâm, hạn chế được nhiều nguyên nhân

khô. Họ thường quán xét cái vui vẫn là vô thường tạm bợ. Vì vậy họ phóng xả cả hai tâm vui khô thô trọng, phúc đức thanh tịnh được sanh ra, gọi đó là trời Phúc sanh.

Hạng người tâm phóng xả khá tròn đầy, sự hiểu biết cao xa, thanh tịnh, không gì trở ngại. Họ có thể tùy thuận chọn lý nhiệm mầu. Hạng người đó gọi là trời Phúc ái.

A Nan ! Ông hãy chín chắn mà nhớ ghi. Sau khi thành tựu quả Phúc ở cõi trời Phúc ái, từ đó có hai con đường tẻ.

Một là dùng cái tâm sáng suốt thanh tịnh vô lượng tiếp tục tu chứng, an trụ nơi phúc đức viên mãn sáng suốt thì gọi đó là trời Quảng quả.

Hai là dùng cái tâm yếm thế chán cả khô vui, nghiền ngẫm, ôm ấp cái tâm phóng xả không ngừng, thân tâm diệt tận dứt bật ý nghĩ chận đứng tư duy trải năm trăm kiếp thọ mạng. Hạng người này lấy sanh diệt làm nhơn tu cho nên không thể phát minh chọn tánh bất sanh bất diệt. Vì vậy, nửa kiếp đầu họ quán diệt, nửa kiếp sau không còn sức khổng chế, họ trở lại sinh hoạt với ý thức tư duy, người như thế gọi là người vô tướng.

A Nan ! Bốn hạng người trời đó, những thứ khô vui của thế gian không lay động được, dù đó chưa phải là chỗ bất động chọn thật của đạo Phật, nhưng họ vẫn có được cái sở đắc ở nội tâm thanh tịnh, hạng người như thế gọi là trời Tứ thiên.

A Nan ! Ngoài ra còn có năm hạng Trời khác gọi là năm bậc Bất hoàn (ngũ bất hoàn thiên cũng gọi là ngũ Tịnh cư thiên). Năm bậc này đã dứt hết tập khí chín phẩm tư hoặc ở cõi Dục rồi, khổ vui thô trọng không còn, cảnh giới biệt lập, an trú nơi tâm phóng xả, gọi đó là trời Vô phiền.

Phóng xả đến độ tự tại không còn ý niệm năng xả, sở xả, người như vậy gọi đó là trời Vô nhiệt.

Thấy bằng cái thấy thanh tịnh, nhận thấy thế giới mười phương đứng lặng, không còn những câu nhiệm trâm trọng trước trần cảnh, hạng này gọi là trời Thiện kiến.

Sự thấy biết thanh tịnh hiển hiện hiện tiền và thường sử dụng cái tri kiến đó không còn ngăn ngại, người như thế gọi là trời Thiện hiện.

Quán sát cùng tận các cực vi, thấu triệt rốt ráo tánh của sắc pháp; tri kiến rộng sâu không bờ mé, hạng người như thế gọi là trời Sắc cứu cánh.

A Nan ! Những bậc trời Bất hoàn đó chỉ riêng có bốn vị Thiên vương của cõi Tứ thiên có kính nghe nhưng không thấy biết. Cũng như hiện thời các Thánh đạo tràng ở nơi rừng sâu, đồng rộng trên thế gian là những nơi trú trì của các vị A La Hán, nhưng con người thô thiên thế gian không thể nào thấy được.

A Nan ! Mười tám loài trời đó, tâm thường ở trong định, không bám víu trần cảnh; song chưa hết cái lụy của hình hài; từ đây trở về gọi là cõi trời **Sắc**.

II - TRỜI VÔ SẮC GIỚI [^]

Lại nữa, A Nan ! Ở đỉnh cao của cõi Sắc có hai con đường tẻ:

Một là hạng người dựa trên tâm phóng xả mà phát minh được trí tuệ. Trí tuệ sáng suốt nhận thức được chân lý, kiến, tư hoặc bị triệt tiêu thì được xuất ly trần thế thành A La Hán lần đến Bồ tát thừa. Hạng người như thế gọi là Hồi tâm Đại A La Hán.

Hai là dựa trên tâm phóng xả, thành tựu được "cái đạo phóng xả" đâm ra nhằm chán cái thân, cho rằng thân là một thứ ngăn ngại và dụng công diệt tướng triệt tiêu cái ngăn ngại ấy vào hư không vô biên; hạng người như thế là trời không xứ.

Các thứ chất ngại không còn bị vướng mắc, nhưng chưa diệt được cái vô ngại. Họ còn bảo lưu A lại da thức và một vi tế thức mạt ra. Hạng người như thế gọi đó là trời Thức xứ.

Ý niệm sắc không đã diệt, cái niệm diệt cũng xả ly; chỉ còn ý niệm vắng lặng không còn gì nữa. Hạng người như thế gọi đó là trời Vô sở hữu.

Thực tánh vốn bất động, lại dùng ý niệm diệt mà diệt đến cùng. Cái không thể diệt hết, phát minh nhận cho là hết. Vì

vậy hình như hết mà không phải hết. Giống như còn mà chẳng phải còn. Hạng người như thế gọi đó là trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hạng Phi tướng phi phi tướng xứ này, ý muốn xét thấu cái không, nhưng không cùng tột được lý không. Nếu dựa theo pháp tư duy của trời Bất hoàn để nhận thức lý không. Hạng người như thế gọi là Bất hồi tâm độ A La Hớn.

Hạng khác, dựa trên tâm niệm yếm thế phát huy cái vô tướng của trời Vô tướng và bọn ngoại đạo để nghiên ngẫm, nhận xét lý không, đè nén tri thức hướng đến chỗ ngoan không mà không biết trở về. Đó là hạng si mê lầm lạc, không nghe học chánh pháp, rớt cuộc sẽ sa vào trong luân hồi lục đạo, khổ não ưu bi không có ngày chấm dứt.

A Nan ! Các cõi trời đó, vốn là những người phàm phu có tạo thiện nên họ hưởng sự báo đáp bằng thiện quả như vậy. Đến khi sự báo đáp thiện quả ấy hết rồi thì có thể trở lại luân hồi theo dòng nhân quả mới.

A Nan ! Các cõi trời tứ không nhân tâm vắng lặng định tĩnh hiện tiền, không còn dính mắc với sắc pháp, gọi đó là trời Vô sắc giới.

Tất cả người trời, không hiểu được cái "diệu giác minh tâm". Vì chứa nhóm cái vọng mà vọng sanh ra ba cõi, mà trong đó vọng có bảy loại chúng sanh, chủng tử loài nào thì vọng kết hình hài tùy loại thọ báo.

III - BỐN LOÀI A TU LA^[^]

A Nan ! Trong ba cõi Dục, Sắc và Vô Sắc đó, còn có bốn loại A Tu La:

Có thể từ loài quỷ sanh. Loại A Tu La này sanh ra từ loài quỷ, do có tâm bảo hộ chánh pháp của Phật mà có được thần thông, du hành tự tại trong hư không. Loài này sanh từ trứng, thuộc A Tu La trong loài quỷ.

Có thể từ loài trời sanh, hạng người trời kém đức phải sa đọa vào cảnh giới ở gần mặt trời, mặt trăng. Loại A Tu La này sanh từ thai, thuộc loại A Tu La trong loài người.

Có thể từ biến hóa sanh, loại A Tu La này có sức mạnh đến chỗ không còn biết sợ ai. Nó có thể tranh quyền với Phạm thiên, Đế Thích và Tứ thiên vương kể cả chiến đấu nhằm đạt mục đích cho mình. Loại A Tu La này do biến hóa mà sanh, thuộc A Tu La trong loài Trời.

Có thể từ thấp khí sanh, loại A Tu La này thấp kém, sanh trong lòng biển lớn, lặn trong vực sâu, ban ngày có thể dạo đi trên hư không đêm thì ngủ dưới nước. Giống A Tu La này do thấp khí sanh, thuộc A Tu La trong loài súc sanh.

IV - TU HÀNH CHỈ LÀ MỘT PHƯƠNG TIỆN ĐỂ DIỆT VỌNG QUI CHƠN^[^]

Này A Nan ! Xét cho cùng, bảy loại: Địa ngục, quỷ, súc sinh, người, tiên, A Tu La, Trời đều là những hiện tượng hữu

vi chìm đắm trong tối tăm vô an bất ổn. Tất cả chỉ là hư vọng. Hư vọng thụ sanh, hư vọng theo nghiệp, hư vọng thọ khổ. Ở trong tâm tánh màu nhiệm, thanh tịnh, sáng suốt, tròn đầy của con người, tìm mỗi manh gấc rễ của những khổ đau hư vọng đó, thì không sao có được. Nó chuyển sanh, huyền diệt như hoa đốm trong hư không. Nó chẳng dính dáng gì với thể tánh tịnh minh vốn có của con người !

A Nan ! Những chúng sanh đó do không nhận được tâm tánh bản lai của mình thanh tịnh. Chỉ vì "vọng" mà tạo ra bất thiện nghiệp: Sát, đạo, dâm. Hạng tốt hơn thì ngược lại: Bất sát, bất đạo, bất dâm. Có sát, đạo, dâm thì là quỷ, không sát, đạo, dâm gọi là trời. Có, không thay nhau "vọng" hiện tướng luân hồi tương tục.

Nếu khéo tu tập xa ma tha, tam ma bát đề và thiên na thì tâm tánh nhiệm màu, vắng lặng tròn sáng tự bản dĩ lai; lúc đó tìm cái bất sát, bất đạo, bất dâm hãy còn không có, thì sát, đạo, dâm không có môi trường sanh khởi.

A Nan ! Nếu không đoạn trừ được ba nghiệp không lành của thân, khẩu, ý thì mỗi chúng sanh đều có phần tội riêng mình. Từ những cái riêng tương trợ hợp thành cái đồng phận chung tương trợ cho nên cảnh địa ngục khổ đau không phải là không có chỗ nhất định. Tất cả đều là do vọng kiến của tự mình sanh ra, mà vọng thì không chơn, không thể truy nguyên nguồn gốc được.

Người học đạo, muốn được Bồ đề, Niết bàn điều cốt yếu là phải diệt trừ lậu hoặc, kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc chưa hết, dù có được thần thông thì đó cũng là những công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mê lầm chưa hết thì rốt cuộc cũng lạc vào đường ma. Dù có ý trừ vọng nhưng càng chông chát vọng nhiều thêm. Như Lai gọi đó là hạng người đáng thương xót !

*

* *

TRỰC CHỈ

*Thấy có tam giới và luân hồi trong thất thú chỉ vì một chữ vọng mà ra.
Tự tánh Bồ đề của con người vốn không có vọng.*

Cảnh giới địa ngục cũng có thể nói là có. Có nơi chốn, có hình phạt có đau khổ rõ ràng; nhưng rồi cũng có thể nói là không có. Địa ngục có là nói với những người tạo những vọng nghiệp qua thân, miệng, ý của mình. Cảnh giới trời thì ít có người khái niệm và hình dung được chánh xác ở đâu. Theo khái niệm phổ biến của đa số người hiểu một cách giản dị thì trời cách cõi đất ta ở vừa cao và vừa xa, xa lắm. Đối với người có nhiều hiểu biết thì người ta có thể chấp nhận có thể "xa". Nhưng "cao" thì khuyên nên xét lại. Cảnh giới người trời có thể ở xa cảnh giới của ta. Xa 100 năm, 1.000 năm hoặc hiện thời người ta cũng có thể nói đến 6.000.000.000 năm ánh sáng... Dãy ngân hà được các nhà

Thiên văn học phát hiện mới nhất của thời đại, cách cảnh giới loài người trên quả địa cầu là 6 tỉ năm ánh sáng. So với dãy ngân hà trên dưới 3 tỉ ngôi sao, đã được phát hiện từ trước, vừa dài, vừa rộng lớn gấp 6 lần. Đó là tri kiến là chuyện của các nhà khoa học, thiên văn học chớ chưa phải của nhà Phật học. Nhà Phật học không dùng đơn vị tốc độ ánh sáng ước độ rộng xa mà dùng cái từ "Hàng hà sa số bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng vô biên A tăng kỳ thế giới. Thế giới ở trong cái không gian vô tận, thời gian vô cùng, nhà Phật học nói vậy đó".

Thế giới nhiều như vậy, chẳng lẽ chỉ dành riêng cho 28 cảnh giới của người, trời ở thôi sao ? Phỉ phạm ! Tất nhiên các loài người, trời có quyền sanh sống, hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật có quyền sanh sống, có quyền hoạt động theo nghiệp vụ của mình. Ngoài ra các loại chúng sanh khác cũng tùy nghiệp, tùy nguyện của mình đều có quyền khai thác đất đai lập nghiệp để sanh sống. Vì vậy, cho nên nói trời ở xa, hàng Thanh văn, Duyên giác ở xa, Bồ tát, Phật vẫn có thể ở xa quả đất của con người thì không phải là chuyện không có lý. Chẳng lẽ những "thiên thể" những "hành tinh" "định tinh" nhiều "bất khả thuyết" như vậy, mà bỏ hoang hết cả hay sao ? Chẳng lẽ chỉ có quả địa cầu bé tí này sanh sống được thôi sao ?

Cho nên đối với nhà Phật học, với cái hiểu biết cho rằng: Trời ở xa các bậc A La Hán, Bồ tát, Phật ở xa là sự hiểu biết đúng, sự hiểu biết phổ biến của những người "đệ tử bình

dân" chưa nếm được tí cái hương vị giải thoát giác ngộ của đạo Phật.

Cái khó hiểu của đạo Phật và cũng là cái kết quả lớn lao của người đệ tử Phật chọn chính, là phải xác định bằng trí tuệ bằng sự thực chứng của bản thân, rằng: chính ta là con người và cũng là trời, vừa là Thanh văn, La Hôn, vừa là Duyên giác, vừa là Bồ tát và có thể vừa là Phật. Rồi cũng chính ta vừa là người, vừa là súc sanh, vừa là ngựa quý, vừa ở địa ngục nữa. Tất cả là ta, tất cả tùy thuộc nơi ta và tất cả của chính ta.

Hiểu như vậy là cái hiểu của nhà Phật học; Nhà Phật học là nhà Phật học có thực chứng, nhà Phật học có tư duy sâu, trí tuệ đạt đến ba la mật rồi vậy.

V - TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG TU PHẢI CẢNH GIÁC CÁC HIỆN TƯỢNG KHUẤY NHIỀU CỦA MA^[^]

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo đại chúng và ông A Nan rằng: các ông là Thanh văn, Duyên giác đã hồi tâm hướng thượng về Vô thượng Diệu giác Bồ đề. Như lai đã chỉ dạy các ông pháp tu chân chánh. Nhưng các ông còn chưa biết hết những ma sự phức tạp trong lúc tu chỉ quán và thiền na. Nếu cảnh ma hiện ra mà không biết thì chẳng những tu tập không đúng mà còn rơi vào tà kiến. Khi đã rơi vào tà kiến thì sẽ bị ngũ âm ma, thiên ma hoặc quỷ thần, ly mị vọng lượng khuấy nhiễu mà không biết làm cho là hiện tượng chứng đắc của mình. Thế thì chẳng khác nhận giặc làm con, tai hại không lường

trước được. Bọn Vô văn tỳ khuru đắc định Tứ thiên, nói là chứng Thánh, đến khi phước báo Chư Thiên hết, suy tướng hiện ra rốt cuộc vẫn thọ luân hồi, vẫn sa vào địa ngục.

Giờ đây các ông hãy chín chắn lắng nghe và khéo suy nghĩ Như Lai sẽ vì các ông mà nói.

Này A Nan ! Mười hai loại chúng sanh trong thế gian hữu lậu, tâm thể vốn tròn đầy giác ngộ sáng suốt, nhiệm màu cùng với chư Phật trong mười phương không hai không khác. Chỉ vì vọng tưởng mà các ông mê chân lý thành có sự lỗi lầm, si ái phát sanh.

Trong lúc các ông tu thiên định thể nhập tam ma đề tâm được thông suốt hợp với các vị La Hôn, Bồ tát và chư Phật trong mười phương làm cho tất cả ma vương, quỷ thần, thiên ma đều thấy chỗ ở của mình vô cớ chuyển rung như sắp đổ vỡ. Vì vậy các thiên ma, quỷ thần, ly mị vọng lượng, yêu quái, ác tinh đến mà khuấy nhiễu.

Các bọn ma tuy có giận dữ, nhưng chúng chỉ là một bọn trần lao, tâm các ông trong diệu giác tịnh minh, thì sự khuấy phá đó như gió thổi ánh sáng, như dao chém nước, như đánh hư không, không hại được người tu chánh pháp. Khi nào chúng khuấy phá được là do người chủ ngũ âm, nội tâm sai lầm thì khách ma bên ngoài mới nhiễu hại được. Ví như binh phù tướng ấn bị truất bãi tước lột hết rồi thì hiệu lệnh của vị Tể tướng chẳng ai nể sợ nữa.

VI - NHỮNG HIỆN TƯỢNG THUỘC PHẠM VI SẮC ÂM [^]

Phật bảo ! Này A Nan ! Trong lúc người tu hành tĩnh tọa chỉ tức vọng niệm, vọng niệm lắng thì tâm ly niệm được sáng ra; lúc bấy giờ động tĩnh không tương cang, sự nhớ quên dường như một. Đó là lúc sắp đi sâu vào chánh quán. Trạng thái yên tĩnh của tâm làm cho hành giả giống như người mất tỏ trong chỗ tối tăm. Trí hiểu biết được tịch tĩnh nhưng tâm chưa phát ra sáng suốt. Đó là hiện tượng thuộc phạm vi sắc âm.

Chùng nào trước mắt sáng tỏ, mười phương rỗng rang không còn tối tăm nữa; đó là kết quả bước đầu thiên giả loại hết sắc âm và vượt qua kiếp trước.

Này A Nan ! trong lúc tư duy chân lý tìm xét lẽ nhiệm mầu thân tâm như thể tách rời ra không gì ngăn ngại. Đó là hiện tượng trong sáng của tự tánh tràn ra, là công dụng kết quả của thiên giả tự nhiên. Thiên giả phải cảnh giác tự tâm đừng cho đó là sự chứng đắc, càng không nên tự mãn rằng mình được quả Thánh hiền.

Nếu không chấp thì đó cũng là cảnh giới tốt, bằng tự mãn tự cao cho rằng mình chứng đắc quả vị Thánh hiền thì tự mình làm lạc rơi vào tà kiến.

Này A Nan ! Trong phạm vi sắc âm thiên giả còn phải đề cao cảnh giác với những hiện tượng như sau:

Khi thiền giả tu tập xa ma tha, tam ma bát đề tâm đứng lặng và sáng suốt, bấy giờ chợt thấy mười phương đại địa hóa thành vàng ròng. Tất cả mọi vật hóa thành Như Lai, Phật. Lại thấy Phật Tỳ lô giá na ngồi trên đài Thiên quang có hàng ngàn đức Phật vây quanh. Trăm ức cõi nước cùng vô số hoa sen đồng thời hiện ra trang nghiêm đẹp đẽ...

Cũng do dụng công tư duy thâm hậu đè nén vọng tâm thái quá bỗng nhiên thấy mười phương hư không thành sắc thất bảo trang nghiêm, sự vật không ngăn ngại nhau ảnh hiện đủ sắc màu: xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi hiện ra.

Có lúc tâm đứng lặng, trí sáng phát sanh, vào giữa đêm đen lại thấy mọi vật tỏ rõ như ban ngày và mọi vật vẫn y nhiên không chút gì thay đổi. Đó là công dụng của tâm đứng lặng phát sanh. Thiền giả không được vui mừng và cũng không chấp mắc...

Có lúc gán ép cái tâm đưa vào hội nhập với hư không, tứ chi thân thể bỗng dung như cây như cỏ: lửa đốt không nóng, dao cắt không đau. Thậm chí có lúc lửa đốt không cháy; cắt thịt như chẻ cây. Đó là hiện tượng trần tiêu, tứ đại tán. Thiền giả không được vui mừng và không chấp chặt.

Lại cũng do công dụng tập trung tư tưởng quán chiếu chơn tánh dồn ép thái quá, bỗng nhiên thấy mười phương sông núi đại tòng lâm đều thành cõi Phật, đầy dẫy thất bảo, chiếu sáng khắp cùng. Lại chư Phật Như Lai đông như số cát sông Hằng đầy khắp cõi hư không, ngự trong lầu đài hoa lệ. Dưới thấy

địa ngục, trên có thiên cung thông đồng không ngăn ngại. Đó là những tư tưởng ưa thích và chán ghét chứa nhóm lâu đời bị dồn ép bộc lộ hóa thành ra thế. Thiền giả phải biết, không sanh tâm vui mừng dụng ý bảo thủ chấp nê.

Lại cũng do tư duy sâu sắc dồn nén cái tâm, bỗng dưng giữa đêm đen thấy rõ chợ búa, làng mạc, bà con quyến thuộc phương xa tụ họp hoặc nghe tiếng nói từ hư không vọng đến. Đó cũng là hiện tượng dồn ép tâm thái quá mà ra. Thiền giả không được vui mừng cũng đừng cho là điều chứng Thánh.

Cũng do sức tư duy nghiên cứu dồn nén căng thẳng về mặt lý trí bỗng thấy vị thiện tri thức hiện đến thân hình và dáng vẻ có thể đổi thay hoặc như trẻ, hoặc như già, lúc quắc thước phương phi, lúc như trầm ngâm tư lự... Có lúc lại biết thuyết pháp, dạy đời làm cho nhiều người nghe và lầm tưởng là người chứng đắc thánh quả. Thực chất đó là do tâm bị loài ly mị, thiên ma ám hợp không phải chánh chơn của trí tuệ và giải thoát.

A Nan ! Phật dạy tiếp: Mười thứ cảnh giới như thế có thể hiện ra trong lúc Thiền giả tu tập Xa ma tha, tam ma bát đề. Tất cả đều do sắc ám và công dụng dồn nén vọng tâm mà sanh ra như vậy. Những người có chủng tánh ngoại đạo, chủng tánh phàm phu không được học chánh pháp của Như Lai, trong lúc lập chí và gắng sức tu hành lại gặp những cảnh như vậy họ sanh tâm vui mừng cho là đắc đạo, là chứng Thánh quả. Rồi họ tiếp tục khư khư bảo thủ tự kèm hãm thân

thức mình trong những cảnh ấy, hy vọng hưởng lấy y cái thiên vị do mình tu tập thành tựu.

A Nan ! Mười cảnh giới đó vẫn là kết quả do công dụng của thiên na. Thiên giả biết, không chấp thủ, không tự mãn ở đó, thì đó vẫn là cảnh giới tốt không có hại gì. Nhưng nếu sanh tâm chấp thủ, tự mãn cho đó là kết quả cứu cánh mà mình đã đạt đến, lại tự phong Thánh, phong thần thì mắc phải tội đại vọng ngữ. Rốt cuộc rồi vẫn không ra khỏi luân hồi mà lại phải đọa vào ngục vô gián !

Sau Như Lai diệt độ, các ông nương theo lời dạy này truyền bá lại cho đời sau, đừng để thiên na, ly mị vọng lượng được dịp khuấy phá người tu. Đó là cách giữ gìn chánh pháp, che chở cho những chúng sanh phát tâm tu hành cầu vô thượng đạo.

VII - NHỮNG HIỆN TƯỢNG THUỘC PHẠM VI THỌ ẤM [^]

Phật bảo: A Nan ! Thiên giả tu pháp xa ma tha tam ma bát đề hết sự trở ngại về sắc ấm rồi, chợt thấy tâm Phật hiện vào tâm mình, tâm mình và tâm Phật như bóng hiện trong gương. Sự giải thoát và trí tuệ dường như có được, nhưng cụ thể thì chưa được phát huy công dụng - Giống như tâm trạng người bị mộc đê - Tay chân y nguyên, thấy nghe không sai, nhưng tâm bị khách tà thành ra không cử động được. Đó là trạng thái của thiên giả còn lệ thuộc trong phạm vi Thọ ấm.

Khi mộc hết đề thì thân tâm không hoàn toàn lệ thuộc nữa, người đó sẽ thấy biết mặt mình và ở đi tự tại. Tự tâm nhận biết Phật tâm, Phật tâm không ngoài tự tâm, cho nên Phật tâm không phải như bóng hiện trong gương, hiểu rõ như thế, thì thiên giả mới hết sự trở ngại của thọ ấm đồng thời đã vượt qua kiến trực.

A Nan ! Trong lúc tu xa ma tha tam ma bát đề tâm rất sáng suốt và cũng do sự đề nén vọng tâm thái quá, bỗng nhiên phát sanh lòng thương vô hạn. Thương tất cả mọi người, mọi loài, cho đến muỗi mòng, kiến mồi, xem như con đở của mình: có lúc còn khóc than thảm thiết nước mắt nước mũi tuôn trào khi nhìn thấy các loại côn trùng ăn nuốt cấu xé lẫn nhau. Đó có thể được coi là bình thường, do dụng công đề nén quá độ. Biết thì không có lỗi gì. Giác tĩnh không mê thì tự nó tiêu hết. Nếu không biết, lầm tưởng là mình chứng đắc thì bị giống ma sêu bi xâm nhập tâm can, thấy người thì đau xót, thương khóc muốn đem "bi tâm" ban bủa khắp trần gian. Đó là hiện tượng lầm lạc mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm trong luân hồi.

Lại nữa, A Nan ! Thiên giả hết sắc ấm, bảy giờ thọ ấm tỏ rõ, những cảnh tốt đẹp hiện ra trước mắt. Vì cảm kích quá độ, bỗng ở trong đó sanh lòng dũng mãnh vô hạn, ý chí bằng như Phật. Họ cho rằng tam a tăng kỳ trong một niệm có thể vượt qua. Đó là công dụng lấn lướt quá mức mà sanh ra như thế. Biết thì không có lỗi gì. Không chấp thủ thì lần lần tự nó tiêu mất. Chấp thủ cho là chứng đắc thì giống ma ngông

cuồng xâm nhập tâm can, gặp ai khoe nầy, ngã mạn công cao, trên không còn thấy có Phật, dưới chẳng thấy có người. Thế là lầm lạc sai mất chánh thọ, sẽ bị chìm đắm trong luân hồi.

Lại có thiên giả tu tập thiên định, thọ ấm được tỏ rõ, tiến lên không có chỗ chứng mới, lui về mất sở đắc cũ, trí lực suy kém lơ lửng trong chỗ lửng lơ, không có gì để nương tựa, bỗng dưng tâm sanh khô khát, lúc nào cũng thầm nhớ không nguôi rồi cho như thế là cái đức tinh tấn. Đó là trạng thái không trí tuệ của những kẻ tu hành lầm lạc. Biết thì hành giả không có lỗi gì. Nếu đam mê chấp thủ thì có giống ma nhớ, ám nhập vào tâm can, ngày đêm như nắm cái tâm treo vào một chỗ khắc khoải nhớ nhung. Hạng tu hành như thế sai mất chánh thọ, sẽ chìm đắm trong biển luân hồi.

Có hạng thiên giả tu tập thiên định sắc ấm hết, thọ ấm tỏ rõ. Sức tuệ quá nhiều, sức định thì ít: Trí tuệ quá mạnh mẽ và sắc bén, bằng lòng với thắng tánh đó, rồi tự ngỡ mình là Phật Lô Xá Na. Đó là kết quả của sự dụng tâm mà quên suy xét, nên đam mê tri kiến của mình. Biết thì hành giả chẳng có lỗi gì. Nếu nhận đó là điều chứng Thánh quả thì bị giống ma hạ liệt tri tức ám nhập tâm can. Hễ thấy người tự xưng mình được vô thượng đệ nhất nghĩa đế. Hạng người như thế, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm trong luân hồi lục đạo.

Lại có thiên giả chuyên tâm thiên định. Sắc ấm tiêu rồi thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, tâm đắc cũ đã mất, tâm bỗng sanh lòng lo buồn vô hạn. Tự thấy mình như ngồi

giường sắt, như uống nước đồng sôi, chán nản không muốn sống, mong cầu người khác giết mình để được giải thoát. Đó là hiện tượng của sự tu hành sai lạc chánh pháp. Hành giả biết thì không có lỗi gì, nếu đam mê cho là chứng Thánh thì có giống ma ưu phiền ám nhập tâm can, tay cầm dao mác tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng. Đó là hiện tượng tu thiền làm lạc sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm trong biển luân hồi.

Lại có trường hợp, hành giả định tâm chuyên chú trong sáng chẳng có việc gì, bỗng dung cái mừng vô hạn sanh ra, không sao ngăn được. Đó là hiện tượng khinh an đến với thiền gia, nhưng vì thiếu trí tuệ không đủ sức tự chế tâm mình. Nếu biết thì hành giả chẳng có lỗi gì, còn ham mê cho là chứng Thánh thì có giống ma thích vui mừng ám nhập vào tâm can, hễ thấy người thì cười. Đi ngoài đường tự ca tự hát, tự múa và nói là mình được vô ngại tự tại giải thoát. Đó là biểu hiện của sự tu hành làm lạc, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm trong biển luân hồi sanh tử ưu bi...

Lại có trường hợp thiền giả đi sâu trong thiền định, bỗng nhiên lòng đại ngã mạn phát ra. Từ đó thường biểu lộ các thứ: mạn, mạn quá mạn, liệt mạn, tăng thượng mạn. Người này xem thường cả hàng Thanh văn, Duyên giác, bất kính cả chư Phật. Nguyên do là thắng giải quá cao mà không đủ trí tuệ để kèm chế. Hành giả biết thì không có lỗi gì, nếu mê chấp cho là chứng Thánh thì bị giống ma đại ngã mạn ám nhập vào tâm can, không tin tam bảo, phá hỏng kinh tượng.

Đó là hiện tượng làm lạc, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm trong luân hồi.

Lại có trường hợp định tâm sáng suốt, tỏ ngộ từng phần chân lý, được sức tùy thuận, tâm bỗng sanh ra trạng thái khinh an vô lượng rồi cho rằng mình chứng Thánh. Đó là nhân có trí tuệ mà có sự khinh an. Hành giả không chấp thì không có lỗi, nếu mê chấp sẽ có giống ma khinh thanh ám nhập tâm can, sanh lòng tự mãn không cầu tiến lên nữa, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm.

Lại có trường hợp tâm trụ thiên định, tâm tỏ ngộ được tánh trong sáng và rộng rang của vạn pháp. Bấy giờ vô có bỗng dung quay lại hướng về tánh đoạn diệt bác không nhân quả, chủ trương ngoan không, chấp thủ lý không cho rằng vạn pháp đoạn diệt. Hành giả biết thì không lỗi gì, mê thì có giống ma ngoan không vào trong tim, gan chê bai người tu hành giữ giới, phá các luật nghi, thích ở nhà cư sĩ, uống ăn thô tạp, làm hạnh bất chánh. Thậm chí ăn đồ bất tịnh vì cho rằng tất cả đều không. Đó là hiện tượng làm lạc, sai mất chánh thọ sẽ bị chìm đắm...

Lại có trường hợp thiền giả chú tâm trong định nghiền ngẫm về tánh trong sáng rộng rang ghi sâu vào tâm thức, bỗng nhiên tâm sanh lòng yêu vô hạn. Yêu quá phát điên, làm chuyện tham dục. Đó là hiện tượng sắp được định sâu, nhưng không có tuệ để tự chế nên sa vào ngũ dục. Hành giả tỉnh biết thì không có lỗi gì, nếu mê chấp thì có giống ma ngũ dục ám hợp vào tâm can, rồi cho sự đắm dục là Bồ đề,

lại dạy các đệ tử bình đẳng làm việc dâm dục, gọi những người hành dâm là những người nói giòng pháp tử. Khi ma chán chường rời bỏ thân thể, không còn uy đức thì thầy trò sa vào lưới pháp luật của quốc gia xã hội. Đó là hiện tượng sai lầm rời xa chánh thọ sẽ bị chìm đắm luân hồi.

A Nan ! Mười thứ cảnh hiện ra trong thiền định như vậy đều do thụ ám và công dụng tác động giao xen mà hiện ra như thế. Chúng sanh tham mê hiện tượng lạ không biết suy xét tự cho rằng mình đã chứng lên quả Thánh, thành tội đại vọng ngữ phải đọa tam đồ. Nếu có học hiểu kinh giáo tuân theo lời dạy bảo của Như Lai. Khi gặp những cảnh như thế sanh ra phải tự nhủ lòng: đó là cảnh vọng, không được sanh tâm ham hố, không được móng ý duy trì thì tự nó tiêu tan, thiền giả chẳng có lỗi gì. Móng ý tham cầu, trăm người như một làm lạc đường tà tự chiêu khổ lụy không khỏi luân hồi. Sự tu hành cần khổ, luống công còn chuốt vào mình tai ương, khổ não, mất đi chánh thọ, sẽ bị luân hồi khó có ngày ra.

VIII - CÁC HIỆN TƯỢNG THUỘC PHẠM VI TƯỚNG ÁM [^]

Phật bảo: Này A Nan ! Các thiền giả tu xa ma tha, tam ma bát đề vượt qua thọ ám, khi thọ ám hết rồi, dù chưa hết mê lầm, nhưng tâm có thể tách rời khỏi hình hài như chim ra khỏi lồng. Từ đó tiến lên trải qua nhiều hạnh vị và được "ý sanh thân". Ý sanh thân có nghĩa là được tùy ý đi ở không còn bị ngăn ngại. Đó là hiện tượng thuộc phạm vi Tướng ám.

Đến lúc hết động niệm, vọng tưởng được tiêu, cái tâm giác minh như phủi hết bụi nhơ, dùng trí sáng có thể soi rọi biết được đoạn đường sanh tử của mình trong nhiều giai đoạn. Đó là hiện tượng của hành giả hết rồi tướng ám.

Này A Nan ! Thiên giả được vượt qua thọ ám, định tâm tăng tiến sáng suốt và rộng rang. Và trong khi tiếp tục tu tập Tam ma đề bỗng nhiên tâm ham muốn cầu được công dụng thiện xảo linh thiêng... Thừa dịp vọng tâm sơ hở này, thiên ma mượn xác một người khác gá vào và tự khoe mình chứng đắc Niết bàn Phật, đến trước thiên giả hay Phật thuyết pháp. Do uy lực của thiên ma, người này hiện lúc trẻ, lúc già, lúc làm tỳ kheo, lúc làm Đế thích, lúc hiện phụ nữ, lúc ở trong nhà tối hiện ánh hào quang. Thiên giả ngu mê kia lầm tưởng là Bồ tát, nghe lời dạy bảo, kính cẩn tin theo, chánh tâm lay chuyển, phá hủy luật nghi làm chuyện dâm dục. Người thiên ma ưa nói chuyện huyền hoặc để bịp đời như: thời cuộc biến đổi, đao binh sắp xảy ra, hồng thủy sẽ đến, hỏa tai thiêu cả nhân gian... Đó là giống quái quỷ tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi ma chán rồi, bỏ không gá nữa thì Thầy và đệ tử ngu si đều sa vào lưới luật pháp của quốc gia, và kiếp kiếp xiêu lạc trong luân hồi.

Lại có người đang tu tập tam ma đề bỗng dung sanh tâm thích đi chơi: thả cho tư tưởng bay đi cảnh này xứ nọ. Thừa dịp vọng tâm sơ hở của thiên giả, thiên ma gá vào thân một người khác và tự khoe mình đã được Vô thượng Niết bàn, đến trước thiên giả thích đi chơi kia, trải tòa thuyết pháp. Do

uy lực của thiên ma làm cho thiên giả và nhiều người nghe pháp tự thấy mình được ngồi trên hoa sen báu, thân thể biến thân sắc vàng sáng chói. Cả thính chúng cảm phục và được sự an vui chưa từng có. Thiên giả si mê kia tưởng lầm đó là Bồ tát cung kính nghe tin theo lời dạy bảo, làm việc dâm dật, hủy báng chánh pháp. Ma ưa nói: Phật này giáng thế chỗ kia. Phật kia độ người chỗ nọ... Người này là Bồ tát hóa thân, người kia Thánh mẫu xuống trần độ thế... Những người tu hành vô trí tin theo. Đó là loài bạt quý tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi ma chán rồi không gá nữa thì Thầy và đệ tử đều sa vào lưới pháp luật của quốc gia, tất nhiên sau đó luân hồi kiếp kiếp.

Lại có thiên giả trong khi tĩnh tọa trong tam ma bát đề tâm được định tĩnh rỗng rang, bỗng nhiên tâm sanh ước vọng muốn cho tâm mình khế hợp chân lý tức thì có được sự ứng hiện hiển linh. Thừa cơ hội sai trái của thiên giả, thiên ma cho tinh thần gá vào một người khác, và tự xưng rằng mình đã được Vô thượng Niết bàn, đến chỗ thiên giả hâm mộ khế hợp chơn lý trải tòa thuyết pháp. Thân hình của tất cả mọi người không có gì thay đổi, nhưng trước khi nghe pháp mọi người tự thấy được túc mệnh thông, hoặc tha tâm thông, hoặc biết và nói những chuyện tốt, xấu, tai ương, hay phúc đức của thế gian. Hoặc làm cho mọi người thấy cảnh chư Thiên, cảnh địa ngục, hoặc cho mọi người vốn không học hành lại biết tụng kinh, nói đạo lý... khiến cho ai cũng vui vẻ, kính phục nghe theo lời thuyết pháp xảo ngụy của thiên ma. Thiên giả trong lúc si mê, lầm tưởng đó là Bồ tát, cung

kính tôn trọng và thay đổi lập trường bỏ mất chánh thọ, học làm theo những điều tham dục mà miệng thì ưa nói chuyện Phật. Rằng Phật ở cõi kia, Phật kia giáng trần xứ nọ. Phật nam, Phật nữ, Phật thiết, Phật giả chủ đích để bịp người tu hành. Đến khi ma chán rồi không gá nữa thì lúc đó Thầy và bọn đệ tử lần lượt sa vào lưới pháp luật của nhơn gian. Người tu hành biết không ham mê thì chẳng có lỗi gì và hiện tượng ấy dần dần tự nó tiêu diệt, bằng không biết bị rơi vào đường tà kiến lạc vào đường địa ngục luân hồi.

Lại có thiên giả trong khi tập trung tư tưởng trong sáng chuyên chú trong tam ma đề, bỗng dưng tâm sanh đam mê hiểu biết tận tường về căn nguyên của mọi sự vật hiện tượng. Thiên ma nhờ dịp đó, cho tinh thần gá vào một người khác, tự nhiên nói được kinh pháp và tự xưng rằng mình đã được Vô thượng Niết bàn Phật. Rồi Thiên ma này đến chỗ thiên giả tham cầu hiểu biết ấy trải tòa thuyết pháp. Do uy lực của thiên ma khiến cho mọi người ai nghe cũng đều kính phục. Mọi người đồng ý theo lời dạy của ma rằng Bồ đề Niết bàn, pháp thân Phật chỉ là cái thân xác hiện tiền, không có cái gì khác. Cha sanh con, con sanh cháu, rồi cha con sanh nhau đời này sang đời khác, không mất, đó là pháp thân thường trụ chớ không có cõi Phật, cõi Bồ tát, cõi Trời nào khác. Những người tu hành si mê đem thân mạng qui y nghe theo những điều đó, thay đổi lập trường, hủy bỏ chánh pháp tu theo tà kiến rồi loạn chánh thọ làm việc tham dục. Ma ưa thuyết giáo: mắt, tai, mũi, lưỡi là tịnh độ, hai căn nam nữ là chỗ làm cho con người được Bồ đề Niết bàn. Bọn ngu si vô

trí đều tin những lời dạy ô uế đó. Thực chất nó là Cỗ độc quỷ và thặng ác quỷ, tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi ma khuấy chán rồi bỏ thân không gá nữa thì thầy ma, trò ma đều sa vào lưới pháp luật của nhơn gian. Người đệ tử Phật chơn chánh biết trước không đắm mê theo thì cũng chẳng có lỗi gì. Si mê theo nó thì lạc vào tà kiến sai mất chánh thọ bị đọa địa ngục, luân hồi khó dứt !

Lại có thiên giả tâm được rộng rang, trong lúc tu tam ma đề bỗng dưng tâm ham thích nổi lên muốn biết việc quá khứ, vị lai, nghiền ngẫm mọi hiện tượng mong được thâm cảm linh ứng để thỏa mãn yêu cầu. Thiên ma thừa dịp đó cho tinh thần gá vào một người khác, nói được kinh pháp và tự cho là mình đã được Niết bàn Vô thượng. Ma đến trước thiên giả tham cầu linh ứng kia trải tòa thuyết pháp, khiến cho thính chúng tự cảm thấy thân mình như được trăm ngàn tuổi, tham ái tâm nổi dậy sanh lòng trọng kính ma và không thể rời bỏ được; đem thân làm nô bộc, cúng dường tứ sự không biết mệt mỏi. Mọi người bằng lòng tôn trọng đó là bậc tiên sư, sanh lòng ái pháp dính như keo sơn và được cái chưa từng có. Thiên giả vô trí lại lầm tưởng là Bồ tát hiện đến độ mình, gằn gỏi, nghe lời dạy bảo sai quấy của ma, hủy phá luật nghi làm việc tham dục bỏ mất thanh tịnh, sai lầm chánh thọ. Thực chất đó là giống lệ quỷ tuổi già thành ma khuấy phá người tu. Khi ma khuấy chán rồi, rời bỏ thân người không gá nữa, thì thầy và đệ tử ma đều bị sa vào lưới pháp luật của thế gian. Người tu hành biết thì tự nó tiêu tan, bằng đắm mê cho là chứng đắc thì sai mất chánh thọ đọa vào địa ngục.

Lại có thiên giả định tâm đứng lặng, tập chú tam ma đề, bỗng dung tâm ưa thích chỗ vắng vẻ, muốn sự khắc khổ, ham làm việc cần lao. Thừa dịp đó, thiên ma cho tinh thần gá vào một người khác, nói được kinh pháp, và tự xưng mình đã được Vô thượng Niết bàn. Ma đến trước thiên giả ham thích khắc khổ, trải tòa thuyết pháp, làm cho thiên giả và nhiều người như tự biết nghiệp cũ, biết về kiếp trước của mình. Ma chỉ người này kiếp trước là cạp, người nọ kiếp trước là rắn, người kia kiếp trước là rùa... Ma sai bảo mỗi người tự hiện tướng tựa hồ như thật, do đó mọi người hết lòng kính phục nghe theo những lời dạy bảo xằng bậy của ma. Người nào móng tâm trái ý nó, nó biết và dùng thể lực mà uy hiếp. Ma lại hiện ra như người tu hành khắc khổ, tinh tấn trong việc cần lao, để chê bai tỳ khuru, mắng nhiếc đồ chúng, phô bày việc xấu của người khác. Ma thường nói chuyện họa phúc, hên xui, nói chuyện may rủi của gia đình người đúng y chuyện nhà của ma vậy. Thực chất đó là giống Đại lực quỷ tuổi già thành ma khuấy phá người tu hành, khi ma khuấy chán rồi, rời bỏ thân người kia không gá nữa thì thầy ma, đệ tử ma đều sa vào lưới pháp luật của thế gian. Người tu thiên biết thì ma tự tiêu tan, đam mê ái nhiễm thì sa vào tà kiến luân hồi rồi vào địa ngục.

Lại nữa, có thiên giả tâm được đứng lặng, trong lúc chuyên chú tam ma đề để tâm tìm hiểu muốn biết về túc mạng. Thừa dịp đó Thiên ma gá vào một người nào đó, nói được kinh pháp thông thạo và tự xưng đã chứng được Niết bàn. Ma đến trước thiên giả và nhiều, trải tòa thuyết pháp. Do thể lực của

ma khiến cho những người nghe pháp có được châu báu hoặc ma hiện thân thú vật, miệng ngậm châu ngọc đem cho. Ma lại có thể chỉ chỗ này chôn châu báu, chỗ nọ có vật quý chói sáng, khiến cho các người nghe pháp của nó được cái chưa từng có. Ma chỉ ăn cây thuốc, không ăn cơm hoặc một ngày chỉ ăn ít đậu, mè mà thân hình vẫn tốt đẹp; Vì vậy mọi người đều kính phục, tuyệt đối nghe lời. Ma phỉ báng Tỳ khưu, mạt sát đồ chúng. Ma lại chỉ nơi kia là chỗ của các Thánh, chỗ nọ của những người linh hiển... Thâ? chất đó là loại quý thần rừng núi, hoặc thổ địa thần hoàng tuổi già thành ma khuấy phá người tu hành, xúi giục làm bậy hủy phá luật nghi Phật dạy. Khi ma chán rồi, rời bỏ thân không gá nữa thì thầy, trò đều sa vào lưới pháp luật của thế gian. Người tu thiền phải biết để cảnh giác thì chúng tự tiêu tan, bằng ham mê thì bỏ mất chánh thọ sai trái chánh kiến sa vào địa ngục.

Lại có thiền giả tâm được đứng lặng, chuyên chú tam ma đề bỗng dung tâm ham mê biến hóa thân thông, mong được thần lực linh hiển. Thừa dịp đó, thiên ma cho tinh thần gá vào một người khác, nói được kinh pháp và tự xưng chứng được Vô thượng Niết bàn. Ma đến chỗ thiền giả mong cầu thân thông biến hóa, trải tòa thuyết pháp và tay cầm lửa đưa cao đốt trên đầu mọi người, thế mà không ai thấy nóng. Ma lại hiện ngồi lơ lửng trên hư không, hoặc hiện đi trên mặt nước, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong đáy, hoặc vượt qua cửa sổ, hoặc đi thông suốt qua tường mà không chút ngăn ngại. Chỉ trừ binh khí gươm đao thì chưa được tự tại. Ma tự

xung mình là Phật, chịu Tỳ khưu lễ bái, chê bai thiên luật, mắng nhiếc đồ chúng, khuyến khích sự hành dâm, bảo những sự ôm áp hành lạc với nhau là truyền pháp. Thực chất đó là giống Hải tinh, Sơn tinh, Phong tinh, Thổ tinh và loài tinh m? của cây cỏ sống nhiều kiếp trong trời đất, hoặc do loài Tiên đã chết lâu năm, hình hài không nát, loài quái quỷ gá vào. Bọn ấy tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi khuấy phá chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử ma, thầy ma đều sa vào lưới pháp luật. Người tu hành biết thì chúng tự tiêu tan, đam mê thì sai mất chánh thọ, đọa lạc địa ngục luân hồi vĩnh kiếp.

Lại có thiên giả định tâm đứng lặng, chuyên trụ tam ma đề bỗng dung tâm thích vào chỗ diệt tận, nghiên cứu tánh biến hóa, tham muốn cái rộng không sâu nhiệm. Thừa dịp đó thiên ma cho tinh thần gá vào một người khác, nói được kinh pháp và tự xưng mình được Vô thượng Niết bàn, đến chỗ thiên giả tham cầu rộng không ấy trải tòa thuyết pháp - Ở giữa chỗ đông đảo ma bỗng biến mất thành không, từ không hiện ra có lúc hiện thân mình trong suốt như lưu ly, có lúc dúi tay hiện ra mùi thơm chiên đàn, lúc đưa tay xuống hiện ra mùi phân tiểu cứng chắc như đường phèn. Lúc thuyết pháp nói không có nhân, không có quả, chết rồi là hết không có thân sau, khuyến khích mọi người làm việc dâm dục. Và do uy lực của ma những người làm việc dâm dục cũng được cái rộng không chưa từng có. Thực chất đó là những tinh khí nhật nguyệt bạc thực, vàng, đá, cỏ, cây, quy, phượng, lân, hạc trải qua ngàn vạn năm không chết là các loài tinh trong

các quốc độ, đến lúc tuổi già thành ma khuấy rối người tu hành. Khi ma khuấy chán rồi, rời bỏ thân người không gá nữa, thì thầy ma, trò ma tất cả đều sa vào lưới pháp luật của nhân gian. Thiên giả tu hành, biết cảnh giác thì tự nó tiêu mất, bằng đam mê theo chúng lạc vào tà khiến sai mất chánh thọ đọa vào địa ngục vĩnh kiếp luân hồi.

Lại có thiên giả tâm được rộng rang đứng lặng, chuyên chú trong tam ma đề, bỗng nhiên sanh tâm ham sống, thích gian khổ, muốn quan sát sự vật tinh vi mong cầu nhiều tuổi, vượt ra cái sống phần đoạn cầu được thường trụ. Thừa dịp ấy, thiên ma cho tinh thần gá vào một người khác, nói được kinh pháp, và tự xưng mình chứng được Vô thượng Niết bàn. Đến trước thiên giả và chỗ đông người, ma diễn trò huyền hoặc, đến chỗ cách xa trăm dặm lấy một vật làm tin rồi trở về trong giây lát. Hoặc ở trong một căn nhà, mà bảo người đi thử, đi mãi đi hoài mà từ vách bên này không đến được phía vách bên kia. Do vậy nhiều người tu hành, các thiên giả hết lòng cung kính tin theo, cho đó là Phật sống hiện ở đời. Được nước, ma tuyên bố thập thương chúng sanh là con đờ của ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự sanh ra đời, không do tu hành đắc đạo. Thực chất bọn này chính là ma trụ thế Tự tại thiên cùng loại với bọn Giá văn trà, Tỳ xá đồng tử ở cõi Tứ thiên vương, thích cái rộng không chúng nó đến ăn tinh khí người tu hành. Bọn đó có thể hiện làm gái đẹp kêu gọi rủ ren người tu hành làm việc dâm dục, hành sự theo ma không lâu thì tâm can khô kiệt, tinh thần rối loạn, miệng nói lắm nhảm. Những ai rơi vào

đường cảm dỗ của ma, cuối cùng thầy ma, trò ma đều rơi vào lưới pháp luật của thế gian. Thiền giả biết cảnh giác thì ma tự tiêu mất, bằng mê muội nghe theo sai mất chánh thọ trái đạo Bồ đề sẽ đọa địa ngục vĩnh kiếp luân hồi.

A Nan ! Ông nên biết, mười thứ ma ấy đời sau cách xa chánh pháp, chúng có thể hiện ra trong giới xuất gia của đạo Phật, hoặc gá vào thân người thế gian, hoặc có thể tự hiện. Dù với hình thức nào, chúng cũng tự xưng là đã chứng được Vô thượng chánh biến tri giác. Các loại ma này đều khen ngợi sự dâm dục; thầy ma cùng đệ tử ma dâm dục truyền nhau. Mê hoặc nhau thắm sâu tâm can lưu luyến nhau, ít thì chín đời, nhiều thì trăm kiếp, khiến cho người tu hành chân chánh trở thành quyến thuộc của ma, sau khi chết phải làm dân ma mất hết chánh trí đọa vào địa ngục.

A Nan ! Ông hãy phát nguyện vào đời ngũ trược, tung vãi lòng đại bi dạy dỗ chúng sanh phát khởi lòng chánh tín, tu theo chánh pháp để được Vô thượng chánh biến tri, xa lánh tà ma ngoại đạo. Được vậy, là ông đã đền đáp ơn Phật. Mười thứ cảnh giới như thế hiện ra trong thiền định đều do tướng ám che chướng mà sanh ra, tác hợp với công dụng tu tam ma đề dồn nén vọng tâm hiện những cảnh đó, chứ không phải là hiện tướng chứng quả hay thành Bồ tát, thành Phật gì. Những người tu thiền không học, chưa nghe lời răn dạy của Như Lai, phần nhiều bằng lòng khi gặp những cảnh giới như vậy và cho là mình đã chứng đắc. Đó là sai lầm nguy hại lớn lao.

A Nan ! Sau Như Lai diệt độ ông nên đem những lời dạy này của Như Lai truyền bảo cho chúng sanh hậu thế, khiến cho hiểu rõ nghĩa đó, không để cho thiên ma có dịp khuấy rối. Đó là cách che chở, hộ trì cho chúng sanh, cho những người phát tâm đi vào con đường Vô thượng chánh tri giác.

Tập III

---o0o---

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

1. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Hành âm
2. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Thức âm
3. Phần lưu thông

I - NHỮNG NHẬN THỨC SAI LẦM THUỘC PHẠM VI HÀNH ÂM [^]

A Nan ! Thiên giả tu tập tam ma đề khi tướng âm đã hết thì những tư tưởng bình nhật của người đó đã diệt hết; lúc ngủ, khi thức luôn luôn được giác chiếu rộng lặng như hư không trong sạch. Những mộng tưởng thô trọng không còn; Nhìn xem cảnh vật, núi, sông, đất liền như một tấm gương trong sáng, đến đi không vướng mắc, qua lại bật dấu chân, chỉ còn một tánh tinh chân tịch tĩnh. Căn nguyên của mọi hiện tượng sanh diệt từ đây phô bày trước mắt. Bảy giờ thiên giả thấy rõ 12 loại chúng sanh trong thế giới mười phương; dù chưa thấu suốt manh mối của mỗi chúng sanh, nhưng đã thấy được cơ sở sanh diệt của các chủng loại như bóng đã mờ

nhập nhóng hiện ra như mờ như tỏ, chưa xác định rõ ràng. Đó là phạm vi hành âm.

Chừng nào những hình bóng lằng xằng như bóng dã mã kia được đứng lặng hoàn toàn như mặt nước ao thì đó là biểu hiện hành âm đã vượt qua rồi, thiền giả lúc bấy giờ từ bỏ hết chúng sanh được.

A Nan ! Ông nên biết, thiền giả có được sự hiểu biết đúng đắn, chánh tâm tĩnh trụ trong xa ma tha tam ma bát đề thì mười loại thiên ma thuộc thức âm kia không còn có cơ hội khuấy phá được nữa. Nhưng trong lúc tư duy nghiên cứu nguồn gốc sinh loại, nghiên cứu đến tột cùng, bấy giờ đâu mỗi sanh diệt chuyển động lằng xằng u ám của sự vật hiện tượng kia, rồi móng tâm cân nhắc so đo và cuối cùng chấp cho đó tánh bản nguyên của vạn pháp. Do đó, họ sa vào chỗ nhận thức sai lầm, chủ trương: "Vô nhân luận" với hai luận cứ sau.

Một là, theo sự thấy biết của họ thì tất cả chúng sanh không có nguyên nhân, tự nó sanh ra kể từ tám muôn kiếp trở lại đây mà thôi. Tùy theo dòng nghiệp báo, có thể chết đây sanh kia xoay dần trong đó, ngoài tám muôn kiếp thì vạn vật "vô nhân".

Hai là, họ cho rằng tất cả chúng sanh không có nguyên nhân cuối cùng. Theo chỗ thấy biết của họ thì người sanh người, chim sanh chim, quạ thì đen, hạc thì trắng, loài người đứng thẳng sống, loài thú lưng nằm ngang, màu trắng của hạc

không do tủy, màu đen của quạ không do nhuộm; suốt tám muôn kiếp vẫn không hề đời đổi; đời này đời khác vẫn như vậy, xưa nay cứ theo qui luật cũ mà lập đi lập lại. Do đó, họ cho rằng họ không hề thấy có gì là Bồ đề, thì làm sao có vấn đề thành đạo Bồ đề, có chứng có ngộ. Quả là mọi sự vật "Vô nhân".

Do những kiến chấp như thế bỏ mất tánh chánh biến tri, lạc vào tà giáo ngoại đạo, đốt cháy hạt giống Bồ đề. Đó là bọn ngoại đạo thứ nhất, chủ trương "VÔ NHÂN LUẬN".

A Nan ! Lại có hạng thiên giả trụ trong tam ma đề, tâm đứng lặng rỗng rang, chuyên chú tìm xét nguồn gốc các loại chúng sanh, họ thấy cái tánh chuyển động luôn luôn không ngừng, bèn khởi sanh ý niệm chấp "thường", họ chủ trương cái thuyết vạn vật "vĩnh viễn thường" của bốn luận cứ:

Một là: Tâm và cảnh vốn không có nguồn gốc. Tuy nhiên tất cả thập phương chúng sanh, sanh ra và diệt đi, sanh diệt diệt sanh trong vòng hai muôn kiếp thì không hề tan mất. Do đó họ cho sinh loại là "thường".

Hai là: Họ thấy tứ đại là thường còn, thập phương chúng sanh dù có sinh có diệt, tuy nhiên trong phạm vi thời gian bốn muôn kiếp xoay vần sanh diệt nhưng bản thể không hề tan mất. Vì vậy, họ chủ trương trong sinh loại là "thường".

Ba là: Họ cho tứ đại thường còn, trong phạm vi bốn muôn kiếp, thập phương chúng sanh dù có sinh diệt, nhưng bản thể

thường còn không hề tan mất. Do vậy, họ chủ trương vạn vật là "thường".

Bốn là: Họ xét tội bản lai của sáu căn, của sự chấp thọ, của ý thức của mặt na thức, A lại da thức tánh vẫn thường. Vì vậy, trong phạm vi tám muôn kiếp, tất cả chúng sanh trong thập phương dù có sanh có diệt, nhưng bản thể vẫn thường. Vì vậy, họ chủ trương vạn vật là "thường".

Do những chấp mắc sai lầm hạn hẹp trong phạm vi thấy biết của họ, mà bỏ chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mai một tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ hai chủ trương "Viên thường luận".

Lại có thiên giả trụ trong tam ma đề, chánh tâm đứng lặng, tìm xét nguồn cội các loại chúng sanh và cái tánh chuyển động kín nhiệm liên tục của sự vật, họ cân nhắc so đo và sanh kiến chấp giữa mình và cái khác. Do kiến chấp sai lầm điên đảo, họ chủ trương: "một phần thường, một phần vô thường" qua bốn luận cứ!

Một là: Họ quán cái tâm của họ là tâm nhiệm màu sáng suốt đứng lặng cùng khắp mười phương thế giới; họ cho đó là cái thần ngã là cái "ta" cứu kính. Do đó họ chấp có cái ta nhiệm màu sáng suốt đứng lặng cùng khắp mười phương không lay động. Còn tất cả chúng sanh thì ở trong tâm ta tự sanh tự chết. Vậy tâm tánh của "ta" là thường còn những bọn chúng sanh kia thì là vô thường.

Hai là: Hạng thiên giả không quán xét cái tâm mà chỉ quán xét cõi nước trong hằng sa quốc độ. Họ thấy có chỗ bị thiên tai địa chấn hủy hoại, họ kết luận đó là tánh rốt ráo vô thường; còn những chỗ không bị kiếp tai phá hoại thì họ bảo đó rốt ráo thường.

Ba là: Hạng quán xét cái tâm, cho rằng tâm mình tinh vi nhỏ nhiệm giống như vi trần lưu chuyển trong mười phương mà không bị biến chất, lại có thể gá hợp với thân, sanh rồi diệt, diệt lại sanh mà vẫn thường còn. Đó là tánh thường; còn sự sống chết diệt sanh từ cái tánh ấy sanh ra thì gọi là vô thường.

Bốn là: Hạng thiên giả họ biết được cái lúc tướng âm của họ hết và đồng thời họ cũng biết họ còn đang ở trong phạm vi của hành âm. Do đó họ chấp cho hành âm là tánh thường, còn sắc, thọ, tướng âm đã hết, họ cho đó vô thường.

Chủ trương "một phần thường, một phần vô thường: như thế phát xuất từ hiểu biết hạn hẹp đối với chân lý, cho nên sai lầm, vì cái nhận thức chân lý của họ chỉ ngang tầm cỡ đó chưa vượt lên được nữa, họ lầm mất tánh Bồ đề. Đó là hạng người đạo thứ ba, lập luận: "một phần thường, một phần vô thường".

Lại có hạng thiên giả trong tam ma đề nghiên ngẫm cội nguồn hiện tượng vạn hữu, bỗng sanh tâm chấp mắc về phạm vi. Bằng vào sự hiểu biết của mình họ dựng lên thuyết: Hữu biên vô biên luận, qua bốn luận cứ như sau:

Một là, Họ cho là cội gốc sanh tử thì lưu chuyển tương tục không ngừng, rồi chấp quá khứ và vị lai là hữu biên. Còn cái tâm chịu sự sanh tử tương tục là vô biên.

Hai là: Theo họ, trong tám muôn kiếp trở lại, thấy có chúng sanh, còn trước tám muôn kiếp thì bằng bực không nghe thấy gì. Họ cho rằng chỗ không nghe thấy là vô biên; còn chỗ có chúng sanh là hữu biên.

Ba là: Họ cho rằng họ có cái biết cùng khắp, họ được tánh vô biên; các người khác sanh ra trong cái biết của họ nên chỉ có tánh hữu biên.

Bốn là: Hạng thiên giả đã diệt hết hành âm, theo tri kiến của họ, thì thân của chúng sanh có một nửa sanh, một nửa diệt, còn các hiện tượng sự vật của thế gian có một nửa hữu biên, một nửa vô biên.

Do sự chấp, mắc sai lầm như thế rơi vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ tư chủ trương: Hữu biên vô biên luận.

Lại có thiên giả trụ tam ma đề trong lúc nghiền ngẫm cội gốc sanh diệt của hiện tượng vạn hữu, bỗng sanh kiến giải sai lầm chấp mắc điên đảo. Họ dựng luận thuyết "Bất tử càn loạn" với bốn luận cứ:

Một là: Hạng thiên giả trong lúc quan sát về cội nguồn biến hóa, họ thấy: cái có dời đổi thì gọi là biến; cái gì tương tục thì gọi là thường; chỗ thấy được thì gọi là sanh; chỗ không

thấy được gọi là diệt; chỗ tương tục gọi là thêm; chỗ có tiếp giáp của sự tương tục gọi là bớt; chỉ sự vật sanh ra gọi là có; chỗ tương đối không có gọi là không. Do kiến chấp như vậy, cho nên có ai cầu pháp hỏi nghĩa lý về đạo, họ đáp: Ta nay cũng sanh, cũng diệt; cũng có mà cũng không; cũng thêm và cũng bớt. Lúc nào cũng nói lộn quanh khiến cho người nghe không sao hiểu được. Rồi làm tướng là mình thấp thỏi còn vị ấy thuyết pháp quá "cao siêu" !

Hai là: Hạng thiên giả chuyên chú xa ma tha tam ma bát đề, nhưng chưa rõ thấu chân lý "không"; Họ cho rằng nhân cái không mà được chứng đạo, họ chỉ đáp bằng một chữ "không". Ngoài tiếng không, họ chẳng biết gì nữa.

Ba là: Hạng thiên giả sai lầm về chân lý "có". Họ cho tất cả đều có và do nhận biết vạn pháp là có mà được chứng đạo. Vì vậy, nếu có ai hỏi đến đạo, họ chỉ đáp một chữ "có". Ngoài chữ có, không còn nói được gì nữa.

Bốn là: Hạng thiên giả chấp ngoại cảnh vừa có vừa không. Vì hoang mang trước cảnh, nên tâm cũng rối loạn. Nếu có ai đến hỏi về đạo lý, họ đáp rằng: vạn vật "cũng có tức là cũng không; trong cái cũng không, không phải là cũng có". Chúng nói một cách rối loạn càn bậy không sao đúc kết được vấn đề. Do những thứ chấp mắc rối loạn càn bậy như thế mà lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ năm, chủ trương lập ra bốn thứ lý luận "Xà quần" gọi là: "Càn loạn bất tử luận".

Lại có hạng thiên giả chuyên chú Xa ma tha tam ma bát đề, chánh tâm đứng lặng trong lúc tư duy tìm xét nguồn gốc các sinh loại, bỗng tâm chấp mắc khởi lên, chủ trương cho rằng có dòng sanh diệt vô tận cho nên sau khi con người chết còn có cái tướng diệt sanh vô tận. Họ mê chấp kiến giải sai lầm của mình: Sắc là ta; ta là sắc; Sắc thuộc về ta; ta ở trong sắc. Đối với thọ, tưởng, hành cũng theo lối lý luận như vậy thành ra 16 tướng. Đó chấp mắc như vậy, lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ sáu chủ trương "Ngũ ấm sau khi chết còn có tướng".

Lại có hạng thiên giả an trú trong tam ma đề, đứng lặng vọng tưởng, tìm xét nguồn gốc sinh loại, bỗng sa vào điên đảo khởi chấp: Sau khi chết không có tướng. Họ cho rằng sau khi chết sắc chẳng còn tồn tại, thọ, tưởng không còn chỗ để tác động gá nương. Vì vậy, sau khi chết không còn có tướng cho đến nhân quả cũng không, Niết bàn cũng không, chỉ có danh tự, kiến chấp như vậy, lạc vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ bảy lập luận: Sau khi chết không còn tướng.

Lại có hạng thiên giả sai lạc vào tà chấp: cho rằng cái có và cái không tự nó đánh đổ nhau. Do vậy, họ lập luận: Sau khi chết không phải có, không phải không. Kiến chấp sai lầm đó khiến cho người tu thiên mờ tịt đường, sau rơi vào ngoại đạo, làm mất tánh Bồ đề. Ấy gọi là loại ngoại đạo thứ tám lập luận: Sau khi chết không phải có, không phải không.

Lại có hạng thiên giả tu tập tam ma đề bổng khởi sanh kiến chấp đoạn diệt. Họ cho rằng: hết thân này là diệt; ngũ dục là diệt, hết khổ là diệt; tột vui là diệt, xả hết là diệt; chấp xoay dần bảy cách đoạn diệt. Do kiến chấp sai lầm, lạc vào ngoại đạo, lầm mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ chín, lập luận: Sau khi chết là dứt hẳn.

Lại có hạng thiên giả trong tam ma đề chánh tâm đứng lặng, trong lúc tìm xét nguồn gốc sinh loại đến chỗ uẩn, bổng sanh tâm chấp: "Sau này còn có". Dựa vào kiến giải đó, họ chủ trương: Niết bàn luận có năm thứ:

Một, Dục giới là Niết bàn, vì qua sự thấy biết của họ Dục giới vẫn có những sự trong sáng đáng yêu và Dục giới là cơ sở chuyển sanh tử ra Niết bàn.

Hai, Sơ thiên là Niết bàn, vì cõi Sơ thiên không còn ưu thọ.

Ba, Nhị thiên là Niết bàn, vì cõi Nhị thiên không còn khổ thọ.

Bốn, Tam thiên là Niết bàn, vì cõi Tam thiên rất vui đẹp.

Năm, Tứ thiên là Niết bàn, vì Tứ thiên đã dứt hết khổ và vui.

Họ cho rằng đạt đến cõi Tứ thiên không còn sinh tử luân hồi.

Những cõi trời đó được quả báo an lạc có mức độ, là phước báo hữu lậu, chưa phải là cảnh giới thù thắng thanh tịnh của bậc Thánh hiền. Vì lầm chấp năm thứ Niết bàn phi chân lý nên sa vào ngoại đạo, sai mất tánh Bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ mười, lập luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm có năm thứ Niết bàn.

A Nan ! Mười thứ hiểu biết điên rồ trong Thiên na như vậy là do hành ám và dụng công chuyển hóa giữa vọng và chân giao tranh nhau mà sanh ra; chúng sanh mê muội không biết, gặp những cảnh như vậy cho rằng mình được chứng đắc Thánh quả sanh tâm ngạo mạn, khoác lác, khoe khoan với ý đồ mê hoặc, bịp bợm người mộ đạo để hồng tom góp lợi dưỡng thỏa mãn hư danh. Hạng ngu si như thế chỉ gạt được những người có tâm mộ đạo mà thiếu học đạo thôi. Với nhãn quang của người trí tuệ tham cứu tinh thường tam tạng giáo điển, nghe qua đã biết cửa địa ngục mở rộng để chờ đón bọn vô minh hắc ám chỉ biết có lợi dưỡng này.

Sau Như Lai diệt độ, A Nan ! các ông là những trưởng tử Như Lai phải truyền bá chánh pháp, khiến cho những người ham mộ Bồ đề, Niết bàn hiểu rõ những sai trái nói trên. Có như vậy mới thẳng tiến trên đường Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không sợ lạc lầm.

II - NHỮNG NHẬN THỨC SAI LẦM THUỘC PHẠM VI THỨC ÁM [^]

Phật bảo ! Này A Nan ! Người chuyên tu xa ma tha tam ma bát đề, đến khi Hành ám hết rồi thì những nguyên nhân luân hồi từ nghiệp thô đến tế gần như bực hẳn; với quả giải thoát giác ngộ người này bước đến chẳng còn xa, ví như gà gáy canh năm, nhìn về phương đông đã có hừng sáng ở chân trời. Ở giai đoạn này, thiên giả sáu căn rộng lặng không còn rong ruổi trần cảnh, nội tâm ngoại thân đều trong sáng, thể nhập tánh vô sở nhập. Thấu suốt nguồn gốc của sinh loại. Thấy

biết được tánh tổng quát của thế giới, chỉ còn phần tinh vi u uẩn chưa tận tường. Đó là trạng thái của thiền giả đang còn ở trong phạm vi của thức ám.

Cho đến khi sáu căn viên dung, hồ dụng, bảy giờ thân tâm và mười phương thế giới trong sáng như ngọc lưu ly. Đó là hiện tượng biểu hiện của thiền giả đã hết thức ám và vượt qua mạng trược. Bảy giờ tìm xét lại nguồn gốc của mọi mê lầm thì tất cả chỉ là vọng tưởng điên đảo như huyễn hóa chẳng có gì.

A Nan ! Thiền giả hết thức ám vượt qua mạng trược, đã diệt được cái quan niệm sanh diệt nhưng chưa đạt đến cái vui tịch diệt, lục căn của người này thông suốt, cái hiểu biết của họ dung lạng rộng thông cùng 10 loài chúng sanh trong mười phương. Dựa trên sự hiểu biết rộng rãi bao quát đó, họ lập ra cái luận thuyết gọi là "nhân chân thường" và chấp mắc nơi đó nên trở thành bè bạn của Sa tỳ Ca la chấp có Minh đế, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là bọn ngoại đạo thứ nhất chủ trương: có tâm năng đắc và có cái sở qui.

Lại có thiền giả ở trong tam ma đề, tâm tánh sáng suốt rộng rang gần đến chỗ viên mãn, bỗng cảm thấy cảnh đối tượng sở qui mà mình cần phải nương tựa. Rồi tự nghĩ rằng: thân tâm mình từ chỗ kia sanh ra, thập phương hư không và thế giới đều từ nơi thân của mình mà sanh ra, do vậy sa vào cái chấp "năng phi năng", thành bạn bè với bọn Ma hê thủ la, hiện ra thân vô biên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến, đó là loại ngoại đạo thứ hai, lập cái "tâm năng vi"

thành cái quả "năng sự" trái ngược Bồ đề Niết bàn, sanh ra giống Đại mạn thiên, chấp có "cái ta" khắp cùng pháp giới.

Lại có thiên giả, trong tam ma bát đề chuyên chú bổng thấy có chỗ "sở qui", rồi nghĩ thân tâm mình từ chỗ kia sanh ra và cả thập phương hư không cũng từ chỗ kia sanh ra; rồi nhận "cái chỗ kia" ấy là cái thể chân thường không sanh diệt lại chấp cho là thường trú, chẳng những làm tánh bất sanh mà cũng làm cả tánh sanh diệt; cho nên bị rơi vào cái chấp "thường phi thường", thành bè bạn những kẻ chấp có Tự tại thiên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ ba, lập cái tâm nhân y thành cái quả vọng kế, trái với cái nhân Bồ đề Niết bàn sanh ra giống điên đảo.

Lại có thiên giả, định tâm trong sáng, an trú tam ma đề bổng nảy sinh sự hiểu biết khắp cùng và cho rằng: cỏ cây trong vũ trụ cũng vẫn là hữu tình, giống như con người không khác. Rằng cỏ cây làm người, người làm cỏ cây; thế là bị rơi vào cái chấp "tri vô tri" thành bè bạn với bọn Ba tra tiền ni chấp tất cả đều có hay biết, mê muội Bồ đề Phật. Đó là bọn ngoại đạo thứ tư, chấp cái tâm "viên tri", thành cái quả thổ mậu, trái tánh Niết bàn sanh ra giống Đảo tri.

Lại có thiên giả chuyên chú tam ma đề, thân tâm thanh tịnh các căn có thể dùng thay thế cho nhau (lục căn hỗ dụng) bổng dung phát sanh cái ánh sáng của hỏa đại, ưa thích cái tánh thanh tịnh cái tánh sáng của hỏa đại, ưa thích cái tánh thanh tịnh của thủy đại, yêu quý cái chu lưu của phong đại, nghiền ngẫm cái thành tựu của địa đại rồi sùng phụng mỗi

thứ, nhận tứ đại kia là bản thân và cho đó là tánh thường trụ, rơi vào cái chấp "sinh vô sinh", thành bè bạn của bọn Ca diếp ba và bọn Bà la môn đem hết thân tâm thờ lửa, thờ nước để cầu ra khỏi sanh tử. Đó là hàng thiên giả mê muội chánh tri kiến, lầm lạc đường Bồ đề, thuộc hàng ngoại đạo thứ năm, lập cái nhân hư vọng cầu cái quả giả huyền, đi ngược dòng Niết bàn sanh ra giống điên hóa (điên đảo cái lý sinh hóa của hiện tượng vạn pháp).

Lại có thiên giả tự trụ tam ma đề tâm thanh tịnh rộng thông bỗng khởi cái tâm chấp "trống rỗng" phủ nhận sự biến hóa của vạn vật, lấy cái tánh đoạn diệt làm chỗ nương tựa của mình; thế là sa vào cái chấp "Quy vô quy", thành bè bạn với bọn chấp không trong vô tướng thiên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó gọi là bọn ngoại đạo thứ sáu, chìm đắm trong tâm hư vô, lập ra cái quả trống rỗng đi ngược dòng Niết bàn, sinh giống đoạn diệt.

Lại có thiên giả trụ trong tam ma đề tâm được đứng lặng sáng suốt, bỗng khởi lên ý niệm muốn củng cố cái thân, làm cho cái thân trở thành chân tường bất hoại, ý niệm phi chơn lý, khiến cho thiên giả rơi vào cái chấp "tham phi tham", thành bè bạn của A tư đà, một vị Tiên tham vọng trường sanh, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ bảy tham chấp cái mạng căn, lập cái nhân củng cố vọng thân để cầu cái quả kéo dài lao khổ, trái tánh viên thông đi ngược đường Niết bàn, sinh ra giống vọng điên.

Lại có hàng thiên giả trong tam ma đề nghiên ngẫm tánh không của các hành pháp, bỗng khởi tâm muốn giữ trần lao vì sợ trần lao tiêu hết. Bảy giờ thiên giả vận dụng đạo lực hóa hiện tự thân ở Liên hoa cung, thất bảo huy hoàng, cực kỳ tráng lệ; tai hóa hiện ra nhiều gái đẹp xinh để cùng vui hưởng thụ thỏa mãn tâm buông lung. Sự đam mê đó khiến cho hành giả sa vào cái chấp "chân vô chân", thành bè bạn của bọn Tra chỉ la mê muội Bồ đề Phật, mất hết chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ tám, lập cái nhân tà tu thành cái quả xí trần (sợ trần lao bị tiêu hết).

Lại có thiên giả an trú trong xa ma tha tam ma thiên na tham cứu xét tột tánh không của các hành pháp nhưng chưa đạt đến chỗ tịch diệt viên mãn, ở nơi thể viên minh nguồn gốc của sinh mạng sanh ra ý niệm phân biệt cái thô, cái phần chân, phần nguy nghĩa là nhận rõ về khổ đế, đoạn trừ tập đế, cầu chứng diệt đế, thực hành đạo đế. Khi chứng diệt đế rồi, không cầu tiến thêm và bằng lòng cho đó là cái đích cứu cánh sở đắc của mình. Người khởi chấp như vậy gọi là định tánh Thanh Văn, thành bè bạn của Vô văn tăng, vương phải bệnh tăng thượng mạn, mê muội Bồ đề Phật, mất hết chánh tri kiến; đó là bọn thứ chín mong cầu cái tâm ứng nghiệm viên mãn thành cái quả thú tịch diệt, trái với tánh viên thông, ngược lại đường Niết bàn sinh ra hạng người triền không.

Lại có thiên giả ở trong xa ma tha tam ma bát đề, rõ suốt được tánh không của các hành pháp, bảy giờ ở trong tánh giác minh thanh tịnh, phát minh tánh thâm diệu rồi nhận đó

là Niết bàn, không có tâm cầu tiến, thế là sa vào hàng định tánh Bích chi, thành bè bạn của hàng Duyên giác, Độc giác. Nếu trụ ở đây, không phát tâm hướng thượng đại thừa thì mất đi chánh tri kiến, mê muội Bồ đề Phật, trở thành bọn thứ mười họ thành tựu được giác tâm vắng lặng lập ra cái quả trạm nhiên, trái với tánh viên thông, đi ngược đường Niết bàn vô thượng sinh ra một hạng giác ngộ viên minh nhưng không tiêu hóa được cái tánh viên minh sở qui.

A Nan ! Mười thứ thiên na như vậy, người tu hành giữa lúc đang tinh tấn say mê bỗng có thể hóa điên cuồng đăng trí, vì đam mê theo cái vọng kiến trong lúc dụng công. Những cảnh giới, những cái thấy biết trong thiên na chưa phải là cảnh giới tối hậu cần đạt đến. Thiên giả nhận thức sai lầm chỗ chưa đủ cho là đủ, khởi tâm năng đắc, được cảnh sở chứng, tưởng đó là cảnh giới Vô thượng Bồ đề, tự cao tự mãn cho rằng mình đã chứng Thánh quả, mắc tội đại vọng ngữ. Khi nghiệp báo hết rồi phải sa vào địa ngục; còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì không tiến lên được nữa.

A Nan ! Sau Như Lai diệt độ, các ông hãy trân trọng ghi nhớ lời dạy của Phật, đem những pháp môn Như Lai dạy truyền bá, khiến cho chúng sanh đời sau những người phát tâm tu Thiên na biết rõ những cảnh giới hư vọng hiện ra trong lúc tu thiên và những tư duy lệch lạc, những chấp mắc sai lầm cho ngũ ấm ma vọng khởi. Người tu tập thiên na phải luôn luôn đề cao cảnh giác mới tránh khỏi các thứ ma tà kiến ấy nhiều hại mà hoang phí một đời tu. Các ông phải sáng suốt giữ gìn

thân tâm, nắm giữ chánh tri kiến của Phật, từ lúc ban đầu cho đến khi thành tựu, không dễ đi lạc vào các con đường tẻ của ngoại đạo, do làm chấp và đam mê theo vọng cảnh tà kiến bởi sự "che phủ" của các ma ngũ âm.

Các Như Lai trong mười phương đã vận dụng trí tuệ ba la mật, khéo léo vượt qua mà thẳng tiến đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chừng nào thức âm hết rồi thì hiện tiền sáu căn sẽ trở thành hồ dụng, có thể thay thế cho nhau, bấy giờ hành giả sẽ lên bậc kim cương. Càn tuệ Bồ tát. Cái tâm trong sáng tròn đầy được tỏ rõ như mặt trăng dần dặc ảnh hiện trong viên ngọc lưu ly toàn bích. Rồi cứ thế mà vượt lên thứ bậc: thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và thập địa kim cương đạo. Bấy giờ tánh đẳng giác được tròn đầy vào bể Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, viên mãn đạo Bồ đề, về đến chỗ "VÔ SỞ ĐẮC".

Phật bảo ! Này A Nan ! Người chuyên tu xa ma tha tam ma bát đề, đến khi Hành âm hết rồi thì những nguyên nhân luân hồi từ nghiệp thô đến tế gần như bậc hử; với quả giải thoát giác ngộ người này bước đến chẳng còn xa, ví như gà gáy canh năm, nhìn về phương đông đã có hừng sáng ở chân trời. Ở giai đoạn này, thiên giả sáu căn rộng lặng không còn rong ruổi trên cảnh, nội tâm ngoại thân đều trong sáng, thể nhập tánh vô sở nhập. Thấu suốt nguồn gốc của sinh loại. Thấy biết được tánh tổng quát của thế giới, chỉ còn phần tinh vi uẩn chưa tận tường. Đó là trạng thái của thiên giả đang còn ở trong phạm vi của thức âm.

Cho đến khi sáu căn viên dung, hồ dụng, bảy giờ thân tâm và mười phương thế giới trong sáng như ngọc lưu ly. Đó là hiện tượng biểu hiện của thiền giả đã hết thức ám và vượt qua mạng trược. Bảy giờ tìm xét lại nguồn gốc của mọi mê lầm thì tất cả chỉ là vọng tưởng điên đảo như huyễn hóa chẳng có gì.

A Nan ! Thiền giả hết thức ám vượt qua mạng trược, đã diệt được cái quan niệm sanh diệt nhưng chưa đạt đến cái vui tịch diệt, lục căn của người này thông suốt, cái hiểu biết của họ dung lạng rộng thông cùng 10 loài chúng sanh trong mười phương. Dựa trên sự hiểu biết rộng rãi bao quát đó, họ lập ra cái luận thuyết gọi là "nhân chân thường" và chấp mắc nơi đó nên trở thành bè bạn của Sa tỳ Ca la chấp có Minh đế, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là bọn ngoại đạo thứ nhất chủ trương: có tâm năng đắc và có cái sở qui.

Lại có thiền giả ở trong tam ma đề, tâm tánh sáng suốt rộng rang gần đến chỗ viên mãn, bỗng cảm thấy cảnh đối tượng sở qui mà mình cần phải nương tựa. Rồi tự nghĩ rằng: thân tâm mình từ chỗ kia sanh ra, thập phương hư không và thế giới đều từ nơi thân của mình mà sanh ra, do vậy sa vào cái chấp "năng phi năng", thành bạn bè với bọn Ma hê thủ la, hiện ra thân vô biên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến, đó là loại ngoại đạo thứ hai, lập cái "tâm năng vi" thành cái quả "năng sự" trái ngược Bồ đề Niết bàn, sanh ra giống Đại mạn thiên, chấp có "cái ta" khắp cùng pháp giới.

Lại có thiên giả, trong tam ma bát đề chuyên chú bổng thấy có chỗ "sở qui", rồi nghĩ thân tâm mình từ chỗ kia sanh ra và cả thập phương hư không cũng từ chỗ kia sanh ra; rồi nhận "cái chỗ kia" ấy là cái thể chân thường không sanh diệt lại chấp cho là thường trú, chẳng những làm tánh bất sanh mà cũng làm cả tánh sanh diệt; cho nên bị rơi vào cái chấp "thường phi thường", thành bè bạn những kẻ chấp có Tự tại thiên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ ba, lập cái tâm nhân y thành cái quả vọng kế, trái với cái nhân Bồ đề Niết bàn sanh ra giống điên đảo.

Lại có thiên giả, định tâm trong sáng, an trú tam ma đề bổng nảy sinh sự hiểu biết khắp cùng và cho rằng: cỏ cây trong vũ trụ cũng vẫn là hữu tình, giống như con người không khác. Rằng cỏ cây làm người, người làm cỏ cây; thế là bị rơi vào cái chấp "tri vô tri" thành bè bạn với bọn Ba tra tiền ni chấp tất cả đều có hay biết, mê muội Bồ đề Phật. Đó là bọn ngoại đạo thứ tư, chấp cái tâm "viên tri", thành cái quả thổ mậu, trái tánh Niết bàn sanh ra giống Đảo tri.

Lại có thiên giả chuyên chú tam ma đề, thân tâm thanh tịnh các căn có thể dùng thay thế cho nhau (lục căn hỗ dụng) bổng dung phát sanh cái ánh sáng của hỏa đại, ưa thích cái tánh thanh tịnh cái tánh sáng của hỏa đại, ưa thích cái tánh thanh tịnh của thủy đại, yêu quý cái chu lưu của phong đại, nghiền ngẫm cái thành tựu của địa đại rồi sùng phụng mỗi thứ, nhận tứ đại kia là bản thân và cho đó là tánh thường trú, rơi vào cái chấp "sinh vô sinh", thành bè bạn của bọn Ca

diếp ba và bọn Bà la môn đem hết thân tâm thờ lửa, thờ nước để cầu ra khỏi sanh tử. Đó là hàng thiên giả mê muội chánh tri kiến, lầm lạc đường Bồ đề, thuộc hàng ngoại đạo thứ năm, lập cái nhân hư vọng cầu cái quả giả huyền, đi ngược dòng Niết bàn sanh ra giống điên hóa (điên đảo cái lý sinh hóa của hiện tượng vạn pháp).

Lại có thiên giả tự trụ tam ma đề tâm thanh tịnh rộng thông bổng khởi cái tâm chấp "trống rỗng" phủ nhận sự biến hóa của vạn vật, lấy cái tánh đoạn diệt làm chỗ nương tựa của mình; thế là sa vào cái chấp "Quy vô quy", thành bè bạn với bọn chấp không trong vô tướng thiên, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó gọi là bọn ngoại đạo thứ sáu, chìm đắm trong tâm hư vô, lập ra cái quả trống rỗng đi ngược dòng Niết bàn, sinh giống đoạn diệt.

Lại có thiên giả trụ trong tam ma đề tâm được đứng lặng sáng suốt, bổng khởi lên ý niệm muốn củng cố cái thân, làm cho cái thân trở thành chân tường bất hoại, ý niệm phi chơn lý, khiến cho thiên giả rơi vào cái chấp "tham phi tham", thành bè bạn của A tư đà, một vị Tiên tham vọng trường sanh, mê muội Bồ đề Phật, bỏ mất chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ bảy tham chấp cái mạng căn, lập cái nhân củng cố vọng thân để cầu cái quả kéo dài lao khổ, trái tánh viên thông đi ngược đường Niết bàn, sinh ra giống vọng điên.

Lại có hàng thiên giả trong tam ma đề nghiên ngẫm tánh không của các hành pháp, bổng khởi tâm muốn giữ trần lao

vì sợ trần lao tiêu hết. Bảy giờ thiên giả vận dụng đạo lực hóa hiện tự thân ở Liên hoa cung, thất bảo huy hoàng, cực kỳ tráng lệ; tai hóa hiện ra nhiều gái đẹp xinh để cùng vui hưởng thụ thỏa mãn tâm buông lung. Sự đam mê đó khiến cho hành giả sa vào cái chấp "chân vô chân", thành bè bạn của bọn Tra chỉ la mê muội Bồ đề Phật, mất hết chánh tri kiến. Đó là loại ngoại đạo thứ tám, lập cái nhân tà tu thành cái quả xí trần (sợ trần lao bị tiêu hết).

Lại có thiên giả an trú trong xa ma tha tam ma thiên na tham cứu xét tột tánh không của các hành pháp nhưng chưa đạt đến chỗ tịch diệt viên mãn, ở nơi thể viên minh nguồn gốc của sinh mạng sanh ra ý niệm phân biệt cái thô, cái phần chân, phần ngụy nghĩa là nhận rõ về khổ đế, đoạn trừ tập đế, cầu chứng diệt đế, thực hành đạo đế. Khi chứng diệt đế rồi, không cầu tiến thêm và bằng lòng cho đó là cái đích cứu cánh sở đắc của mình. Người khởi chấp như vậy gọi là định tánh Thanh Văn, thành bè bạn của Vô văn tăng, vương phải bệnh tăng thượng mạn, mê muội Bồ đề Phật, mất hết chánh tri kiến; đó là bọn thứ chín mong cầu cái tâm ứng nghiệm viên mãn thành cái quả thú tịch diệt, trái với tánh viên thông, ngược lại đường Niết bàn sinh ra hạng người triền không.

Lại có thiên giả ở trong xa ma tha tam ma bát đề, rõ suốt được tánh không của các hành pháp, bảy giờ ở trong tánh giác minh thanh tịnh, phát minh tánh thâm diệu rồi nhận đó là Niết bàn, không có tâm cầu tiến, thế là sa vào hàng định tánh Bích chi, thành bè bạn của hàng Duyên giác, Độc giác.

Nếu trụ ở đây, không phát tâm hướng thượng đại thừa thì mất đi chánh tri kiến, mê muội Bồ đề Phật, trở thành bọn thứ mười họ thành tựu được giác tâm vắng lặng lập ra cái quả trạm nhiên, trái với tánh viên thông, đi ngược đường Niết bàn vô thượng sinh ra một hạng giác ngộ viên minh nhưng không tiêu hóa được cái tánh viên minh sở qui.

A Nan ! Mười thứ thiên na như vậy, người tu hành giữa lúc đang tinh tấn say mê bỗng có thể hóa điên cuồng đăng trí, vì đam mê theo cái vọng kiến trong lúc dụng công. Những cảnh giới, những cái thấy biết trong thiên na chưa phải là cảnh giới tối hậu cần đạt đến. Thiên giả nhận thức sai lầm chỗ chưa đủ cho là đủ, khởi tâm năng đắc, được cảnh sở chứng, tưởng đó là cảnh giới Vô thượng Bồ đề, tự cao tự mãn cho rằng mình đã chứng Thánh quả, mắc tội đại vọng ngữ. Khi nghiệp báo hết rồi phải sa vào địa ngục; còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì không tiến lên được nữa.

A Nan ! Sau Như Lai diệt độ, các ông hãy trân trọng ghi nhớ lời dạy của Phật, đem những pháp môn Như Lai dạy truyền bá, khiến cho chúng sanh đời sau những người phát tâm tu Thiên na biết rõ những cảnh giới hư vọng hiện ra trong lúc tu thiên na và những tư duy lệch lạc, những chấp mắc sai lầm cho ngũ ấm ma vọng khởi. Người tu tập thiên na phải luôn luôn đề cao cảnh giác mới tránh khỏi các thứ ma tà kiến ấy nhiều hại mà hoang phí một đời tu. Các ông phải sáng suốt giữ gìn thân tâm, nắm giữ chánh tri kiến của Phật, từ lúc ban đầu cho đến khi thành tựu, không dễ đi lạc vào các con đường tử

của ngoại đạo, do lầm chấp và đam mê theo vọng cảnh tà kiến bởi sự "che phủ" của các ma ngũ ấm.

Các Như Lai trong mười phương đã vận dụng trí tuệ ba la mật, khéo léo vượt qua mà thẳng tiến đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chừng nào thức ấm hết rồi thì hiện tiền sáu căn sẽ trở thành hồ dụng, có thể thay thế cho nhau, bảy giờ hành giả sẽ lên bậc kim cương. Càn tuệ Bồ tát. Cái tâm trong sáng tròn đầy được tỏ rõ như mặt trăng dần dặc ảnh hiện trong viên ngọc lưu ly toàn bích. Rồi cứ thế mà vượt lên thứ bậc: thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và thập địa kim cương đạo. Bảy giờ tánh đẳng giác được tròn đầy vào bể Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, viên mãn đạo Bồ đề, về đến chỗ "VÔ SỞ ĐẮC".

*

* *

A Nan ! Những cảnh tượng hiện ra trong lúc tu thiền na, những ý nghĩ rồi sanh khởi sự chấp mắc theo kiến giả của mình lập ra những luận cứ chủ trương: Thần ngã, Minh đế, đoạn, thường, có, không v.v... Tất cả đều gọi chung là "ma sự", vì có tánh chướng ngại, khuấy phá, cản trở bước tiến của người tu thiền. Chẳng những vậy, nó còn có thể chặn đứng lại để rồi bằng lòng với cái tri kiến hạn hẹp, phi chân lý, thành người ngoại đạo hư chầy hạt giống Bồ đề.

Chư Phật Thế Tôn trong quá khứ đã nghiệm xét, phân biệt và đã giác ngộ, chiến thắng với các ma sự mà thắng tiến trên đường Bồ đề.

Sau Như Lai diệt độ. A Nan ! Các ông phải hướng dẫn cho những người tu tập thiền na học hỏi Phật pháp, nhận rõ các ma sự trong lúc tu chỉ quán thì ám ma tự tiêu, thiên ma tự biến, đại lực quý hoảng sợ chạy trốn, ly mị vọng lượng không sanh ra được.

A Nan ! Bản giác vốn tròn sáng không có tướng sanh tử vãng lai. Vọng thì không có nhân. Khi chưa ra khỏi vọng, nhìn vạn pháp cho đó là nhân duyên sanh. Mê tánh nhân duyên thì gọi là tự nhiên có. Nhân duyên đều là những so đo của vọng tưởng. Bản nhân của ngũ ấm cũng là vọng tưởng như vậy.

A Nan ! Thân thể của ông cũng nhân cái tướng của cha mẹ mà sinh. Tâm của ông nếu không phải tướng thì không thể đến gá cái mạng vào trong tướng. Như Lai đã từng nói: Tâm tướng vị chua, trong miệng nước bọt chảy ra, tâm tướng leo cao trong lòng bàn chân nghe ghê rợn. Độc cao không có, vậy chua chưa đến, thân thể của ông nếu không phải cùng loại với vọng tưởng thì làm sao nhân nghe nói chua trong miệng nước bọt lại chảy ra ? Vậy nên biết rằng sắc thân hiện tiền của ông gọi là vọng tưởng kiên cố thứ nhất.

Ngay nơi tâm tướng tượng leo lên cao, có thể khiến thân ông chịu sự ghê rợn, đó là nhân "cảm thọ" mà sinh ra, khiến xúc

động đến sắc thân - Nên biết rằng hiện nay hai thứ "thọ", thọ sung sướng hoặc "thọ" ghê sợ, đang rong ruổi nơi ông, đó là vọng tưởng "hư minh" thứ hai.

Do ý nghĩ sai khiến sắc thân ông, nếu sắc thân không phải cùng loại thì làm sao sắc thân ông lại theo ý nghĩ sai khiến thọ nhận các thứ hình tượng rồi sinh tâm chấp nhận những hình tượng phù hợp với ý nghĩ ! Cái ý nghĩ lúc thức gọi là tưởng, ý nghĩ lúc ngủ thì gọi là mộng. Những vọng tánh lay động mộng tưởng của ông gọi là vọng tưởng hư dung thứ ba.

Sự chuyển hóa không ngừng thâm dòi dòi: móng tay ra, tóc dài, khí lực mòn, da mặt nhăn, ngày đêm biến đổi mà không hay biết.

A Nan ! Nếu cái đó không phải là ông thì làm sao thân ông lại thay đổi, nhưng nếu những thứ đó là ông thì sao ông không hay biết ? Vậy các "hành" niệm niệm không dừng của ông, gọi là vọng tưởng uẩn thứ tư.

Chỗ tinh minh đứng lặng không lay động của ông gọi là thường còn, trong khi thân ông không ra ngoài những sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu "cái thường còn" đó, thật là tánh tinh chân của ông thì lẽ ra nó sẽ không huân tập tiếp thu những điều vọng và nếu vậy thì sau những năm về trước ông đã xem thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến, về sau tình cờ gặp lại vật là đó thì nhớ lại rõ ràng ? Vậy nên biết rằng cái tánh tinh minh đứng lặng đó, từng niệm, từng niệm chịu huân tập không thể tính lường hết được. A

Nan ! Nên biết cái tánh đứng lặng đó không phải thật, như nước chảy gấp mà trông như đứng lặng vậy thôi, chớ không phải không chảy. Nếu cái tánh đứng lặng của ông không phải vọng tưởng thì đâu lại chịu để vọng tưởng huấn tập vào. Chừng nào mà sáu căn của ông chưa được tự tại, hợp, ly dùng thay lẫn nhau thì cái vọng tưởng đó không lúc nào diệt được. Vậy nên biết rằng cái tập khí quán xuyên, điều khiển những điều thấy, nghe, hay, biết của ông, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế huyền hóa rộng rộng thứ năm.

A Nan ! Năm ấm đó do năm thứ vọng tưởng như thế mà tạo thành. Nay ông muốn biết giới hạn, sâu cạn thì hãy ghi nhớ các tiêu chuẩn nhận thức như vậy:

Sắc và không là biên giới của sắc ấm. Xúc và ly là biên giới của Thọ ấm. Nhớ và quên là biên giới của Tưởng ấm. Diệt và sinh là biên giới của Hành ấm. Đứng lặng hợp với đứng lặng là biên giới của Thức ấm.

Năm ấm ấy trùng điệp sanh khởi. Sanh nhân thức ấm mà có. Diệt từ sắc ấm mà trừ. Lý thì ngộ liền, nhân ngộ mà tất cả vọng tưởng đều tiêu. Sự không thể trừ liền, theo thứ lớp mà diệt.

A Nan ! Như Lai đã chỉ cho ông về cái gút của khăn kiếp ba la đã quá rõ ràng, ông còn hỏi lại chi nữa ! Tâm ông cần phải thông suốt cội gốc vọng tưởng đó. Rồi đem truyền dạy cho người tu hành hậu thế khiến cho họ biết vọng tưởng là vọng

đề sanh tâm nhằm chán, và biết có Niết bàn mà không lưu luyến ba cõi.

III - PHẦN LƯU THÔNG [^]

Phật bảo: A Nan ! Giả sử có người đem thất bảo đầy ngập hư không cùng khắp mười phương dâng cúng chư Phật nhiều như số vi trần, mà tâm không lúc nào xao lãng, ý ông nghĩ thế nào ? Người đó do nhân duyên cúng dường Phật như thế, phước đức có nhiều chăng ?

Ông A Nan thưa ! Bạch Thế Tôn ! Hư không vô tận, trân bảo không cùng. Như lời Phật dạy, ngày xưa có chúng sanh cúng Phật chỉ có bảy đồng tiền, vậy mà khi xả thân còn được phước báo làm chuyển luân vương, huống nữa trân bảo vô lượng, cúng dường chư Phật vô lượng khắp mười phương thì dùng trí mà suy nghĩ cùng tột, ước kiếp không thể thâu được, vì phước đức ấy không có ngần mé !

Phật bảo: A Nan ! Chư Phật Như Lai lời nói không hư vọng, giả sử có người gây đủ các tội: Tứ trọng, thập ác, giây lát phải trải qua địa ngục A tỳ phương này sang phương khác cho đến cùng khắp các địa ngục vô gián trong mười phương, nhưng nếu người đó cùng một niệm đem pháp môn này truyền bá cho người chưa học trong đời sau thì tội chướng người đó liền được tiêu hết, biến cái nhân phải chịu khổ ở địa ngục thành cái nhân sanh về cõi an lạc. Niết bàn, được phúc vượt hơn người bố thí cúng dường trước kia trăm ngàn

lần, muôn ức vạn lần cho đến không thể dùng toán số so sánh, không thể có ngữ ngôn nói hết được.

Đức Thế Tôn nói kinh này rồi, các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, tất cả Trời, Người, A tu la, các vị Bồ tát, Nhị thừa, Thánh Tiên, đồng tử và các đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng lễ Phật mà lui.

- HẾT -

--- oOo ---

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH **TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Pháp Sư Thích Từ Thông

PHẦN PHỤ LỤC

QUẢ VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN của Như Lai chỉ là kết quả của quá trình đấu tranh với dục vọng và chiến thắng hoàn toàn bọn giặc cướp phiền não vô minh.

I. Muốn hiểu Niết Bàn trước hết cần điều chỉnh những quan niệm ngộ nhận về Niết bàn.

II. Hiểu đúng nghĩa Niết bàn mới tìm thấy và biết được Niết bàn.

III. Niết bàn không phải là một cảnh giới dành để cho một hạng người.

I. - MUỐN HIỂU NIẾT BÀN TRƯỚC HẾT CẦN ĐIỀU CHỈNH NHỮNG QUAN NIỆM NGỘ NHẬN VỀ NIẾT BÀN [^]

Niết bàn là một mục tiêu cần đạt đến của người đệ tử Phật hiểu học, ham tu. Ngộ nhận Niết bàn cũng tức là ngộ nhận mục tiêu mà mình muốn đến. Cho nên người đệ tử Phật muốn hiểu Niết bàn, trước hết cần điều chỉnh những quan niệm ngộ nhận Niết bàn.

* Có người quan niệm Niết bàn là một cảnh giới cách xa với quả địa cầu mà con người đang sanh sống.

Đức Phật và các hàng đệ tử Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát đều có được Niết bàn ở trên mặt đất này. Điều đó nói rất rõ: Rằng Niết bàn không phải là một cảnh giới ở xa.

* Có người hiểu Niết bàn là cảnh giới siêu nhiên, cảnh giới đó không có không gian và thời gian.

Hiểu như vậy thật rất lạ kỳ ! Không có không gian, không có thời gian thì sao gọi là "cảnh giới" nhỉ ! Cho nên Niết bàn không phải là "cảnh giới" lạ kỳ đó.

Có người quan niệm rằng: Niết bàn là cảnh giới tuyệt đối. Không thể dùng trí của con người mà khái niệm.

Nói như vậy nghe không ổn. Không thể dùng trí của con người khái niệm, vậy "cảnh giới tuyệt đối Niết bàn đó có" để

làm gì ? Nó sẽ phục vụ cho ai, khi con người không thể khái niệm ?

Tệ hơn hết là hạng người cho rằng Niết bàn vẫn còn dục vọng ái ân, tình tứ cho nên họ vắt óc nặn ra cái quái thai "Niết bàn rục cháy" với cốt truyện nhớ nhần, dụng ý bôi bác Niết bàn Phật.

Đó là những nhận thức sai lầm đã có, đang có và mãi mãi sẽ còn có.

II. - HIỂU ĐÚNG NGHĨA NIẾT BÀN MỚI TÌM THẤY VÀ BIẾT ĐƯỢC NIẾT BÀN [^]

Niết bàn không phải là một cảnh giới, bất cứ với dạng cảnh giới nào.

Niết bàn sẽ không có ở đâu hết, nhưng Niết bàn cũng sẽ ở tất cả mọi nơi chốn. Niết bàn có, hay không có, tùy thuộc ở con người, chứ không do cảnh Niết bàn có, hay không có.

Bởi vì, Niết bàn là gì ?

Niết bàn là dịch âm của chữ NIRVANA, chữ Phạn. Với cái âm NIRVANA cho nên có nhà Phật học dịch là Niết bàn na.

Ý nghĩa của chữ Niết bàn, luận Bà Sa định nghĩa:

NIẾT có nghĩa là ra khỏi. BÀN có nghĩa là rừng ngũ uẩn. Ra khỏi rừng ngũ uẩn là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là dật. Không dật thêm phiền não là có

Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là hậu hữu. Không còn hậu hữu là có Niết bàn.

NIẾT là xa lìa. BÀN là ràng buộc. Xa lìa sự ràng buộc là Niết bàn.

NIẾT là vượt qua. BÀN là khổ nạn. Vượt qua hết khổ nạn là Niết bàn.

Theo Kinh Đại Niết Bàn định nghĩa:

NIẾT là không. BÀN là phiền não che chướng. Không phiền não che chướng là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là tham tài. Không tham tài là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là tham sắc. Không tham sắc là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là tham danh. Không tham danh là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là tham lợi. Không tham lợi là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là sân nộ. Không sân nộ là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là si ám. Không si ám là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là mạn. Không mạn là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là do dự trước lẽ phải, điều thiện. Không do dự trước lẽ phải, điều thiện là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là nhận thức sai chân lý. Không nhận thức sai chân lý là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là phẫn nộ. Không phẫn nộ là Niết

bàn.

NIẾT là không. BÀN là hờn mát. Không hờn mát là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là che dấu tội lỗi. Không che dấu tội lỗi là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là rầu rĩ. Không rầu rĩ là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là ganh ghét. Không ganh ghét là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là keo kiết. Không keo kiết là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là lừa đảo. Không lừa đảo là Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là dua nịnh. Không dua nịnh là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là hãm hại. Không hãm hại là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là kiêu căng. Không kiêu căng là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là không biết tự hổ với lương tâm.

Không có cái tánh không biết tự hổ với lương tâm là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là không biết nhục trước người khác.

Không có tánh không biết nhục trước người khác là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là hốp tốp, vội vã. Không hốp tốp, vội vã là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là ám độn, đờ đẫn. Không ám độn, đờ đẫn là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là không có đức tin. Không có cái

không có đức tin là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là lừa dối. Không lừa dối là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là buông lung ba nghiệp. Không buông lung ba nghiệp là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là quên hết, đầu óc trống rỗng. Không có quên hết, đầu óc trống rỗng là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là nghĩ ngợi lăng xăng. Không nghĩ ngợi lăng xăng là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là hiểu biết không đúng. Không hiểu biết không đúng là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là mừng thái quá. Không mừng thái quá là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là giận. Không có giận là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là thương thái quá. Không thương thái quá là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là sợ sệt. Không sợ sệt là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là yêu thái quá. Không yêu thái quá là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là ghét. Không ghét là có Niết bàn.

NIẾT là không. BÀN là ham muốn. Không ham muốn là có Niết bàn.

Lại nữa, chữ Niết bàn còn được dịch là: VIÊN TỊCH, DIỆT ĐỘ, BÁT SANH, TỊCH DIỆT, AN LẠC, GIẢI THOÁT.

VIÊN TỊCH có nghĩa là vô lượng công đức lành đều viên mãn, vô lượng phiền não đều vắng lặng.

DIỆT ĐỘ có nghĩa là diệt hết mọi người nguyên nhân sanh tử, ưu bi, khổ não, và vượt qua các khổ não, sanh tử, ưu bi ấy.

BÁT SANH nghĩa là thể nhập được chân lý bất sanh của hiện tượng vạn pháp.

TỊCH DIỆT có nghĩa là đã diệt hết cái quan niệm sanh diệt của hiện tượng vạn pháp.

AN LẠC nghĩa là luôn luôn ở trong trạng thái tịnh lạc khinh an.

GIẢI THOÁT có nghĩa là cởi bỏ hết phiền não, xa lìa hết các buộc ràng.

NIẾT BÀN có nhiều ý như vậy. Tuy nhiên, ý nghĩa của Niết bàn dù diễn đạt chi li hay súc tích khái quát, người đệ tử Phật vẫn hiểu đó là đức GIẢI THOÁT trong ba đức: PHÁP THÂN, BÁT NHÃ và GIẢI THOÁT của một đấng Thế tôn.

III. - NIẾT BÀN KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CẢNH GIỚI DÀNH ĐỂ CHO MỘT HẠNG NGƯỜI [^]

Như ta đã biết, Niết bàn chỉ là kết quả của sự đấu tranh và chiến thắng. Mà đấu tranh thì có thể tích cực hoặc chưa tích cực. Chiến thắng cũng có thể toàn diện hoặc cũng có thể còn đang trên đà chiến thắng. Do vậy mà quả Niết bàn có bốn bậc khác nhau.

1/- TỰ TÁNH BẢN LAI THANH TỊNH NIẾT BÀN

Giáo lý của đạo Phật dạy rằng: Tự tánh của con người vốn thanh tịnh. Tánh thanh tịnh đó được gọi là Niết bàn. Và Niết bàn chính là cái tự tánh bản lai thanh tịnh đó.

Phật dạy rằng: Con người có thể có phiền não, bị phiền não tác động hoành hành, khi con người mất tự chủ, quên cảnh giác đối với cái tâm tánh thanh tịnh vốn có của mình. Dù vậy phiền não có đến rồi phải đi, ví như khách, tung lên rồi phải lắng xuống, ví như trần. Phiền não đối với tự tánh bản lai thanh tịnh Niết bàn của con người, chúng chỉ là thứ "khách trần" mà thôi.

2/- HỮU DUY NIẾT BÀN

Do công phu tu tập, đấu tranh với dục vọng, hóa giải từng phần lượng phiền não vô minh mà có được Niết bàn, tức là có được sự thanh tịnh tự thân tâm, sự khinh an, giải thoát mọi khổ đau, ràng buộc trong cuộc sống của đời mình. Được sự khinh an, giải thoát của Niết bàn mà cái thân hữu lậu hãy còn vẫn là chỗ sở y cho dòng sinh mệnh, gọi đó NIẾT BÀN HỮU DUY Y.

3/- VÔ DUY NIẾT BÀN

Diệt phiền não vô minh, chiến thắng liệt oanh với dục vọng, hiện đời đã được Niết bàn, các nguyên nhân hữu lậu ở đời sau cũng cắt đứt và cái thân sở y của dòng sinh mệnh cũng chết mất đi không còn hiện hữu, gọi đó là NIẾT BÀN VÔ DUY Y.

4/- VÔ TRỤ XỨ NIẾT BÀN

Thứ Niết bàn này ở mọi chốn nơi, ở mọi hoàn cảnh, ở ngay trong sanh tử mà không rời Niết bàn.

Người nhị thừa, tức hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ chiến thắng được "phiền não chướng" mà có được Niết bàn, cho nên ham trụ Niết bàn mà chán sợ sanh tử.

Phật quả, ở địa vị Phật chiến thắng hoàn toàn "phiền não chướng" và tiêu trừ tận gốc rễ "sở tri chướng". Cho nên dùng Phật nhãn mà quan sát thì: phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn. Vì Niết bàn ở trong sanh tử cho nên ở trong sanh tử làm lợi lạc chúng sanh mà không chánh sanh tử, cũng không ham trụ Niết bàn, gọi đó là NIẾT BÀN VÔ TRỤ XỨ.

Qua nhận thức trên ta thấy Niết bàn chỉ là kết quả của quá trình đấu tranh với dục vọng và chiến thắng từng phần đối với những thứ giặc phiền não vô minh. Chừng nào diệt trừ tận gốc rễ phiền não, chiếu phá hoàn toàn sạch hết bóng tối vô minh thành tựu quả Đại Giác. Thế Tôn, bấy giờ mới long trọng tuyên bố: Rằng Như Lai đã chứng đắc QUẢ NIẾT BÀN VÔ THƯỢNG.

Viết tại HUỲNH MAI TỊNH THÁT
Ngày 20 tháng 12 năm 1990
THÍCH TỪ THÔNG

--- o0o ---

Mục lục

Mục lục tập 01 | chương 1 | chương 2 | chương 3 - chương
3a

Mục lục tập 02 | chương 4 | chương 5 | chương 6

Mục lục tập 03 | chương 7 | chương 8 | chương 9 | chương
10 |

Phụ lục

| Thư Mục Tác Giả |

--- o0o ---